TUẦN SAN VIỆT-NAM

ĐỌC ĐỂ PHỔ-THÔNG CHÂN-LÝ

ẤN-PHẨM GIÁO-DỤC HỮU-ÍCH

"CẦN HỌC" ĐẶC-SAN GIÁO-KHOA

TOÀ SOẠN : 50 đường Pellerin Saigon

Ngân-phiếu và thư từ mua dài hạn xin gởi cho ông quản-lý NGÔ-VĂN-THANH. 50 đường Pellerin Saigon

Bài vở và các việc biên soạn xin gởi cho ông NGUYỄN-QUỐC-ĐỐNG

Đặc san giáo-khoa dạy từ ban tiểu.học đến trung.học và các khoa phổ.thông

CUỘC THI ẢNH HÀNG TUẦN

XIN MỜI : Cô nữ.học.sinh trường Gia.long có dấu vòng, lại tòa soạn CẦN HỌC lãnh 1 cuốn Tự.điển Đào.văn.Tập đáng giá 140 và 50 tờ giấy thấm đáng giá 150

Kỳ thi thứ nhứt

Để giúp vui các bạ đọc trong các giới họ sanh, công chức, công nhân. các bạn tự họ hàng tuần, chúng tôi mỗ tuần tổ chức một cuộc chụp ảnh các trường học công sở, ngoài đường v.v rồi đem về cho một nhó năm em nhỏ vô tư lựa mộ bạn rồi vòng một vòng Bạn ấy sẽ được lần thưởng ngay các vật c CẦN HỌC tặng bác. H bạn nào mà nhận thấ hình của mình có vòn thì cứ xem ngay 'ời giải dưới mà đến bộ biên tậ lãnh thưởng không m điều kiện gì bắt buộc.

Làm việc ấy, chúng t rất được nhiều nhà xu bản, nhà sách ho nghinh và tặng rất nhi sách. Danh sách các nh ấy sẽ công bố mỗi tuần k đăng kết quả các cu thưởng.

Hãy đọc, cổ động và truyền - bá cho CẦN HỌC được phổ thông.

GIÁ MUA BÁO DÀI HẠN

CHÚ Ý: Ngay khi đóng tiền , mỗi độc giả mua dài hạn được biếu từ 25 đến 50 tờ giấy thấm lớn và các sách « loại Thanh Niên » Xin nhớ hỏi mà lấy.

Saigon—Cholon—Giadinh				Lục-tỉnh và Trung B	
12 tháng	50	số	200$	12 tháng	220
6 «	25	«	110	6 «	125
3 «	12	«	55	3 «	65

Ngân-phiếu xin đề: ông Ngô văn-Thanh
50 đường Pellerin - Saigon

NGỎ CÙNG BẠN ĐỌC

98185

Quí bạn,

Năm năm khói lửa trôi qua, sức tranh-đấu của dân-tộc cũng như các bạn học sanh và tự học đã nỗ-lực tiến-triển trên con đường văn-hóa, toàn dân đều nhận thấy chân giá-trị tinh thần như ngày nay, từ ải Nam - Quan đến múi Cà-Mau to lớn là dường nào !

Đó là một sự vui mừng rạng rỡ của người dân nước, mấy năm gần đây mà ai nấy đều có quyền tự-hào. Song le, đường còn dài, tương lai còn lắm nỗi khó khăn, thì lịch trình tiến hóa càng nên chú-trọng thêm ở căn-bản văn-hóa, các nhà xuất-bản, các báo-chí giáo-khoa đã lần lượt mở những cánh cửa cao rộng ấy.

Theo đó, trong các năm vừa qua, đứng chủ-trương tờ HỌC-BÁO, một ngọn đuốc tiên-phong có ảnh-hưởng lớn và rất được hoan-nghinh ở toàn cõi Việt-Nam, chúng tôi đã nỗ-lực theo bản-năng của chúng tôi. Vì hoàn-cảnh mà phải ngưng mất một ít lúc và sau khi bao nhiêu tạp chí giáo-khoa khác đã vắn số. Hôm nay chúng tôi, một nhóm kỹ-thuật-gia, kỹ sư, giáo-sư và văn gia ở trong nước và ngoài nước đứng lên chủ-trương tập «CẦN HỌC» nầy, ngoài ý-nghĩa cung-đốn một dụng-cụ bổ-ích cho tinh-thần quí bạn.

Dụng-cụ ấy, nói tóm lại, là một tủ sách « bỏ túi », chứa rất nhiều mục mà quý bạn có thể nhờ đó trau dồi thêm sự học-vấn một cách dễ dàng.

Tập « CẦN HỌC » nầy, bởi vậy. rất ích lợi cho các phụ-huynh dùng dạy dỗ con em và dùng nó như một ông giáo trong nhà. Đến cả các bạn tự học, các bạn học-sanh, các công-chức, thợ thuyền. muốn tiến trên con đường học hỏi thì tập Cần-Học là một người bạn đường đáng quí

Sách chia ra lâm ba phần :

I. — Phần Giáo-khoa từ lớp Nhứt tiểu-học lên đến ban Tú Tài.

II. — Phần Quảng-bác là phần học phổ-thông.

III. — Phần Giải - trí là phần điều luyện tinh-thần bằng cách vui, hay và ích-lợi thiết-thực cho học vấn.

Với chủ-trương trên đây chúng tôi trông mong các bạn hoan-nghinh và xin các bậc cao minh chỉ giáo và chấn-chỉnh giúp cho.

Riêng về chúng tôi nguyện xin mỗi ngày mỗi tiến để đền đáp tấm - thịnh tình của Quý Bạn.

Thay mặt bộ Biên tập « CẦN HỌC »

THIẾU-LĂNG-QUÂN

LE FRANÇAIS AU C. E. P.

(COURS SUPÉRIEUR P. E.)

DICTÉE

Un singulier médecin.

Il était le maire du villaje, et sa science le rendait fort utilc à son pays d'autant qu'il exerçait sans rétribution aucune. Il était de si grand cœur qu'il n'était point de nuit noire et orageuse, point de chaud, de froid, ni d'heure indue qui l'empêchassent de courir, souvent fort loin, par des chemins perdus, pour porter du secours dans les chomières. Son dévouement et son désintéressement étaient vraiment admirables. Mais comme il fallait qu'il fut ridicule autant que sublime en toutes choses, il poussait l'intégrité de ses fonctions jusqu'à battre ces malades quand ils revenaient guéris lui apporter de l'argent. Il n'entendait pas plus raison sur le chapitre des présents, et je l'ai vu dix fois faire dégringoler l'escalier à des pauvres diables, en les assomant à coups de canards, de dindons et de lièvres apportés par eux en homage à leurs sauveurs. Ces braves, humiliés et maltraités, s'en alaient le cœur gros, en disant «Est il méchant, ce brave cher homme !» Quelques-uns ajoutaient en colère : « En vois là un que je tuerai s'il ne m'aurait pas sauvé la vie ! ».

GEORGES SAND

CORRIGÉ

I.— Relevez les fautes d'orthographe.
II.— Relevez les fautes de grammaire et dites pourquoi.

RÉPONSES

I.— Le maire du **vilaje** : le maire du **village**
Porter du secours dans les **chomières** : porter du secours dans les **chaumières**.
Jusqu'à **batre ces** malades : jusqu'à **battre ses** malades.
En les assomant à coups de,...: en les assommant à coups de
Apportés par eux en homage à...: apportés par eux en **hommage** à...
S'en **alaient** le cœur gros : s'en **allaient** le cœur gros
En vois là un : en voilà un.
II.— D'autant qu'il exerçait : d'autant qu'il l'exerçait (**l'** : **la**, pronom personnel remplaçant **science**)
Qu'il **fût** ridicule : qu'il **fût** ridicule (Dans une phase qui exprime la condition, la proposition principale étant à l'imparfait, celui de la subordonnée doit être au
A **leur sauveurs** : à **leur sauveur**) Ici, il n'y a qu'un seul sauveur : le médecin)
Que je **tuerai** : que je **tuerais** (Ici marque une supporsition, une intention indéfinie)

Chuyện ngắn học-sinh

CON MA XANH

của Nguyễn.vạn.An

Án mạng không thủ phạm

CHÂU-sơn-Vương một buổi chiều mùa đông, cảnh trời ảm đạm, khí núi bốc ra nặng nề lạnh ngắt lại thêm ơi sương tỏa ra mịt mù khiến người ứng cách nhau không xa mấy củng hó nhận thấy nhau.

Trong cái cảnh tượng lạnh lùng và ó vẽ huyền-bí ấy người ta phải tưởng rọng đến sự nước độc ma thiêng đã ày diễn ra lắm kỳ hình quái trạng.

Đứng trên một ngọn đồi cây cỏ rm m rậm rạp, xa trông như một khu ng con. biệt thự của quan Châu-Cư, ày nay chỉ đành bỏ hoang hủy,không ột ai dám bèn mãng đến. Ở biệt-thự ỉ còn một người đầy tớ tâm phúc cũa an Châu-cư tên là Nùng ở đó trông m. Nùng là một tên đầy tớ trung ành táo bạo, từ khi ông Châu chết mà chết củng vì cái biệt thự ấy. ăng không nở bỏ cái biệt thự mà ăng thường nói là một cái di - tích ng kỷ niệm cũa đời Nùng, một cuộc i đã từng được chịu ơn ông Châu t cách sâu xa mà Nùng không còn nào để trả ơn lại được.

Ngày nay cái biệt thự ấy là một n chốt cho những câu chuyện ma quỷ hiện hình, những câu chuyện dị kỳ huyền hoặc, hễ ai nghe nói đến hai chữ « biệt thự » củng đủ sởn gai ốc ren người rồi, Nhân dân quanh vùng ấy một ngày một rời xa chỗ đó. Sự đó không phải là không có cớ, vì sự chết lạ lùng bí mật của quan Châu ai củng biết nó thường là những câu chuyện « tráng miệng » sau những bữa cơm của những người tò-mò ưa nghe những chuyện ma quỷ huyền hoặc.

Năm ấy, sau khi ông Châu đi vắng xa một dạo, lúc về bèn sửa soạn cái biệt thự có vẻ « Văn - minh » hơn. Ngoài những cách trần-thiết tỉ mỷ ở phòng khách,trong phòng ngủ ông Châu đều cho quét một lượt sơn xanh do chính ông pha chế lấy. Ông ưng cái màu ấy lắm vì nó là một cái màu hợp với cái ánh đèn êm dịu của phòng ngủ. Cái màu ấy ăn hợp với ánh đèn làm cho người ta không dứt mắt và có thể tưởng tượng như cảnh một đêm trăng...

Nhưng lạ thay, từ đó ông Châu người cứ gầy mòn dần mà những đêm ngủ của ông Châu chỉ là những đêm trằn trọc mê hoảng, chưa đầy một tháng người ông khác hẳn đi, như sau khi bị một cơn đau nặng. Thuốc men

tuy có uống nhiều nhưng bịnh lại càng ngày càng nặng hơn. Có người đã khuyên ông Châu nên dời tạm đi nơi khác, vì nghi nhà ấy có ma, nhưng ông Châu là người rất ghét sự mê-tín dị-đoan, nhất định không chịu, tin rằng số mệnh sống chết là ở tự trời.

Rồi một đêm kia, người nhà nghe thấy một tiếng rú lên lạ lùng khủng-khiếp phát tự trong buồng ông Châu ra, khi chạy vào thì chỉ kịp nghe thấy mấy tiếng não nùng đau đớn của ông Châu kêu lên : Ma ! Ma ! con ma nó đè chết tôi !... Rồi ông rầy rụa miệng đổ máu ra mà tắt nghỉ...

Câu chuyện khủng-khiếp ấy đồn đại đi, một tới mười, mười tới trăm, người còn bày vẽ thêm vào câu chuyện cho có vẽ ghê sợ hơn nữa, mà cái biệt-thự của ông Châu sau đó một năm còn là một cảnh đồn hoang:..

Thỉnh thoảng cũng có một hai người táo tợn tò mò vào ngủ trong cái phòng xanh của ông Châu xem, thì phần nhiều chỉ có chết chứ không mấy người sống sót.

Trong biệt thự cái phòng ngủ của ông Châu thành ra một nơi cung cấm, không còn ai dám dại dột mà dây vào thân chết nữa.

* * *

Một người về...

Những khi đêm tối vắng vẻ, trên đồi chỗ biệt thự của ông Châu thường còn có những ánh lửa lạ lùng nó bay chập chờn trên những ngọn cây, trên nóc nhà, rồi lại biến mất. nhân dân có việc đêm hôm đi qua đấy thường thấy như thế...

* * *

(*Còn nữa*)

BỨC THƠ HỌC-SINH

(*Tiếp theo*)

Một bức thơ sau, mong chị cho biết rõ về vấn đề nầy với các nguồn dư luận của chị giới nếu có thể. Rất nóng lòng đợi tin chị.

Chúc chị an vui tiến triển trong ngành luật học và giúp ích cho nền văn hoá nước nhà.

Người bạn gái thân yêu trên một ghế nhà trường

TÔ-THỊ KIỀU-LIÊN

LỜI TOÀ SOẠN : Bức thơ trên đây có một ý nghĩa thiết thực về thuần phong mỹ tục nước nhà và là một vấn đề rất hợp thời đối với các em học sinh. Vì vậy chúng tôi xin đăng nguyên văn búc thơ ấy lên và mong các bạn nam nữ học sinh, các phụ huynh và các bậc cao minh chỉ biết ý kiến. Tập Cần Học rất trông mong và hoan nghinh kiến thức của quý bạn.

TRANG GIẢI TRÍ

Ô CHỮ

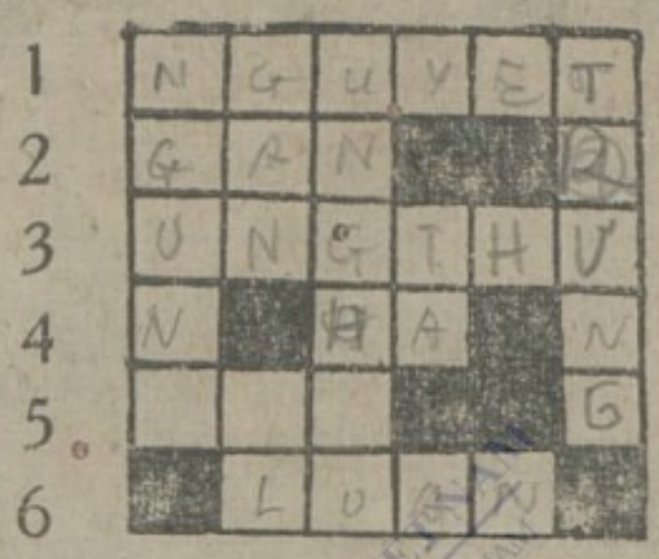

HÀNG NGANG: 1.—Tiếng Hán việt: mặt trăng. 2.— Trái với nhát E. Một chữ cái mà tiếng Bắc đọc lộn là d. 3 — Mụt trong ruột 4.— Không xẹo —E một chữ cái mà tiếng Bắc đọc lộn la L. 5.— Đem thế vào —6. B trái với bình yên.

HÀNG ĐỨNC: a) Ngu...ng cũng được. b) Tiếng Nam nói là điên điên. c) Còn lại —C3— Một thứ kim khí —D1— chữ cuối vần —D3— Tiếng gọi văn phòng ngày trước —D6—chữ trước chữ Mê. d) Chữ E có nón —Đ2— chữ sau chữ cái C—Đ6—Chữ cái chót. e) Một họ đàn bà cách mạng trước nhứt ở Việt Nam.

TRẢ LỜI:

Nguyệt-Can-R-Ung thư
Ngay-N-Can-G-Nguy
Ngung-gàn gàn-un-gang
Y-Y-T-U-E-H-Y-Trung

Danh sách Quí Bạn mua dài hạn :

1 năm

Ô. Ng ng-Lưu, S. Com. Lao Vienticne
M. Gélot, DrService Inmigration, Saigon
Ô Mac Phsu, Bd Ohier, Phnom Penh
Cô Tr t-Phụng, Nữhọc inh trường Gialong
Bà Đinh-t-Lang, 99 Bd Charner Saigon

6 tháng

Cô Ng t-Nhàn, 41bis d. Dessert Cânthơ
Cô Huynh huyền-Bạch, 63R.Colonialen°1

—Nghe nói anh đi học hết chữ Tàu chữ Tây, chữ Anh, vậy viết dùm tôi câu nầy : Lê xanh xanh đờ lước. xanh, vông tô xanh "
—Câu gì mà kỳ lạ vậy ?...
— Bài đíc tê fờ răng xe đó !
. . . . ! . . . . . !
— Thật là dốt ! Ấy là câu :
—« Les cinq saints, de leur seing. vont au sein ! » ... đó mà

TRƯỜNG NỮ-HỌC GIA-ĐỊNH

Bức ảnh nầy chụp trong đám tang em bé Lê Thị Kim HAO, mệnh chung trong một tai nạn rủi ro ngày 4.3.50. Vậy xin cô em có đánh dấu vòng trên đây lại CẦN HỌC, lảnh thưởng bộ 1 Học Báo từ số 1 đến 20 trị giá 80 $ và 30 tờ giấy chấm trị giá 90.$

TRANH THỨ NHẤT: NGUỒN GỐC DÂN TỘC VIỆT-NAM

THEO CÁC NHÀ SỬ-HỌC THÌ VÀO KHOẢNG THẾ-KỶ THỨ 40 CÓ MỘT GIỐNG NGƯỜI KHỞI-NHỦY TỪ XỨ TÂY-TẠNG TRÀN XUỐNG MIỀN ĐÔNG NAM Á-CHÂU

TIẾN ĐẾN GẦN VEN BIỂN MÀ CHIẾM ĐẤT, LẬP DÂN, KHAI PHÁ LÀM ĂN NGHỀ RUỘNG VÀ CHÀI LƯỚI, LẬP THÀNH GIỐNG DÂN GIAO-CHỈ.

HỌ Ở VÀO KHOẢNG ĐẤT PHIÊN-NGUNG, QUẾ-LÂM, TƯỢNG-QUẬN, TỨC LÀ QUẢNG-ĐÔNG, QUẢNG-TÂY MỘT PHẦN VÂN-NAM VÀ BẮC-VIỆT NGÀY NAY.

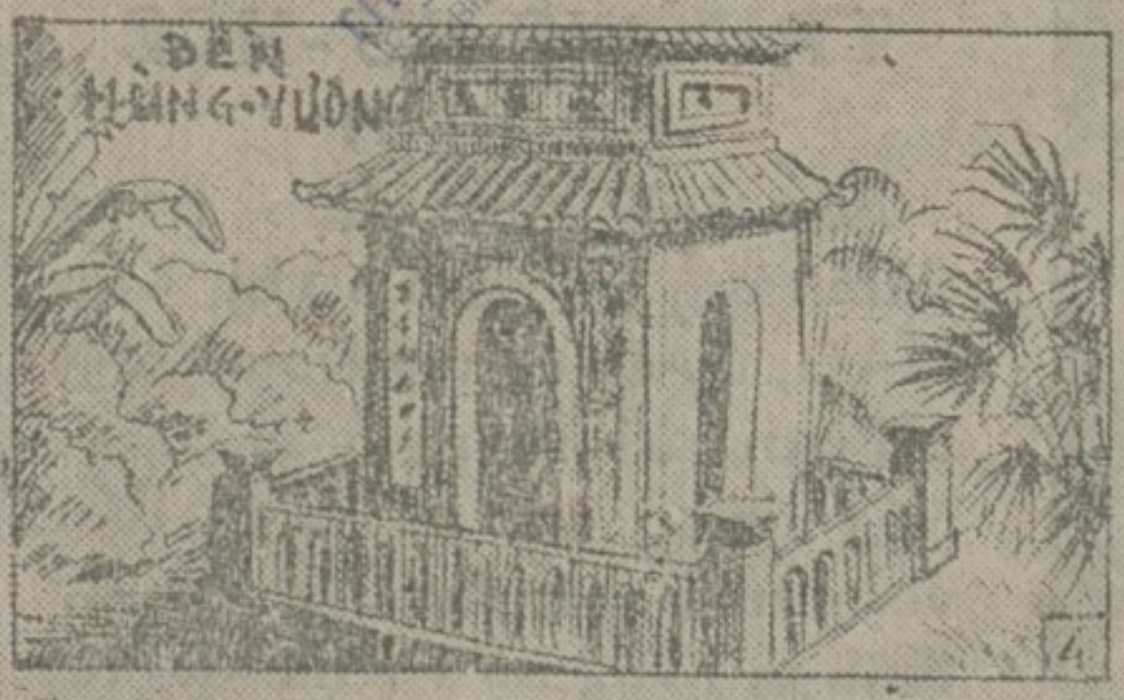

NĂM 2870 TRƯỚC THIÊN-CHÚA, HỌ HỒNG-BÀNG LÀM VUA, ĐẶT TÊN NƯỚC LÀ VĂN-LANG, NHÀ THỤC GỌI LÀ ÂU-LẠC, NHÀ TRIỆU GỌI LÀ NAM-VIỆT, TÀU CAI-TRỊ GỌI LÀ GIAO-NAM

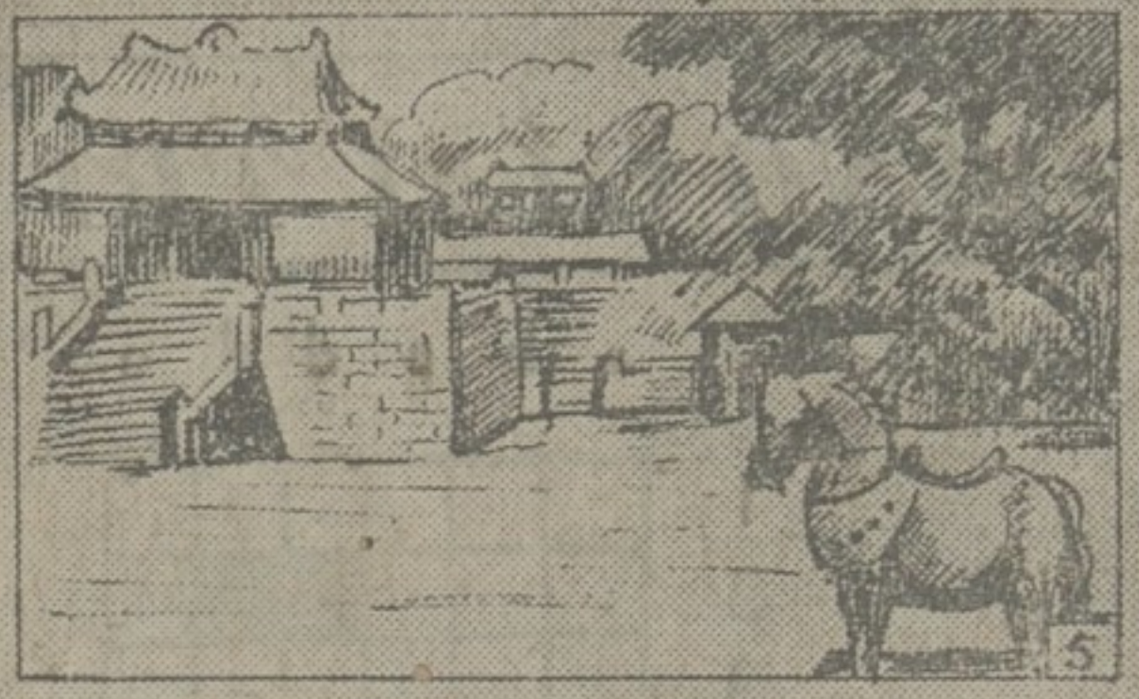

NHÀ ĐINH GỌI LÀ ĐẠI-CỒ-VIỆT, NHÀ LÝ GỌI LÀ ĐẠI-VIỆT, NHÀ TỐNG PHONG LÀ AN-NAM QUỐC. ĐẾN ĐỜI GIA-LONG NHẤT THỐNG MỚI GỌI LÀ VIỆT-NAM

NƯỚC VIỆT-NAM CÓ MỘT TRANG SỬ VẺ-VANG BẮC CHỐNG TRUNG-HOA, TÂY ĐUỔI AI-LAO MÀ TRÀN XUỐNG MIỀN NAM

CHINH-PHẠT CHIÊM-THÀNH, XIÊM-LA, DIỄN-ĐIỆN VÀ CAO-MIÊN MÀ MỞ RỘNG BỜ CÕI, KHIẾN CHO NƯỚC ĐƯỢC CƯỜNG-THỊNH

TRẢI HƠN 4.000 NĂM LỊCH-SỬ, BIÊN-CƯƠNG VÀO ĐẾN MŨI CÀ-MAU NHƯ NGÀY NAY THẬT LÀ NHỜ CÔNG ƠN CỦA NGƯỜI XƯA ANH ĐỒNG VÂY.

(CÒN TIẾP)

ÉDITIONS PÉDAGOGIQUES

CẢNHỌC

Tập II

ĐẶC-SAN GIÁO-KHOA

Với sự hợp-tác của quí ông :

Louis Cazes	Thạc-sĩ Văn-chương cựu hiệu-trưởng trường Albert Sarraut
Lâm-văn-Váng	Kỹ-sư Hóa-học
Ngô tấn Huỳnh	Giáo-sư Pháp-văn
Lâm-văn-Tòng	Giáo sư Toán-học
Trí Đức	Giáo-sư Toán-học
Hoàng-trọng-Việt	Viết báo, Giáo-sư Việt-ngữ
Lưu-đình-Khải	Giám-đốc trường Mỹ-thuật
Bùi-văn Kỉnh	Giáo-sư Hội-họa
Thái-văn-Cần	»
Huỳnh-tấnTrọng	Y-khoa Bác-sĩ (Ba-lê)
Quốc Ân	Văn-gia
Trần-đình-Nhu	Giáo-sư Hoa-văn
Thầm thệ-Hà	Văn-gia
Tú-Duyên	Họa-sĩ
Châu sáng Thế	Giáo-sư Anh-văn
Pétrus Khanh	Giáo-sư
Nguyễn-đình Nhơn	Giáo-sư Anh-văn (Ba-lê)
Michelet	Cử-nhơn Khoa-học
Cô Phương-Chi	Nữ Sinh-viên trường Luật
Cô Võ-trung Thư	Nữ Sinh-viên Đại học đường Tôn-dật-Tiên Quảng-châu

Thơ-ký bộ biên-tập : **Nguyễn-vạn An**
Thiếu lăng-Quân

Giám-đốc: **Nguyễn-quốc-Đống**

Phòng văn : 50 đường Pellerin — SAIGON

Giá **Nam bộ : 5$0**
Trung Bắc : 6$0

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIỆT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

ĐÃ LÃNH THƯỞNG : Bức ảnh sau bìa tập I là ảnh em Trần-kim-Lang. nữ học-sinh trường Giadịnh đã tới lãng thưởng ngày 30/3/50 rồi.

XIN CHÚ Ý : Mỗi lần thưởng chỉ đăng hai lần. Nếu quá hai tuần ấy không ai tới lãnh thì sẽ về tay một bạn khácđược thưởng sau.

CUỘC THI ẢNH HÀNG TUẦN

XIN MỜI : Cô nữ.học.sinh trường Gia.long có dấu vòng, lại tòa soạn CẦN HỌC lãnh 1 cuốn Tự.điển Đào.văn.Tập đáng giá 140 và 50 tờ giấy thấm đáng giá 150$

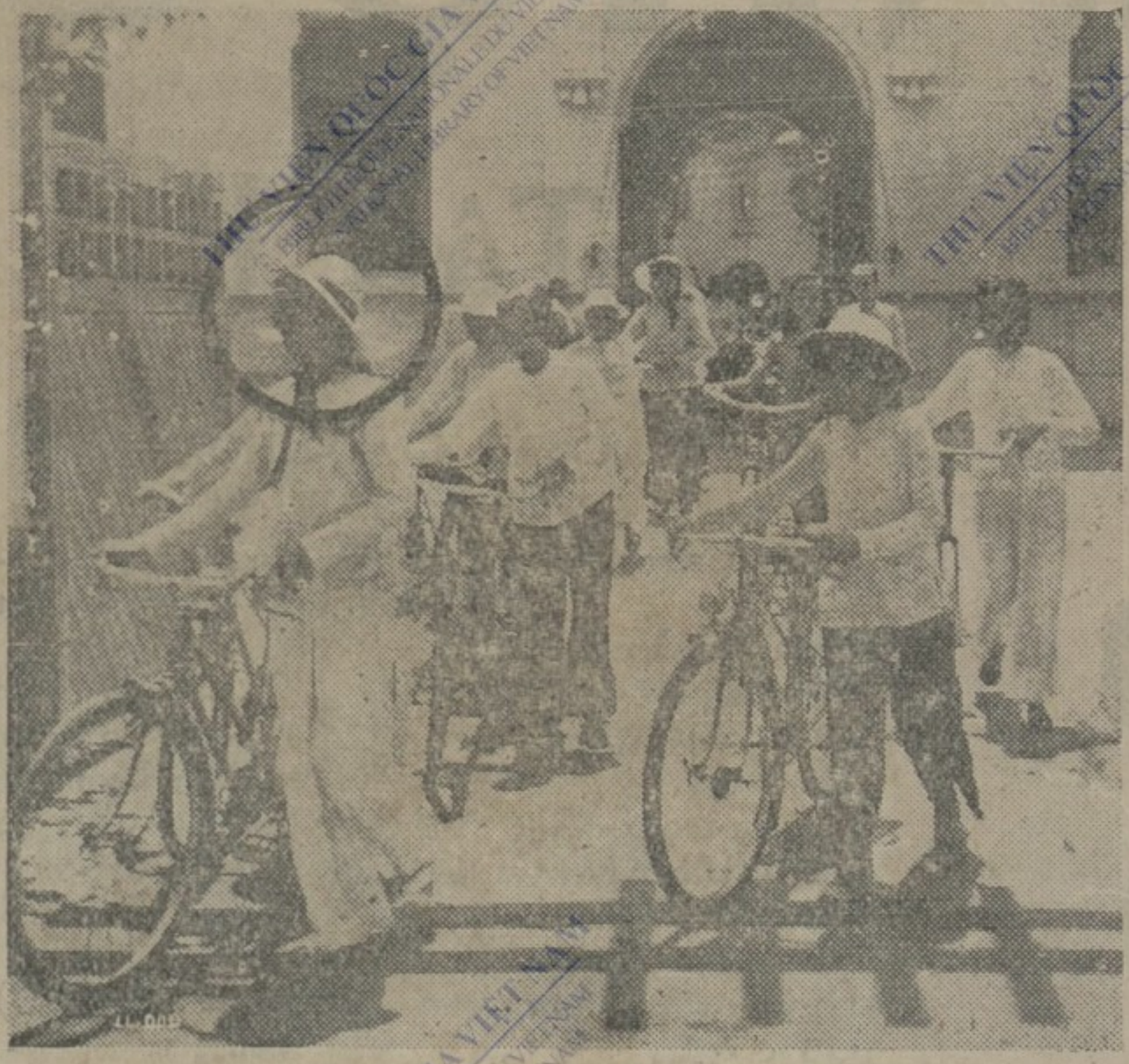

Kỳ thi thứ hai

Để giúp vui các bạn đọc trong các giới học sanh, công chức, công nhân, các bạn tự học hàng tuần, chúng tôi mỗi tuần tổ chức một cuộc đi chụp ảnh các trường học, công sở, ngoài đường v.v. rồi đem về cho một nhóm năm em nhỏ vô tư lựa một bạn rồi vòng một vòng. Bạn ấy sẽ được lãnh thưởng ngay các vật của CẦN HỌC tặng hảo. Hễ bạn nào mà nhận thấy hình của mình có vòng thì cứ xem ngay lời giải ở dưới mà đến bộ biên tập lãnh thưởng không một điều kiện gì bắt buộc.

Làm việc ấy, chúng tôi rất được nhiều nhà xuất bản, nhà sách hoan nghinh và tặng rất nhiều sách. Danh sách các nhà ấy sẽ công bố mỗi tuần khi đăng kết quả các cuộc thưởng.

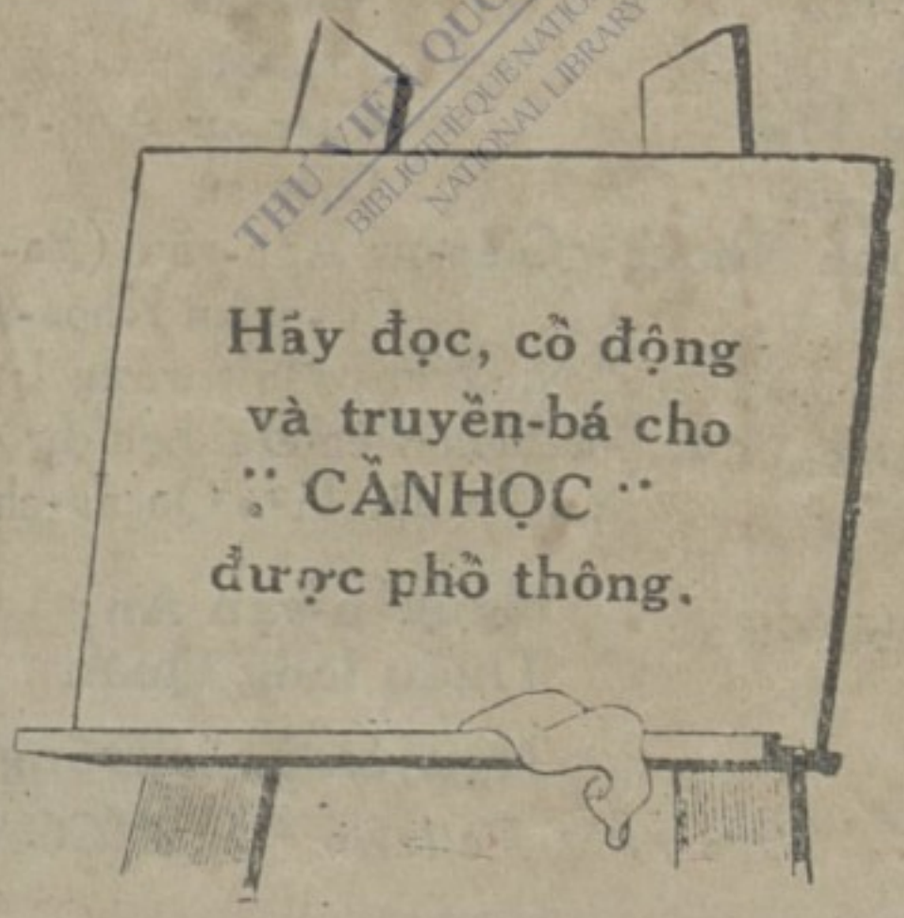

Hãy đọc, cổ động và truyền-bá cho ∴ CẦNHỌC ∴ được phổ thông.

GIÁ MUA DÀI HẠN

CHÚ Ý: Ngay khi đóng tiền, mỗi độc giả mua dài hạn được biếu từ 25 đến 50 tờ giấy thấm lớn và các sách « loại Thanh Niên » Xin nhớ hỏi mà lấy.

Saigon—Cholon—Giadinh				Lục-tỉnh và Trung Bắc	
12 tháng	50 số		200$	12 tháng	220$
6 «	25 «		110	6 «	125
3 «	12 «		55	3 «	65

Ngân-phiếu xin đề: ông Ngô văn-Thanh
50 đường Pellerin — Saigon

BÚC THƠ GỞI BẠN ĐỌC

Quí Bạn,

CẦN HỌC ra Tập I không ngờ được qui bạn hoan-nghinh một cách nhiệt liệt, chúng tôi thật lấy làm cảm tạ tấm thịnh tình ấy của quí bạn.

Đề đền đáp lại, trong CẦN HỌC tập II nầy chúng tôi đã cố gắng để thêm bài vở, thêm anh em biên-tập-viên để cho được khởi sắc hơn và thêm giá trị.

Tuy rằng trong Tập đầu có nhiều khuyết điểm, ấy là công-lệ của mọi công việc ban đầu ai cũng phải có, song le càng ngày càng tiến lên, chúng tôi nguyện sẻ đem hết tâm.lực mà giúp ích quí bạn được chu đáo hơn. Quả thật biết bao nhiêu tờ Học.báo đả xuất.bản mà không tiếp tục được lâu dài là vì vấn đề tài cbánh. Song le ở đây, với kinh.nghiệm đả qua chúng tôi đã rất sáng suốt và hiểu rõ con đường đi, nên với từng bước chắc chắn và với sự ủng hộ của quí bạn, CẦN HỌC ngày càng sẽ một thêm hay ho mà làm người bạn đường mật thiết của quí bạn.

Luôn đây chúng tôi xin thành thật cảm tạ quí bạn đã hoan nghinh, đã mua lẻ và mua dài hạn là những phần.tử nền.tảng trường.cửu của Tập CẦN HỌC.

Với tất cả, chúng tôi xin cảm động tấm chân tình và sự nỗ.lực không bờ bến trong nhiệm.vụ.

Thay mặt Bộ Biên.Tập
NGUYÊN - QUỐC - ĐỒNG

QUÀ BIẾU

Về giá CẦN-HỌC 5$ mỗi số, chúng tôi đả tính toán kỷ cho sự trường của nó vì chi phí cho mỗi số lên đến số muôn. Từ hình ảnh, tranh vẽ, thảy đều tốn kém rất nhiều nhưng chúng tôi gắng hy sinh cho CẦN HỌC để đền đáp quí bạn. Mỗi số bán lẻ, chúng tôi đều tặng 1 tờ giấy thấm nhỏ. Với các bạn mua dài hạn 3 tháng sẻ xin tặng 25 tờ giấy thấm lớn, đáng giá 60$. Mua 6 tháng tặng 35 tờ giấy thấm và 1 cuốn sách «loại Thanh Niên»; 12 tháng sẽ tặng 50 tờ giấy thấm và 2 cuốn sách «Icại Thanh Niên».

Quý bạn mỗi khi mua Cần Học xin nhớ hỏi mà lấy các đồ ở trên.

LE FRANÇAIS AU C. E. P.

DICTÉE

La famille

Heureux celui que Dieu a fait naître d'une bonne et sainte famille. c'est la première des bénédictions de la destinée, et, quand je dis une bonne famille, je n'entends pas une famille noble, de cette noblesse que les hommes honorent et qu'ils enregistrent sur du parchemin. Il y a une noblesse dans toutes les conditions.

J'ai connu des familles de laboureurs où cette pureté de sentiments, où cette chevalerie de probité, où cette fleur de délicatesse, où cette légitimité des traditions qu'on appelle la noblesse, étaient aussi visibles, dans les actes, dans les traits, dans le langage, dans les manières, qn'elles le furent jamais dans les plus hautes races de la monarchie. Il y a la noblesse de la nature eomme celle de la société, et c'est la meilleure.

Lamartine

Questions

1°— Qu'entendez vous par une bonne et sainte famille ?

2°— Expliquez les exppressions : **Il y a une noblesse dans toutes les conditions.— Noblesse de la nature. — Chevalerie de probité.**

3°— D'après le texte, de quoi est faite la **vraie noblesse** ?

Grammaire

7°— Quand un nom propre est-il variable ?

8°— Analysez grammaticalement ; **Heureux celui que Dieu a fait naitre d'une sainte famille.**

4°— Comment s'appelle l'action de donner un titre de noblesse ? Trouvez un autre **verbe** qui exprime la noblesse que donne la vertu,

5°— Trouvez les mots de la même famille que **noble.**

6°— Trouvez le contraire de **noble** dans une **famille noble** et dans une **âme noble.**

9°— Analysez logiquement : **et quand je dis... sur du parchemin.**

10°— Donnez dix substantifs terminés par ée, exemple : dictée, jetée etc...

RÉPONSES

1°— **Une bonne et sainte famille** : Une famille où est en honneur la pratique des vertus religieuses, morales et sociales, et dont les membres sont unis par un amour mutuel.

2°— **Il y a une noblesse dans toutes les conditions** : la noblesse n'est pas reservée à une classe de la société ; dans tous les milieux, même les plus modestes, il y a de grandes âmes par leurs vertus. **Noblesse de la**

nature : celle qui vient du cœur, de l'âme, qui est innée en celui qui la possède. **Chevalerie de probité** ; la chevalerie était la noblesse de race, ici ceux qui, par leur droiture, leur intégrité, se placent à part de leurs semblables.

3.— **La vraie noblesse est faite de vertu**, elle vient du cœur : c'est la pureté des sentiments, l'amour du beau, du bien, du vrai, elle est la vraie charité.

4.— Donner un titre de noblesse, c'est **anoblir**. Ex: Charles VII **anoblit** la famille de Jeanne d'Arc.

Le verbe qui exprime la noblesse que donne la vertu est : **ennoblir**. Ex: La charité **ennoblit** le cœur de l'homme.

5.— **Noblesse, noblement, nobiliaire, nobilissime.**

6.— Une famille **bourgeoise ;** une **âme basse.**

7.— **Les noms propres prennent la marque du pluriel** : 1o quand ils désignent des individus semblables à ceux que l'on nomme ; 2o quand ils désignent une famille historique ; 3o quand ils désignent des noms de pays ; 4o quand ils désignent des ouvrages, des tableaux ou la chose inventée et qu'elle porte le nom de l'inventeur.

8.—**Heureux** ; Adj. qualif. masc, sing. (est, sous-entendu) attribut de celui
Celui : Pron. démons. masc. sing. sujet de est, sous entendu.
Que : Pron. relatif, a pour antécédent celui, masc. sing. compl. dir. d'objet de **a fait naitre**
Dieu : Nom propre. mas. sing. sujet de a fait naître.
a fait : Verbe composé, au passé composé, 3è groupe, forme active, sens transitif direct, 3e pers. du sing.
Naître : Verbe naître, infinitif présent, 3è groupe sens intransitif
d' : Prép. marque un rapport d'origine entre fait naître, bonne et sainte famille.
Une : Article indéfini se rapporte à famille, fém. sing.
Bonne : Adj. qual. épithète de famille fém. sing.
Et : Conj. unit **bonne** et **sainte**
Sainte : Adj, qual. épithète de famille fém. sing.
Famille : Nom com. f. s. comp. circ. d'origine de a fait naître.

9.— **Quatre propositions** ; 1o Et je n'entends pas une famille noble, de cette noblesse (**prop. princ**);— 2o Que les hommes honorent (**pro. sub. relative**, compl. de noblesse),— 3o et qu'ils enregistrent sur du parchemin (**sub. relative** coordonnée à la précédente et comp, de noblesse);— 4o quand je dis une bonne famille (**prop. sub. conjonctive**, comp. de temps de la principale)

10.— **montée, pelletée, bouchée, gorgée, poignée, traversée, rangée, chaussée, cuillerée, levée.**

Composition française

Le Moineau et les Poulets

(PLAN) 1. D'un vieux mur de ferme, un moineau regarde avec envie les poulets.
2. Pourquoi il leur porte envie (faites le parler)
3. Il compare son triste sort à la vie douce des poulets.
4. Un matin il constate un grand émoi dans la basse-cour (décrivez-le).
La fermière emporte un poulet. Le moineau la suit.
5. Le poulet est plumé et mis à la broche.
6. Le moineau se félicite d'être ce qu'il est.

Devoir d'élève retouché

DÉVELOPPEMENT : Un jeune moineau logeait dans un vieux mur de ferme. Souvent d'en haut, il regardait ses voisins : les poulets de la basse-cours ; et il faisait des réflexions tristes.

«Ils sont heureux ceux-là. La nuit, ils dorment tranquillement dans le poulailler bien clos ; le jour. ils flânent sans souci, caquetant, grattant la terre pleine de bonnes choses. Oh ! voilà la fermière qui arrive le tablier plein ; elle jette une pluie de bons grains !»

«Et moi ? dans mon pauvre trou, souvent la pluie froide hérisse mes plumes mouillées. Je ne dors que d'un œil, guetté par le chat, par les oiseaux de nuit. Moi. personne ne m'apporte un dîner tout prêt ; il faut courir le chercher, et je ne le trouve pas toujours. Qu'ont-ils fait, ces gens-là pour avoir la vie si douce ?» Et chaque jour, le moineau jaloux regardait avec haine ses voisins qui engrissaient.

Un matin, il y eut grand bruit dans la basse-cour. C'étaient des battements d'ailes, des cris effrayés. Le moineau vint au bord du trou et regarda ; la fermière poursuivant les poulets effrayés, prenant l'un puis l'autre, les tâtant. Elle choisit le plus beau qu'elle emporte. «Qu'est-ce-que ceci ?» dit le moineau, et ouvrant l'aile, il suivit la fermière.

Or, la fermière coupa le cou du beau poulet. Assise devant sa porte, tranquillement, elle le pluma. Quand le corps fut blanc et grassouillet. «Chị Năm, dit-elle à la servante, mets-le à la broche,»

Le moineau revola vers son trou, se disait : «J'aime mieux ma vie libre avec ses dangers». J'aime mieux chercher mon dîner moi-même que d'être engraissé par une bonne maîtresse qui m'appelle «Petit, petit» puis un beau jour, me coupe le cou !»

Et le moineau vécut plus heureux, parce qu'il ne fut plus jaloux de ses voisins.

Pierre KHANH

Tập dịch Việt-ngữ

(1ère & 2ème Année P. S. (Ban Trung học)

THÈME

Hai đứa con gái bà Tám

Bà Tám là mẹ hai đứa con gái hiền lành, ngoan ngoãn, dễ thương. Hai đứa tríu mến nhau lắm. Ta thường thấy anh em, chị em gây gổ nhau, cãi nhau và sau khi cãi nhau và gây nhau cùng đến mách với cha mẹ mà không biết cách nào phân xử nổi lỗi tại bên nào gây ra trước. Không bao giờ ta nghe Đào và Nguyên cãi nhau. Khi thì đứa nầy, khi thì đứa kia nhân nhượng chiều ý nhau.

Tuy nhiên, ý thích của hai đứa không hoàn toàn giống nhau. Đào lớn hơn Nguyên một tuổi, nay lên tám. Đào thì lanh lẩu hơn, ngông hơn, thích những thứ chơi ồn ào hơn những thứ chơi yên tịnh, Đào thích chạy, thích làm ồn và thích nghe ồn ào. Chẳng lúc nào Đào vui bằng lúc ở nhà có một buổi nhóm trẽ con, vì trong buổi nhóm ấy, Đào được hoàn toàn tự do theo ý thích.

Trái lại Nguyên lại thích săn-sóc những đồ « búp-bế » của Nguyên và của chị hơn cách chơi ồn ào vui vẻ ấy.

Mặc dầu ý thích khác nhau, Đào và Nguyên vẫn ở với nhau hòa thuận. Mỗi khi Nguyên tỏ ý muốn chạy đi chơi, Đào vui lòng bỏ sách và « búp-bế » theo chị ngay : và Đào củng vậy, mỗi khi Nguyên tới muốn chơi những thứ chơi thanh tĩnh hơn là bỏ chơi, đi đuổi theo bắt bươm bướm ngay.

Đào và Nguyên luôn luôn sung sướng và bà mẹ lại càng thương yêu hơn.

Les deux filles de « Bà Tám »

« Bà Tám » est la mère de deux petites filles, bonnes, gentilles, aimables. Elles ont l'une pour l'autre le plus tendre attachement. On voit souvent des frères et des sœurs se quereller, se contredire et venir se plaindre à leurs parents après s'être disputés de manière qu'il soit impossible de démêler de quel côté vient le premier tort. Jamais on entendait une discussion entre Đào et Nguyên.

Tantôt l'une, tantôt l'autre cède au désir exprimé par sa sœur.

Pourtant leurs goûts ne sont pas exactement les mêmes. Đào, plus âgée d'un an que Nguyên, a huit ans. Plus vive, plus étourdie, préférant les jeux bruyants aux jeux tranquilles, elle aime à courir, à faire et à entendre du tapage. Jamais elle ne s'amuse autant que lorsqu'il y a une grande réunion d'enfants, qui lui permet de se livrer sans réserve à ses jeux favoris.

Nguyên préfère au contraire à tout ce

joyeux tapage les soins qu'elle donne à sa poupée et à celle de Đào.

Mais la différence de leurs goûts n'empêche pas leur parfaite union. Nguyên abandonne avec plaisir son livre et sa poupée dès que sa sœur exprimait le désir de courir se promener: Đào de son côté, sacrifie son amour pour la chasse aux papillons dès que Nguyên témoigne l'envie de se livrer à des amusements plus calmes.

Đào et Nguyên sont toujours heureuses, ces bonne petites sœurs et leur maman les aiment tendrement,

TOÁN ĐỐ

THI BẰNG TIỂU HỌC.—Bài thi ngày 7-6-1949

I. *a)* **Làm bài toán trừ nầy :** $13\frac{2}{25} - 6\frac{4}{5}$ **(2 điểm)**

b) **Trong một cái chậu nước đầy, người ta bỏ vào một miếng sắt cân nặng 5k07 ; người cân nước tràn ra được 645 gr.**
Vậy mật độ của sắt là bao nhiêu *4 điểm*

c) **Tính con đường đả đi của một cái xe hơi chạy trong 2 giờ 20 phút 30 giây với tốc độ mỗi giờ là 60 km.** *4 điểm*

II Một cái phòng hình chử nhựt bề dài 4m80, bề dài nầy là 4/3 của bề ngang Người ta trải một tấm khảm nhỏ hơn mặt đất nên dư một khoảng trống ; theo hai tấm vách lớn thì do ngang khoảng trống ấy là 0m80, và theo 2 tấm vách nhỏ thì bề ngang khoảng là 0m60.
Tính tiền tấm khảm ấy, giá mỗi thước vuông là 30$

LỜI GIẢI

I.— a) $13\frac{2}{25} - 6\frac{4}{5}$ Phân mẫu chung : 25

$$13\frac{2}{25} = 12 + 1\frac{2}{25} = 12\frac{27}{25}$$

$$6\frac{4}{5} = 6\frac{4\times5}{5\times5} = 6\frac{20}{25}$$

$$13\frac{2}{25} - 6\frac{4}{5} = 12\frac{27}{25} - 6\frac{20}{25} = \boxed{6\frac{7}{25}}$$

b) Mực độ của một vật bằng sức nặng của vật ấy chia cho sức nặng của một thể khối nước bằng thể bằng khối của nó.

Vậy mật độ của miếng sắt được:

(5kg07 = 5070 cà gam)

$$\frac{5070}{645} = 7{,}86\ldots \text{ (Trả lời)}$$

(*Xem tiếp trang 28*)

2e question. — On calcule d'abord la surface de la partie visible de la borne qui vaut :

Surface de la partie visible du demi-cylinde + Surface de la partie visible du prisme.

3e question. On jalonne les bornes kilométriques suivant longueur AB=6km (une borne étant placée à chaque extrémité) :

A B

0km 1 2 3 4 5 6km

Nombre d'intervalles : 6

Nombre de bornes : 6 + 1 = 7

SOLUTION

1° Volume de la partie prismatiqque :

$$V = L \times l \times h$$

$$V = 1cm^3 \times 35 \times 24 \times 70 = 58.800cm.^3$$

Volume de la partie demi-cylindrique de :

Diamètre de base : $D = L = 35cm$

hauteur : $h = l = 24cm.$

$$V : = \frac{\pi D^2 h}{2 \times 4}$$

$$V : \frac{1cm^2 \times 22 \times 35^2 \times 24}{7 \times 2 \times 4} = 11.550cm^3$$

Volume de la borne kilométrique :

$$58.800cm^3 + 11.550cm^3 = 70.350cm^3$$

Poids de la borne kilométrique :

$$P^G : D \times V^{CM3}$$

$$P^G : 1,6 \times 70.350 = 112.560^G = 112^{KG},560$$

2° La partie visible du prisme a pour dimensions :

$$L = 35cm ; l = 24 ; h = 70cm - 30cm = 40cm$$

La surface latérale est :

S_L : périmètre de base × hauteur

S_L : $1cm^2 \times (35 + 24) \times 2 \times 40 = 4.720cm^2$

La partie visible du demi-cylindre a pour surface totale la moitié de la surface totale du cylindre de diamètre de base = 35cm et de hauteur = 24cm.

$$\frac{1}{2} \text{ Surface totale} = \frac{\text{Surface latérale}}{2} + \frac{\text{Surface des 2 bases}}{2}$$

$$= \frac{\pi D h}{2} + \frac{2 \pi D^2}{2 \times 4}$$

$$= \frac{22 \times 35 \times 24}{7 \times 2} + \frac{2 \times 22 \times 35^2}{7 \times 2 \times 4}$$

$$= 1.320 + 962,5 = 2282cm^2,5$$

Surface de la partie taillée :

$$4.720cm^2 + 2.282cm^2,5 = 7.002cm^2,5 = 70dm^2,025$$

Prix de la main d'œuvre :

$$0\$25 \times 70,025 = 17\$50.$$

3o Les bornes sont seulement jalonnées sur la longueur AB = 6km. Comme il y a une borne à chaque extrémité, le nombre de bornes est égal au nombre d'intervalles plus 1

nombre d'intervalles = 6

nombre de bornes = 6 + 1 = 7.

TR . V . C
Licencié es - sciences

GÉOMÈTRIE

PROBLÈME. — Soit un triangle isocèle ABC tel que AB = BC = 10cm; AC = 12cm. Tracer dans ce triangle la hauteur BH.

1° Où se trouve le centre O du cerle inscrit au triangle ?

2° Tracer au point D où le cercle est tangent au côté BC le rayon OD. Tracer dans la figure deux triangles semblables ; en déduire la longueur du rayon du cercle inscrit.

3° BH étant axe de rotation, évaluer le volume engendré par le triangle et le volume engendré par le cercle inscrit.

B. E.

SOLUTION

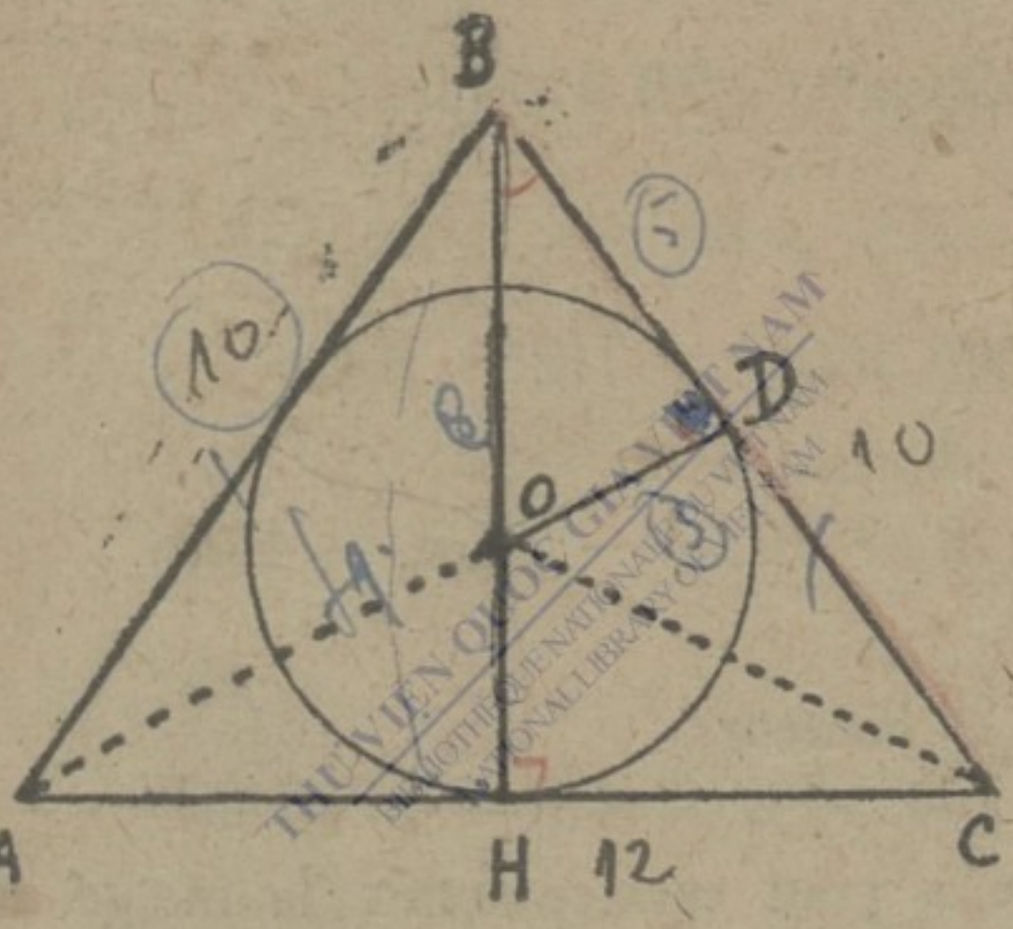

1o Le centre O du cercle inscrit au triangle isocèle ABC se trouve à l'instersection des bissectrices des angles de ce triangle Donc, le centre O du cercle inscrit se trouve sur la hauteur BH qui est en même temps bissectrice de l'angle ABC,

2o Les 2 triangles BOD et BHC sont semblables comme ayant les 3 triangles égaux ($\widehat{OBD}$ = commun aux 2 triangles ; $\widehat{ODB} = \widehat{BHC} = 90°$; $\widehat{BOD} = \widehat{BCH}$). Nous pouvons écrire la proportion suivante :

$$\frac{OD}{HC} = \frac{BD}{BH} \quad (1)$$

De plus, nous avons : BD = BC — CD

Mais : CD = CH comme tangentes issues d'un même point

Le théorème de Pythagore appliqué au triangle BHC donne :

$$\overline{BH^2} = \overline{BC^2} - \overline{HC^2}$$

d'où : $$BH = \sqrt{\overline{BC^2} - \overline{HC^2}}.$$

Remplaçons dans la proportion (1) BD et BH par leur valeur, et nous avons :

$$\frac{OD}{HC} = \frac{BC - CH}{\sqrt{BC^2 - HC^2}}$$

où : $OD \times (\sqrt{BC^2 - HC^2}) = HC\,(BC - CH)$

ou encore : $$OD = \frac{HC\,(BC - CH)}{\sqrt{BC^2 - HC_2}} = \frac{6\,(10-6)}{\sqrt{100-36}} = \frac{24}{8} = \boxed{3 \text{ cm.}}$$

3o) Le volume engendré par le triangle rectangle BHC est un cône de révolution, c'est-à-dire un cône droit à base circulaire.

Volume de ce cône :

$$V = \frac{\pi \times HC_2 \times BH}{3}$$

ou : $\pi \times 36 \times BH$; Mais $BH = \sqrt{100 - 36 \quad 8}$

Donc : $$V = \frac{\pi \times 36 \times 8}{3} = \boxed{301 \text{ cm}^3\ 5936}$$

Le voluue engendré par le cercle inscrit est une sphère dont le rayon est ;

$$OD = 3\text{cm}.$$

Volume de cette sphère :

$$V = \frac{R}{3}\, 4\,\pi\, R^2 \quad \frac{R^3\ 4\ \pi}{3} = \frac{3^3 \times 4\ \pi}{3} = \boxed{113\text{cm}^3\ 0976}$$

ALGÈBRE

Résoudre l'inégalité : $$\frac{x-3}{x-1} > \frac{2}{3}$$

lorsque : 1o) le dénominateur est positif
2o) le dénominateur est négatif. (B. E.)

Solution

1o) Dénominateur positif : $x - 1 > o$ ou $x > 1$

Faisons passer tous les termes dans le 1er membre :

$$\frac{x-3}{x-1} - \frac{2}{3} > o$$

Réduisons au même dénominateur, puis effectuons :

$$\frac{3\ (x-3)}{3\ (x-1)} - \frac{2\,(x-1)}{3\,(x-1)} > o$$

ou : $\frac{3x-9-2x+2}{3x-3} > 0$

ou : $\frac{x-8}{3x-3} > 0$ $\frac{x-7}{3x-3} > 0$

ou encore : $\frac{x-7}{3(x-1)} > 0$. Le 1er membre est une fraction dont le dénominateur est positif ($x-1$). Donc : pour que cette fraction soit positive ($\frac{x-7}{3(x-1)} > 0$), il faut que le numérateur soit positif, c'est-à-dire : $x-7 > 0$ ou $x > 7$.

Donc : si $x > 1$, l'inégalité est vérifiée pour toutes les valeurs de x supérieures à 7.

2o Le dénominateur est négatif : $x-1 < 0$; ou $x < 1$

Faisons passer tous les termes dans le 1er membre :

$$\frac{x-3}{x-1} - \frac{2}{3} > 0$$

Réduisons au même dénominateur, puis effectuons :

$$\frac{3x-9-2x+2}{3x-3} >$$

ou : $\frac{x-7}{3x-3} > 0$

ou encore : $\frac{x-7}{3(x-1)} > 0$

Le 1er membre de cette inégalité est une fraction dont le dénominateur : $3(x-1)$ est négatif (car, par hypothèse, $x-1 < 0$). Donc : pour que cette fraction soit positive, c'est-à-dire : $\frac{x-7}{3(x-1)} > 0$, il faut que le numérateur : $x-7$ soit aussi négatif.

Donc : $x-7 < 0$ ou : $x < 7$.

Donc : si $x-1 < 0$; ou $x < 1$, l'inégalité est vérifiée pour toutes les valeurs de x inférieures à 7

TRÍ ĐỨC *Professeur*,

CẢI CHÍNH

LỚP DẠY VẼ :

Hàng 6 trang 34 : Trông qua sự cố gắng : xin đọc lại : Trong ba cố gắng
« 21 » » : Con mắt ta là ống... « : Còn mắt ta là ống...
« 13 » 35 : Nó lại phải thấy xin thêm vào : Nó lại phải thấy như thế nầy không

LỚP TÂN QUỐC-NGỮ TRUNG-HOA

Trong bảng 24 chữ cái có 3 chữ có dấu ( ) hiện đã bải bỏ không dùng tới ấy là 3 chữ NGƠ, VƠ, và NI, vậy xin các bạn cải chính cho và ngoặc vào các chữ ấy cho được đúng.

Bài nầy còn một bản kêm 24 chữ cái làm không kịp nên sẽ xin đăng vào bài thứ 3.

ANH-VĂN THƯC-HÀNH

Bài thứ Nhứt — First lesson

CARDINAL NUMBERS — ORDINAL NUMBURS

Vì môt sự lầm lộn đáng tiếc, nên bài học **thứ nhứt** lại đem bài **thứ 16** đem sắp vào. Vậy từ nay chúng tôi xin sắp bài I trở đi, Mong độc giả lượng thứ

Arnold và John LANG

CARDINAL NUMBERS (khar dinèl nioumbeur's)	Nº CARDINAUX (Số đếm)	PRONONCIATION (Giọng dọc)
One	Un, một	Oine
Two	Deux, hai	Tou
Three	Trois, ba	Thri
Four	Quatre, bốn	For
Five	Cinq, năm	Fayve
Six	Six, sáu	Six
Seven	Sept, bảy	Sevènn
Eight	Huit, tám	Ayit
Nine	Neuf, chín	Naine
Ten	Dix, mười	Tèn

ORDINAL NUMBERS (Ordinèl nioumbeurs)	Nº ORDINAUX (Số thứ tự)	PRONONCIATION (giọng dọc)
First	Premier, thứ nhứt	Feusst
Second	Deuxième « nhì	Sékheund
Third	Troisième « ba	Theurd
Fourth	Quatrième « tư	Forth'
Fifth	Cinquième « năm	Fifth'
Sixth	Sixième « sáu	Sixth
Seventh	Septième « bảy	Sevènnth
Eighth	Huitième « tám	Aith'
Ninth	Neuvième « chín	Nainth
Tenth	Dixième « mười	Tènnth

CURRUNTS EXPRESSIONS (Kheurènt éxprèscheun's)	EXPRESSIONS COURANTES (thành ngữ thông thường)	PRONOUNCIATION (giọng dọc)
Yes	Oui, Dạ, ừ	iéss
No	Non, không	nô
Good morning	Bonjour, chào ông (sáng)	goud morning

Good evening	Bonsoir « (chiều)	goud iveninng
Good night	Bonne nuit « (tối)	goud naite
Good-bye	Adieu, Aurevoir	goud bay
If you please	S'il vous plait, xin vui lòng	iph zou plize
Thank you	Merci, cám ơn	cinnkhiou
I thank you	Je vous remercie, tôi xin cám ơn	Ay cinnkhiou
How do you do ?	Comment allez-vous ?	Haou dou zou dou
How are you ?	Ông mạnh giỏi không ?	Haou are zou
I am well	Je vais bien, tôi được mạnh	Ay èm ouél
I am better	Je vais mieux, tôi đã khá	Ay èm béteur
Pretty well	Assez bien. khá khá	Prété ouél
I am not well	Je ne suis pas bien	Ay èm nô touél
	Tôi khôug được mạnh	

Cách đọc tiếng Anh

Tiếng Anh thật không khó đọc như người ta tưởng. Chỉ cần có thói quen, nói luôn, tập đọc luôn thì được. Ta là người Việt-Nam đi học một thứ tiếng ngoại-quốc thì làm sao nói đúng giọng của họ được. Ngay đến tiếng Pháp hấp thụ trên 80 năm nay vẫn còn đọc sai thay. Tiếng Anh giọng đọc 10 phần, ta lột được 5 phần là giỏi lắm, về sau khá lên thì phần 1o phần dọc đúng được 8 là tài ba lắm. Các bạn học không nên cho là khó mà chán nản. Cứ tuần tự mà cố gắng học thì thành công, Trước hết ta nên học cho có một mớ « vốn liếng » Anh văn kha khá rồi lúc ấy kiếm thêm môt ôcg giáo sư người Anh hoặc giáo sư có kinh nghiệm mà học giọng thêm ấy là cách học mau kết quả nhứt,

Ở trong các bài học nầy các bạn đọc giọng chua theo một bên. Mỗi khi học phải đọc lớn tiếng và càng lúc càng mau.

VẦN CÁI

A	*ê*	**H**	*hateh*	**N**	*énn*	**U**	*tou*
B	*bi*	**I**	*ai*	**O**	*ou*	**V**	*vi*
C	*ci*	**J**	*ji*	**P**	*pi*	**W**	*deubliou*
D	*di*	**K**	*khé*	**Q**	*kou*	**X**	*issxe*
E	*i*	**L**	*el*	**R**	*ar*	**Y**	*ouai*
F	*éf*	**M**	*em*	**S**	*éss*	**Z**	*zéd*
G	*gi*			**T**	*ti*		

Phải nỗ lực tìm học cái hay của nước ngoài để kiến-thiết một nền văn-hóa mới hoàn toàn Việt-Nam.

QUỐC-VĂN BÌNH-CHÚ

Buồn đêm mưa

Đêm mưa làm nhớ không gian,
Lòng run thêm lạnh nỗi hàn bao la ..
Tai nương nước giọt mái nhà
Nghe trời nặng nặng, nghe ta buồn buồn.
Nghe đi rời rạc trong hồn.
Những chân xa vắng dặm mòn lế loi...
Rơi rơi... dìu dịu rơi rơi...
Trăm muôn giọt nhẹ nối lời vu vơ...
Tương tư hướng lạc phương mờ...
Trở nghiêng gối mộng hửng hờ nằm nghe.
Gió về lòng rộng không che,
Hơi may hiu hắt bốn bề tâm tư...

HUY CẬN
(*Lửa Thiêng*)

Tiểu sử.— Huy-Cận, họ Cù, sinh ngày 31 tháng năm 1919. Quê quán ở làng An Phú, huyện Hương-sơn (Hà-tĩnh). Học ở làng rồi vào Huế theo ban Trung học tại trường Khải-Định. Đỗ tú-tài xong, ông ra Hà-nội học trường Cao đẳng Nông-lâm và đỗ Kỷ-sư môn ấy.

Huy-Cận bắt đầu đăng thơ ở báo Ngày-nay năm 1936. Tập thơ « Lửa-Thiêng » do « Đời nay » xuất bản năm 1940 đã làm chấn động thi-giới Việt Nam một độ. Tiếp theo tập thơ ấy là quyển «Kinh cầu tự» bằng văn xuôi, không được hoan-nghinh lắm.

I.— GIẢI THÍCH VỀ TỔNG QUÁT BÀI THƠ

A) **Đại ý.**— Tác giả tả cái buồn vu vơ trong lòng mình trong một đêm vắng lặng, bên ngoài mưa rơi..., những nỗi nhớ nhung trong lòng không rõ rệt, không cội rễ.

B) **Đặc tính của bài thơ.**— Âm điệu của lời thơ phù hạp với âm điệu của những giọt mưa rơi đều trên mái nhà làm cho ta tin rằng tác giả đả chịu ảnh hưởng nhiều ở bài « Trời mưa » của Verlaine. Sự diễn tả lòng mình tỏ ra thi sĩ có một tâm hồn tế nhị, một người đã « nghe » được lòng mình với tất cả sự khéo léo của một nhà giải phẫu có tài.

II.— GIẢI THÍCH VỀ CHI TIẾT

Ngay ở câu đầu, để xác nhận cái đề đã nêu lên, thi sĩ cho ta biết vật cụ thể duy nhứt. động tác của bài thơ : mưa đêm:

Chỉ ở trong sự vắng lặng của ban đêm, người ta mới nghe rõ và để ý đến tiếng mưa. Người ta không cần phải là một nhà khoa-học, cũng biết rằng giọt mưa từ trên cao rơi xuống, do đó, người ta liên-tưởng đến không-gian và sự bao la trùm phủ quanh mái nhà dưới ấy ta nằm im, quanh giải đất ta ở và quanh trái đất bé nhỏ của ta so với cái rộng rãi của quảng không gian vô tận : Cái lạnh có sẵn trong lòng ta vì cảnh trời mưa một đêm thu, càng buốt thêm khi ta nghĩ đến cái lạnh bao la của vũ-trụ :

Lòng run thêm lạnh nỗi hàn bao la

Tất cả những tình cảm sinh ra trong lòng thi-sĩ đều do thính-quan gây ra.

Tai nương nước giọt mái nhà

Và do những tiếng tí-tách rơi rhè nhẹ trên mái nhà, người ta nhớ nhung những hình ảnh không rõ rệt, rời rạc bơ phờ và xa xôi những bước chân lạ hay quen đã một lần bước qua hồn mình và mất hẳn.

Nghe đi rời rạc trong hồn
Những chân xa vắng dặm mòn lế loi ..

Thi-sĩ không nhớ chắc chắn một bóng dáng nào, một kỷ niệm nào, và chính những hình ảnh phơn phớt ấy, những tình cảm lâng lâng ấy làm cho người ta hơi thắc-mắc.

Trở nghiêng gối mộng, hửng-hờ nằm nghe

Nhưng ngoài kia gió heo may hiu hắt vờn trên mái nhà, vi vu trên khoảng không càng làm cho thi-sĩ thâu góp được những tình cảm mênh mang và chót hết, người thả lòng mình thoát ra để cảm-thông với vũ-trụ, với những bóng dáng phơn phớt, chập chờn ở những thời-gian và không-gian xa thẳm...

Gió về lồng-lộng không che
Hơi may hiu-hắt bốn bề tâm tư...

Âm điệu.— Những chữ **nương nước, nặng nặng, buồn buồn, rơi rơi, dìu dịu rơi rơi,** nhắc ta nhớ đến âm điệu nhè nhẹ, đều đều của tiếng mưa rơi.

Huy-Cận đã dùng những tiếng ấy để tả tiếng rơi của giọt mưa và sự kéo dài buồn tẻ của cảnh mưa đêm.

Rơi rơi... dìu dịu rơi rơi...

Làm cho ta thấy sự nối liền liên-tiếp của tiếng mưa « nặng nặng » và « buồn buồn ».

Tả tình cảm, những chữ « hướng lạc », « phương mờ », « hửng hờ » đã diễn tả được sự bất định, sự không rõ rệt trong lòng mình.

Về **cú-pháp**, thi-sĩ đã biết làm nổi bật hình ảnh mà chàng muốn diễn-tả bằng cách đặt chú-từ ở đầu câu thơ :

Nhưng chân xa vắng dặm mòn lế loi.

Và như thế người đã đảo ngược cái câu đáng lẽ : Nghe những chân xa vắng... rời rạc đi trong hồn...

III Kết-luận.— Ở bất kỳ hoàn-cảnh nào và thời-kỳ nào có ai tránh được những tư tưởng miên man, những thương nhớ đâu đâu do ngoại cảnh đưa vào lòng mình trong một đêm vắng lặng, nằm nghe giọt mưa rơi trên mái nhà, trên thềm lá ?

Với một nghệ thuật chắc chắn, Huy Cận diễn-đạt một cách tinh-vi giòng tư tưởng của mình và ghi lại một lần những nét mờ nhạt trong lòng mà chỉ có những người thật tinh tế mới thấy được.

QUỐC - ẤN

CHÁNH - TẢ VIỆT - NGỮ

của HOÀNG-TỬ ANH

A. *Nôm :* A! a! A dua.

Hán Việt: A-DI-ĐA-PHẬT, a-dua, a-giao, a-hoàn, a hoành (a-hành)(1) a-hoành ác nghiệp, a-la-hán, a-mi, a ngùy, a-phiền, a-phù-dung, a-phú-hấn, a-thế, a-tòng

À. *Nôm:* à dẹp! anh à !

Nôm: ấm á

Á. *Hán Việt:* Á-châu, Á-đông, á-khanh, á-khôi, á-nguyên, á-thánh.

Ạ. *Nôm:* anh ạ! em ạ !

Ả (2). *Nôm:* Ả đào, ả hàng ả phù dung Em ả ôi ả.

ÁC. *Nôm* Chim ác, ác vàng, bóng ác, ác là, ác tà, mơ ác.

Hán Việt: Ác báo, ác cảm

ác chiếu, ác danh, ác đảng, ác điểu, ác đồ, ác đức, ác hại, ác ý, ác liệt, ác mộng, ác-nghiệp, ác-nghiệt, ác nhân, ác-tâm, ác-thú, độc-ác, tàn-ác. thâm-ác.

ẠC. *Nôm:* Ầm ạc, ạc ạc.

---

(1) A hoành có thể viết a hành

(2) Tiếng Bắc nghĩa là chị, người con gái. *(còn tiếp)*

Phải nỗ lực tìm học cái hay của nước ngoài để kiến-thiết một nền văn-hóa mới hoàn toàn Việt-Nam.

BÀI HỌC THỨ NHỨT : **của Trần-đình-Nhu**

DẤU CHÚ-ÂM

(SIGNES PHONÉTIQUES)

Dấu chú-âm tân quốc-ngữ Trung-Hoa gồm có 40 chữ, chia ra làm 3 loại :

1° Chữ cái (Lettres d'alphabet) .2° Vần (Syllabes) .3° Vần kết hợp (Construction des mots)

A. — Chữ cái (24 chữ)

Bảng chỉ cách thức lấy giọng để đọc 24 chữ cái. (Tableau synoptique de prononciation des signes phonétiques afférents aux 24 lettres de l'alphabet.

CÁCH ĐỌC Prononciation / TIẾNG CHỮ (Signes) — Đưa giọng (Emissions de la voix)	KHÔNG ĐƯA HƠI (Post dental)	ĐƯA HƠI (Pré-dental)	GIỌNG LỖ MŨI (Nasal)	Giọng thanh đọc nhẹ (Doux)	Giọng đục (Đọc mạnh và gắt) Fort et vif
BẰNG HAI MÔI (Avec les mouvements des lèvres)	ㄅ PO°	ㄆ PH'O	ㄇ MO°		
MÔI VÀ RĂNG (A travers le palais)	)	:		ㄈ FO°	ㄪ VO°
BẰNG ĐẦU LƯỠI (Avec le bout de la langue)	ㄉ TO°	ㄊ TH'O	ㄋ NO°		ㄌ LO°
TỪ CUỐNG LƯỠI đi ngay ra (Palatal)	ㄍ CO°	ㄎ KHO°	ㄫ NGO°	ㄏ HO°	
BẰNG MẶT LƯỠI (Langue abaissée)	ㄐ CHI	ㄑ TCH'I	ㄒ NI	ㄒ CI	
CONG LƯỠI (Rouler la langue)	ㄓ CHRW	ㄔ TSRW	(	ㄕ SW	ㄖ DJW
MÔI VÀ RĂNG (Bouche légèrement ouverte)	ㄈ CHW	ㄘ XW	ㄧ	ㄙ ÇW	

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIỆT NAM NATIONAL LIBRARY OF VIET NAM

TÂN QUỐC-NGỮ TRUNG-HOA

(tiếp theo trang 22)

CHÚ Ý : Có ba chữ ở trên, trong dấu ngoặc ( ) hiện đã bãi bỏ không phải dùng tới nữa.

CHÚ THÍCH CÁCH ĐỌC : **PƠ**o *Hai môi mím lại rồi nhẹ mở ra mà phát âm : po, giống như chữ «peu» của Pháp, p dưới đọc mạnh.*

PH'Ơ *Hai môi mím lại rồi mở mau ra để đưa hơi bật mạnh ra ngoài mà phát âm: ph'ơ.*

MƠ *Hai môi hé mở rất nhỏ và hơi nhanh âm thanh từ cuống họng sẽ theo đường lỗ mũi phát ra: mơ.*

FƠo *Môi dưới ghì lấy hàm răng trên, sau hở chút xíu cho âm thanh nhẹ nhàng phát ra ngoài : fơ.*

TƠo *Cử động một phần đầu lưỡi để phát âm : tơ đọc nhẹ không đưa hơi như tr trong (teneur) của chữ Pháp.*

TH'Ơ *Cũng bằng đầu lưỡi nhưng đưa hơi, mau cho âm thanh phát ra ngoài: th'ơ.*

NƠo *Cử động đầu lưỡi để đưa giọng, nhưng âm thanh phát do đường lỗ mũi phát ra : nơ.*

LƠo *Bằng đầu lưỡi, giọng đọc mạnh và gắt : lơ.*

CƠo *Hai hàm răng mở hơi lớn, âm thanh từ cuống họng đi ngay ra ngoài nhẹ nhàng: cơ.*

KH'Ơ *Cũng làm như lề phát thanh chữ cơ nhưng đưa hơi mạnh ra ngoài : khơ.*

HƠo *Hai hàm răng mở rộng, giọng đọc từ cuống họng nhẹ nhàng đi ra ngoài : hơ.*

CHI *Lưỡi để nằm ngay (thẳng) khỏi cử động, hai hàm răng hé mở, âm thanh đi qua mặt lưỡi, phát ra.*

XI *Lưỡi và răng để như trên (lề đọc chữ chi) nhưng lúc phát âm phải đọc mạnh đưa hơi bật ra ngoài : xi.*

ÇI *Cách lấy giọng cũng như hai chữ trên, nhưng đọc nhẹ nhàng : xi Việt ngữ.*

CHR Ư *Môi hở ra, hai hàm răng khít lại, lưỡi cong lên cho đụng hàm răng trên mà phát thanh (nửa chư và nửa trư của Việt ngữ).*

TSR'Ư *Môi và răng phải cử động như lề đọc chữ trên nhưng phải đưa hơi mạnh lề phát âm : sư của Việt ngữ đọc nặng.*

SƯ *Môi và răng cũng như đọc hai chữ trên nhưng giọng đọc nhẹ nhàng hơn như : sư Việt ngữ đọc nhẹ.*

DJƯ *Hai hàm răng hở ra chút xíu nhưng không cử động, lưỡi cong lên đưa hơi mạnh và mau để phát âm chư : rư của Việt ngữ nhưng không cho lưỡi rung chuyển.*

CHƯ *Môi hở ra, hai hàm răng khít lại lưỡi nằm ngay thẳng không cử động, để phát âm : chư; như chư của Việt ngữ nhưng đọc tiếng gió kiểu tiếng Pháp.*

X'Ư *Cách lấy giọng cũng như chữ trên nhưng đọc mạnh theo hơi đưa ra ngoài mau và ngắn lại liền.*

ÇƯ *Cách thức lề đọc cũng như chữ trên nhưng âm thanh phát ra phải nhẹ nhàng hơn.*

(Còn nữa)

PHÁP VĂN BỔ-TÚC

Le commerce

Les affaires, le commerce
Le commerce extérieur
Le commerce intérieur
Le commerce de gros
Le commerce de détail
L'importation—l'exportation
Un importateur—un exportateur
Un producteur—la production
Un consommateur—la consommation
Un marchand—la marchandise
Un commerçant—un négociant
Un marchand en gros
Un détaillant
Une maison de commerce
La raison sociale
Le siège social
Le fonds de commerce
Une succursale—Une agence
Une société à responsabilité limitée
Une société anonyme
Le conseil d'administration
Le directeur—l'inspecteur
Le directeur général-l'inspecteur général
L'administrateur
Le fondé de pouvoir
Un associé—Un commanditaire
Un actionnaire
Une action

Thương-mải

Công việc—thương mãi
Ngoại thương
Nội thương
Bán buôn, bán sĩ
Bán lẽ
Nhập cảng—xuất cảng
Nhà nhập cảng—nhà xuất cảng
Nhà sản xuất—sự sản xuất
Người tiêu thụ—sự tiêu thụ
Người đi buôn—Hàng hóa
Thương gia—đại thương gia
Nhà buôn sĩ
Nhà buôn lẽ.
Nhà buôn, bảng hiệu
Hội danh
Trụ sở chánh, hiệu chánh
Hiệu buôn, cửa hàng, vốn và nhà
Chi ngánh—Đại lý
Công ty hữu-hạn
Công ty nặc danh
Ban quản-trị
Giám đốc—Thanh tra
Tổng giám đốc--Tổng thanh tra
Quản trị viên
Ủy nhiệm viên
Hội viên—hội viên hùn vốn
Cổ đông, người có cổ phần
Cổ phần

Les expressions commerciales

Faire une réclamation
Réclamer une diminution
Faire droit à,.. admettre
Accorder un escompte
Passer écriture

Đòi hỏi kêu nài
Đòi sụt, xin bớt
Được hưởng
Cho hoa hồng
Vào sổ, ghi sổ, biên, chép sổ.

Toucher un chèque	Lảnh tín phiếu
Endosser un chèque	Ký tên sau lưng tín phiếu
Une facture en double exemplaire	Hóa đơn sao 2 bản
Mettre l'argent dans...	Cất tiền vào. .
Mettre des capitaux dans...	
Risquer gros	Làm liều
Le capital versé	Vốn đã bỏ
Le capital appelé	Vốn kêu
Les fonds de roulement	Vốn lưu trữ
Avoir un compte en banque chez..,	Có giữ số tiền tại...
Un prêt à court terme	Cho mượn ngắn hạn
Avoir de la fortune	Có tiền, giàu
Etre dans l'aisance	« » (dễ chịu)
Etre dans le gêne	Bị túng rối
Avoir des dettes, faire des dettes	Bị nợ, mắc nợ,
Etre criblé de dettes	Bị nợ bâu, xâu xé
Etre dans une misère noire	Đến cùng cực, khánh kiệt
Comme suite à notre conversation	Theo như cuộc tiếp chuyện của chúng ta
Nous avons l'honneur de vous faire connaitre que..	Chúng tôi rất lấy làm hân hạnh tin ông hay rằng...
Nous avons l'honneur de vous accuser réception de...	Chúng tôi rất lấy làm hân hạnh tiếp được ..
Votre lettre du 20 courant	Thơ của ông hôm 20 vừa qua
Votre lettre du 30 écoulé	. . . . . .30 vừa qua
En mains de votre honorée du...	Nhận được quí thư ngày...

Les expressions usuelles

Avoir l'âme chevillée au corps	Thoát nguy, thoát chết, chết hụt, tỉnh hồn
Etre comme un corps sans âme	Như xác không hồn, ngơ ngẩn
Dire amen à tout	Ai nói sao cũng ừ
Faire amende honorable	Nhận lỗi giữa công chúng
Amuser le tapis	Thuyết nhảm nhí
Faire l'âne pour avoir le son	Chịu đấm ăn xôi, làm bộ ngờ ngạc để dễ lừa.
Faire comme l'âne de Buridan	Lội giữa hai giòng nước, đi hàng hai
Donner le coup de pied de l'âne	Đánh kẻ yếu, hiếm kẻ cô thế
Faire danser l'anse du panier	Tính đất thêm, ăn bớt chủ nhà

Faire le bon apôtre	Dĩ nhu thắng cương, làm bộ hiền lành để gạt gẫm
Avoir plusieurs cordes à son are	Khôn ngoan, lanh lẹn để gỡ rối
Avoir passé l'arme à gauche	Đã chết cù ngẳng cù đeo, chết lâu đời
Faire l'article	Khoe một món hàng, hát
Ne pas être dans son assiette	Có vẽ khác thường hơn mọi ngày
Attacher le grelot	Lao mình vào nguy hiểm, mạo hiểm
Attendre quelqu'un comme le messie	Chờ đợi, ngóng dài cổ

Les proverbes français

Entre l'arbre et l'écorce, il ne faut pas mettre le doigt : Đừng can - thiệp vào việc nội trợ gia đình của người ta ; đèn ai nấy sáng.

Plaiè d'argent n'est pas mortellé : mất tiền không phải là họa

L'argent est un bon serviteur et mauvais maitre; Tiền là một đứa ở tốt và là một ông chủ xấu.

Tout vient à point qui ne sait attendre : Hữu chí cánh thành.

Au royaume des aveugles le borgne est roi : Trong đám mù thằng chột làm vua

Chacun sait ou le bât le blesse : Tâm sự ai nấy biết. Vịt ruồi ai nấy biết.

TOÁN ĐỐ

THI BẰNG TIỂU HỌC

(tiếp theo trang 8)

c) Khoảng đường xe hơi chạy trong 2giờ 30phút 20giây

2giờ = 3600giây × 2 = 7200giây

30phút = 60giây × 30 = 1800giây

20giây = 20giây

9020giây

$$\frac{60\text{km} \times 9020}{3600} = \boxed{150\text{km}333}$$

II.— Bề ngang của cái phòng ; 4th8×3 = 3th6

Bề dài tấm khảm : 4th8—(0m60×2) = 3th6

Bề ngang tấm khảm : 3th6—(0m80×2) = 2th

Bề mặt tấm khảm : 1th²×3,6×2=7th2 = 7th2

Giá tiền tấm khảm ; 30$×7,2 = 216$

Trả lời : Tấm khăm giá : 216$

LUẬN QUỐC-VĂN

LỚP NHỨT BAN TIỂU-HỌC

CHÚ THÍCH : Kỳ trước các bạn đã đọc qua bài luận loại kể chuyện. Đại khái loại kể chuyện là kể lại chuyện thật đầu đuôi và chi tiết như mình đã thấy và thêm vào một ít cảm tưởng riêng, nếu có. Nếu là một chuyện mà bạn chưa từng trải qua thì phải có óc tưởng tượng, và bịa đặt mẫu chuyện, song các chi tiết phải cho có mạch lạc và thực tế mới được.

Vậy nay theo như bài trước làm kiểu mẫu, các bạn hãy làm một bài luận cùng một loại như sau :

ĐẦU ĐỀ : Có một lần anh phải đi tiễn một người bạn hay bà con đi xa bằng xe lửa. Vậy anh hảy kể lại cuộc tiễn biệt ấy, các điều anh thấy ở nhà ga, trên xe lửa và mọi cảm tưởng của anh.

DÀN BÀI : I.= Cơ hội nào mà anh được đi tiễn bạn.

II.— Cảnh ở nhà ga : A) lúc chờ đợi: B) sự hoạt động của hành khách và người tiễn đưa.

III.— Xe lửa tới : A) thấy khói từ đàng xa và tiếng ầm ầm, còi tàu v.v. B) khi xe tới : C) bộ hành chen lấn lên xuống : D) quang cảnh nơi sân tàu: Đ) sự gặp gỡ vui mừng.

IV.= Sự nhộn nhịp của bạn anh và anh : A) bạn anh lên xe lửa : B) sự khuân vác hành lý : C) anh giúp bạn anh : D) câu chuyện trong khi tàu chưa chạy.

V.— Tàu đi: A) các hiệu lịnh của viên ga trưởng và xa trưởng: B) tàu huýt còi và đi xa lần: C) quang cảnh trên sân ga lúc ấy: D) sự im lặng, và những người đi tiễn chân trở về : Đ) nỗi lòng và cảm tưởng của anh lúc ấy và khi lững thững về nhà.

HOÀNG-TRỌNG-VIỆT và THIỀU-LĂNG-QUÂN

LOẠI TẢ CHÂN VÀ TẢ CẢNH

CHÚ THÍCH : Trong loại nầy phải tả sự thật và các điều mình thấy tận mắt và quan sát. Lối văn phải gọn gàng, rõ ràng, không kéo dài, không ngân nga, khi vui buồn đều phát biểu rõ rệt.

ĐẦU ĐỀ : Anh đang đứng chơi trước cửa nhà. Có một bà lão ăn mày tới xin anh bố thí. Anh hảy tả cảnh người ăn mày ấy và nói mọi cảm tưởng của anh.

DÀN BÀI : I.= Trước nhà anh.

II.— Bà lão ăn mày tới. Mặt mày, thân hình. Áo quần. Đồ vật. Bộ tịch.

III.= Anh cho tiền. Cử chỉ của anh, của bà lão ăn mày.

IV.— Bà lão đi. Cảm tưởng của anh.

BÀI LÀM

I.— Một hôm Chúa nhựt, nghỉ học tôi ở nhà ra sân đánh banh bông cùng em tôi. Nó vừa đánh vừa ăn cái bánh bao mà chị tôi vừa đi phố về mua cho. Một quả banh tôi đánh hăng quá, em tôi lập cập đở không kịp hất, ra ngoài

làm văng cái bánh xuống đất cát. Tôi đang ân hận thì tiếng chó sủa vang lên. Chúng tôi dòm ra ngoài.

II.— Một bà lão ăn mày già cả chống gậy khệnh khạng tiến vào, Bà ấy đã già lắm, đi rất khó nhọc với cái gậy tre. Có lẽ đã gần bảy chục tuổi, nên mái tóc bạc phếu hai mắt lòa và đỏ hoét, gần như không thấy đường đi. Bà mặc bộ đồ vải cụt, rách rưới, lâu ngày đã bạc thếch đi vì bụi đóng và nhiều miếng vá loang lổ, nhằng nhịt. Chiếc lưng ốm như lá khô, quằn cong trên chiếc gậy yếu ớt. Tay, cẳng khẳng khiu như que củi. Bên hông trái bà mang một cái đẩy, có lẽ là đựng áo quần. Bên mặt mang một cái bị rách, cũ nát, không nặng gì cho lắm và hầu như trống không, trừ một ve nước và vài cái lon thiếc, đôi đủa mòn, Mặc dầu con chó cứ sủa và nhảy chồm lên, bà lão vẫn quơ gậy và tiến vào. Hình như thần đói xô đi, bà không sợ con thú dữ đang sủa.

III.— Tôi chạy ra, đuổi con chó, Bấy giờ bà lão mới đưa cái giọng khàn khàn, đau yếu và thiếu cơm cháo mà rền rĩ, kêu rêu : «Lạy ông, lạy bà thân tôi già yếu tật nguyền, đói nằm một chỗ trọn ngày hôm qua đi không buồn nỗi, xin ông bà bố thí cho it hôt cơm làm ân, làm phước !» Tôi nhìn kỹ thì bà ấy đói thật, đói gần lả người đi và thở hào hển như muốn đứt hơi. Tôi cảm động quá, sờ túi còn một đồng bạc, tôi đem cho cả, nhét vào bàn tay gân guốc, còn da bọc lấy xương của bà. Em tôi, còn năm cắc giấy, cũng đem cho luôn. Bà lão cầm tiền, nở một nụ cười tuy héo hon nhưng sung sướng. Bà ngước cặp mắt mờ, ướt át và đỏ ngầu nhìn chúng tôi mà nói : « Cám ơn các Cậu, các Cậu lớn phước lắm xin trời độ các cậu mạnh chân khỏe tay !» Rồi bà lão gật đầu chào, chống gậy từ từ bước ra. Con chó nảy giờ mải lo ăn cái bánh của em tôi đánh rơi, cũng bận không ra sủa nữa.

IV.— Chúng tôi ngừng chơi, chạy ra tận cửa dòm theo con người già cả, bạc phước, khập khểnh đi lần khuất sau góc phố. Tôi nhìn em tôi ân hận vô cùng Tôi suy nghĩ miên man : Chúng tôi có cha có mẹ, cho ăn cho mặc dư, một miếng bánh ngon lành quí hóa rơi xuống đất không hề tiếc, thế mà ngoài xã hội còn bao kẻ khổ sở, tật nguyền đói rách, phải đi kiếm miếng cơm thừa canh cặn không có. Tự bây giờ lòng tôi thường se lại, rất tiết kiệm và cưu mang kẻ nghèo.

DƯỢC-TÁNH TRÍCH-YẾU (*tiếp theo trang 33*)

sưng nứt hậu môn, ngứa ngáy, nhức nhối hậu môn.

Cách dùng : Nếu bịnh ở trong hâu môn thì dùng ống thụt vào. Ở ngoài bóp ra mà bôi, mỗi ngày 2 hoặc 4 lần

Nhà bào chế : André Guillaumin, 13 đường. Cherche Midi Paris

Điển-tích Văn-học

của BÁCH-VIỆT-TỬ

Cửu tộc : Chín đời : chiu. chắt, cháu, bản-thân, (ta), cha, ông, cố, tằng, tổ.

Chín chữ cù lao : Cửu tự cù lao : **sinh**: cha sinh. **Cúc**: đẻ (mẹ đẻ) **phủ** : vỗ về. **Dục** : nuôi cho lớn ; **Cố** : săn sóc, chăm nom ; **Phục** ; quyến luyến, tríu mến ; **Phủ** : nâng niu, chiều chuộng ; **Súc** ; nuôi dạy ; **Phúc** ; ẵm bồng.

Châu hoàn ; châu hoàn Hợp phố : Hạt châu trở về ; hạt châu trở về đất Hợp Phố. Theo tích ngày xưa nước ta, còn gọi là Giao-Chỉ bị nhà Hậu Hán bên Tàu qua cai trị, thấy đất Hợp Phố có hạt châu nhiều nên bắt dân gian mò kiếm đem nạp. Tục truyền rằng vì thấy chính sách hà khắc ấy mà hạt châu tự nhiên biến mất hết. Đến khi Mạnh Thường qua làm Thái Thú, dùng nhơn nghĩa mà trị dân thì hạt châu lại trở về nhiều. Do tích nầy, Châu về Hợp Phố có nghĩa bóng là của mất đi lại tự nhiên thấy trở về.

Châu-Hy : Một danh nho đời nhà Tống, nổi danh văn học và đã chú thích, bình giảng bộ Tứ Thư cùng trước tác rất nhiều sách.

Châu-Trần ; Họ Châu và họ Trần. Theo tích ngày xưa họ Châu và họ Trần kết hôn cùng nhau đời nầy qua đời khác rất trường cửu. Vì vậy mà nghĩa bóng chỉ về việc hai nhà kết hôn được vĩnh cửu. Ví dụ : Xin mừng hai họ Châu Trần tốt duyên.

Chiến-Quốc : Thời đại thượng cổ của nước Tàu kể từ năm 403 đến năm 221 trước T. C. Giáng sanh, bảy nước mạnh luôn luôn tranh giành bá quyền và đánh nhau, gọi là thời Chiến Quốc. Bảy nước ấy là Hàn, Ngụy, Tấn, Yên Triệu Tề, Sở.

Chu-công : ông vua nối nghiệp cha là Chu văn Khương, lập ra chế-độ lễ nhạc, định ra nghi thức quan, hôn, tang, tế và được coi như người có công nhứt trong Văn hóa Đông phương.

Chu-đôn-dy : Một danh nho và nhà triết học đời nhà Tống, trước tác rất nhiều sách về lý học, sanh vào khoảng năm 1017, thọ 56 tuổi.

Chung-kỳ (chung-tử-kỳ) Một người bạn tri âm của Bá Nha đời Xuân thu. Bá Nha gảy đàn Chung Kỳ nghe biết Bá Nha đang nghĩ trên núi hay nghĩ dưới sông. Ví dụ : Chung Kỳ chết, e đập đàn không gảy nữa (Phan bội châu).

TRANG KHOA-HỌC

KHOA-HỌC ÁP-DỤNG

của Kỹ sư LÂM VĂN VẢNG

Phần đông mấy ông, mấy thầy làm việc trong các ty các sở cho đến các học sanh ở các trường tưởng không mấy ai còn lạ gì với thứ thuốc tẩy mực hiệu « cò-rét-to » mà tiếng Pháp gọi là Encrivore thường dùng ở trong bàn giấy. Thuốc ấy gồm có hai chai vuông vức đựng trong một cái hộp giấy. Mỗi chai có đậy bằng một cái nút cao su. mỗi cái nút lại có cặn ngay giữa một cọng chai nhỏ và dài cỡ cây móc tay của mấy cô mấy bà ghim trên tóc, dùng để chấm thuốc đựng trong chai.

Một, trong hai chai, thì đựng một thứ nước trắng, chế bằng thuốc số.đi.um sul.fít a cid (sulfite acide de soude) pha nước một chai kia thì để không, hộp có đựng một gói thuốc tìm khi mua về, mới để thuốc ấy vào chai rồi rót nước cất, hoặc nước mưa cho tan thuốc. Thuốc tím chỉ pha trước khi dùng, nếu pha thuốc lâu nó sẽ hư đi ; đó là đặc tánh của po.tat pet.măn ga nat (permanganate de potasse).

Nếu muốn tẩy một đốm mực trên giấy, người ta lấy nút chai thuốc tím, có cọng chai nhỏ mà chấm thuốc lên chỗ dấu mực cho ăn trùm rồi đợi một hai phút đồng hồ mới dùng thuốc trắng mà chấm lên ; tức thì dấu mực sẽ tiêu mất, mà luôn cả thuốc tím cũng biến thành màu trắng nữa. Bấy giờ chỉ còn dùng giấy chậm sạch mà chậm lên cho ráo nước. Dấu mực đã bay mất mà chỗ giấy cũng vẫn trơn láng như thường.

Người chế tạo có sáng kiến đem áp dụng một phép biến hóa của vài chất hóa học để thâu lợi.

Trên trường thương mải, nhờ sự cạnh tranh, ta mới thấy tiến bộ. Mới đây có một người khác cũng dựa vào toa thuốc nói trên nhưng lại để thuốc tím vào ống chai đựng trong một cây cán viết kiểu viết máy. Đầu nhọn của ống thuốc bị cắt đứt và chui ra ngoài giống như mủi nhọn của cây viết chì. Mỗi khi dùng, người ta chỉ nhểu xuống một giọt thuốc tím ngay dấu dơ. xong rồi dùng một ống khác có thuốc trắng mà nhểu lên cho bay dấu mực và thuốc tím. Sau rốt hết người ta mới trở đầu cây viết máy lại mà chậm nước thuốc đã biến màu, cho ráo, vì đầu nầy có một cuốn giấy chậm ở trong.

Các bạn có sáng kiến, ráng tìm một phương pháp tiện hơn và khéo hơn đi.

CÁO LỖI.— Vì ông Trịnh-đình-Thảo, Luật khoa Tấn-sĩ công việc đa đoan nên chưa viết kịp bài danh-từ luật-học và các bài khảo cứu các luật V.-N.

Vậy xin cáo lỗi cùng bạn đọc và xin hẹn trong các số tới, khi ông được thư thả.

TÒA SOẠN

TỐC-KÝ VIỆT-NAM

phương-pháp Thiếu-Lăng-Quân

LỚP TRUNG-CẤP

Kính gửi ông Trần-văn-Thành
Giám-đốc hiệu Đức-Lợi
86 Phố Đoàn-Trần-Nghiệp Saigon

Kính Ông,

Tôi rất lấy làm hân hạnh tin ông rõ số hàng gồm có 30 kiện vãi trắng 25 kiện vải đen, 1200 thước lụa Hà Đông hạng nhì, tôi đã gởi ngay chuyến máy bay hôm nay do hãng Việt-Nam Không-Vận Công-Ty,

Tiền cước phí tổng cộng là 4.920$. tôi đả trả tất cho công-ty nói trên và đã kê vào với đơn hàng. gộp lại cộng là 86.470$. Vậy được thư và hàng hóa xong xin ông gửi trả cho số tiền nầy do nhà Bình - Dân Ngân - Hàng chuyển giao.

Tôi xin nhắn ông rằng các hàng hóa mỗi lần gửi bằng máy bay ông nên cho bảo kê ở hãng Việt Hùng thì hơn vì chúng tôi biết nhà nầy rất đúng đắn và công việc nhanh chóng hơn.

Hàng the đen đã hết. Ngoài chúng tôi chỉ còn the màu tím và màu lam là thứ hợp thời trang hơn. Ông nên mua về bán thử. Luôn đây tôi có kèm theo 10 mẫu hàng nhiễu và lương bông. ông xem ở trong ấy có tiêu thụ được không.

Luôn luôn tận tâm và nhanh chóng với sự chiếu cố của ông, chúng tôi xin chúc ông vạn an và quí hiệu phát đạt.

HOÀNG TRỌNG-HIỂN

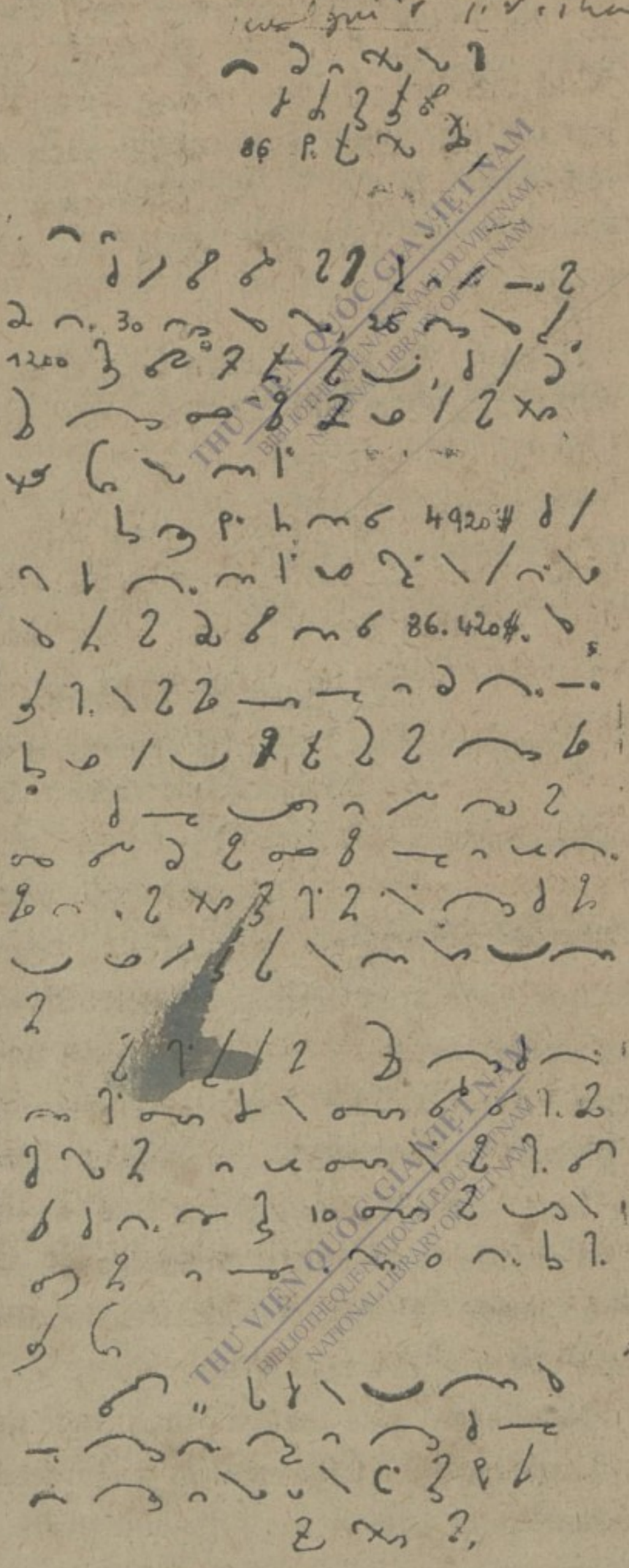

CHÚ THÍCH.— Tốc ký Việt Nam phương pháp Thiếu Lăng Quân chia ra làm 3 lớp : lớp Sơ cấp cho các bạn mới bắt đầu học, lớp Trung cấp cho các bạn đã đọc và viết được khá rồi. Lớp Cao cấp cho các bạn đã thành chuyên nghiệp. Lớp sơ cấp sẽ đăng lại ở CẦN HỌC bắt đầu từ số 3, với những lời giải và sự trình bày rất khoa học.

T.L.Q,

LECTURE RÉCRÉATIVE

L'appétit est le meilleur des assaisonnements

Darius, en fuite, but une eau trouble et souillée par des cadavres et dit à ses compagnons : «Certes, je n'ai jamais bu de meilleure eau !» Evidemment il n'avait jamais bu en ayant soif.

Ptolémée, roi des Egyptiens n'avait jamais mangé en ayant faim. Car, celui-ci, ayant traversé une région désertique, s'arrêta devant une humble chaumière où il mangea avidement d'un pain grossier en s'écriant : «Je n'ai jamais vu de pain aussi meilleur que celui-ci !»

Enfin Dionysius, tyran de Syracuse, ayant diné par hasard à Lacédémone, nia que la sauce noire du plat principal (qui lui fut servi) lui eut plu. Alors celui qui avait préparé le repas (son hôte) lui dit : «Rien d'étonnant, parce que les assaisonnements y ont manqué !» — «Lesquels enfin ?» demanda Dionysius. — «Le travail, la course, la faim, la soif. Car les repas des Lacédémoniens sont assaisonnés par toutes ces choses.»

Georges Gélot
Version latine (Devoir d'élève retouché)
(d'après Cicéron)

L'incendie chez le poète,

La maison de mon voisin et ami Rufus que vous avez connu fut détruite par un incendie, et tout fut brûlé, sauf ce qu'on a pu enlever. Ce fut certes un triste spectacle. Mais cependant il y avait de quoi rire, comme tous s'empressaient d'emporter ce que chacun pouvait. Celui-ci prenait la petite table, celui-là enlevait les deux sièges, et succombant vraiment sous leur poids s'asseyait sur l'un d'eux ; l'un emportait sur ses épaules le lit qu'il avait enlevé de la chambre à coucher, l'autre soulevait je ne sais quoi dans ses mains. Pendant ce temps, le maître, toujours placide, comme d'ordinaire avait soigneusement écrit sur des tablettes ce que chacun avait pris, tout à coup il s'écria : «Est-ce-que vous n'avez pas sauvé mes poèmes qui sont cachés dans le coffre de ma chambre à coucher ? Enlevez-les, enlevez-les promptement » Alors plusieurs esclaves accoururent pour sauver ses précieux poèmes. Bientôt ils sont emportés sous les yeux du maître en joie ; car, comme vous savez qu'il se juge grand poète....

Pétrus Khanh
Version latine
(d'après Pline Le Jeune)

TRANG Y-HỌC

DƯỢC-TÁNH TRÍCH-YẾU

của bác-sĩ HUỲNN TẤN TRỌNG

A-XÊ-CÔ-LIN PA-PA-VÊ-RIN
(Acécoline Papavérine)

Trình bày : Thuốc chích thịt. Hộp 3 và 8 ống. 0g02

Tánh chất : Thuốc có chất a-xê-tin-cô-lin (acétylcholine)và phê-nín ly-cô-lát (phnylglycolate)

Chủ trị : Bịnh sưng mạch .máu, bịnh động mạch, bịnh động kinh, chứng đau đầu một bên do thần kinh, bịnh bất tỉnh nhân sự, chết dả. huyết tắc v.v.,

Cách dùng : Chích từ 1 đến 4 ống mỗi ngày tùy theo cơn bịnh và lời dặn của lương-y.

Nhà bào chế : Lematte & Boinot, 52 đường La Bruyère Paris.

A-XÊ-CÔ-LIN ÉT-PÁC-TÊN
(Acécoline spratéine)

Trình bày: Thuốc chích thịt. Hộp 3 và 8 ống.

Tánh chất : Thuốc có chất a-xê tin cô lin và ết-pac-tên (spartéine)

Chủ trị : Bổ tim, tim đánh mạnh, tắc huyết. kinh. mất trí khôn, bất tỉnh, sưng t ái tim, sưng mạch máu v.v.

Cách dùng : Mỗi ngày chích từ 1 đến 3 ống.

Nhà bào chế : Lematte& Boinot 52 đường La Bruyère Paris.

A-XÊ-CÔ-LIN Long nảo
(Acécolin—Camphre)e

Trình bày : Thuốc chích thịt. Hộp 3 và 8 ống,

Tánh chất : Thuốc có chất a-xê-tin-cô-lin và long não.

Chủ trị : Cáe bịnh về tim, mạch máu, suy nhược thần kinh và toàn thận v.v...

Cách dùng : Chích thịt, 1 ống buổi sáng và một ống buổi chiều,

Nhà bào chế : Lematte & Boinot 52 đường La Bruyère Paris.

A-CÊ-CÔ-LẾCH
(Acécolex)

Trình bày : Thuốc thoa, Hộp 35gam.

Tánh chất : Thuốc dầu đặc, có chất a-xê tin cô lin, făng côn(fenchone) và ti tan (titane)

Chủ trị : Sưng gan, bong gân, sưng mạch máu, mụt trong mạch máu.

Cách dùng: xức thoa khi mổ xẻ

Nhà bào chế : Lematte & Boinot, 52 đường La Bruyère Paris.

A-XÊ-DIN GUY-DÔ-MANH
(Acésine Guillaumin)

Trình bày : Đựng trong ống kẽm mềm. Thuốc dùng thụt vào hậu môn.

Tánh chất : Thuốc chất cao (pommade)

Chủ trị : Bịnh trĩ, lòi trê. gờê lỡ ở hậu môn. (xem tiếp trang 28)

LỚP DẠY VẼ

PHỎNG-TÁC

THẤY—NHỚ—TẠO RA HÌNH

tiếp theo

Môn phỏng-họa gồm có ba đại-cương : Thấy, Nhớ, Tạo nên hình. Nhìn một vật rồi quay mắt ngó lên tờ giấy để mô tả lại hình ảnh vật ấy. Công việc đó dầu có ngắn đến đâu cũng là một hành động bằng trí nhớ. Bởi vây cho nên muốn học môn phỏng họa, học sanh phải có liên tiếp sự cố gắng của mắt để thấy, của trí để nhớ và của tay để vạch lại bằng nét hình của vật mình đã nhìn thấy. Trông qua sự cố gắng cần thiết ấy thì có cố gắng của trí nhớ là lớn lao hơn cả. Người ta cũng có thể xem trí nhớ như là nền tảng của môn vẽ. Vì chính nó nối liền con mắt với bàn tay nghĩa là nó điều khiển tay ta vạch những nét để ghi lại hình ảnh mà mắt ta nhìn thấy ; vì thế nếu trí không nhớ được rõ rệt hình ảnh thì làm sao mô tả lại cho đúng được. Khoa phỏng họa cốt làm cho phát triển ba năng lực nói trên và vừa dẫn dắt đến chỗ hợp nhứt hoàn toàn là đặc tính của khoa vẽ. Muốn đoạt được mục đích : có hai phương-tiện,

PHƯƠNG TIỆN THỨ NHỨT : Trước hết phải tập luyện mắt bằng cách châm chỉ ngó một vật nào, sau một lúc quan sát, kế đó ta nhắm mắt lại ta thấy vật ấy còn hiện lờ mờ dựờng như bị giam giữ giữa mắt và mí mắt ta Hình ảnh ấy thoáng thật nhanh và tiêu tan ngay khi mở mắt ra, nhưng nếu ta được chút thuần thuộc thì có thể vẽ nó lại đặng Vậy ta cứ lập đi lập lại như thế ấy con mắt lần lần càng thấy thêm tinh xảo mà ta không ngờ. Và khi ta đưa mắt qua lại rất mau từ vật kiểu mẫu đến trên mặt giấy để thử ghi lại hình ảnh của vật ta trông thấy đó là ta cũng vừa làm một cố gắng về trí nhớ thụ động. Ở trường hợp nầy nảo-óc ta khác nào một tấm kiến thâu ảnh con mắt ta là ống kiến của máy ảnh để rút ảnh vào kiến Nhưng ta phải ngó lên ngó xuống nhiều lần, liên tiếp từ vật kiểu mẫu lên trên mặt giấy (trong một thời gian ngắn ngủi) nên mỗi lần ta ngó rất ít. tất nhiên chỉ còn nhớ lại một phần những gì ta đã trông thấy hay còn ít hơn nữa. Và mỗi lần mắt ta thâu vào trí nhớ được một hình ảnh nào thì trí nhớ lại do theo đó điều khiển bàn tay để ghi lại cho đúng.

Như vậy muốn mô phỏng lại cho giống, một vật gì trước mắt ta, tức nhiên ta phải làm đi làm lại liền liền cái cố gắng nhỏ nhít ấy nơi mắt, nơi trí nhớ lờ mờ và nơi bàn tay để lần mò từng nét. Vì phải làm những cố gắng liên tiếp nên chẳng bao lâu ta thấy mệt mà sự mệt nhọc làm giảm cả ba khiếu nói trên. Nhưng công việc của bàn tay là công việc ít nhọc trí hơn hết, nên mặc dầu hai khiếu kia đã thuyên giảm, tay ta vẫn còn ham thích để tiếp tục vẽ một cách thản

nhiên. Như vậy ta sẽ làm mất thăng bằng giữa ba năng lực (của thị-giác-khối-óc-và -sự thuần thuộc của bàn tay) Cho nên nếu áp dụng một cách độc nhứt phương-tiện nầy thì thật là sơ sót vậy. Cần phải bổ khuyết nó bằng phương tiện dưới đây.

PHƯƠNG TIỆN THỨ NHÌ : Phương tiện nầy căn cứ vào sự giải tách món vật mà người ta định mô phỏng lại, nghĩa là tìm ra những đặc điểm căn bản của vật trước mắt, và những đặc điểm ấy có liên quan thế nào với thể thức về QUANG HỌC (luật nhìn thấy). Vì khi ta quan sát châu đáo một vật nào và nhờ có giải tách cho lý trí thấu rỏ vật ấy thì não óc ta càng ghi lại rõ rệt ấn tượng của hình ảnh đó. Theo đây thì ta nhận thấy phỏng họa là một việc do lý trí suy xét hơn là do giác quan cảm-thông.

Nên phương pháp giáo-khoa là phải giải-thích cho học sanh hiểu những lý do của cảm xúc và cho nó biết tại sao nó lại phải thấy như thế khác : vì khi mới tập vẽ người ta ngó mà không biết được mình ngó đúng hay sai. Về khoa đào luyện nghệ sĩ, tự nhiên ta phải biết kính nể đặc tánh của học-sanh và cái đẹp trong chỗ ngây thơ, vì chính nó là tinh hoa của cá-tánh.

Nhưng vậy ta phải xem những nguyên tắc căn bản của môn vẽ như là một khoa học mà giáo sư phải cưỡng bách học sinh học lấy nằm lòng vì đó là điều cần thiết, nhưng cũng đừng vì đó mà bóp chẹt những gì tốt đẹp trong tư chất của học-sanh.

Trong trường hợp nầy giáo sư phải biết tự « ước liệu » lấy sau một thời gian dạy dỗ sơ-lược. căn cứ duy nhứt trên lý trí.

Khoa phỏng họa tóm tắt là dạy cho biết đọc bằng mắt biết nhớ bằng trí và viết ra được bằng nét. HÌNH ẢNH của vật ta trông thấy.

BÚI - VĂN - KỈNH
THÁI - VĂN - CẦN
Giáo - sư Hội - Họa

Lớp dạy Tốc-ký V.N. Truyền-bá

Muốn truyền bá, phổ-thông và đối một cảm tình riêng của trường, TƯƠNG-LAI HỌC ĐƯỜNG, chúng tôi mở lớp dạy Tốc ký, do bạn Thiếu-Lăng Quân đích thân dạy. Hạn học 2 tháng thành tài ,học phí tất cả chỉ có 40$. Trừ một phần học trò trong trường có nhận thêm một số học trò ở ngoài. Vậy xin mời quý bạn lại trường ghi tên và đóng tiền trước để dành chỗ, Nhận có hạn, Khóa sau khai giảng 1er Mai 1950

Xin mời lại :
TƯƠNG LAI HỌC ĐƯỜNG, 188 đường Paul Bert — TANDINH

BỨC THƠ HỌC SINH

SAIGON, ngày 28 dương-lịch 1950

Chị Kiều Liên

Tiếp được thư chị rất lấy làm hoan hỉ, nhất là được chị vui lòng giúp cho tập Cần Học. Em đã mạn phép chị mà đăng bức thư của chị lên tập Cần Học về vấn đề mà mà chị nêu ra. Vấn đề ấy quả thực rất hợp thời và được các giới chị em hoan nghinh, gửi về Tòa Soạn vô số thơ. Ý kiến thì rất nhiều em gửi theo đây cho chị tất cả mớ thơ 17 cái ấy chị xem để chị thêm tài liệu.

Riêng đây có một bức thơ của chị Trần thị Thành bạn cũ. ý kiến rất hay và thiết thực, tôi xin đăng nguyên văn để hiến độc giả rộng thêm đường dư luận.

(Bức thơ nầy em có sửa lại đôi danh từ)

Kính gửi các Chị Phương Chi và Kiều Liên.

Thôi ghế nhà trường đã ba năm nay rồi em trở về một nơi xa vắng, nhưng vẫn vọng lại thành để tìm tin tức các chị em.

Hôm nay đứa em của em đem về một tập Cần Học xem qua em chú ý đến mục bức thư Học Sanh và không ngờ thấy tên của hai chị bạn cũ. Chi và Liên, với một vấn đề phong hóa nước nhà, em vui mừng khôn xiết, vội vàng gửi lên chị bức thư nầy với một vài ý kiến thiển cận.

Lý do của các chị đưa ra rất cứng rắn nhứt là chỗ quan sát bộ đồ bà ba kém vẻ thanh lịch cổ truyền của nước Việt Nam,

Theo ý em thì bộ đồ bà ba nên mặc như ở Trung và Bắc hiện nay, nghĩa là nên mặc trong nhà. Một khi ra đường phải mặc đồ khác hoặc đồ dài, hoặc đồ cụt may dài hơn, kín đáo hơn.

Nhưng hay hơn là phải cải cách bộ đồ ấy về phương diện mỹ thuật cũng như phong hóa.

Phân tách ra, bộ đồ ấy có ba sự tiện lợi :

1— Gọn gàng và tiện lợi không bận bề.

2— Tiết kiệm và thông dụng từ già chí trẻ.

3— Mát mẻ, hợp với xứ nóng.

Hai sự bất tiện :

1— Kém kín đáo và nếu may bằng hàng và ngắn thì lại càng khiêu khích quá.

2— Kém thanh lịch từ trong trường đến ngoài xã hội.

Phân tách như thế để không phải là loại bộ đồ bà ba ra ngoài, nhưng để mong các nhà họa sĩ kiểu áo, các bạn có tâm huyết với thuần phong mỹ tục nước nhà châm chế mà sửa đổi bộ đồ ấy lại cho được hoàn toàn,

Để thêm vào chỗ đó, em xin nhắc lại việc bộ đồ bà ba đã có một lịch sử hàng ngàn năm.

Theo sự hiểu biết do lịch sử để lại thì nước ta cũng như nước Tàu xưa kia có hai thứ đồ mặc : đồ dài và đồ cụt Các xứ Thổ, Mán, Lô-lô, Nùng hiện nay ở biên giới Hoa Việt vẫn còn mặc.

Nhưng ta nên nhấn mạnh rằng các đồ cụt ấy đều may khỏi đít lối một tấc, chẻ kín trước cũng như sau. Ta cứ nhìn vào các đồ cụt của đàn bà Tàu mặc hiện nay và các đồ cụt của các bà xưa mặc thì thấy rõ sự kín đáo ấy,

Ngày nay, có lẽ từ 10 năm lại đây, thì kiểu áo ấy tự nhiên mất bản tính : bị may vắn đi và với các thứ hàng mỏng, Có nhiều chị mặc cái áo xấp xỉ với lưng quần hoặc xuống chỉ quá một tấc; Nhiều cái áo lại biến ra tay cụt, rồi « búp phăng » và thành ra áo nịt (xanh tờ rê).

(Xem tiếp trang 38)

Chuyện ngắn học-sinh

CON MA XANH

của Nguyễn vạn-An

(Tiếp theo)

Sau đó ít lâu, một ngày kia Nùng đang ngồi ngẫm-nghĩ về câu chuyện cũ, thì ở dưới sườn đồi, một chiếc xe hơi bon bon tự mé xa tiến lại. Đến trước cửa sắt lên biệt thự thì ở trên xe một người thanh niên mặc âu-phục bước xuống rồi men theo con đường dốc lên trên. Nùng ngơ-ngác còn chưa nhận ra xem ai thì người thanh niên đã lên tiếng gọi. Bấy giờ Nùng mới nhận ra ông Lộc, một người bạn cũ rất thân của ông Châu, trước kia vẫn hay lui tới giao thiệp với ông Châu trên biệt thự.

Vắng đi mấy năm trời, chàng qua Pháp du học nên chính tin ông Châu mất, chàng cũng không biết.

Nùng gặp bạn cũ của chủ, nhớ lại chuyện xưa, ứa nước mắt kể cho Lộc nghe cái chết huyền bí của chủ mình và Nùng còn quả quyết rằng ông Châu chết không phải vì bịnh mà vì một lẽ gì huyền bí vậy.

Con ma về...

Lộc tò-mò muốn khám phá bí mật hiện đang bao phủ cái biệt thự của ông Châu. Chàng bèn định tâm ở lại để mong kiếm được vài tia sáng trong cái chết bất ngờ của ông Châu.

Ngay bửa chiều hôm ấy, sau khi dùng cơm với Nùng trong biệt thự, Lộc nhất định bảo Nùng dọn gian phòng của ông Châu để chàng nghỉ tối hôm ấy Nùng sợ hãi không dám vâng lời, nhưng Lộc cứ nhất định quả quyết bắt Nùng phải chiều theo ý mình.

Nùng bất đắc dĩ phải vâng lời, nhưng trong bụng lúc nào cũng nôn nao áy náy chỉ sợ xảy ra chuyện gì thì Nùng sẽ hối-hận suốt đời.

Tối hôm ấy, Lộc soi đèn bấm, khám xét hết cả gian phòng không thấy có gì lạ, chàng yên trí gối bên đầu giường một khẩu súng sáu, rồi thản nhiên trèo lên giường nằm nghỉ.

Sau khi chợp mắt ngủ được mấy tiếng đồng hồ, Lộc bỗng tỉnh dậy. thấy trên ngực mình hình như có một vật gì nặng nề đè xuống, làm cho chàng rất khó thở, thở một cách rất mệt nhọc khó khăn, như bị một con vật gì bịt chặt lấy mũi, Lộc phải há mồm ra để thở cho dễ. Đầu thì choáng váng, hai bên thái dương nhức như búa bổ, Lộc hết sức định thần để giữ lấy can đảm của mình nhưng sự cố gắng ấy cũng làm cho chàng đê-mê hơn. Rồi suốt đêm như thế, trong lúc tỉnh hoặc ngủ mê đi, mãi đến sáng sớm hôm sau, mặt trời đã dọi vào một vài tia lửa sáng, Lộc mới trở dậy. Chỉ có một đêm,, mà Lộc bị sút hẳn người đi, mặt mũi hốc hác, má hóp, mắt sâu khác hẳn với ngày hôm qua.

Nùng suốt đêm qua cũng không ngủ, anh ta bắc ngay một cái ghế dài nằm ngay ở phòng bên để xem đêm hôm có động tĩnh gì thì anh ta kêu cứu. Nhưng không thấy gì, Nùng mới lại chợp mắt ngủ đi lúc nào không biết. Lúc Lộc dậy, lên tiếng gọi anh ta mới thức tỉnh.

Nùng thấy sự thay đổi quá chóng của Lộc, anh ta hết sức khuyên can, nhưng Lộc chỉ mỉm cười :

— Anh không sợ, tôi biết tại làm sao rồi, chẳng qua cái gian phòng ấy lâu ngày không có người ở, nên khí đất ẩm thấp sinh ra một thứ chất độc tôi thở phải nên người khác đi chứ có ma quỷ quái gì, vả lại ở đây gần rừng núi, khí lam-chướng lại càng độc địa lắm...

Nói rồi Lộc bảo Nùng đi tìm những mồi thuốc lửa thật nhiều, để chàng hun đốt ở trong buồng trong vài hôm, chàng lại đến nghỉ ở cái gian phòng ấy nữa.

Nùng cũng làm theo như lời của Lộc dặn, nhưng trong dạ vẫn áy náy hoài nghi...

Đêm hôm thứ tư, Lộc lại vào đây nghỉ. Nùng tỏ ý cùng muốn vào nghỉ để có xảy ra sự gì để ứng cứu ngay. Nhưng Lộc nhất định không nghe bắt Nùng phải ở ngoài rồi Lộc khóa cửa chặt lại.

Gần sáng, Nùng nghe thấy có tiếng rên rỉ ở trong phòng. Tuy biết hẳn có chuyện gì xảy ra, nhưng vì cửa khóa chặt, Nùng không thể dùng cách gì mà vào được. Tiếng rên rỉ vẫn thế trong độ nửa tiếng đồng hồ thì im hẳn. Rồi từ đó cho đến sáng hẳn không nghe có tiếng gì nữa.

(còn tiếp)

BỨC THƠ HỌC SINH

(Tiếp theo trang 36)

Bộ đồ cụt ấy ngoài Trung, Bắc gọi là áo cánh, áo cụt, áo cộc hay áo vắn. Áo vắn có nghĩa là một cái áo như áo dài nhưng ngắn hơn, trong Nam gọi là bà ba là theo tiếng Mã-Lai vì ảnh hưởng phong tục, cũng như chăn tấm mà ta gọi tiếng Mã-lai là « sà rông ».

Ở Trung Bắc mỗi khi đi ra ngoài trai như gái, làn ông như đàn bà đều mặc đồ dài. Các nữ học-sinh cũng đều mặc đồ dài và kín đáo đến nỗi mỗi khi đi ngang cầu Tràng-Tiền sợ gió bay tà áo, thiếu kín đáo, nên các chị lấy tay cầm chéo áo lại. Ở Huế cũng có nhiều thanh niên « mất dạy » cứ mỗi chiều đi ngang cầu Tràng-Tiền rình nhìn trộm song các chị quí kín với cheo áo mà họ không thể tò mò được.

Nói như thế để rồi kết luận : Em muốn rằng bộ đồ bà ba sẽ may dài hơn một tấc hoặc tấc rưỡi và muốn cho lẹo thì chỉ dùng áo vãi trắng quần đen. Màu đen là màu kín đáo và không nên bất cứ dùng một thứ hàng mỏng hoặc láng mà may đồ bà ba.

Đó là một điều giản tiện và không cần phải phí bút mực cho nhiều với vấn đề ấy.

Mặc dầu, nếu các chị em ai có ý kiến gì hay về vấn đề này, các chị nên gom góp và đăng tải lên báo để tiện đường dư luận.

Thân ái chào các chị an vui ở thành,

TRẦN-THỊ-THANH — *Hốc-Môn*

KỲ SAU ; Bức thơ của chị Võ Diệu-Liên, nữ sinh-viên trường Đại-học Tôn-Dật-Tiên ở Quảng-Châu.

TRANG GIẢI TRÍ

Ô CHỮ

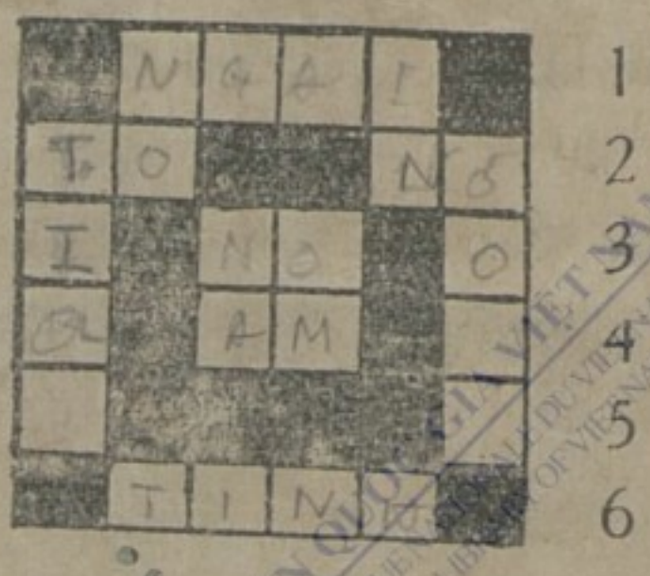

HÀNG NGANG. **1b** Trịnh - trọng hơn tiếng «Ông». **2a** Đồng nghĩa với tiếng «Lớn». **2đ** Một màu nhuộm áo ở Bắc-Việt. **3a** Đi theo với tiếng «Ca». **3c** Hết đói. **3e** Quả trứng gà, **4a** Chữ cái đầu, **4c** Cái miếu nhỏ. **4e** Chữ cái đàn anh. **5a** và **5e** Chữ cái đàn anh. **6b** Con mắt dòm được.

HÀNG ĐỨNG, **a** Một thứ cũi cháy. **b1** Không đói. **b6** Chữ cái trước U. **c1** G. **c3** Một thứ trái cây. **c5** Tiếp theo «ca». **d1** Tiếng than. **d3** Ồn-ào, **d6** Ấ, **đ1** Dùng máy viết thành chữ. **đ6** Chữ cái giống cái ná. **e2** Nuốt nước vào họng.

TRẢ LỜI:

NGANG: Ngài-To-Nu
H-Nọc-Ổ-A-Am
N-N-N-Thầy
ĐỨNG: Thun-No-T-G-Na
H-Á-Om-Ấm-Im-Y-Ương.

CÂU THAI

CÂU THỨ NHẤT.

Đưa thân cho thế gian ngồi
Rồi ra lại nói những lời bất trung.

XUẤT VẬT: Một đồ dùng trong nhà V.-N. *Chú ý:* Câu thai là một trò đố vui trong dân gian, cổ truyền của V.-N. giống như bên Pháp chơi trò «devinettes». Phàm là người V.-N. không nên bỏ qua trò chơi ấy.

CÂU THỨ HAI.

Đem lòng giãi với nước nhà.
Người mà không thấu trờiđà thấu cho

XUẤT VẬT: Một đồ dùng của mọi nhà.

TRẢ LỜI:

I. Bộ ván ngồi, phản. II. Cái mảng xối.

— Ông Họa-sĩ à, ông vẽ đẹp lắm, nhưng ông làm ơn viết dùm tôi câu nầy lên tường nhà tôi cho con nó học.

— Câu gì?

— Câu « đíc-tê rờ răng xe » tôi vừa mới nghe. Này: « Re vuy xanh rờ li gi ơ, xanh đờ lước co ê đết pờ ri, xanh đờ lước xanh tuya ê póoc tăng xuyếc lước xanh lơ xanh đuy xanh Pe rờ »!

— Ừ được! eó khó gì! Này viết: «J'ai vu cinq religieux, Saints de leur corps et d'esprit, ceints de leur ceinture, et portant sur leur sein le Seing du Saint-Père!»

TRANH THỨ HAI: HỌ HỒNG BÀNG

THẾ-KỶ 29 TRƯỚC TÂY-LỊCH CÓ VUA ĐẾ-MINH CHÁU 3 ĐỜI VUA THẦN-NÔNG, ĐI TUẦN THÚ PHƯƠNG NAM ĐẾN NÚI NGŨ-LĨNH THÌ LẤY VỢ SANH CON LÀ LỘC-TỤC

LỘC-TỤC ĐƯỢC PHONG LÀM VUA PHƯƠNG NAM LẤY HIỆU LÀ KINH-DƯƠNG-VƯƠNG, TÊN NƯỚC LÀ XÍCH-QUỶ ĐẤT ĐAI CHIẾM TỪ TỈNH HỒ-NAM ĐẾN BIỂN NAM-HẢI, GIÁP CHIÊM-THÀNH

CON KINH-DƯƠNG-VƯƠNG LÀ LẠC-LONG-QUÂN LẤY BÀ ÂU-CƠ, PHONG CON TRƯỞNG LÀM VUA MIỀN NAM, TỨC LÀ ĐẤT VĂN-LANG, NƯỚC TA NGÀY TRƯỚC

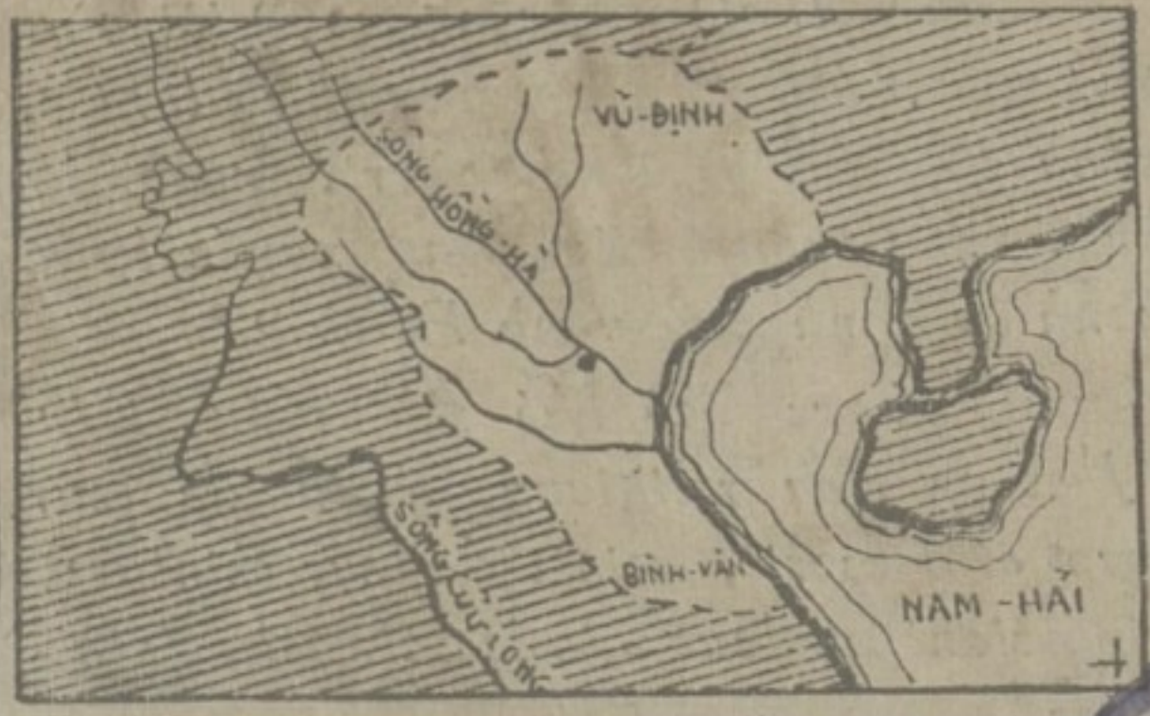

ẤY LÀ HỌ HỒNG-BÀNG LẬP QUỐC CHIA NƯỚC LÀM 5 BỘ TỪ VŨ-ĐỊNH (CAO-BẰNG) ĐẾN BÌNH-VĂN (QUẢNG [illegible] TRUYỀN CON NỐI CAI-TRỊ NƯỚC VĂN-LANG

LẤY NIÊN-HIỆU LÀ HÙNG-VƯƠNG ĐẾN ĐỜI HÙNG VƯƠNG THỨ SÁU THÌ CÓ GIẶC NHÀ ÂN BÊN TÀU TRÀN QUA XÂM-LĂNG, THẾ TƯỚC RẤT KHỎN NGƯ

VUA CHO NGƯỜI ĐI CẦU TÀI-KIỆM ĐƯỢC MỘT THIẾU-NIÊN ANH HÙNG Ở LÀNG PHÙ-ĐỔNG ĐÁNH TAN ĐƯỢC GIẶC ÂN NÊN ĐƯỢC PHONG LÀM PHÙ-ĐỔNG THIÊN-VƯƠNG

HỌ HỒNG-BÀNG TRUYỀN ĐƯỢC 18 ĐỜI HÙNG VƯƠNG THÌ BỊ BỘ-LẠC NHÀ THỤC NHÂN THỦ XƯ ĐEM QUÂN ĐÁNH LẤY NƯỚC, LẬP RA NHÀ THỤ

NHỜ CÔNG ƠN LẬP NƯỚC KHAI-SÁNG GIỐNG NGƯỜ VIỆT ĐẾN ĐỜI SAU LẬP ĐỀN THỜ GỌI LÀ ĐỀN TỔ [illegible] NAY Ở TỈNH VĨNH-YÊN (còn tiếp).

HỌC ĐỂ PHỤNG SỰ CHÁNH

ÉDITIONS PÉDAGOGIQUES

CẦN HỌC

Tập III

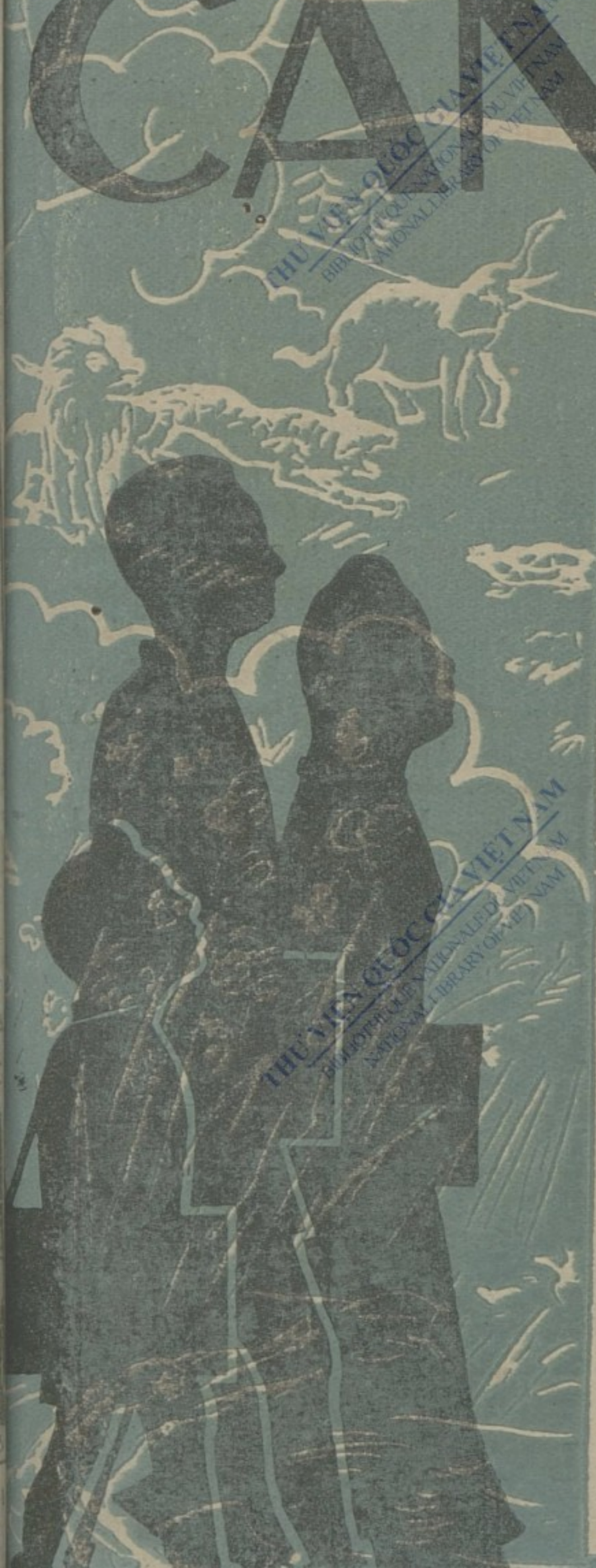

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIỆT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIET NAM

ĐẶC-SAN GIÁO-KHOA

Với sự hợp-tác của quí ông :

Huỳnh-tấn-Trọng	Y-khoa Bác-sĩ (Ba-lê)
Louis Cazes	Thạc-sĩ Văn-chương cựu hiệu-trưởng trường Albert Sarraut
Lâm-văn-Vảng	Kỹ-sư Hóa-học
Ngô tấn Huỳnh	Giáo-sư Pháp-văn
Lâm-chí-Tòng	Giáo-sư Toán-học
Trí Đức	Giáo-sư Toán-học
Lê tràng-Kiều	Văn gia
Hoàng-trọng-Việt	Viết báo, Giáo-sư Việt-ngữ
Lưu-đình-Khải	Giám-đốc trường Mỹ-thuật
Bùi-văn Kỉnh	Giáo-sư Hội-họa
Thái-văn-Cần	»
Quốc Ấn	Văn-gia
Trần-đình-Nhu	Giáo-sư Hoa-văn
Thầm thệ-Hà	Văn-gia
Tự Duyên	Họa-sĩ
Châu sáng Thế	Giáo-sư Anh-văn
Pétrus Khanh	Giáo-sư
Nguyễn-đình Nhơn	Giáo-sư Anh-văn (Ba-lê)
Michelet	Cử-nhơn Khoa-học
Cô Phương-Chi	Nữ Sinh-viên trường Luật
Cô Võ-trung Thư	Nữ Sinh-viên Đại học đường Tôn-dật-Tiên Quảng-châu

Thơ-ký bộ biên-tập : **Nguyễn-vạn An**, **Thiếu lăng-Quân**

Giám-đốc: **Nguyễn-quốc-Đống**

Phòng văn : 50 đường Pellerin — SAIGON

DANH SÁCH CÁC ĐỘC GIẢ MUA DÀI HẠN

Ông	Phạm-xuân-Du 90 A. Sénès Hanoi	1 năm	220$
»	Nguyễn-quang-Giu 67 A. Garros Saigon	6 tháng	110.00
Cô	Cao-thị-Liên 207 L. Liraye Saigon	6 »	110.00
Ông	Trịnh-văn-Sáu Cadastre, Saigon	3 »	55.00
»	Vương-văn-Nhan, Usine Electrique Mytho	3 »	65.00
»	Nguyễn-văn-Dinh Giám đốc sở Công-chính Saigon	6 »	110.00
»	Nguyễn-hữu-Bôn 41 Đường France Đà-nẵng	3 »	65.00
»	Hoàng-ngọc-Sang Inspection Thudaumôt — (*Còn tiếp*)	3 »	65.00

CUỘC THI ẢNH HÀNG TUẦN

Xin mời cô nữ học-sinh có vòng tròn đen trong hình trên đây, mau lại tòa soạn Cần-Học, lãnh thưởng 1 bộ Học-Báo đáng giá 80 đồng và 35 tờ giấy thấm đáng giá 90 đồng. **Hạn 2 tuần.** Kể đến Cần-Học tặp tư không lảnh thì hết.

Kỳ thứ ba

Cuộc thi lần thứ nhất, giải nhì em Trần-kim-Lan nữ học-sinh lớp sơ-đẳng trường Giadinh đã lãnh. Giải thưởng nhứt tặng cho một cô nữ học-sinh trường Gialong đăng đã hai kỳ mà không thấy tới lãnh. Vậy kỳ nầy chúng tôi cũng treo một giải khác cho một học-sinh khác trường Gialong, rồi lần lượt sẽ đến các trường công, tư khác và các công sở. Lúc nầy rất tiếc vì lễ «Pâques» nên các trường nghỉ học, chụp hình không được như chương trình đã định, nhất là cho nam học-sinh lớn tuổi. Như thế, sau lễ «Pâques» cuộc thi hình mới hào hứng lên được.

LỜI RAO

Cô nữ học-sinh có chiếc xe máy dàn bà hiệu «La Cigogne» đã để quên tại nhà Đức-Lợi 165, Rue Lê-Lợi Saigon, ngày 19-3-1950. Mời tới nhận xe gấp.

GIÁ MUA DÀI HẠN

CHÚ Ý: Ngay khi đóng tiền, mỗi độc giả mua dài hạn được biếu từ 25 đến 50 tờ giấy thấm lớn về các sách « loại Thanh Niên ». Xin nhớ hỏi mà lấy.

Saigon—Cholon—Giadinh				Lục-tỉnh và Trung Bắc	
12 tháng	*50 số*	*200$*		*12 tháng*	*220$*
6 «	*25 «*	*110*		*6 «*	*125*
3 «	*12 «*	*55*		*3 «*	*65*

Trừ sở-học ở nhà trường

TA PHẢI TỰ HỌC

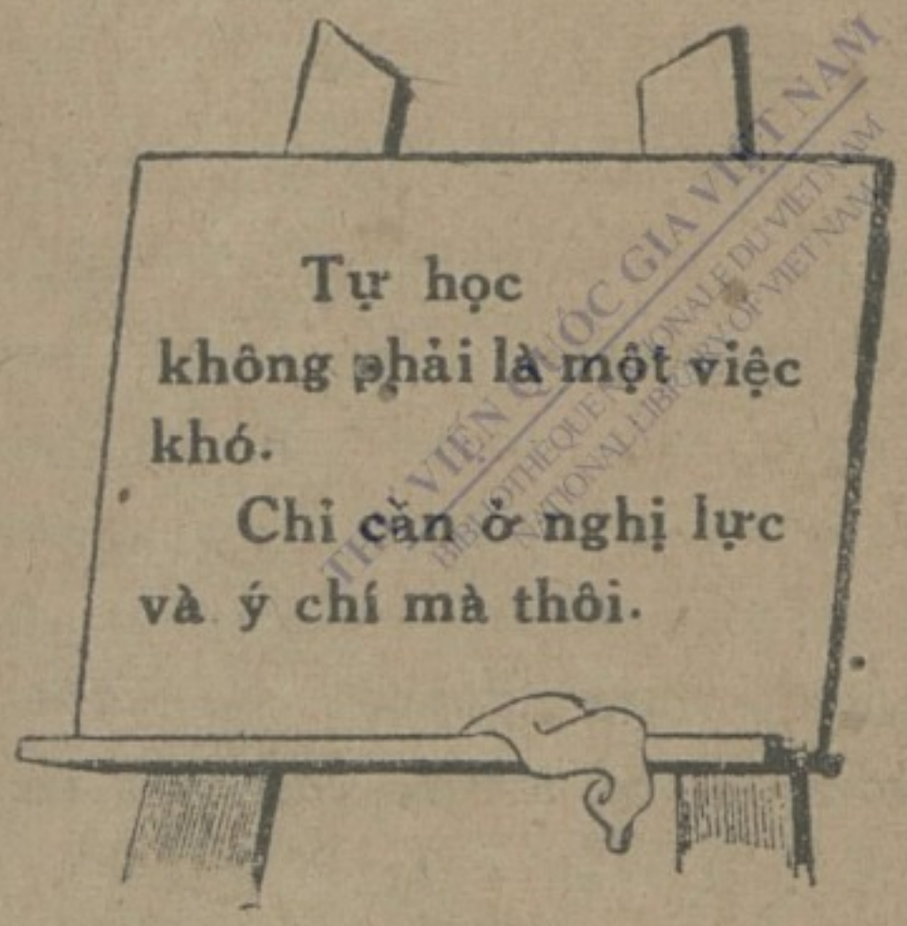

Danh-từ tự học không phải là một danh-từ mới. Khi mới khai thiên lập địa, con người đã tự tìm tòi lấy cho đặng biết cùng hiểu, ấy là sự tự học từ thế-hệ nầy qua thế-hệ khác mà lưu truyền, giáo-hóa các đời sau. Nhưng có những khối óc thông minh vẫn không nản chí trên con đường tự học để sưu tầm các sự hiểu biết mới.

Sự tự học đối với ngày nay bị sái mất nghĩa vì phần đông cho là khó mà tự học được. Trái lại có những khối óc học ở trường không mấy tấn tới, thế mà về nhà tìm tòi tự học thêm lại thâu nhập được nhiều cái hay, cái lạ, cái mới, v. v...

Nói tóm, ta có thể kết luận rằng phần lớn và hầu tất cả các đại văn hào, các nhà bác-học, các siêu-nhơn đều nhờ tự học mà thành tựu. Xem xưa nay ở Á-đông như Khổng-tử, Ân-dương-Tu, Tô-đông-Pha, Lương khải-Siêu, Nguyễn-dưởng-Nghị, Nguyễn-bỉnh-Khiêm, Phan-bội-Châu, Hít-Le, Mút-Xô Li-Ni, v. v... đều là những tay tự học. Gần đây như Phạm-Quỳnh, Nguyễn-văn-Vĩnh, chỉ có cái bằng thành-chung mà nhờ tự học thêm, văn tài đến một bậc tiến sĩ văn chương, thạc-sĩ, v. v... không bì kịp.

Ở Trung, Bắc, nền tự học rất luôn luôn được chú ý và nhiều người đều lấy làm lạ con một người bán trà huế, bán chè, lính lệ, cùng đinh mạt kiếp mà học đến cử-nhân, tấn-sĩ, là nhờ tự học của họ.

Ở Nam điều kiện sinh tồn dễ hơn thế mà rất đáng tiếc phần đông học rất tốn kém mà thành tựu rất ít. Điều đó là do sự ỷ lại và sự học của nhà trường mà xao lảng việc tự học ở nhà vậy.

Vì vậy, anh em học sinh không nên quá tin ở sở học nhà trường. Cái vốn liếng ấy ra đời chỉ để cho nghề cạo giấy hoặc tiến hơn nữa cũng chỉ trong một khuôn khổ hẹp hòi. Luôn đây, chúng tôi cũng xin nhắc một chuyện nhỏ mọn đã thấy tận mắt : là thi-sĩ Xuân-Diệu và Huy-Cận nổi tiếng thi-sĩ lúc mới học năm đệ nhị niên ban thành-chung ! Các bạn có thể tưởng tượng số sách hai nhà thơ ấy đã đọc một năm chưa? Trên 300 cuốn. Họ đua nhau đọc có khi một ngày một cuốn ! Đến nhà chí-sĩ Phan-bội-Châu cũng được mệnh danh là «Người đã đọc sách ở Khe Bồ Đái».

Vấn đề nền tự học chúng tôi sẽ xin trở lại trong một số tới.

CẦN HỌC

PRÉPARATION AU C. E. P.

(COURS SUPÉRIEUR & PERFECTIONNEMENT)

Dictée

LA PATRIE

Quel mot puissant et magique que celui de patrie ! et comme il éveille dans notre pensée une image toute pleine à la fois de douceur et de majesté ! Voici la patrie ! cette maison où votre âme s'est épanouie sous les regards attendris d'un père, qui reste toujours embaumée pour vous du parfum des baisers maternels, ces chemins que nos premiers pas ont foulés si souvent et si gaîment, ces horizons connus, ces eaux courantes et ces bois, tous ces chers objets que vous avez naïvement associés aux plus vives impressions de votre enfance ; hélas ! et ce coin de terre où dort la cendre à peine refroidie de vos aïeux, suivis et gardés dans la tombe par la piété de vos souvenirs ; oui, tout cela, c'est la patrie !

DARBOY

QUESTIONS

1. D'après l'auteur, résumez ce qu'est la **patrie.**
2. De quel coin de terre parle l'auteur dans la dernière phrase ?
3. Comment comprenez vous ce passage : **tous ces chers objets... impressions de votre enfance ?**
4. D'où vient le mot **patrie** ? Donnez les mots de la même famille.
5. Le mot **épanouie** est-il employé ici au sens propre ou au sens figuré ? Justifiez votre réponse.
6. Donnez la nuance de sens entre **embaumé** et **parfumé.**
7. Expliquez : **horizons connus ; la cendre de nos aïeux ; la piété de** vos souvenirs.
8. Dites la nature et la fonction des propositions dans : **Voici la patrie... des baisers maternels.**
9. Analysez : **quel, celui, patrie,** dans la première phrase.
10. Donnez le sens du suffixe **ique.** Formez avec ce suffixe des adjectifs dérivés de **diable, ange, fée, faim, eau, rage, énigme.**

RÉPONSES

1. D'après l'auteur, la **patrie,** c'est la maison, les chemins familiers, les horizons connus, tous les objets qui ont entouré notre enfance et le coin de terre où dorment ceux que nous avons aimés.

2. Le coin de terre est le cimetière où reposent maintenant nos devanciers.

3. **Tous ces chers objets ..** ; Toutes choses qui ont entouré votre enfance, dont tous vos souvenirs sont imprégnés et qui ne peuvent se séparer de vos sentiments, tant ils font partie de vous-mêmes, ayant été intimement liés à votre vie.

4. **Patrie** vient de **pater** = père. **La patrie** est la terre de nos pères. **Patriote, patriotisme, patriotique, compatriote, patrimoine, patrimonial, patristique, patron, patricien, patrice, patriciat, patronymique.**

5. Le mot **épanouie** est pris ici au sens figuré. Le verbe **s'épanouir,** au sens propre, signifie s'ouvrir en parlant des fleurs et des bourgeons. Ici, mon âme s'est épanouie, veut dire s'est ouverte, s'est dilatée, s'est formée sous la tendresse des parents.

6. **Embaumé** : vient de baume. Dont l'odeur rapelle celle du baume, substance odoriférante à senteur balsamique donnée par le baumier qui a une bonne odeur.

Parfumé : vient de parfum (de **per** = à travers et de fumer) qui a une odeur agréable capable d'être répandue et sentie au loin.

7. **Horizons connus** : l'ensemble des bois, des routes, des eaux, l'aspect des paysages où nous avons grandi. **La cendre de nos aïeux** : les restes des corps de ceux qui nous ont précédés et qui, maintenant, sont devenus à l'état de poussière. **La piété de vos souvenirs:** l'amour, l'attachement affectueux que vous gardez dans votre mémoire.

8. Trois propositions : 1° Voici la patrie ! cette maison (**prop. principale,** voici pour vois ici) 2° où votre âme s'est épanouie sous les regards attendris d'un père (**prop. subord. relative, complément** de cette maison. 3° qui reste toujours embaumée pour vous du parfum des baisers maternels (**proposition subord. relative, complément** de cette maison.

9. **Quel** : Adj. exclamatif, se rapporte à mot, masc. sing.
celui : Pron. démost. remplace mot, masc. sing. sujet de est, sous-entendu.
patrie: Nom com. fém. sing. compl. de celui.

10. Le suffixe **ique** exprime une manière d'être.
Diabolique ; angélique ; féérique ; hydraulique ou **aquatique, énigmatique.**

LUẬN QUỐC-VĂN

LỚP NHỨT BAN TIỂU-HỌC

Loại từ-hàn (*tiếp theo*)

ĐẦU ĐỀ.— Mẹ hoặc ba anh ở nhà bị đau nặng. Anh hảy viết một lá thơ lá đơn xin ông đốc - học trường anh cho phép nghỉ ở nhà để săn sóc cho mẹ hoặc ba anh.

DÀN BÀI : I) Ngày tháng và nơi viết đơn
II) Nói duyên cớ nào mà anh xin nghỉ học
III) Lời hứa với ông Đốc học và thầy giáo của anh
IV) Lời kết của lá đơn.

BÀI LÀM

I) *Sài-gòn ngày, 6 tháng 3 dương-lịch 1950*

Kính gởi **ông giám-đốc trường tiểu-học NGUYỄN TRI-PHƯƠNG**

(Do ông Giáo Lớp Nhứt chuyển giao)

Kính ông Giám-Đốc,

II)— Con tên là, Nguyễn-văn-Giáp học sanh lớp Nhứt trường Nguyễn-tri-Phương của ông giám đốc kính dâng lá đơn nầy xin phép ông cho con nghỉ học một tuần kể từ hôm nay để được ở nhà săn sóc cho ba con bịnh nặng từ năm hôm nay.

Nguyên vì hôm thứ hai rồi, ba con đi làm việc về không may bị mắc mưa dọc đường, về nhà hôm sau sinh cảm, làm nóng lạnh luôn mấy cử rất kịch liệt và mạch lên cao. Ba con có nhờ lương y điều trị song mấy hôm nay vẫn mệt lắm và nhiều khi lại nằm mê man nói nhảm nhí suốt đêm. Mẹ con mắc lo công việc buôn bán ở ngoài chợ, các em con thì còn nhỏ dại không biết gì. Duy chỉ trong gia đình một mình con là lớn hơn hết. Vì vậy mà với cảnh nhà đơn chiếc ấy, con buộc lòng phải xin phép nghỉ học mấy hôm để giúp mẹ con mà săn sóc ba con lúc bịnh hoạn. Con vẫn biết lúc nầy ở trường gần thi, thì đáng lẽ con phải lo siêng năng học tập không sót một bài nào, nhưng con thiết tưởng trong nhà con không ai tin cậy được, vả lại đạo làm con thì chỉ lúc cha mẹ đau yếu, hoạn nạn mới tỏ tất cả lòng hiếu bằng sự đỡ đần nuôi dưỡng mà thôi. Vì vậy con mặc dầu rất tiếc một buổi không học mà do đó có thể thua chúng kém bạn và mất sự tiến bộ, vẫn xin phép ông và ông giáo cho nghỉ một thời hạn nói trên.

III)— Tuy nhiên, mỗi trưa và mỗi tối con vẫn tới nhà các bạn đồng lớp của con như trò Tú và trò Thanh để xin chép bài và học bù các buổi nghỉ.

IV)— Trông mong rằng ông và thầy giáo sẽ vui lòng cho phép con được nghỉ một tuần nhật con thành thật xin cảm tạ trước và trân trọng kính chúc ông an khang.

Người học trò biết ơn của Ông và Thầy giáo

Nguyễn-văn-Giáp

Đầu đề bài kiểu mẫu

Theo kiểu mẫu như bài trước, anh hãy tập làm bài luận như sau :

ĐẦU ĐỀ: Anh vừa thi bằng sơ-học. Vậy hãy viết một bức thơ cho bạn anh ở nơi xa báo tin mừng ấy. Anh hãy kể thêm chuyện anh đi thi, mọi cảm tưởng về tương lai, anh sẽ thích và ý nguyện của anh sẽ theo sự học như thế nào và một ngành học nào.

THÈME

(Cours supérieur au C.E.P.)

DEVOIR D'ÉLÈVE RETOUCHÉ

NGƯỜI THỢ KHÉO

Ngày xưa có một người học trò thi đậu tiến sĩ vào kinh làm quan ở bộ Lễ.

UN HABILE TAILLEUR

Jadis, un étudiant reçu docteur vint à la capitale et y occupa une fonction au

Ngày xưa, có một người học trò thi đậu tấn sĩ vào kinh làm quan ở bộ Lễ. Mướn nhà xong liền đi kiếm một người thợ may có tiếng để đặt đồ. Người thợ may nhìn rồi hỏi :« — Thưa ngài, ngài là một vị quan?» Người học trò trả lời :« — Phải ta là quan !» — Thưa cụ lớn, thế cụ đã tại chức lâu năm rồi chứ ? — Không, ta mới được bổ. Nhưng tại sao anh lại hỏi thế. — Dạ để may cái áo cho đúng. Nếu là vị quan mới bổ thì khi đi ông ấy ưỡn ngực lên, thân trước phải dài thân sau ngắn. Nếu là một vị quan cựu thì vị quan ấy đã có nhiều ưu tư, khi ngài cúi gầm xuống và lưng cong thì phải may vạt trước vắn, vạt sau dài.

Vị quan ấy cười và nói : «quả anh là một kẻ biết chuyện đời lắm !»

(Trích ở tập chuyện Học-sanh)

ministère des Rites. Après avoir loué une maison, il alla trouver un tailleur renommé pour lui commander un costume.

Le tailleur le regarda, puis lui demanda: — Monsieur, êtes vous mandarin? — Oui, je le suis. — Excellence, êtes vous mandarin depuis de nombreuses années? — Non, je viens d'être promu mais pour quelle raison me demandez-vous cela? — Pour bien confectionner un habit, car si c'est un jeune mandarin, il marche la poitrine bombée; pour cela le devant de sa robe doit être long et le pan arrière court. Si c'est un vieux mandarin il a déjà eu bien des ennuis; quand il marche il baisse la tête et a le dos courbé; alors le pan de devant est court, celui de derrière long.

Le mandarin rit et dit ; «Vraiment vous êtes un homme qui connaît les choses de la vie.»

Extrait des Contes de l'écolier

Traduction

YÊU MẾN VÀ LÀM VIỆC

Các con à, ta không nói các con muốn được luôn luôn sung sướng, nhưng các con có muốn không khi nào đến phải hoàn toàn khổ không? Muốn thế các con chỉ cần hai điều rất tầm thường : yêu mến và làm việc.

Các con phải yêu mến kẻ đang yêu mến các con, hôm nay yêu mến song thân, yêu mến người mẹ các con, ấy là lặng lẻ con học sự yêu Tổ-Quốc, yêu nước Việt-Nam người mẹ chung của chúng ta.

Và rồi làm việc. Khi các con đã làm việc giỏi rồi và đã làm cho thầy giáo các con vui lòng thì có phải các con vui

AIMER ET TRAVAILLER

Mes chers enfants, voulez-vous, je ne dis pas être toujours heureux, mais n'être jamais tout à fait malheureux? Il ne faut pour cela que deux choses très simples: aimer et travailler.

Aimez bien qui vous aime; aimez aujourd'hui vos parents, aimez votre mère, ce qui vous apprendra doucement à aimer votre patrie, à aimer le Viêt-Nam, notre mère à tous.

Et puis travaillez. Quand vous avez bien travaillé et que vous avez contenté vos maîtres, est-ce que vous n'êtes pas

surón; hơn, nhẹ nhàng hơn, thảnh thơi hơn không? Có phải các con nô đùa náo nức hơn không? Luôn luôn như vậy các con cứ làm việc và lương tâm các con sẽ được hài lòng.

Và khi lương tâm người ta được hài lòng thì người ta không bao giờ phải đến hoàn-toàn chịu khổ.

Phỏng theo : Vic-to Huy-Gô.

plus gais, plus légers,plus dispos? Est-ce que vous ne jouez pas avec plus d'entrain? C'est toujours ainsi, travaillez et vous aurez toujours la conscience satisfaite.

Et quand la conscience est satisfaite, on ne peut être entièrement malheureux

D'après Victor Hugo.

TOÁN ĐỐ

(THI BẰNG TIỂU HỌC)

VỀ HÌNH HỌC *(Giống bài trước)*

Một cánh cửa hình chữ nhựt, ở trên cuốn nửa vòng tròn, bề ngang rộng 1 thước 20 và bề cao tất cả cọng 2 thước 50. Người ta muốn đem sơn cả hai mặt trong và ngoài với giá mỗi thước vuông là 12$. Vậy phải tốn tất cả bao nhiêu tiền để sơn cánh cửa ấy? (Vẽ hình cái cửa)

GIẢI-PHÁP

Đường bán kính của cửa tròn tức là một nửa bề ngang, hay :

$$1th20 : 2 = 0th60$$

Diện tích của nửa cửa tròn :

$$\frac{1th^2 \times 0,60 \times 0,60 \times 3,14}{2} = 0th^2\ 5652$$

Bề cao của cánh cửa nội hình chữ nhựt :

$$2th50 - 0,60 = 1th90$$

Diện tích của cửa hình chữ nhựt :

$$1th^2 \times 1.9 \times 1,20 = 2th^2\ 28$$

Diện tích của toàn cửa mỗi bên :

$$2th^2\ 28 + 0th^2\ 5652 = 2th^2\ 8452$$

Diện tích cánh cửa hai bên ;

$$2th^2\ 8452 \times 2 = 5th^2\ 6904$$

Trả lời : Tổn phí sơn cánh cửa ấy : $12\$ \times 5,6904 = 68\$20$

Leçons particulières
ANGLAIS—FRANÇAIS—SCIENCES MATHÉMATIQUES
Classes secondaires & P.S. Préparation intensive aux divers examens. Méthode classique — Auditions de disques — Linguaphone—Assimil
S'adresser : M. TRÍ-ĐỨC
226, Lagrandière — Saigon

LEÇONS PARLICULIÈRES DE FRANÇAIS POUR TOUTES CLASSES
PAR NGÔ-T.-HUỲNH
PROFESSEUR,
252, Quai de Belgique -:- SAIGON

PREMIER DEGRÉ

1ère & 2è Année

LA LEÇON D'INSTRUCTION CIVIQUE

Camus, quelques jours auparavant, avait été interrogé « Sur le citoyen » Il ignore encore aujourd'hui les conditions requises pour être électeur...

Il sut tout de même, grâce à la mimique de La Crique brandissant sa dextre en fourchette, les quatres doigts en l'air et le pouce caché, qu'il y en avait quatre.

Pour les déterminer, ce fut beaucoup plus dur.

Camus, simulant une amnésie momentanée et partielle, le front plissé, les doigts énervés, semblait profondément réfléchir et ne perdait pas de vue La Criqué, le sauveur, qui s'ingéniait.

D'un coup d'œil expressif, il désigna à son camarade la carte de France par Vidal-Lablache suspendue au mur ; mais Camus, peu au courant, se méprit à ce geste équivoque et au lieu de dire qu'il faut être Français, il répondit, à l'ahurissement général, qu'il fallait savoir sa « géographie ».

Le père Simon lui demande s'il devenait fou... tandis que La Crique, navré d'être si mal compris, haussait imperceptiblement les épaules en tournant la tête.

Camus se ressaisit. Une lueur brilla en lui et il dit : «il faut être du pays !»

— Quel pays ? hargna le maître. furieux d'une réponse aussi imprécise, de la Prusse ou la Chine ?

— De la France ! reprit l'interpellé ; être Français !

— Ah ! tout de même ! Nous y sommes ! Et après ?

— Après ? et ses yeux imploraient La Crique. Celui-ci saisit dans sa poche son couteau, l'ouvrit, fit semblant d'égorger Boulot son voisin, et de le dévaliser puis Il tourna la tête de droite à gauche et de gauche à droite.

Camus saisit qu'il ne fallait pas avoir tué ni volé, il le proclama incontinent et les autres, par l'organe autorisé de La Crique, auquel ils mêlèrent leurs voix généralisèrent la réponse en disant qu'il fallait jouir de ses droits civils.

Cela n'allait pas mal et Camus respirait. Pour la troisième condition, la Crique fut très expressif ; il porta la main à son menton pour y caresser une barbiche absente, effila d'invisibles et longues moustaches... il leva simultanément en l'air et deux fois de suite ses deux mains, tous doigts écartés puis le seul pouce de la dextre, ce qui évidemment signifiait vingt et un. Enfin, il toussa en faisant han ! et Camus, victorieux sortit la troisième condition : « Avoir vingt et un ans »

— A la quatrième ! maintenant, fit le père Simon.

Les yeux de Camus fixèrent La Crique, puis le plafond, puis le tableau, puis de nouveau La Crique ; Les sourcils se froncèrent comme si sa volonté impuissante

brassait les eaux de la mémoire.

La Crique, un cahier à la main, traçait de son index d'invisibles lettres sur la couverture.

Qu'est-ce-que ça, pouvait bien vouloir dire ? Non., ça ne disait rien à Camus. Alors le souffleur fronça le nez, ouvrit la bouche en serrant les dents. la langue sur les lèvres et une syllabe parvint aux oreilles du naufragé «Iste.» ?

La quatrième condition ne venait pas. La Crique seul la connaissait. Aussi avec un air plein de bonne volonté et fort innocent, répondit-il en lieu et place de son féal, et très vite :« Etre inscrit sur la liste électorale de sa commune ».

Ainsi s'acheva la leçon sans anicroche.

Louis PERGAND
(*La guerre des Boutons*)

Idée générale

L'auteur nous raconte une scène amusante l'interrogation d'un mauvais élève dans une classe dans laquelle règne la plus grande familiarité,

Plan du morceau : 4 parties :

1ère partie. Camus « géografie »

Début de l'interrogation. Camus s'embarrasse lorsqu'il doit donner des précisions.

2ème partie : Le père Simon,.. droits civils. La grosse faute de Camus est vite oubliée. Le brave père Simon ne désire pas punir, mais simplement se rendre compte du savoir de Camus.

3è partie : Cela n'allait pas mal

« le père Simon, Camus se trouve encore plus à l'aise.

La leçon est sur le point de finir et la question à laquelle il doit faire face n'est pas si difficile.

4ème partie : Les yeux de Camus « ...anicroche... »

La parole du père Simon qui sert de liaison aux deux paragraphes résonne comme un avertissement au paresseux qui se réjouit trop vite de sa victoire (victorieux). En effet, la quatrième, est fatale à Camus. il se trouve placé dans une situation désespérée Seule la présence d'esprit de la Crique le sauve de la punition du maitre.

Les mots et les idées

Mimique : façon d'exprimer une idée par le geste. La Crique, n'a pas su. tout au moins au début, faire usage de sa voix pour souffler son camarade.

La dextre : la main droite.

Amnésie momentanée et partielle. diminution de la mémoire ; par cette mimique Camus espère que son maître comprendra et prendra patience.

Ahurissement : stupéfaction.

Se ressaisir: (re-saisir) redevenir maitre de soi. Camus est donc un garçon intelligent puisqu'il est capable de comprendre par geste et de saisir l'absurdité de ce qu'il a dit.

Hargna : (v. hargner, peu usité) exprime sa mauvaise humeur.

Ce mot contribue à peindre le vieux personnage qu'est le maitre d'école. Il nous semble d'un autre temps.

Incontinent : sans modération ; le comparer avec : s'exclama, et plus loin victorieux et sortit. Avec ces quatre termes, nous Pourrons avoir un portrait vivant de camus répondant sans faute aux questions du maitre.

Brassait, eaux, naufragé : Camus est comparé à un homme qui, tombe dans l'eau risque de se noyer. Dans sa mémoire, il y a tant de souvenirs plus ou moins vagues et qui se rapportent plus ou moins à la question posée.

féal : (fidèle) vieux français

anicroche : petit obstacle (familier)

Appréciations

C'est un maître d'école qui nous raconte cette scène vivante et amusante. Rien d'étonnant à ce que les personnages soient d'un réalisme net.

Le bon père Simon est vieux, consciencieux (il exige des précisions), un peu grincheux (hargna), un peu bonhomme aussi (atmosphère de famille) et surtout très indulgent.

C'est le vieux maître d'école, aimé et respecté de ses élèves

La Crique est un bon élève et en méme temps un bon camarade qui se dévoue pour aider Camus. Il ne faut pas voir en lui un élève turbulent, indiscipliné. On remarque les efforts de La Crique (des gestes) des mimiques et enfin une réponse claire, nette et à haute voix.

Plus La Crique se rend compte de l'ignorance de son camarade, plus il s'efforce d'être expressif et plus il est hardi. Sa hardiesse le pousse à répondre en lieu et place de Camus.

Camus est à la fois roué et prudent. Il affecte d'avoir oublié momentanément et partiellement sa leçon ; il regarde de biais son camarade pour éviter de la compromettre. C'est un enfant qui ne semble pas être mauvais puisqu'il craint la colère du père Simon.

On devine que s'il ne sait pas sa leçon c'est parce qu'il a passé le plus clair de son temps à ses jeux.

Enfin, les autres élèves sont plus ou moins indifférents à ce qui se passe en classe. Cependant tous attendent une occassion pour aider un camarade ou pour montrer au maître leur savoir.

L'atmosphère de la classe nous fait penser à une réunion de famille.

Cette familiarité que nous rencontrons dans le récit est marquée par l'emploi d'expressions familières (géographie, du pays, tout de même, nous y sommes, etc... par des comparaisons familières (barbiche, moustache, dévaliser, etc...) La bonté et l'indulgence du père Simon nous le présentent comme le «père» de cette grande famille.

Le récit est intéressant de bout en bout : l'intérêt est gradué de telle manière que nous voyons. Camus ému (il est interrogé), troublé (il ne sait pas sa leçon), ahuri (par la faute qu'il a faite lui-même), puis redevenu confiant et victorieux. Enfin pour terminer, la confiance de Camus s'effondre; mais ce n'est pas tout l'intervention désespérée et inattendue de La Crique le sauve.

M. L. G.
Licencié ès-lettres

Composition française

(Cours 1ère & 2ème Année P. S.)

SUJET. — Une vieille lampe à la veille d'être reléguée au rang des inutilités, vous fait des confidences. Faites - la parler.

Développement.

Où sont-ils les beaux jours de ma gloire, où je trônais rayonnante, la joie et l'admiration de la maison, au haut de l'armoire! Pendant des années, j'ai partagé votre existence, j'ai été témoin de vos moments d'allégresse, de vos heures de peine. Hélas! on dit que je ne suis plus en état de servir ; on me force à prendre ma retraite et demain un vieux bol ou une horloge détraquée m'aura peut-être pour compagne de réclusion.

Oh ! de vous le raconter, cela m'étreint encore d'émotion ; Ce jour heureux où votre mère, après un examen minutieux m'a choisie entre tant d'autres amies alignées dans la vitrine du marchand. Le soir même, on verse du pétrole dans mon ventre. On approche l'allumette de ma mèche et les ténèbres reculent épouvantées et se réfugient dans les coins, sous les lits de camp. Les enfants applaudissent, charmés de mon apparition qui annonce la douceur du soir.

Je suis devenue depuis ce jour celle qui préside vos veillées. Jamais mon bonheur n'a été plus tranquille et plus serein que dans ces paisibles instants de détente où, dans la douce intimité du foyer la famille se repose des fatigues de la journée. Scènes charmantes dont je suis fière d'être l'âme !

Comme votre mère me choyait ! Elle recommandait à la servante de me nettoyer chaque jour, de bien essuyer mon verre, de me donner à boire quand j'avais soif et surtout de me manier doucement. Elle savait bien que je détestais les manières fortes, les gestes brusques, que j'avais besoin d'être ménagée. Hélas ! malgré sa sollicitude, un geste d'énervement de la servante m'a valu un jour cette félure que vous voyez encore sur mon ventre. Ma délicatesse en souffrit et la coupable qui s'en rendait compte redoublait de soins et de tendresse pour moi les jours suivants.

Ah ! je n'en finirai jamais de vous les conter, mes souvenirs ! C'est d'ailleurs tout le bien qui me reste. Ils peupleront ma solitude et égaieront mon désœuvrement. Mon temps est bien passé. On préfère la lumière éblouissante de la lampe moderne à ma douce clarté. sa commodité à mon encombrement, son utilité à ma vieille amitié.

Tập CẦN-HỌC có ích cho ta cho bạn ta và con cháu ta về sau. Nếu đóng lại và để dành kỹ lưỡng như có một ông giáo trong nhà.

PRÉPARATION AU B. E.

(Classe 3ème & 4ème ANNÉE P. S.)

Composition française

SUJET. — **Des trois personnages qui dans la tragédie d'Horace incarnent le patriotisme, quel est celui que vous préférez et pourquoi le préférez-vous ?**

INDICATIONS

Beaucoup optent pour Curiace parce que son patriotisme, tempéré de tendresse humaine ne choque pas comme celui du jeune Horace rendu odieux par une ambition démesurée et une cruauté barbare. On aime Curiace parce qu'on le sent plus près de l'humanité moyenne. Il ne fuit pas le devoir, si dur soit-il. Mais il l'accomplit en gémissant. Son déchirement nous touche. Nous partageons sa souffrance, souffrance bien humaine devant la cruauté du sort, l'impossibilité de concilier les intérêts de sa patrie et son amour. Tout choix est douloureux et il est contraint de choisir. On ne comprend pas que, dans la même situation, le jeune Horace se réjouisse et vole au combat sans aucun scrupule. Curiace est un héros humain, Horace un héros inhumain.

Cela est indiscutable, s'il s'agit d'une situation moins atroce. Evidemment, on ne peut approuver cette soif insatiable de gloire, cette avidité de renommée, cet orgueil sans bornes qui forment le fond du caractère d'Horace. Mais il ne s'agit pas du patriotisme en général, du patriotisme abstrait, au-dessus des contingences. Ces deux hommes se trouvent dans une situation particulière où le salut de la patrie exige précisément le sacrifice des êtres chers. Il n'en peut être autrement et vouloir qu'il en soit autrement c'est déjà reculer devant l'énormité de la tache à accomplir. Dans un pareil cas, si l'on veut sauver sa patrie il faut qu'on soit inhumain. Curiace le sait bien, c'est pourquoi il s'en plaint. Mais que ne surmonte-il avec plus de virilité sa répugnance pour se préparer avec plus d'ardeur au combat. « Qui, près de le servir, considère autre chose, à faire ce qu'il doit lâchement se dispose.» Cette réplique d'Horace est dure certes, mais elle est d'une logique écrasante. Du moment que les gémissements, les larmes n'y peuvent rien, pourquoi gémir, pourquoi pleurer ?

L'homme de la situation, le héros dont le pays a besoin dans ce danger pressant, c'est Horace. L'attendrissement de Curiace présentement est pour le moins inopportun. Ce qu'il faudrait reprocher à Horace ce n'est pas sa barberie, son «inhumanité»-

la gravité de la situation ne lui permet pas le luxe d'être humain — c'est plutôt sa recherche effrénée de la gloire, de la gloire personnelle, son amour du risque.

En outre, avant d'admirer le patriotisme humain de Curiace songeons qu'il est naïf de vouloir être patriote à peu de frais. On ne conçoit pas comment un citoyen puisse servir dignement son pays quand il s'efforce continuellement à concilier des intérêts qui menacent sans cesse de s'opposer.

«D'Albe avec mon amour j'accordais la querelle:
Je soupirais pour vous en combattant pour elle;
Et s'il fallait encor que l'on en vînt aux coups,
Je combattrais pour elle en soupirant pour vous.»

Quant au vieil Horace, on a toujours admiré en lui le romain qui place la patrie au-dessus de tout et qui s'écrie dans un moment de sublime dévouement: «Qu'il mourût» En quoi la mort de son fils profite-elle à la patrie? « Qu'Horace meure au combat ou prenne la fuite, Rome est toujours esclave. Cependant sa mort sauvera l'honneur des Horaces, le nom des Horaces.

Chez Curiace le sentiment de la patrie n'est pas exclusif puisqu'il est combattu par l'attachement à des tendresses familiales. Chez le vieil Horace, le sentiment de l'honneur, de l'orgueil du nom appuie constamment le sentiment de la patrie. Seul chez Horace, il est, non pas tout à fait mais le plus conforme à l'intérêt de la patrie.

Ngô-tấn-Huỳnh
Professeur,

COURS DE MATHÉMATIQUES AU B. E.

Géomètrie

PROBLÈME I— Soit un triangle A B C rectangle en A. On mène la hauteur A H et la médiane A M issues du sommet A.

1° Démontrer que l'on a : $AM = \frac{BC}{2}$

2° Établir l'égalité des angles B A H et C A M.

3° Trouver dans la figure un angle égal à $\widehat{HAC}$

4° Sachant que l'on a : B C = 5cm et B A = 3cm, calculer l'aire du triangle A B C et la hauteur A H.

(B. E.)

SOLUTION

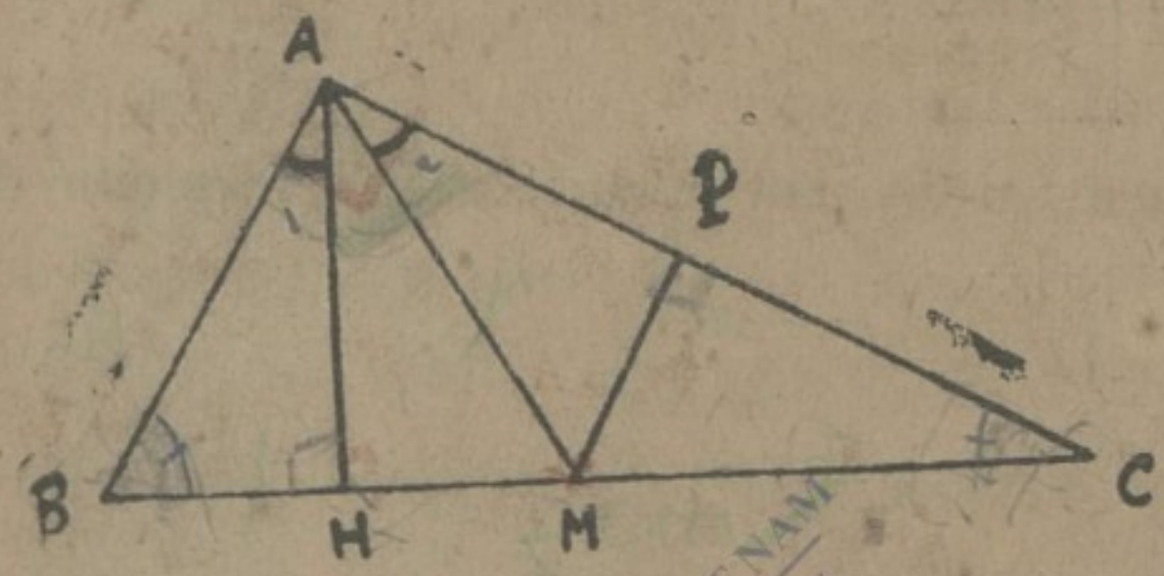

1o Du milieu M de B C, abaissons la perpendiculaire M P à A C. M P est donc parallèle à A B et partage le côté A C en 2 parties égales : A P = P C. Les 2 droites M A et M C sont des obliques s'écartant également du pied de la perpendiculaire.

Donc, elles sont égales et : $MA = MC = \frac{BC}{2}$

2o Dans le triangle rectangle ABH, nous avons :

$$\widehat{BAH} + \widehat{ABH} = 90^o. \quad (1)$$

Et dans le triangle rectangle A B C, nous avons :

$$\widehat{ACM} + \widehat{ABH} = 90^o. \quad (2)$$

En comparant (1) et (2), nous pouvons écrire :

$$\widehat{BAH} = \widehat{ACM}.$$

Le triangle AMC est isocèle, par suite : ACM = CAM.

Donc : $\boxed{\widehat{BAH} = \widehat{CAM}}$

3o Dans le triangle rectangle AHC, nous avons :

$$\widehat{HAC} + \widehat{ACB} = 90^o.$$

Et dans le triangle rectangle ABH nous avons :

$$\widehat{BAH} + \widehat{ABC} = 90^o.$$

Mais : $\widehat{BAH} = \widehat{ACB}$.

Donc : $\boxed{\widehat{HAC} = \widehat{ABC}}$

4o L'aire du triangle ABC :

$$\frac{AC \times AB}{2} = \frac{AC \times 3cm}{2}$$

Le triangle rectangle ABC permet d'écrire :

$$\overline{AC}^2 = \overline{BC}^2 - \overline{AB}^2$$

ou $$\overline{AC}^2 = 25^{cm} - 9^{cm}.$$

Donc : $$AC = \sqrt{16} = 4^{cm}.$$

Donc, l'aire du triangle ABC est égale à :

$$\frac{4\text{cm} \times 3\text{cm}}{2} = \boxed{6^{\text{cm}2}}$$

La hauteur du triangle ABC s'obtient en divisant sa surface par le moitié de la base :

$$H = \frac{6}{\frac{5}{2}} = \frac{6 \times 2}{5} = \frac{12}{5} = \boxed{2\text{cm},4}$$

Problème II. — On donne un segment de droite AB de longueur 2 a et de milieu O. Au point O, on élève la perpendiculaire O D à A B et l'on prend O D = 2 a. On joint A à D, puis on abaisse la perpendiculaire de B sur A D. Soit B C.

1o Calculer A D, A C, B C.

2o On prolonge D O d'une longeur O E = a. Démontrer que les 4 points A, C, B, E, sont sur un même cercle.

3o On joint E à C ; démontrer que la droite C E est bissectrice de l'angle A C B. **(B. E.)**

SOLUTION

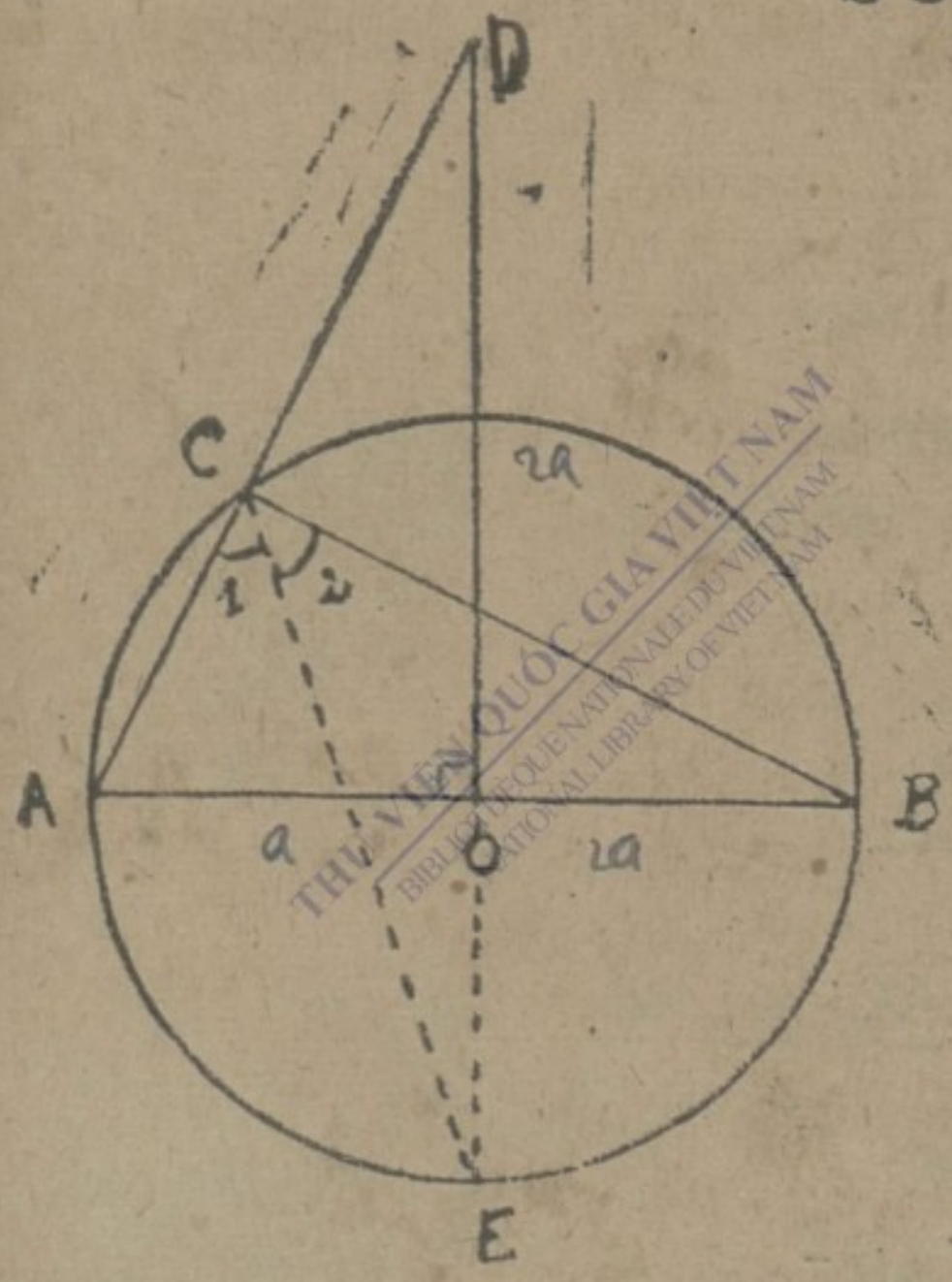

1o Le triangle rectangle A D O permet d'écrire :

$$\overline{AD}^2 = \overline{OD}^2 + \overline{OA}^2 = (2a)^2 + a^2 = 5a^2$$

d'où : $AD = \sqrt{5a^2} = \boxed{a\sqrt{5}}$

Les 2 triangles rectangles ACB et AOD sont semblables comme ayant l'angle aigu A commun. Nous pouvons donc écrire la proportion suivante :

$$\frac{AC}{AO} = \frac{AB}{AD} \text{ ou } \frac{AC}{a} = \frac{2a}{a\sqrt{5}}$$

d'où l'on tire : $AC = \boxed{\frac{2a\sqrt{5}}{5}}$

D'après hypothèse, OD=2a, donc OD=2AO (car AO=a).

Puisque OD=2 AO et que les 2 triangles AOD et ABC sont semblables, nous pouvons écrire aussi :

$$BC = 2\,AC = \boxed{\frac{4\,a\,\sqrt{5}}{5}}$$

2o L'angle droit $A\hat{B}C$ est inscriptible dans le cercle de diamètre AB=2a et de centre O. Donc les 3 points A, C, B se trouvent sur ce cercle. De même, le point E se trouve aussi sur ce cercle, car OE = OA = OB = a.

3o OE étant perpendiculaire au diamètre AB passe par le milieu de l'arc sous-tendu AEB. Joignons CE. CE partage l'angle droit C en 2 angles C_1 et C_2.

Puisque $\widehat{C_1} = \widehat{C_2}$ comme ayant même mesure, donc :

CE est la bissecutrice de l'angle droit C.

Trí-Đức

PHÁP VĂN BỔ TÚC

Le commerce	Thương - mại
La comptabilité en partie simple	Kế toán phần đơn
La comptabilité en partie double	Kế toán phần kép
Le comptable	Kế toán viên
Le doit, le débit	Phần chi
L'avoir, le crédit	Phần thu
Le grand livre	Sổ lớn
Le livre de caisse	Sổ két, sổ chi thu
La copie de lettres	Sổ chép thư
Le livre des inventaires	Sổ tồn
Le brouillard	Sổ nháp
Le journal	Sổ nhật dụng
Le carnet d'échéances	Sổ hối phiếu
L'actif, le passif	Vốn nổi, vốn chìm
La mise de fonds	Sự bỏ vốn
Les frais généraux	Sở hụi, sở phí
L'impôt sur le chiffre d'affaires	Thuế bổ dồng
La patente	Thuế môn bài
L'inventaire	Tồn hàng
Le compte des profits & pertes	Sổ lời lỗ
La faillite	Khánh tận

La banqueroute	Sự vỡ nợ
L'échéance	Kỳ hạn hối phiếu
La prolongation d'échéance	Gia hạn hối phiếu
Une lettre de change	Tín phiếu thư
Un chèque	Tín phiếu, ngân phiếu
Un reçu	Biên lai, biên nhận
Une facture	Đơn hàng, hoá đơn
Une hypothèque	Sự cầm thế đất nhà
Un compte-courant	Sự gửi bạc (ngân hàng)
La Bourse des valeurs	Sở mậu dịch chứng khoán

(Còn nữa)

Eloquence usuelle

Rencontre d'un ami après une longue séparation

— Bonjour, mon cher Ba ! Ah ! Il y a bien longtemps qu'on ne s'est pas vu ! Comment ça va, à présent ? Et vos affaires ça marche ?

—Bonjour, mon cher Tu, vraiement je ne m'attendais pas à l'honneur de vous rencontrer ici ! Merci, je me porte à merveille ! Quant aux affaires, ça n'a pas l'air de bien marcher.

—Et madame et les enfants, ils se portent bien, j'espère! Ma femme ne cesse de parler de vous et de votre famille. Et votre plus jeune gosse, le petit Hạnh, il est aussi mignon qu'auparavant? Sûrement qu'il trotte déjà allègrement sur ses petites jambes.

Lâu ngày gặp bạn

Anh Ba, chào anh ! Chà ! lâu ngày quá mới gặp ! Sao độ rày mạnh giỏi thế nào ? Công việc làm ăn làm sao ?

— Ồ anh Tư tôi không ngờ lại được hân hạnh gặp anh chỗ nầy ? Cám ơn anh, tôi vẫn mạnh, nhưng làm ăn lụi đụi quá.

— Chị và mấy cháu ở nhà thế nào? Ăn chơi chứ ? Nhà tôi thường cứ nhắc nhở mãi. Đứa con sau của anh, cháu Hạnh vẫn ngoan như lúc trước chứ ? Chắc bây giờ đã biết đi biết chạy rồi nhỉ ?

Etude des mots

Học chữ một rộng các nghĩa

ABALOURDIR : *va, Làm cho ngu dộn, dần dộn: Abalourdir un enfant par de mauvais traitements: Hành hạ một đứa bé làm cho nó dần lộn lên. Abalourdissement, n. m*

Abandon : *va, Ruồng bỏ, bỏ quên, bỏ rơi, không nhìn nhận* : **Abandon des**

enfants : *bỏ con, từ con.*
Abandon de soi-même : *Tự quên mình.* **Abandon au Dieu**: *Phú cho trời.* **Vivre dans l'abandon** : *Sống trong sự phủ phàng, đơn độc.*

Phóng túng : **Abandon de style** : *Văn chương phóng túng, Từ bỏ phóng khí* : **Abandon de biens, d'un droit** : *Bỏ của cải quyền lợi* **À l'abandon** : *Bỏ liều bất cố hồ đoái.* **Abandonnable** : *adj. đáng bỏ,* **Abandonnataire** : *n m. Người thừa hưởng, người được ủy thác quyền lợi.* **Abandonnateur; trice** : *n. Người bỏ nợ người trao quyền lợi lại cho kẻ khác.* **Abandonné** : *adj n. Người bị bỏ, đơn cô, tứ cố vô thân.* **Abandonnement** : *n. Sự nhường quyền lợi, tài sản* **Abandonner** : *va. Nhường lại, bỏ, gia. phó* : **Abandonner le pouvoir à** : *Giao quyền lại cho.* **Abandonner ses devoirs** *Quên nghĩa vụ, bỏ trách nhiệm.* **S'abandonner** : *vpr. Bỏ phế, bỏ liều, sa mê, đắm đuối* : **S'abandonner aux plaisirs** : *ham mê khoái lạc.*

Nãn chí, sờn lòng : **une âme forte ne s'abandonne jamais**: *Một tâm hồn mạnh không bao giờ sờn lòng.*

(Còn nữa)

DANH-TỪ HÁN-VIỆT ĐỐI-CHIẾU

Luật-sư **T.T.T.** *biên dịch*

CHANH

Chánh biến :	le Coup d'état.
Chánh bản, bổn chánh	l'Original
Chánh cuộc, chính cục	la Situation politique
Chánh cung, chánh phi	la Reine
Chánh cung hoàng hậu	l'Impératrice
Chánh cương	la forme du gouvernement
Chánh đàm, hội đàm, đàm phán	la Conversation, causerie politique
Chánh đảng	le Parti politique
Chánh địch, đảng nghịch đối phương	le Parti adverse, adversaire politique
Chánh giới, giới chính trị	le Monde politique
Chánh hiến, hiến pháp	la Constitution politique
Chánh hữu, đồng chí	un Camarade.
Chánh khách	un homme politique, homme d'état
Chánh kiến	une opinion politique
Chánh lệnh	le mandat, un ordre
Chánh lộ; đường chánh	le droit chemin
Chánh luận	une dissertation politique
Chánh nghĩa	la raison, la justice

ANH - VĂN THỰC - HÀNH

Third Lesson : Bài học thứ ba

I. English	French & Việtnamese	Prononciation
January	Janvier Tháng giêng	*Jéniouaré*
February	Février » hai	*Fébrouaré*
March	Mars » ba	*March*
April	Avril » tư	*Épril*
May	Mai » năm	*Mé*
June	Juin » sáu	*Joune*
July	Juillet » bảy	*Joulé*
August	Août » tám	*Ôgheust*
September	Septembre » chín	*Séptémbeur*
October	Octobre » mười	*Octôbeur*
November	Novembre » một	*Nôvémbeur*
December	Décembre » chạp	*Dicémbeur*
Hour, hours	Heure giờ, heures	*Haour, haours*
Day, days	Jour, ngày, jours	*Dé, daice*
Month, months	Mois, tháng, mois (les)	*Meunth*
Year	Année, năm	*Ieur*
Eleven	Onze, 11	*Élevèn*
Twelve	Douze, 12	*Touélve*
Thirteen	Treize, 13	*Theurtinn*
Fourteen	Quatoze, 14	*Fôrtinn*
Fifteen	Quinze, 15	*Fiftinn*
I have — You have	J'ai, tôi có, Vous avez các anh có	*Ay hève-iou héve*
Book — And	Livre, sách — Et	*Bouk' — Énd*

II. LESSON: 1. There are twelve months in a year: January, February, March, April, May, June, July, August, September, October, November, and December. 2. There are seven days in a week : Monday, Tuesday, Wednesday, Thursday, Friday, Saturday and Sunday. 3. There are four weeks in a month. 4. I have a book. 5. You have five books. 6. I have no book.

TRANSLATION :I—*Il y a douze mois dans une année : Janvier, Février, Mars, Avril, Mai, Juin, Juillet, Août, Septembre, Octobre, Novembre et Décembre. 2—Il y a sept jours dans une semaine : Lundi, Mardi, Mercredi, Jeudi, Vendredi, Samedi et Dimanche. 3—Il y a quatre semaines dans un mois. 4—J'ai un livre. 5—Vous avez cinq livre . 6—Je n'ai pas de livre.*

1— Có 12 tháng trong một năm : Tháng giêng, tháng hai, tháng ba, tháng tư, tháng năm, tháng sáu, tháng bảy, tháng tám, tháng chín, tháng mười, tháng mười một và tháng chạp. 2— Có bảy ngày trong mội tuần: Thứ hai, thứ ba, thứ tư, thứ năm, thứ sáu, thứ bảy và chúa nhựt. 3— Có bốn tuần trong một tháng. 4— Tôi có một cuốn sách. 5— Anh có năm cuốn sách. 6— Tôi không có sách.

USUAL CONVERSATION : Đàm thoại thông thường.

Good evening, Sir	Bonsoir, Monsieur, Chào ông (buổi chiều)	*Goud iveningne seur.*
Do you speak English ?	Parlez - vous Anglais ? Ông nói tiếng Anh được không ?	*Doě iou spik énglich ?*
I do not speak it	Je ne le parle pas. Tôi không nói được	*Ay dou nôt spik it*
But I read it very well	Mais, je le lis assez-bien. Nhưng tôi đọc được khá.	*Beut ay rèd it véri ouél*
What is your name ?	Comment vous appelez-vous ? Quí danh là gì ?	*Houat ize ior neme*
My name is Việt	Je m'appelle Việt. Tôi tên là Việt.	*May ném ize Việt*
Give me this book, if you please	Donnez-moi ce livre. s'il vous plaî . Xin ông vui lòng đưa cho tôi cuốn sách nầy.	*Ghive mi dzis boak, iph iou plize*
Thank you	Merci, Cám ơn	*Cinn khfou*
Good bye	Adieu, Xin kiếu	*Goud baye*

ANH-VĂN BỔ-TÚC

Bản dịch tiếng VIỆT ra tiếng ANH

Thầy mẹ kính mến,

Con rất vui vẻ mà cho thầy mẹ hay rằng trường con sẽ đóng cửa nghỉ vào tuần tới. Con cũng rất sung sướng báo trước cho thầy mẹ hay con sẽ đáp chuyến xe lửa chiều ngày Chúa nhựt tới, lối 4 giờ để về nhà được mừng rỡ thầy mẹ sau một lúc vắng nhà khá lâu. Hôm ấy sẽ là một ngày hạnh phúc.

Ở nhà trường, con học hành tươc tấn tới nhiều. Con lá có thể nói tiếng Pháp trôi chảy và con đã bắt đầu học tiếng Anh và tiếng Ý với vị Giáo sư rất trẻ của con, ông William. Con nhận thấy con đang thâu thập được một sự tấn tới rất khả quan trong sự học các thứ tiếng ấy. Nếu con có thời giờ rỗi, con sẽ theo học lớp Âm nhạc vì con rất mê thích môn ấy. Vì hiện tại, con còn lắm chuyện phải làm nơi trường con làm việc cực nhọc, nhưng con thấy lòng mình rất vui vẻ, vì bao giờ con cũng nghĩ đến những ngày mai sắp đến của con.

Thưa thầy mẹ kính mến con sẽ còn bao nhiêu chuyện để kể vớt thầy mẹ nghe khi con về đến nhà.

Con cầu chúc cho thầy mẹ yêu dấu được hoàn toàn sức khoẻ. Con vẫn luôn luôn là :

«Đứa con biết ơn của thầy mẹ»

CHÚ THÍCH. — *Vui vẻ, hân hạnh* = **Glad.** — *Cho cha mẹ hay, cho ai hay* = **To let you know** — *Sẽ đóng cửa* = **Will be closed** — *Báo tin* = **to notify** — *Trở về* = **To come back** — *Trôi chảy* = **Currently** — *Con đã bắt đầu* = **I have begun** (*begun* = *pretérite của to begin*) — *Nhận thấy, cảm thấy* = **To feel** = *Một sự tiến bộ lớn* = **A great improvement** — *Mê thích một cái gì, một chuyện gì* = **To be fond of...** *thí dụ* : **I am fond of Music** : *Tôi mê âm nhạc* — *Hiện tại* = **For the present** — *Cực nhọc* = **Hard** — *Vui lòng* = **Cheerful** — *Nhớ tưởng đến ai, hay đến một chuyện gì* = **To think of** : *Thí dụ* : **I think always of my friend** = *Tôi luôn luôn nghĩ đến bạn tôi. Cuộc đời tương lai* = **Future life** — *Trở về* = **To be back** — *Một sức khoẻ hoàn toàn* = **A perfect health** — *Biết ơn* = **Grateful.**

My dear parents

I am very glad to let you know that my school will be closed on next week for the Summer vacations — I am also very glad to notify yoa that, I shall take the evening train (on next Sunday, 4 P. M.) to come back to embrace you and Mother after such a very long absence. It will be a very happy day.

At school, I have made a splendid progress. I can speak French currently and I have begun taking English and Italian lessons with a very young professor Mr Williams. I feel I am now making great improvement in my study of these languages. If I shall have free time, I shall take Music lessons as I am fond of it. For the present, I have many things to do at school. I work hard but I am very cheerful, as I am always thinking of my future life.

Dear Father and Mother, I shall have many things to tell you when I shall be back. I wish you, dear parents, a perfect health— I remain,

Your grateful son.

Xứ sở thống nhứt, ngôn ngữ phải được thống nhứt. Dân - tộc độc lập, một nền học phải được độc lập. Vì vậy một nền văn - hóa mới Việt - Nam phải hoàn toàn Việt-Nam

Danh-từ Hán-Việt đối chiếu

(Tiếp theo trang 19)

Chánh lược, chánh khách	la politique, régime politiqne
Chánh phạm	le principal coupable
Chánh pháp (tử hình)	la peine de mort
Chánh phí	Dépense administrative
Chánh quyền	le pouvoir (politique)
Chánh quyền phân nhiệm	la séparation des pouvoirs
Chánh sách	la politique, le régime politique
Chánh sự, chính sự	Les affaires politiques
Chánh thất, vợ chính, chánh thê	la femme légitime
Chánh thể	la forme du gouvernement
Chánh thống, chánh truyền	l'orthodoxie
Chánh thống chủ nghĩa Mát-xít	le maxisme orthodoxe (*Còn nữa*)

TRANG THIẾU-SINH

HÓA-HỌC VÀ ẢO-THUẬT

của ký-sư LÂM-VĂN-VÁNG

KHOA học là ân nhân của nhân loại, luôn luôn khoa học phụng sự tất cả mọi người, không phân biệt màu da xứ sở hay giai cấp.

Nếu loài người (một thiểu số) không ích kỷ, thì không bao giờ đại chúng bị khổ vì nó. Y giới cũng như nông giới, kỷ nghệ giới, càng ngày càng nhờ khoa học để phát triển, tiến bộ; nhà Bác học, nhà Bác sĩ cũng như nhà nông, mỗi ngày mỗi nghiên-cứu thêm để cứu khổ cho loài người hoặc thâu lợi cho quốc-gia : nhà chăn nuôi, nhà tiểu công nghệ cũng tận tụy với nghề để hưởng lợi. Nhưng không một ai chối cải rằng đã đi ngoài phạm vi khoa học. Cho đến nhủng nghề không dính dáng gì đến khoa-học mà người chủ trương nó củng lợi dụng để mưu lợi. Tôi muốn nói nghề đóng trò ảo thuật mà ta gọi là « hát sơn đông » thường hay phô diễn ở các phố phường thị tứ. Tục gọi « hát sơn đông vì những kẻ đóng trò hầu hết là khách sơn đông bên Trung-quốc đi quảng-cáo bán cao đơn hườn tán. Họ bày la liệt trên một tấm vải trải trên mặt đất nào là ve keo, chai, lọ, hộp đầy rhững

thuốc ho, thuốc nhức đầu nóng lạnh đau răng nhứt là thuốc trặc, thuốc tức mà tục gọi là thuốc « nghề võ ».

Muốn được công chúng tin lời quảng cáo, họ khéo xen vào một vài hiện tượng khoa học thuộc về Hóa-học mà người ít học không còn nghi ngờ gì nữa cả.

Trong một cái ly có đựng một thứ nước màu đỏ tươi, mà họ cho là máu tốt. Kế họ rót tiếp vào vài phều nước màu vàng sậm và vài phều nước màu trắng đục như nước cơm vo. Tức khắc nước đỏ tươi trong ly sẽ trở nên màu đỏ bầm giống hệch như máu bầm ở những vết thương trong người bị té. Họ quảng cáo rùm lên rằng :« Đó, bà con xem, khi bà con bị đánh, bị đá hay té cây, máu động sẽ trở nên bầm như nước đựng trong ly nầy. Bà con hãy dùng thuốc dán hiệu X của bổn đường bào chế dây nầy, mỗi miếng giá 5đ00 thôi. Dán lên tức khắc máu các bà các cô sẽ đỏ trở lại, và các bà các cô sẻ hết tức hết đau ngay ».

Đoạn họ nhểu vào ly nước đỏ bầm khi nảy vài giọt nước trắng khác: mà họ quảng cáo rằng : « Đây là thuốc dùng chế ra thuốc dán » của họ bán đó.

Thật vậy, tức thì màu đỏ bầm trong ly nước sẻ biến mất, màu đỏ tươi sẽ hiện lại như trước. Họ cho là nhờ thuốc dán mà máu bầm sẽ tan, và máu chỗ đau sẽ lần lần tươi thắm trở lại.

Đó rồi họ đi vòng chỗ khán giả đứng xem, nài nỉ mỗi người mua một miếng để dành dùng trong cơn hữu sự.

Mỗi ngày đi làm quảng cáo như vậy khắp chợ nầy sang chợ khác, họ cũng thâu được một số tiền không nhỏ, trối kệ đồng bào chúng ta sau nầy dùng thuốc của họ có hết bịnh không cũng mặc.

Từ thành thị tới chốn thôn quê chỉ đi qua mỗi chỗ một lần cũng đủ làm giàu nho nhỏ.

Mà các bạn có biết thuốc ấy là thuốc gì chăng ? Đây tôi xin giải ra để bạn đọc tường lắm về phương-diện hóa học còn về sự kinh nghiệm của thuốc tôi không bàn đến, có khi cũng gặp thuốc hay, khen chê đó là quyền của các bạn.

Trở lại vấn đề hóa chất, ly nước đỏ ban đầu là mực đỏ của học trò dùng ; nước vàng sậm và nước trắng rót vô sau là thuốc rượu có chất «đốt» tiếng Pháp gọi là teinture d'iode và nước cơm vo, còn nước trắng rót vào sau rốt làm cho màu đỏ bầm biến mất và màu đỏ tươi hiện lại là nước có pha thuốc rửa hình mà tên hóa học gọi là Hyposulfite de soude.

Giải nghĩa: Teinture d'iode có tánh làm cho nước cơm hay là hồ bột trở nên xanh, nhưng màu xanh hòa với màu đỏ của mực đỏ đổi thành màu tím bầm, còn hyposulfite de soude kỵ với chất iode làm cho chất nầy biến mất, tất nhiên màu nước cơm sẽ biến theo, chỉ còn lại mực đỏ là không kỵ và không thay đổi gì cả.

Các bạn thí nghiện thử xem.

L.V.V.

VẤN ĐỀ
« HƯỚNG DẪN CHỨC NGHIỆP »
(Orientation professionnelle)

của Kỹ-sư LÂM-VĂN-VÂNG

TRÊN các nước tiền tiến, mà nền kỷ nghệ và thương mải được sung túc thì sự hướng dẫn chức nghiệp là một việc tối cần và đại hửu ích.

Bên Âu Mỷ, nhiều tổ chức đả được phát triển hơn năm mươi năm về trước ở các tỉnh thành lớn mà nhứt là ở các đô thị đông đúc, có nhiều xưởng công nghệ.

Xứ ta từ xưa đến nay sống hoàn toàn nhờ nông nghiệp, thành thử việc hướng dẫn chức nghiệp chưa thấy cần thiết lắm.

Hiện nay nước nhà đang bước lần sang một thời kỳ mới mẻ, thời kỳ kiến thiết, thì chúng ta, người có phận sự đối với quê hương xứ sở, với đồng bào, cần phải quan tâm đến, cho kịp trào lưu. Sự sản xuất càng ngày càng tăng gia, thì vấn đề nhơn công cần phải được tổ-chức để cung cấp nhơn-tài cho các ngành hoạt động: kinh-tế : kỹ nghệ, thương mải, nông nghiệp, tiểu công nghệ, thủ công vân vân.

Dầu biết rằng dân Việt Nam chúng ta được xem như là một dân tộc thông minh sáng trí, gặp nghề nào làm cũng cặng. Nhưng đó là thời kỳ phôi thai người hửu học rất ít, thành thử hễ đã biết nghề thì là được hữu dụng. Như tôi đả nói, xứ ta sắp sang qua thời kỳ phát triển về đủ mọi phương diện, số thanh niên nam nử hiếu học sẻ tăng thêm mải mải lẽ tất nhiên các ngành hoạt động bắt buộc phải chọn lựa nhơn công tài cán ít ra củng phải được người có khiếu, với chức vụ của mình.

Chúng ta không nên quên rằng «thiên tư » là một cái tánh tự nhiệu của Tạo-hóa phú thác cho loài người, nhưng mỗi người không phải đều được sáng suốt như nhau đó là do bản chất của cha mẹ sanh ra, mà nhứt là do sức khoẽ của mỗi người.

Hiện thời chúng tôi đả có dịp thấy nhiều phụ huynh học sinh đang phân vân lo nghỉ không biết phải lo cho con em chuyên học nghề gì ?

Học chử ư ?

Học nghề ư ?

Những nghề gì ?

Đó là những câu hỏi mà họ chưa tìm được câu phúc đáp. Những bậc cao minh, sáng kiến, những nhà dìu dắt đám thơ sanh cũng nên nghĩ đến, hầu lo giải quyết một vấn đề có ảnh hưởng lớn lao cho tiền đồ của Tổ-Quốc.

Không phải riêng gì người có con em, đây rồi lần lần sẻ đến các nhà điều khiển, các kỷ nghệ gia, công xưởng cũng như tư xưởng, các thương gia và nông gia, khi mà công việc làm ăn được phát đạt cần phải gia tăng sản xuất, lẻ tất nhiên cần phải thêm nhơn

công chuyên-nghiệp, rồi họ cũng sẽ ở trong tình cảnh khó khăn nói trên.

Người kiếm việc cũng như người cần dùng nhơn công, cần phải có một tổ chức trung gian làm môi giới thì sự sản xuất mới mong mau được dồi dào nền kinh-tế mau phong phú.

Tổ-chức môi giới ấy, các nước Âu-Mỹ gọi là « Ủy-ban hướng dẫn chức-nghiệp » (Comités d'Orientation professionnelle).

Tổ chức hướng dẫn chức nghiệp có mục đích chỉ đường lối cho thanh-niên chọn lựa một công việc làm (một nghề nghiệp) được phù hợp với tài năng, với thiên tư với sức khoẻ của họ do một vài phương pháp giám khảo.

Tổ chức nầy giúp tất cả mọi người nhưng riêng nhứt là đám trẻ do dự trên bước đường tương lai, cũng vừa giúp các ngành hoạt động kinh tế trong sự tìm người cộng sự giỏi dắn vì nó có tánh cách gia đình và xả hội.

Ta nên biết rằng sự hướng dẫn chức nghiệp là một công việc rất phức tạp khác hẳn với sự chọn lựa nghề nghiệp mà kết quả thường được chắc chắn hơn: mặc dầu hai việc đều do một quy tắc.

Phương pháp hướng dẫn thì căn cứ vào khoa sinh lý và bịnh lý học, kỷ thuật và kinh tế. Nói tóm tắt. sức khoẻ giữ một vai tuồng quantrọng trong vấn đế nầy.

Sự hợp tác của các nhà giáo-dục cũng cần thiết để đi đến sự hiểu biết rành rẽ các đức tánh của trẽ em như : tư cách, tài năng, thiên tư, trí nhớ v.v...

Thí dụ một trẻ em tánh tình hiền hậu, siêng năng nhưng tối dạ theo sự phán đoán của nhà giáo dục ; trái lại em lại được một sức khoẻ đầy dủ, lại có hoa tay, thì lẻ tất nhiên « ủy ban hướng dẫn » không ngần ngại gì mà không khuyên em không nên đeo đuổi văn chương để tìm lấy một nghề thủ công mà em có hy vọng đi đến tột bực vì em có điều kiện đi đến.

Một thanh niên thiếu học, lại sáng trí,mạnh mẽ tánh tình tỉ mỉ nhưng có tật lãng tai thì tốt hơn đừng làm nghề tài xế, mà trái lại có thể đeo đuổi nghề mộc hay máy là hơn.Đứng về tình trạng nước ta hiện nay,hạng cán bộ cao cấp còn thiếu sót ta lại càng nên nhĩ đến sự khuyết-điểm để lo gấp bồi bổ thì mới mong một ngày gần đây chúng ta đủ người đủ tài lo cho vận mạng nước Việt-Nam độc lập đang còn ấu trĩ.

Đây lại phải nói qua vấn đề chọn lựa nghề nghiệp (sélection professionnelle) mà chúng ta phải tầm nhơn-viên trong hạng học sanh các trường trung học. Những phương pháp dùng để hạch hỏi trẽ em trong sự hướng dẫn củng còn đem áp dụng được trong sự chọn lựa nghề nghiệp, nhưng vì hiện nay nước Việt-Nam đang cần dùng tất cả nhân- tài không phân biệt nghề nghiệp nào, thành thử sự chọn lựa nghề không cần phải gắt gỏng lắm.

Mỗi năm các trường Trung-học chưa đào tạo được bao nhiêu sinh-viên mà sự nhu cầu thì to tát hơn. Vậy sự chọn lựa nghề còn có thể tùy ý của phụ huynh hay của sinh viên định đoạt.

Nhưng theo thiển kiến của chúng tôi thì nước giàu và mạnh do nền kinh-tế dồi dào ; vậy ai là người thật tâm lo lắng đến hậu vận của nước nhà, cũng nên để ý đến vấn đề đó trước khi du học. Đành rằng vấn đề tài chánh dùng để mở mang các ngành kinh tế trong nước là vấn đề gốc của sự chọn lựa nghề thực nghiệp, và thường khiến một số sinh viên phải bỏ ý định tốt đẹp của họ để đổi học lấy một nghề mà sau nầy khỏi cần phải xuất vốn thêm để khuếch trương. Nhưng chúng tôi mong ước với phong trào canh tân, với một tương lai đầy hy vọng của nước nhà, vấn đề tài chánh sẽ được giải quyết dễ dàng hơn chúng ta tưởng.

LỚP DẠY VẼ

của Giáo-sư hội-họa Kinh và Cần

HÌNH DÁNG (Forme) Hình : figure — Hình ảnh : image

Có hai thứ hình dáng: hình dáng bằng phẳng và hình dáng nổi lộ ra. Ta cứ gọi ngay là HÌNH DÁNG PHẲNG và HÌNH DÁNG NỔI cho tiện. Những hình dáng phẳng có hai bề (2 chiều) bề đứng và bề ngang (rộng). Mỗi bề hiện thành nét ngay, nét cong hay gợn sóng, và có khi những nét ấy ráp lại thành góc, Những hình dáng đó được thấy rõ nhờ những màu sắc của nó. Thí dụ : những đốm màu trên chiếc lá, cành hoa, trên mặt đá (cẩm thạch) và trên cánh con bướm hoặc trên lông chim v.v.,. (Hình vẽ 1, 2, 3) Đó là những vật thiên nhiên; còn ở những vật nhơn-tạo về loại trang hoàng, có những hình kỷ-hà (xem hình 4,5)

Tất cả hình dáng lộ ra gọi là **hình dáng nổi**, Những hình nổi có 3 bề (chiều) bề đứng (cao) bề ngang (rộng) và bề dầy (nổi ra) hoặc bề sâu (hũng vô). Những bề ấy vạch bằng nét ngay, có góc, nét cong hay mô lên. Những hình dáng ấy hoàn-toàn lồi hay lõm sánh với mặt bằng.

Imprimerie du SUD
(NAM-PHƯƠNG ẤN-QUÁN)
34 đường La Pagode — GIADINH
NHẬN IN SÁCH VỞ, TẠP-CHÍ, CÁC LOẠI CÔNG VÀ TƯ
MAU LẸ — MỸ THUẬT — GIÁ PHẢI CHĂNG

Lộ-thể : (le modelé) là tánh chất chung về những phần lồi hay lõm, mô tròn hay dẹp hay (riêng biệt) về những chỗ gồ-ghề của một vật rắn (lập thể) (solide). Ngoài những «hiệu-quả» của ánh sáng soi chiếu vật và vật phản chiếu lại nhờ châu-vi của hình dáng nó mà ta phân biệt được một vật với những vật khác chung quanh nó.

Trong Tạo-vật, mỗi hình dáng đều có châu vi, ngay đến những vật linh-hoạt, thấp-thoáng và biến-đổi như : mây, khói, sóng biển v.v. (hình 6,7.)

Phô-diễn lại châu-vi ấy bằng một nét giản-dị, như thế là ta đã thu-gọn một cách rõ rệt hình ảnh vật ấy lắm rồi. Và cũng nhờ những sự thu-gọn kế-tiếp như trên, ta ước-lược lần hồi những hình dáng thiên nhiên thành những hình Kỷ-nà. Nghịch đảo lại, bởi những hình và những lập-thể thuộc về kỷ-hà học đều do những hình dáng thiên-nhiên thâu gọn lại, nên ta có thể dùng những hình và thể-khối thuộc về kỷ hà học để đóng khuôn bao-bọc những hình dáng thiên nhiên phẳng hay lồi.

Theo đây ta nhận thấy tất cả những hình dáng phẳng đều có thể, tùy theo đặc-tánh của mỗi cái (lộng khuôn) bao bọc bởi một hình kỷ-hà: hình vuông hình chữ-nhật, hình thoi, hình nhiều góc, hình tròn, hình bầu-dục, hình trái soan hay một hình hỗn-hợp do những hình đơn giản kể trên. (Xem hình: 8, 9.) Và tất cả hình dáng nổi (lồi ra) đều có thể, cũng tùy theo đặc tánh của mỗi thứ, đựng trong một hình dạng kỷ-hà như: hình lập phương (thể khối) hình hộp ngay, hình tháp (khối tháp) hình nón lá, hình nhiều mặt, hình viên trụ, hình cầu, hình trứng gà hay trong một hình dáng hỗn-hợp gồm những hình khối đơn-giản kể trên. (Xem hình : 10)

Cách thu-gọn hình dáng là căn-bản của khoa vẽ. Nó giúp ta tìm được tánh cách tổng quát của một châu-vi, trước đã, sau sẽ ghi lại đúng những chi-tiết bên trong.

(Còn nữa)

1

2

3

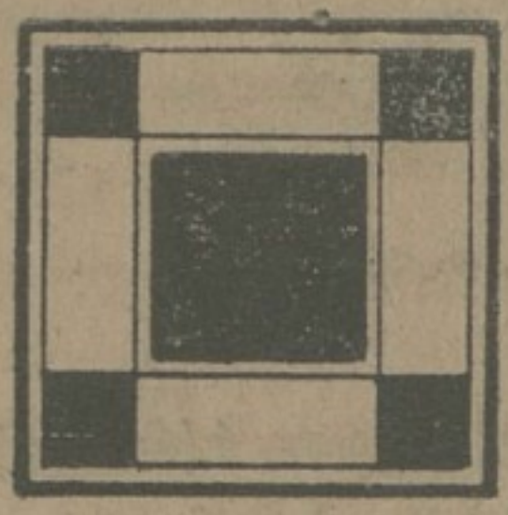

5

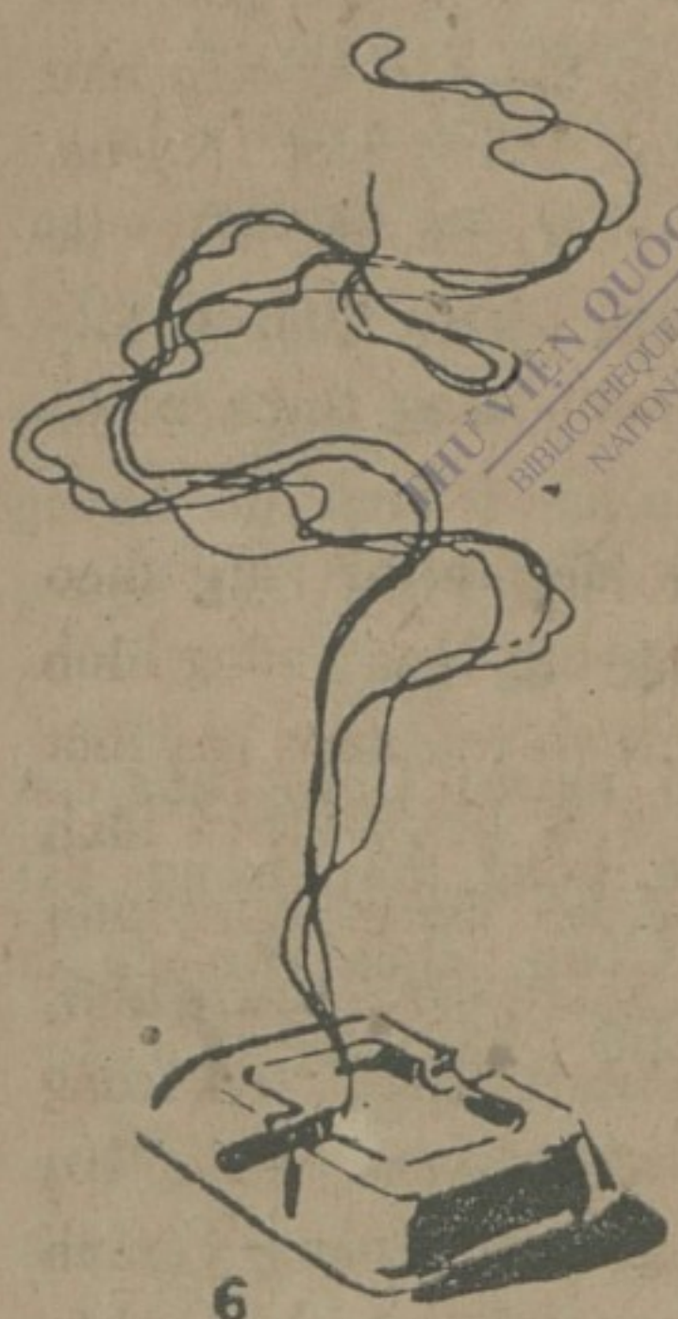

6

7

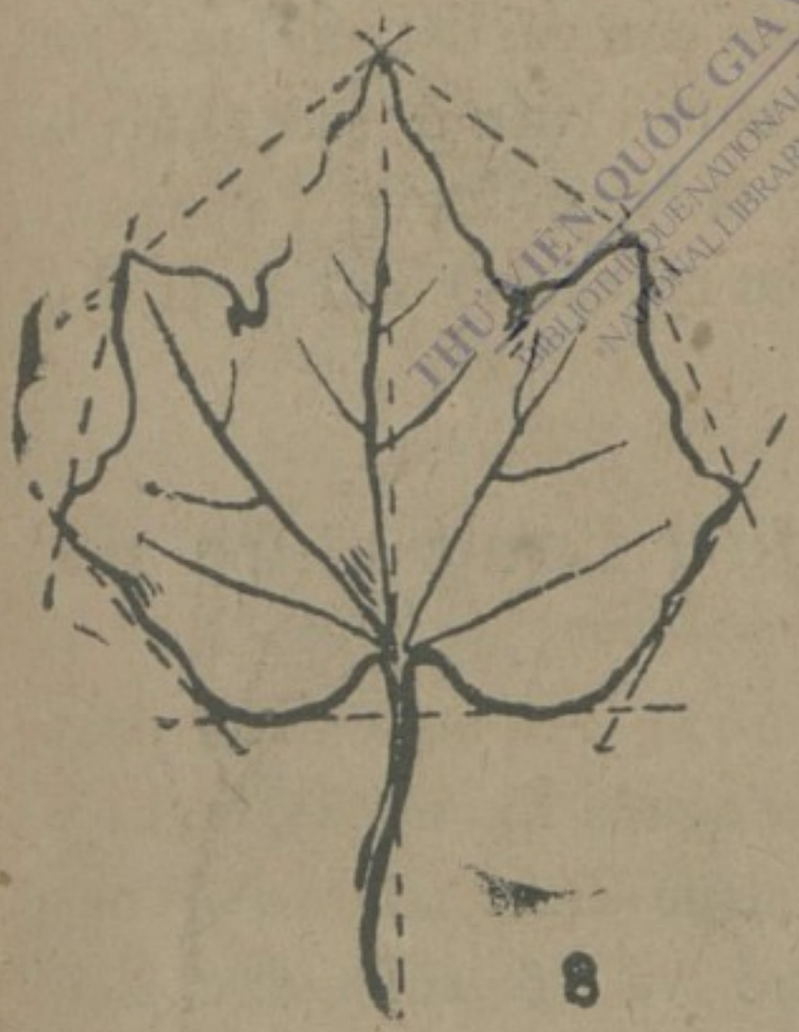

8

9

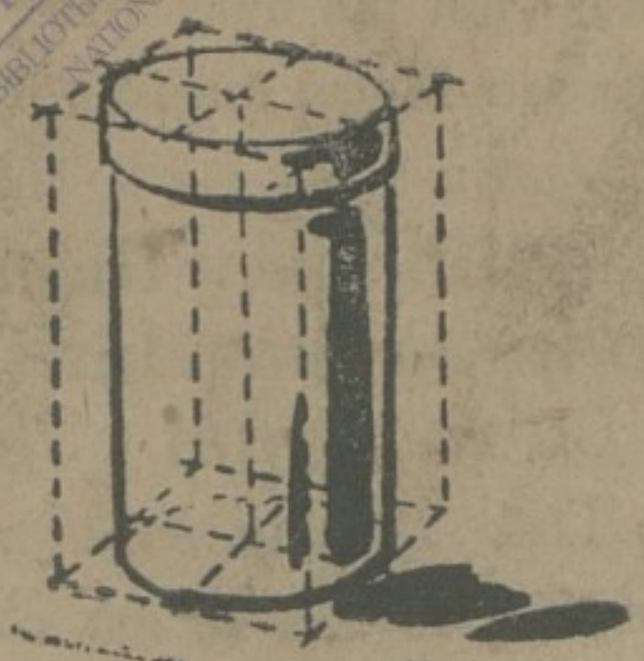

10

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIỆT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIET NAM

Điển-Tích Văn-Học

của HOÀNG-TỬ-ANH

Chung nam tiệp kinh : mượn núi Chung mà làm đường để tắt để cho mau chóng. Nghĩa bóng chỉ kẽ dùng đường tắt để đi làm quan. Theo tích xưa đời Đường, vua yết bảng cầu hiền và kiếm người ẩn sĩ ra làm quan, bấy giờ có người tên là Hoàng-Vũ cao mưu vào ẩn ở núi Chung-Nam rồi cho người đút lót tiền cho viên tri phủ quận ấy để tiến cử mình là một ẩn sĩ mà ra làm quan.

Chử cậu kết giao : Kết bạn ở trong chỗ cối chày. Nghĩa bóng nói kết bạn không kể giàu nghèo , từ trong lúc còn hàn vi, còn dã gạo với nhau Theo tích xưa Công sa Mục đời Hậu Hán nhà nghèo đi du học ở kinh đô không có gạo ăn bèn kiếm nhà Ngô Hữu xin dã gạo mướn Ngô Hữu biết người có tài không kể sang hèn bèn kết làm bạn với nhau. (lúc dã gạo).

Chử Đồng Tử : Theo tích xưa ở nước ta, có người Công chúa con vua Hùng-Vương đi dạo mát, đến một bãi sông mà tắm, bỗng thấy trong bãi lau có một người trai trẻ trần truồng đang nấp xem, Công chúa tin đó là người tiên và duyên trời định bèn kết làm phu phụ. (Chữ : bãi sông: đồng tử: trẻ : đứa trẻ ở bãi sông).

Chức cẫm hồi văn : Bài văn thêu quanh trên gấm của nàng Tô-Huệ vợ Vương-Thao đặng xin cho chồng bị đày nơi xa được trở về. Vua trọng người có tài văn-học và thương người tuổi trẻ chịu cảnh cô đơn mà động lòng tha cho về.

Chức nử; Tiếng nầy dùng để chỉ nghĩa một người con gái dệt vải lụa. Còn gọi là Sao Chức Nữ. Theo tích xưa nàng Chức Nữ, một người tiên ở sao chức, là con trời được gả cho chàng ở sao Khiêu Ngưu, tục gọi là Ngưu-Lang, hai người mỗi năm một lần ngày mùng bảy tháng bảy được gặp nhau tại cầu Ô Thước là cầu bắc từ sao Ngưu qua sao Chức.

Ví dụ :

(Mùng bảy tháng bảy mưa ngâu ngưu Lang chức nữ gặp nhau một lần

Chương đài : Tên một đường ở kinh đô Trường An nước Tàu ngày xưa. Theo tích người Hàn Hoành vừa mới biết được người kỵ nữ ấy là Liễu Thị định hỏi làm vợ mà chưa xong thì Hàn phải đi nhậm chức nơi xa ở nhà nàng Liễu bị tướng Phiêu cướp mất, khiến cho Hàn trở về vộ cùng đau khổ. Trong chuyện Kiều có câu :

Khi về hỏi Liễu Chương Đài
Cành xuân đã bẻ cho người trao tay.

(Liễu Chương Đài đây là nàng Liễu ở đất Chương Đài).

Diêm Vương, Diêm Chúa: Vị chúa cai quản những kẽ đã chết ở địa ngục. Vua của những linh hồn đã chết ở bên kia thế giới.

Dung Bành: Ông Dung Thành và ông Bành Tổ là hai người sống lâu nhứt theo điển tích Trung-Hoa.

Ví dụ; **sống lâu như Dung Bành.**

Dương (nước cành dương) Theo tích Thạch Lạc đời nhà Tần có người con trai bị bịnh mà chết nhờ được một vị Phật lấy cành dương nhúng vào nước mà làm phép, tưới lên mình tức thời kẻ ấy sống lại liền . Nghĩa bóng nói phép mầu nhiệm.

Dương Đài : Đền đài cung điên của vị nữ thần làm mây và làm mưa.

Dương quan : Tên một cửa ải bên Tàu mà hai câu thơ Đường đã ghi lại : Tây Xuất Dương Quan vô cố nhân ; Ra khỏi Dương Quan rồi thì không còn ai là bạn cũ nữa (Vương Duy).

Dương xa : Xe dê. Theo tích vua Võ Đế nhà Tần nhiều vợ, mỗi khi muốn vào cung một bà nào thì ngồi lên xe dê cho dê kéo tới cung nào thì vào cung ấy.Vì vậy các bà cung phi tranh nhau rắc lá dâu đặng cho dê thấy lá dâu mà thèm vào ăn mà đưa Võ Đế vào luôn. Trong Cung oán ngâm khúc có câu : **Xe dê lọ rắc lá dâu mới vào !**

Đằng Vương Cái : Một nơi thắng cảnh của nước Tàu được nhiều văn nhân ca tụng từ xưa đến nay.

Đoan Dương, Đoan Ngọ : Tức là lễ mùng năm tháng năm, theo tích xưa Khuất Nguyên là quan nước Sở khi nghe tin Sở Vương sắp qua Tàu, ông liền can vua ; song Sở Vương nhứt mực không nghe, qua đến Tàu bị giết chết. Khuất Nguyên tức giận và buồn việc nước liền làm sách ly tao, xong rồi nhảy xuống sông Minh La tự tử. Người Sở thương tiếc, mỗi năm bèn làm lễ kỷ niệm và mở hội đua thuyền mãi đến ngày nay.

Đại thừa : nhà Phật chia ra làm hai giáo : đại giáo và tiểu giáo tức là đại thừa tiểu thừa. Đại thừa thuộc : kinh đại thừa là kinh mà Phật Bồ Tát ban cho kẽ có chân tu có căn khí lớn. Kẽ có căn khí thấp hơn thì ban cho tiểu thừa.

Đại tường : Ngày lễ mãn tang cha mẹ để làm lễ rước lịnh vào nhà thờ tổ tiên.

Đan thanh : Đan: đỏ. Thanh: xanh — Nét vẽ đượm màu xanh đỏ, nét vẽ khéo : Nét đan thanh.

Đản Lưu tru Lữ: níu tay áo tả giúp họ Lưu, mà giết họ Lữ.

(Kỳ sau sẽ tiếp)

QUỐC-VĂN BÌNH-CHÚ

(Bực Trung-Học)

CHINH - PHỤ NGÂM

...Thuở lâm hành oanh chưa bén liễu,
Hỏi ngày về ước nẻo quyên ca.
Nay quyên đã dục oanh già.
Ý-nhi lại gáy trước nhà líu lo.
Thuở đăng đồ mai chưa dạn gió.
Hỏi ngày về chỉ độ đào bông.
Nay đào đã quyến gió đông.
Phù dung lại rủ bên sông bơ sờ.
Hẹn cùng ta Lũng Tây nhạm ấy,
Sớm đã trông nào thấy hơi tăm!
Ngập ngừng lá rụng cành trâm,
Buổi hôm nghe dậy tiếng cầm xôn xao.
Hiện nơi nao Hán Dương cầu nọ,
Chiều lại tìm nào cô tiêu nao
Ngập ngừng gió thổi chiến bào,
Bãi hôm tuôn dậy nước trào mênh mông.
Tin thường lại người không thấy lại;
Hoa đương tàn đã trải rêu xanh.
Rêu xanh mấy lớp chung quanh,
Sân đi một bước trăm tình ngần ngơ.
Thư thường tới người chưa thấy tới,
Bức rèm thưa lần giải bóng dương.
Bóng dương mấy buổi xuyên ngang,
Lời sao mười hẹn chín thường đơn sai.
Thủ tình lại diễn khơi ngày ấy,
Tiền sen nầy đã nầy là ba.
Xót người lần lữa ải xa
Xót người nương chốn hoàng hoa dặm ngoài.

ĐOÀN-THỊ-ĐIỂM

Tiểu sử : Chinh-phụ-ngâm là một bài thơ trường thiên tả nỗi buồn của một người vợ lính phải xa chồng và sự than khóc khi xa vắng. Nguyên-văn Chinh-phụ-ngâm làm bằng chữ Hán ; soạn giả là ông Đặng-trần-Côn, người làng Nhân mục, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà-Đông. Về sau có bà Đoàn-thị-Điểm, người huyện Đường-Hào, tỉnh Hải-dương đem dịch ra nôm. Bà Điểm là một tay văn-học đời Lê Thuần-Tôn (1732) tục gọi là Hồng-Hà nữ sĩ. Từ năm 15 tuổi đã nổi tiếng

hay chữ, soạn rất nhiều sách và thơ như cuốn Truyền-kỳ tân phả, Chinh-phụ-ngâm v.v... Năm bà ba mươi tuổi mới kết hôn cùng Tiến-sĩ Nguyễn-Kiều, tự là Hạo-Hiện. Chồng chết sớm, bà trở về làng quê dạy học, môn đệ thành đạt rất nhiều và năm bảy mươi tuổi mới mất.

Cuốn Chinh-phụ-ngâm nầy tuy dịch, nhưng có phần khởi sắc hơn nguyên-văn của ông Đặng-trần-Côn và đem so sánh hai bản thì bản dịch bà Điểm đã vượt hẳn tánh chất nguyên-văn khác xa lắm, nhờ ở màu sắc và hình ảnh mà bản chánh không bì kịp được.

Mặc dầu trong giới văn-học-sử, người ta vẫn còn đặt một nghi án và dùng khảo sát về sự bà Điểm quả phải tác-giả bản dịch ấy không.

XUẤT XỨ VÀ ĐẠI Ý ĐOẠN THƠ : Bài thơ nầy trích một đoạn ở Chinh-phụ-ngâm, tả sự nhớ mong của người chinh-phụ ở nhà và nhớ lại khi vừa mới lấy nhau thì chồng phải lên đường. Ra đi hẹn nhau rằng khi mùa năm sau chim quyên gáy, con chim én líu lo và bông đào nở thi sẽ trở về sum hiệp. Nay hoa đào đã tàn rũ, bông phù dung (bông súng) đã bơ sờ, mà lời hẹn về Lũng Tây vẫn mịt mù tăm. Ngày lại ngày, lá rụng, đàn cầm xôn xao, gió dục giả mà đứng ở cầu Hán-dương, nơi hứa hẹn, vẫn thấy ngọn thủy triều minh mông mà thôi. Xa nhau, vẫn nhận được thư tin, nhưng người mãi không thấy về và sự hẹn về cũng như bóng nắng giải mỗi ngày, không thấy gì cả. Chàng ra đi kể đã ba năm rồi, vì tiên sen đã ba lần nở, thật đáng thương cho chàng phải chịu lần lữa nơi biên thùy xa vắng...

ĐẶC TÍNH VÀ GIẢI-THÍCH CỦA BÀI THƠ : Thơ làm theo lối Song thất lục bát, một lối thơ âm điệu buồn buồn dọc lén thường ảo não, thiết tha, Không những âm vận đối chọi rất chỉnh mà âm điệu cũng rất lưu loát, ưu buồn, tả rõ cái buồn của người con gái mới lấy chồng tình đang nồng nàn lữa hương bén (oanh chưa bén liễu, mai chưa dạn gió) mà đã phải chịu cảnh vọng phu Tác giả khéo gợi những ý về hoa cỏ, (mai, đào, phù dung) chim chóc (oanh, yến) để nhuộm lên cái sầu xa vắng và làm nổi bật một tâm sự nhớ mong tha thiết nhưng kín đáo của người Á Đông. Thương, nhớ, mong, dằn vặt về nỗi khổ sinh-lý , nhưng không quá bộc lộ bồng bột và trơ trẽn. nàng trong chuyện dù nhìn cảnh mà tâm tư và thấy lại bao chốn hẹn hò trò truyện ngày xưa mà than thở gối chiếc chăn đơn, Hơn nữa càng trông mong thì ngày càng đằng dặc, bóng mặt trời ngày một điểm qua...

Nhờ vậy, cả bài thơ là một nỗi bất bình của người chinh-phụ, là những lời uất hận, nhưng không oán trời, không trách chồng, không giận thân.

Tất cả ngần ấy cái hay, cái khéo là do sự dụng công của tác giả. Nhờ đó mà

địa vị của bài Chinh Phụ Ngâm được lên ngang hàng với các truyện Tần Cung Oán, Thúy Kiều, Hoa Tiên.

Một cuộc chiến tranh thời xưa đột khởi, chàng là một **kẻ phong lưu đương chừng niên thiếu, sánh nhau cùng dan díu chữ duyên, chưa quen hơi bén tiếng, chưa hưởng hạnh phúc cho nhiều,** thế mà phải đi tùng chinh ! Người đàn bà Á-Đông thời xưa chỉ trong chữ tòng và chữ tiết, nhưng đêm khuya canh tàn trăng lụn và ngày dằng dặc **đào quyến gió đông, hoa phù dung bơ sờ,** ai có thấu được nỗi lòng đau khổ của người Chinh phụ? Khổ ấy, nhà thơ Đường, Vương Xương Linh đã cùng một ý mà than hộ :

Hốt kiến mạch đầu dương liễu sắc
Hối giao phu tế mịch phong hầu

Chợt thấy đầu đường dương liễu thắm
Tiếc để chồng đi kiếm tước hầu!

Nỗi khổ của người chinh phụ nầy thì càng tăng hơn vì quanh mình mọi vật đều nhắc nhở: **quyên dục, yến líu lo, đào cợt gió, tiếng cầm, cầu Hán dương, nước triều dậy,** v. v. Nhất là cảnh trước nhà: cái sân mà chàng thường ra đứng, hoặc ngắm trăng! Nay sân ấy: **Rêu xanh mấy lớp xung quanh**. Rêu đã xanh, sự xa vắng đến ba lần tiền sen trước hồ nở thì mỗi khi đi qua sao mà không: «Sân đi một bước trăm tình ngẩn ngơ» được! Khổ ấy tuy mộc nhưng thâm thúy cho nên đoạn giữa bài Chinh Phụ Ngâm nầy đã có một câu hồn nhiên mà thành thật:

Cậy ai mà gửi tới cùng
Để chàng thấu hết tấm lòng tương tư!

Hoặc là :

Ước gì gần gũi tấc gang
Giải niềm cay đắng để chàng tỏ hay!

Đại loại với những câu thơ êm ái, buồn buồn, cảm động, tác giả đã lột bật hẳn của một tấm lòng sầu khổ nhưng có khuôn khổ luân lý và không quá lảng mạn.

CHÚ GIẢI : 1) **Lâm hành** : lúc ra đi, lên đường. (tiếng Hán Việt) **Quyên**: một thứ chim hay kêu sầu, lâu ngày gục xuống mà chết; còn gọi là đỗ quyên, đỗ vũ, chim quốc hay tục gọi là chim gõ mỏ. **Ý nhi**: chim én, yến. **Đăng đồ**: lên đường (tiếng Hán Việt). **Phù dung**: một thứ hoa như bông cẩn, bông bụt. Một thứ, sen mọc ở sông(bông súng). **Lũng Tây**: tên một ngọn núi bên Tàu. **Nham** núi đá cao; Lũng Tây Nham: ngọn núi Lũng Tây. **Hán dương** : một đất ở bên Tàu gần Lũng-Tây, thuộc phủ Quảng Châu. **Chiến bào** ; áo giáp, áo bào mặc ra trận. **Nước trào** : nước sông lên, thủy-triều.

(*Xem tiếp trang 39*)

TRANG TÀI-LIỆU

TINH-HOA VĂN-HỌC

của NGUYỄN-HOÀI-NAM biên dịch

CHỈ BIẾT TỔ-QUỐC

Khi ông Lê-Lợi nổi lên chống với quân nhà Minh binh lực vẫn còn yếu lắm. Trận được trận thua, lẩn lút mãi trong hai xứ Nghệ-An và Thanh-Hóa mà kháng-chiến.

Một hôm bị quân Minh vây tại núi Lam rất ngặt, khó liệu bề trốn thoát ra được. Ông Lê-Lợi lấy làm lo cho triệu tập các tướng lĩnh lại mà hỏi rằng :

— Thế giặc vây kín bốn bề, muốn thoát thân phải trá kế vậy có ai vì ta mà thay áo cầm bào được chăng?

Trong đám quân bỗng có một vị tướng trẻ chạy ra xin làm việc ấy và chết thay cho ông Lê-Lợi. Nhà lảnh đạo kháng-chiến rất đỗi cảm-động, nhìn nhau cùng khóc mà nói :

—Sau nầy nước nhà độc-lập, ta sẽ không quên họ hàng vợ con nhà ngươi.

Người tướng ấy tức là Lê-Lai, nhận áo bào mặc vào, lảnh một đội quân xông vào phá giặc. Giặc ngở là ông Lê-Lợi xúm lại vây đánh quyết liệt, giết chết mất Lé-Lai. Nhờ đó mà ông Lê-Lợi kéo quân đi đường khác trốn thoát được để tiếp tục cuộc kháng-chiến đến khi thắng lợi.

(Theo sách Liệt-nữ-Truyện)

KHÔNG DẠY CON NÓI LÁO

Vợ thầy Tăng-tử sắp đi chợ, thì đứa con khóc đòi đi theo, mới nói với con : « Con ở nhà, mẹ đi chợ về sẽ làm thịt lợn cho mà ăn »

Đến khi vợ về, thấy Tăng-tử bắt heo làm thịt. Vợ mới nói .

— Tôi nói đùa với con đó thôi !

Thầy Tăng-tử bảo rằng ;« Nói đùa thế nào được ? Mình đừng khinh trẽ con không biết gì lầm. Cha mẹ làm gì, chúng hay bắt chước. Nay mình nói láo, chẳng hóa ra dạy con nói láo nữa sao?

Nói xong Thầy Tăng-Tử bắt heo làm thịt cho con ăn thật.

(Theo sách LAM-SƠN THỰC-LỤC)

CHÚ THÍCH : I) Lam Sơn Thực lục là một cuốn sách chử nho, do ông Nguyễn Trải soạn kể lại cuộc kháng chiến mười năm của Lê Lợi chống nhà Minh (1413-1428).

II) Triệu tập : mới tụ họp lại. **Tướng lĩnh :** các cấp chỉ huy **Trà kế :** dùng mưu gạt, **Cầm bào :** áo gấm của vua mặc. **Lảnh đạo :** dìu dắc

CHÚ THÍCH : I Thầy Tăng-Tử là học trò đức Khổng Tử, một nhà hiền triết Á-Đông. II) Bài có ý khuyên ta không nên hứa láo với con trẻ, vì như thế là tập lần cho chúng cái tánh xấu nói láo. Và khi đã biết cái việc gì đã hứa với chúng thì phải cho có. Nếu không thể thì đừng có hứa nhảm. Chuyện nầy cũng giống như chuyện mẹ thầy Mạnh Tử hứa lở với con mà sau phải giết heo cho con ăn để giữ lời hứa. **III) Liệt nữ truyện** là một quyển sách xưa của Tàu, chép những chuyện đàn bà con gái trinh tiết, đức hạnh và anh hùng.

TRANG Y-HỌC

DƯỢC-TÁNH TRÍCH-YẾU

của bác-sĩ HUỲNH TẤN TRỌNG

A-CÔ-LI-TỐN

(Acolitol)

Trình bày ; Thuốc viên như kẹo cốm,

Tánh chất : Không công phạt. Thuốc có chất than tự nhiên, các bô-nát-can-ci-um (carbonate de calcium) ma-zê-xi-um (magnésium) xa-li-ci-lát bít muýt (salicylate de bismuth) v.v..

Chủ trị : Các chứng đau ruột và tiêu hóa, sưng ruột, ợ chua, đau bụng thốn kết độc trong ruột, thắt ruột, kiết ly, bịnh tả có vi-trùng.

Cách dùng : Mỗi lần uống một muỗng canh nhai nuốt, hay trộn vào nước. Buổi sáng khi đói và nữa giờ trước bữa ăn trưa và tối.

Nhà bào chế : E. Lancosme, 71, đường Franklin Rossevelt, Paris VIIIe

A-CÔ-GÊ-NÔN

(Acoégénol)

Trình bày: Thuốc uống từng giọt và thuốc pha.

Tánh-chất: Thuốc sát trùng và mạnh có chất gên-xê-mi-um) gelsémium (Ci mi--ci-fuy-ga)cimicifuga(và i-ốtiode)

Chủ-Trị: Chữa nội thương các chứng sưng màng tai kinh niên. Sổ mũi nhức màng tai và lỗ mũi. thúi tai.chảy mủ lỗ tai.

Cách-dùng.a)Thuốc pha: Uống 1 muỗng càfê trước hai bửa ăn trưa và tối uống trộn với nước

b)Thuốc giọt. Trước ba bửa ăn uống 15 giọt pha với nước,

Nhà bào chế : Chauvin Blache. Aubenas (Ardèche)

A-CÔ-NI-TIN-HU-ĐÉ

(Aconitine Houdé)

Trình bày ; Thuốc viên như kẹo cốm ngọt.

Tánh chất : Ni-trát A-cô-ni-tin (nitrate d'Alconitine 0g0001. Thuốc chất độc. Rất công phạt. Làm mệt, Thuốc hại tim và hại thận.

Chủ trị : Các bịnh yếu gân ở mặt nặng hoặc nhẹ, dựt gân đầu và mặt động gân v.v...

Cách dùng: Phải uống có chừng và rất ít vì công phạt nhiều. Uống từ 1 viên lên lần đến 5 viện, không được uống quá 10 viên (1 cà-gam).

Nhà bào chế : Houdé 9 đường Dieu, Paris Xe. *(Còn nữa)*

Phải nỗ lực tìm học cái hay của nước ngoài để kiến-thiết một nền văn-hóa mới hoàn toàn Việt-Nam.

CHUYỆN NGẮN CẦN HỌC

NGƯỜI ĐẠO-SĨ Ở MA-THIÊN-LÃNH

của NGUYỄN-VẠN-AN

Một buổi sớm, sương lam còn bao phủ cùng khắp. Ngọn núi Ma-Thiên-Lãnh sừng-sững vươn mình đột khởi lên như một người khổng-lồ rũ tóc đứng nhìn ra bốn phía một cách ngạo nghễ hiên-ngang. Qua bức màn sương, cây cỏ um tùm đông-đặc, bao-la, không bờ bến, tạo nên ở đây môt cảnh duy-nhứt : núi và rừng.

Những tiếng hú, tiếng gầm. tiếng lá ào ào trong cơn gió lốc, thật là một điệu nhạc huyền-bí và có một vẻ gì vừa ghê rợn vừa lạnh lùng, như ma kêu, như quỷ hờn của những hồn-oan nghiệp-chướng...

Đã trải triều-đại nầy qua triều-đại khác, ngọn núi Ma-Thiên-Lãnh mỗi ngày mỗi u-uất hơn như hun đúc tiềm-tàng một khí-thiêng của Sơn-thần chúa-tể các Sơn-thần.

Bởi cái vị-trí yếu-hiểm đó, Ma-Thiên-Lảnh đã từng là nơi qui-tụ của những tay anh hùng mạt-lộ hảo-hán bất đắc chí của bốn phương. Họ xây dựng ở trung tâm điểm chót vót thượng từng một « Tụ-nghĩa-đường » để cùng nuôi chí lớn.

Rồi thời-gian đi qua, người bị trôi lần vào những trang lịch-sử quá-khứ tuy nhiên ngọn núi vĩ-đại vẫn trơ gan cùng tuế-nguyệt...

Đột nhiên, một ngày kia bỗng nhiên hiển hiện trên núi một lão đạo-sĩ và một tiểu đồng. Lão đạo sĩ lẽ tất nhiên không phải ở trên trời rơi xuống và cũng chẳng phải ở dưới đất chui lên; nhưng thật tình không ai biết tự đâu lão đến mà cũng chẳng hay lão đến đó từ hồi nào.

Khác hẳn với vẻ mặt của thầy tu, đôi lông mày lão rậm rì và xếch ngược lên một cách dữ dằn, đôi con mắt sâu hoắm và sáng quắc, một gò mũi cao và bẻ khoằm xuống như mỏ con biều hâu, miệng rộng, râu soăn cứng và đen bóng. Toàn thể bộ mặt thật là nanh ác thật là ghê rợn không bút tả. Hình vóc lão lại cao lớn gân guốc và có một sức mạnh vô song. Từ khi lão có mặt ở trên núi, thì tất cả thú rừng đều phải tránh bước lão. Vì đã nhiều phen gặp cọp beo, lão chỉ vươn cặp tay sắt lên trong chớp mắt đã nắm được con thú dữ quăng đi qua những ngọn cây cao vút như thể ta ném con mèo con qua hàng rào. Một đôi khi cao hứng sau những giờ tu luyện tĩnh tọa trên sập đá trong chùa, lão cử một cây cung khổng-lồ sức nặng có tới ngàn cân phóng đi một mủi tên dài bằng tre cật đầu có bịt sắt có thể giết được thú dữ cách xa hàng dặm. Lão thât là hiện-thân của một vị hung-thần.

Trái hẳn với lão đạo-sĩ, tên tiểu-đồng học trò của lão thì vẻ mặt hiền từ như Phật, tuy mới chừng tám chín tuổi mà cử chỉ đã tỏ ra tao nhã, ngoài những lúc ở bên thầy tu đạo, tiểu-đồng ra ngoài sân chùa, đôi mắt u-buồn nhìn vào khoảng xa xăm như nhớ nhung như luyến tiếc một hình ảnh gì mờ mịt ở tận chân-trời thăm thẳm.

Hai thầy trò, bề ngoài là cả hai thái-cực. Nhưng bộ mặt hung ác của lão đạo-sĩ không hề làm cho trò kém bề tôn trọng kính thờ, vì thật ra, lão đạo-sĩ tuy vẻ mặt hung ác mà chẳng hề lão nói một lời hung ác. Trái lại, lão ôn tồn, tỏ ra tríu mến trò như con đẻ và còn hết lòng giảng giạy đạo-lý cao-siêu của nhà Phật cho trò. Trong những giờ giảng giạy, những tiếng nói ấm áp của đạo-sĩ, óc trò cũng mê đạo mà quên lãng được một thứ tình thắc-mắc vô hình nó ám ảnh trò ngay tự khi bốn năm tuổi đầu, xa lũy tre xanh xa những người thân yêu nhất trên đời, vượt hàng muôn vạn dặm cùng đến đây với thầy. Có lẽ đó là tình quê hương, xứ sở, tình mẫu-tử thiêng-liêng trên hết thảy tình thiêng-liêng ở đời.

Thời-gian cứ im-lìm trôi đi, thấm thoát đã hai năm tròn. Trò thì lớn lên và đạo lý cũng theo tuổi mà tăng tiến còn lão đạo-sĩ thì bản-lĩnh cũng mỗi ngày mỗi cao và hình như lão cũng đã luyện xong nhiều phép mầu thuật lạ.

Bỗng một ngày kia, khi những tia nắng thứ nhất của mặt trời chưa tách khỏi mây, lão đạo-sĩ đứng giữa đỉnh núi xõa tóc ra, tay múa kiếm, tay bắt ấn-quyết trỏ ra bốn phương tám hướng miệng la thét những câu thần-chú kỳ-ảo lạ lùng. Rồi vụt chốc đạo-sĩ cười lên khanh khách, một giọng cười ghê rợn khủng-khiếp mà ở bộ mặt ấy, cái miệng ấy thoát ra đã ghê rợn lại càng ghê rợn khủng-khiếp hơn.

Lão thu kiếm về, chậm rãi trở gót về chùa. Đạo-sĩ gọi trò ra truyền xếp đặt hành lý lương-thực để cùng xuống núi.

Lão nói với trò rằng ;

— Chúng ta phải vắng mặt đây chừng trong một vài tháng. Con hãy gắng giúp thầy cùng đi tìm một bảo-vật để thầy luyện cho xong một bửu-bối kỳ-diệu chót. Thầy luyện song bửu-bối nầy thì công tu-luyện của con cũng tới thời-kỳ đắc-đạo.

Khi hành trang đã thu-xếp xong, hai thầy trò lão đạo-sĩ xuống núi.

Trải qua nhiều khu rừng âm-u rậm rạp mà ánh sáng vừng Thái - dương không hề lách khỏi để dọi tia nắng xuống ngàn cỏ gai bụi cao ngập lún đầu người. Ngày cũng như đêm, những khoảng rừng tăm tối ấy không hề thấy bóng một người qua lại. Vậy mà hai thầy trò vẫn bình tỉnh thản-nhiên đi. Khi trò mệt, thì thầy vác trò lên vai băng đi như một con thủy-quái lướt mình trên những đợt sóng cỏ lau. Cũng có khi qua giòng suối mát hai thầy trò nằm nghỉ trên thảm cỏ xanh và đàm-đạo tinh-hoa triết-lý của nhà Phật.

(Còn nữa)

TRANG GIẢI TRÍ

Hồi còn đi học

— Tám à, tao với mầy, một gầy một ốm, khắc vào cây thế nầy rồi về sau xem có lớn được bao nhiêu ?

Hai mươi năm sau !

— Anh Tám à, đã hơn hai mươi năm trời trở lại chốn nầy xem chúng mình vẫn y-nguyên không mập hơn không ốm hơn, không cao hơn, lạ nhỉ !

Câu thai

Câu thứ nhứt :

Bằng ngón tay, lưng lay cục máu,
Đến tiết tháng sáu, con cháu đi tìm ?

Xuất quả : Một thứ quả nhỏ, vài tím đỏ.

Câu thứ nhì :

Đầu rồng, đuôi phượng le te.
Mùa đông ấp trứng mùa hè nở con.

Xuất mộc : Một thứ cây ở vườn

TRẢ LỜI : 1. Trái Sim, II. Cây cau.

Hộp thơ

Ông HUỲNH-VĂN-KIỂN, Soc-trang. Tiếp được thơ ông, rất hân hạnh. Trong số nầy đã thêm các mục ông muốn. Đa tạ.

Ông ĐOÀN-VĂN-HINH, Saigon. Rất đa tạ ý kiến và lời chỉ giáo. Sẽ xin tùy tiện thay đổi và thêm trang lớn nếu C. H. được phát triển. Một vài mục ông đề nghị đã mở thêm từ số nầy. Càng ngày sẽ xin hết sức chấn

NỤ CƯỜI HỌC-SINH

AI NGỐC

Một ông giáo dạy học trò cách chấm câu chữ Pháp rồi viết lên bảng một câu: «Le professeur a dit : Cet élève est un sot !» : (1) rồi hỏi học trò :

— Chấm câu như vậy có đúng không ?

Trò Ất đứng dậy thưa :

— Dạ không được đúng lắm bởi vì con thông minh kia mà !

— Ừ, trò thì trò thông minh, vậy trò chấm câu thế nào ?

— Dạ con chấm thế nầy đúng nghĩa theo con hơn : «Le professeur, a dit cet élève, est un sot !» (2).

— ...Thằng nầy láo thật ! Mầy nói ông đồ ngốc à?

(1) *Ông thầy nói người học trò nầy là thằng ngốc.*

TRANH THỨ BA. NHÀ THỤC VÀ NHÀ TRIỆU

(258-111 TRƯỚC TÂY LỊCH)

CUỐI ĐỜI HỒNG-BÀNG, Ở MỘT BỘ-LẠC TRONG NƯỚC VĂN-LANG CÓ MỘT VỊ TÙ-TRƯỞNG HỌ THỤC ĐEM ĐỒ LỄ SANG HỎI CON GÁI VUA HÙNG VƯƠNG, NHƯNG BỊ TỪ-CHỐI.

NHƠN LẤY ĐÓ LÀM NHỤC NÊN ĐẾN ĐỜI CHÁU NỘI LÀ THỤC-PHÁN ĐEM QUÂN SANG ĐÁNH HỌ HỒNG-BÀNG, LẤY ĐƯỢC NƯỚC, VUA HÙNG-VƯƠNG NHẢY XUỐNG BIỂN TỰ-TẬN

THỤC-PHÁN LÊN NGÔI, ĐỔI TÊN NƯỚC LÀ ÂU-LẠC, NIÊN-HIỆU LÀ AN-DƯƠNG-VƯƠNG, ĐÓNG ĐÔ Ở PHONG-KHÊ, TỨC LÀ HUYỆN ĐÔNG-ANH, TỈNH PHÚC-YÊN BÂY GIỜ

NHÀ THỤC XÂY THÀNH CỔ-LOA ĐỂ GIỮ NƯỚC, ĐƯỢC ÍT LÂU BỊ TRIỆU-ĐÀ ĐEM QUÂN SANG XÂM-LĂNG, BỊ THỤC-VƯƠNG ĐÁNH CHO ĐẠI BẠI PHẢI CHẠY VỀ.

TRIỆU-ĐÀ GIẬN LẮM, KIẾM KẾ BÁO THÙ, LIỀN CHO CON TRAI LÀ TRỌNG-THỦY QUA CẦU HÔN, LẤY ĐƯỢC CÔNG-CHÚA MỴ-CHÂU, RỒI Ở LẠI ĐỂ DÒ THÁM TÌNH-HÌNH TRONG NƯỚC

ĐẮC Ý RỒI TRỌNG-THỦY TRỞ VỀ CÙNG CHA ĐEM QUÂN SANG ĐÁNH THỤC-VƯƠNG. NHÀ THỤC CHỐNG KHÔNG LẠI, CHẠY TRỐN VÀO MỘ-DẠ (NGHỆ-AN) MÀ TỰ-TẬN

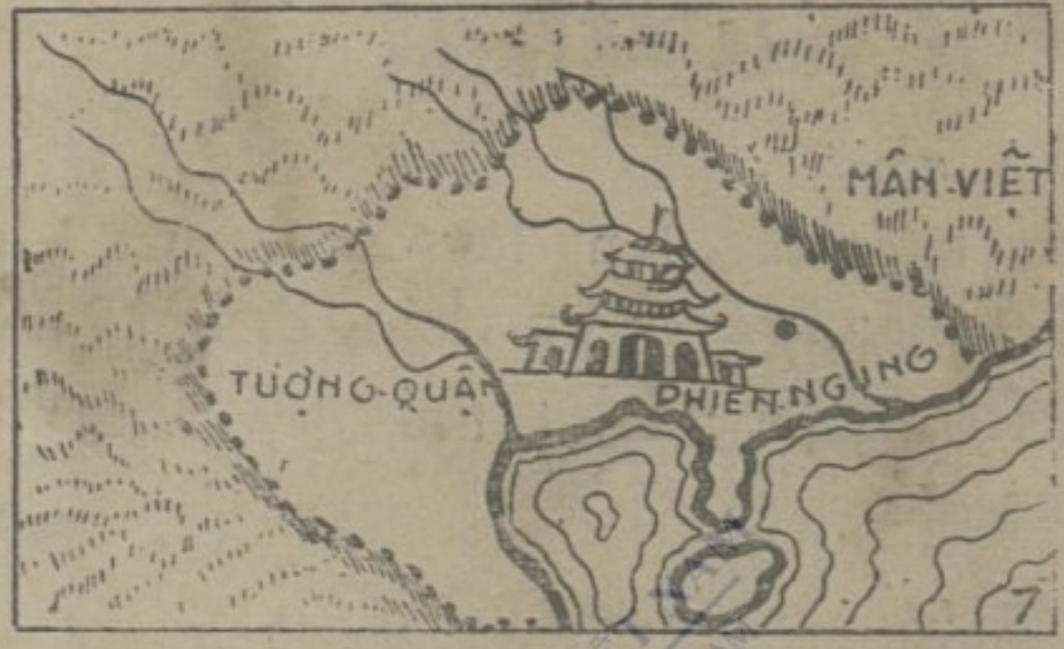

TRIỆU-ĐÀ BÈN XƯNG VƯƠNG, LẤY ĐẤT QUẢNG-ĐÔNG, QUẢNG-TÂY, HỢP VÀO ĐẤT ÂU-LẠC LÀM MỘT NƯỚC GỌI LÀ NAM-VIỆT, ĐÓNG ĐÔ Ở PHIÊN-NGUNG (QUẢNG-

NGÓ MỘT TRĂM NĂM SAU, NHÀ HÁN BÊN TÀU ĐEM QUÂN QUA XÂM CHIẾM. TƯỚNG NHÀ TRIỆU LÀ LỮ-GIA CHỐNG CỰ MÃI KHÔNG NỔI. NHÀ HÁN BÈN CHIA ĐẤT CAI-TRỊ, ĐẶT DÂN VIỆT VÀO VÒNG NÔ-LỆ (*còn tiếp*).

Tranh vẽ TÚ DUYÊN — Lời của THIẾU-LĂNG-QUÂN

HỌC ĐỂ PHỤNG SỰ CHÁNH

ÉDITIONS PÉDAGOGIQUES

CẦN HỌC

Tập IV

ĐẶC-SAN GIÁO-KHOA

Với sự hợp-tác của quí ông :

Huỳnh-tấn-Trọng	Y-khoa Bác-sĩ (Ba-lê)
Louis Cazes	Thạc-sĩ Văn-chương cựu hiệu-trưởng trường Albert Sarraut
Lâm-văn-Váng	Kỹ-sư Hóa-học
Ngô tấn Huỳnh	Giáo-sư Pháp-văn
Lâm-chí-Tòng	Giáo sư Toán-học
Trí Đức	Giáo-sư Toán-học
Lê tràng-Kiều	Văn-gia
Hoàng-trọng-Việt	Viết báo, Giáo-sư Việt-ngữ
Lưu-đình-Khải	Giám-đốc trường Mỹ-thuật
Bùi-văn Kinh	Giáo-sư Hội-họa
Thái-văn-Cần	»
Quốc Ấn	Văn-gia
Trần-đình-Nhu	Giáo-sư Hoa-văn
Thầm-thệ-Hà	Văn-gia
Tú-Duyên	Họa-sĩ
Châu sáng Thế	Giáo-sư Anh-văn
Pétrus Khanh	Giáo-sư
Nguyễn-đình Nhơn	Giáo-sư Anh-văn (Ba-lê)
Michelet	Cử-nhơn Khoa-học
Cô Phương-Chi	Nữ Sinh-viên trường Luật
Cô Võ-trung Thư	Nữ Sinh-viên Đại học đường Tôn-dật-Tiên Quảng-châu

Thơ-ký bộ biên-tập : **Nguyễn-vạn An**, **Thiếu-lăng-Quân**

Giám-đốc: **Nguyễn-quốc-Đống**

Phòng văn : 50 đường Pellerin — SAIGON

Giá { Nam bộ : 5$0

DANH SÁCH CÁC ĐỘC GIẢ MUA DÀI HẠN

Ông Lương-y Trần,	nhà thương Giadinh	3 tháng	55$
Nguyễn-v-Hòa,	178 Douamont Saigon	—	55
Phan-v-Hóa,	50 quai Belgique Saigon	—	55
Nguyễn-v-Bạch,	Palais du Gouverneur Saigon	6 tháng	110
Nguyễn-v-Trưng,	36 Lucien Mossard Saigon	3 tháng	55
Trần-quốc-Công,	53 Mac Mahon Saigon	—	55
Hạnh-trung-Hai,	34 Charner Saigon	—	55
Văn-Thẩm,	304 Armand Rousseau Cholon	—	55
Trần-v-Tiền,	97 B Armand Rousseau Cholon	—	55
Giã-Ngộ,	Phổ-đà-Tự, Bình-dương-Cholon	—	55
Lương-minh-Đang,	P.T.T. Soctrang	—	55

(Còn tiếp)

CAM TICH TAN
ĐẠI-QUANG

THỐI NHIỆT TÁN
ĐẠI QUANG

Thuốc nóng lạnh chuyên trị nóng nhiệt và nhức đầu nóng mê mang hay hơn hết

27, Bd Tổng-đốc-Phương, 27
CHOLON

GIÁ MUA DÀI HẠN

CHÚ Ý: Ngay khi đóng tiền, mỗi độc giả mua dài hạn được biếu từ 25 đến 50 tờ giấy thấm lớn và các sách « loại Thanh Niên» Xin nhớ hỏi mà lấy.

Saigon—Cholon—Giadinh				Lục-tỉnh và Trung Bắc	
12 tháng	*50 số*		*200$*	*12 tháng*	*220$*
6 «	*25 «*		*110*	*6 «*	*125*
3 «	*12 «*		*55*	*3 «*	*65*

Ngân-phiếu xin đề: ông Ngô-văn Thanh
50 đường Pellerin — Saigon

QUỐC-VĂN BÌNH-CHÚ (Tiếp theo)

Bóng dương : Bóng mặt trời. **Tiền sen** : Lá sen khi mới nở tròn như đồng tiền, nên gọi là tiền sen. Ba lần tiền sen nở tức là ba năm. **Hoàng hoa** : Thôn Hoàng-hoa, một nơi quan ải, ở biên giới, có thứ hoa vàng, cứ mỗi năm đến tháng chín nở một lần nên mấy người vợ lính cứ thấy hoa nở là biết chồng mãn lính một năm về. Ở đây đã ba lần tiền sen nở mà chồng vẫn nương ở Hoàng-hoa thôn.

II) Bài nầy tả cảnh trạng của một người chinh phụ thời quân chủ chuyên chế dân phải bị sung lính, nên người lính dầu đi vẫn chỉ biết trung với vua và bổn phận, chớ không như một thời đại dân chủ, người lính chỉ biết có Tổ-quốc và tranh-đấu cho Tổ-quốc. Đến cả người vợ còn có trách nhiệm và nghĩa-vụ tưởng-lệ chồng, chứ không rên rỉ, tương tư, lủng đoạn tinh thần người ở tiền tuyến.

THIẾU-LĂNG-QUÂN

HIỆU "NOVA"

May Âu-phục
và
Chemise
sang Pháp và trong xứ
rất danh tiếng
khắp nơi.
Có nhiều hàng vải đẹp
vừa ý Quí Ngài

33, đường Sabourain
gần chợ Saigon

In tại Imprimerie du Sud
4, đường La Pagode Giadinh

Giấy phép số 98-TXB
Ngày 17/3/50

TRANH THỨ TƯ : HAI BÀ TRƯNG KHỞI-NGHĨA

(BẮC-THUỘC LẦN THỨ NHẤT : 111 TRƯỚC TÂY-LỊCH — 40 SAU TÂY-LỊCH)

TƯỚNG NHÀ HÁN LÀ LỘ-BÁC-ĐỨC VÀ DƯƠNG-BỘC ĐÁNH ĐƯỢC NHÀ TRIỆU RỒI ĐỔI NAM-VIỆT LÀM GIAO-CHỈ-BỘ SÁT-NHẬP VÀO NƯỚC TÀU VÀ CHIA QUẬN HUYỆN CAI-TRỊ .....

TRẢI HƠN 150 NĂM NGƯỜI DÂN VIỆT Ở DƯỚI ÁCH NÔ-LỆ CỦA NHÀ HÁN, PHẢI CHỊU BAO NHIÊU ĐIỀU PHỤC-DỊCH KHỔ-SỞ, LÂM-THAN, LÒNG NGƯỜI THẤT VỌNG CÙNG OÁN-HẬN

LẠI NHƠN VÌ VIÊN THÁI-THỨ TÔ-ĐỊNH ĐEM ÔNG THI-SÁCH LÀ MỘT NHÀ ÁI-QUỐC GIẾT ĐI. BÀ TRƯNG-TRẮC LÀ VỢ THI-SÁCH VÌ NƯỚC, VÌ CHỒNG LIỀN CÙNG EM LÀ TRƯNG-NHỊ

MỘ DÂN KHỞI-NGHĨA ĐEM QUÂN ĐÁNH NHÀ HÁN. DÂN

CHỈ TRONG MẤY THÁNG MÀ QUÂN HAI BÀ THÂU-ĐOẠT ĐƯỢC SÁU MƯƠI LĂM THÀNH. THÁI-THỨ TÔ-ĐỊNH VÀ QUÂN HÁN BỊ THUA KÉO QUÂN TRỐN VỀ NAM-HẢI.

HAI BÀ ĐEM SỰ ĐỘC-LẬP LẠI CHO NƯỚC NHÀ. DÂN-CHÚNG AN-CƯ LẠC-NGHIỆP VÀ SỐNG TỰ-DO. HAI BÀ BÈN LÊN NGÔI VUA, ĐÓNG-ĐÔ Ở MÊ-LINH.

HAI NĂM SAU, NHÀ HÁN SAI LÃO-TƯỚNG MÃ-VIỆN ĐEM QUÂN SANG XÂM-LĂNG. HAI BÀ ĐEM QUÂN RA CHỐNG MÃ TRẬN RẤT DỮ-DỘI, RỒI RÚT QUÂN VỀ CẨM-KHÊ

VÌ THẾ YẾU, HAI BÀ CHỐNG KHÔNG NỔI NÊN CHẠY VỀ HẠT-MỘ

HỌC ĐỂ PHỤNG SỰ CHÁNH

ÉDITIONS PÉDAGOGIQUES

CẢNHỌC

Tập V.

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIỆT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

ĐẶC-SAN GIÁO-KHOA
Với sự hợp-tác của quí ông :

Huỳnh-tấnTrọng	Y-khoa Bác-sĩ (Ba-lê)
Louis Cazes	Thạc-sĩ Văn-chương cựu hiệu-trưởng trường Albert Sarraut
Lâm-văn-Váng	Kỹ-sư Hóa-học
Ngô tấn Huỳnh	Giáo-sư Pháp-văn
Lâm-chí-Tòng	Giáo sư Toán-học
Trí-Đức	Giáo-sư Toán-học
Lê tràng-Kiều	Văn-gia
Hoàng-trọng-Việt	Viết báo, Giáo-sư Việt-ngữ
Lưu-đình-Khải	Giám-đốc trường Mỹ-thuật
Bùi-văn Kỉnh	Giáo-sư Hội-họa
Thái-văn-Cần	»
Quốc Ấn	Văn-gia
Trần-đình-Nhu	Giáo-sư Hoa-văn
Thầm-thệ-Hà	Văn-gia
Tú-Duyên	Họa-sĩ
Châu sáng Thế	Giáo-sư Anh-văn
Pétrus Khanh	Giáo-sư
Nguyễn-đình-Nhơn	Giáo-sư Anh-văn (Ba-lê)
Michelet	Cử-nhơn Khoa-học
Cô Phương-Chi	Nữ Sinh-viên trường Luật
Cô Võ-trung-Thư	Nữ Sinh-viên Đại học đường Tôn-dật-Tiên Quảng-châu

Thơ-ký bộ biên-tập : **Nguyễn-vạn-An**, **Thiếu-lăng-Quân**

Giám-đốc: **Nguyễn-quốc-Đống**

Phòng văn : 50 đường Pellerin — SAIGON

THỐI NHIỆT TÁN

ĐẠI-QUANG

CAM TICH TAN
ĐẠI-QUANG

Thuốc nóng lạnh chuyên trị róng nh
và nhức đầu nóng mê mang hay hơn h

27, Bd Tổng-đốc-Phương, 27
CHOLON

Tiệm đờn ĐẠI-THANH

166, Đường Bourdais — Saigon

Chủ-nhơn LÊ-TIẾN-TRIỆU

ĐẠI-THANH

Mới sang bộ trống « Batterie de jazz de luxe ». Bán
thứ đờn và các nhạc cụ Việt-Pháp. Bán sỉ và lẻ khắp mọi n
Xin bảo đảm với quý bạn, nếu đờn sai cung phím, khô
kêu, xin trả lại. Mời quý Ngài chiếu cố.

HIỆU "NOVA"

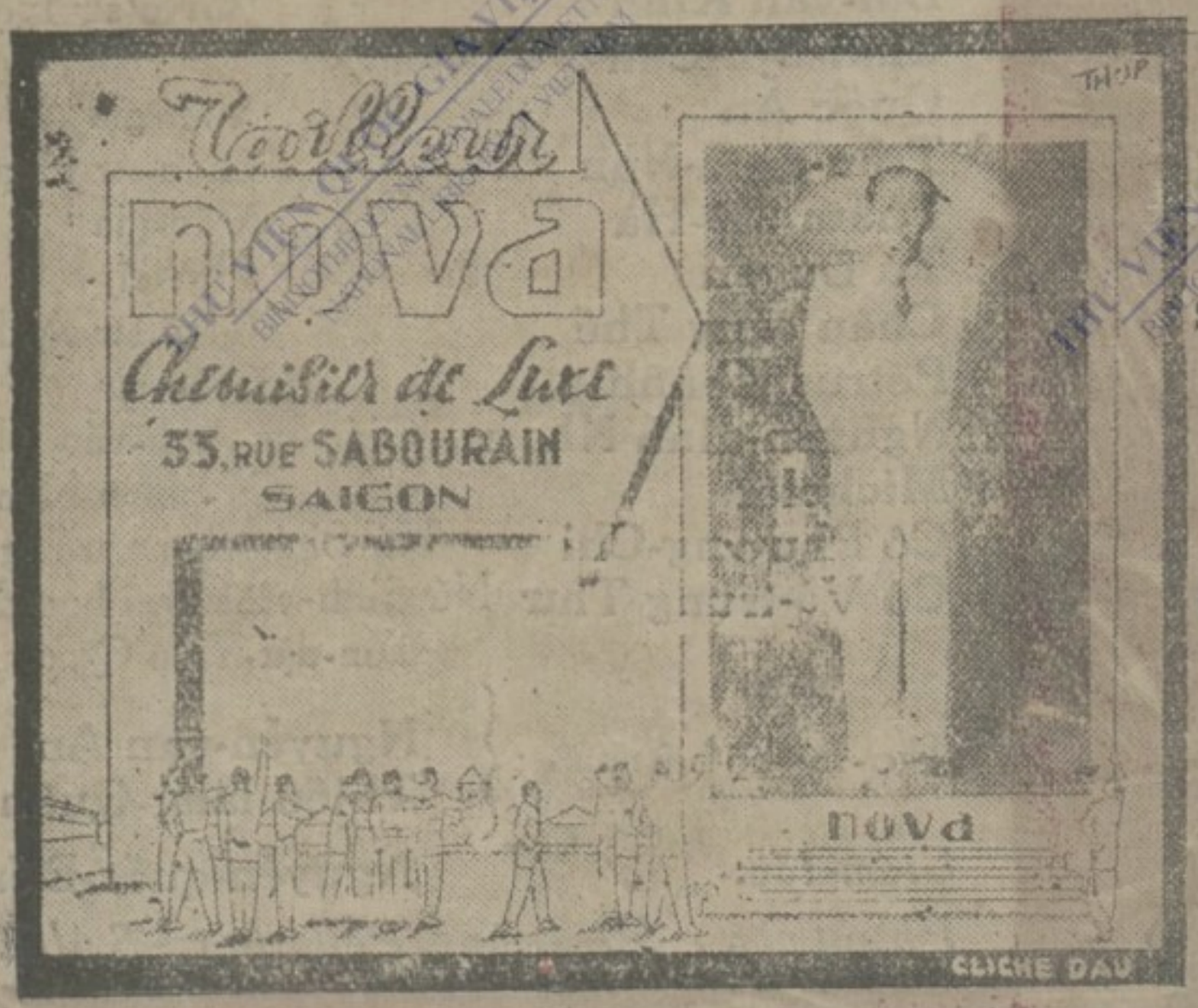

May Âu-phục
và
Chemise
sang Pháp và trong x
rất danh tiếng
khắp nơi.
Có nhiều hàng vải đ
vừa ý Quí Ngài

33, đường Sabourai
gần chợ Saigon

Phương-pháp Tự-Học

Như mục-đích Tập Cần Học đả chỉ rỏ, các bạn mnốn tiến về một phương diện học-thuật nào, cần phải tự học. Nhưng mãnh bằng chỉ là sự phân giới hạn của trình-độ học-vấn. Song, cuối cùng bao giờ cũng phải công nhận một chơn tài là đáng kính.

Người ta có thể ví sự học như một cái biển mênh mông, vô giới hạn. Cho đến ngày già, nào ai đả dám tự phụ mình đả hiểu biết tất cả những bí-hiểm của vũ trụ, vạn-vật, cùng tất cả những vấn-đề học-thuật.

Vì thế trong lúc nhàn rỗi, tự thấy mình kém cỏi thua chúng bạn, các bạn cần phải tự học, vì chúng ta phải nhận rằng những người được hân hạnh ngồi ghế nhà trường mãi là những kẻ được cảnh-ngộ biệt đải và may mắn nhứt

Còn ngoài ra biết bao nhiêu người vì hoàn-cảnh gia-đình mà phải bỏ dở sự học. Một người thư-ký làm hảng buôn không viết nổi một bức thư chử pháp cho rành-mạch thì địa-vị rất mong manh và ăn lương ít, một ông chủ hảng buôn chưa đủ sức học để giao thiệp với người ngọai quốc không thế nào dám đảm-đương làm những việc to lớn. Nói tóm lại, bất kỳ làm một nghề-nghiệp gì cũng cần phải có một trình độ học-vấn vững vàng để nâng cao giá trị nghề nghiệp của mình

Kìa, biết bao nhiêu vĩ-nhân đã nổi tiếng khắp hoàn-cầu đều đã nhờ sức tự học của mình mới có những địa-vị rất hệ trọng. Hitler, không có một bằng-cấp gì cả, đả thông-thạo tất cả những vấn-đề về địa-dư, sử học, binh bị và làm cho mọi người phải Khâm phục vì trí thông-minh của y. Viết nổi quyển Mein Kamf «Sự tranh đấu của tôi», Hitler đã tỏ ra trong tác-phẩm ấy có nhiều sáng-kiến phi-thường và một sức học uyên thâm. Mussolini, trong lúc bình-thường, chỉ là một thầy giáo dạy ban tiểu-học nhưng tại hội nghị Munich Mussolini đã nói luôn bốn thứ tiếng ngoại quốc Đức, Anh, Pháp, Nga, mà không cần phải dùng một người thông ngôn nào cả. Chính cũng nhờ sự kiên nhẫn và tự học nên y mới lên một địa vị rất cao và làm cho những người đồng đẳng phải thán phục.

Còn ngoài ra, biết bao nhiêu gương tự học sẽ làm phấn khởi lòng các bạn. Nó khêu gợi ở lòng bạn một mục đích xa xăm mà các bạn hằng ham muốn đi tới.

Không đâu xa lạ, nhà văn sỉ Anatole France đã vào viện Hàn Lâm Pháp mà không có miếng da lừa (bằng tú tài). Tiên sinh Nguyễn văn Vĩnh, người đã có công với văn học Việt Nam, viết tiếng Pháp rất thạo cũng chỉ có bằng thành chung. Ông Phạm Quỳnh đã quá cố vì chính trị nhưng vẫn là một văn nhơn có tài. Cho đến ông Nguyễn văn Tố, người viết pháp văn rất sành, và hiện tại ở trong làng báo Nam-bộ. Đả có biết bao nhiêu người tự học để cố gắng nâng cao trình-độ nghề nghiệp của mình và họ đả chứng nhận trong công việc làm của họ.

TRƯƠNG-TRỌNG-KHÁNH

(Còn nữa)

LE FRANÇAIS AU C.E.P.

(COURS SUPÉRIEUR & PERFECTIONNEMENT)

Dictée.

RÉVEIL D'ENFANT.

L'enfant s'éveille comme la fleur s'ouvre. La nuit a travaillé pour lui comme pour elle. La fleur s'ouvre au matin, plus fraîche, plus parfumée, plus épanouie. L'enfant s'éveille plus rose, plus gai, plus fort. Ses lèvres brillantes et humides semblent couvertes de rosée; ses petits cheveux, frisés et collés aux tempes par la légère sueur du matin, lui font comme une couronne; à peine ses yeux ouverts, il se met à rire. A quoi rit-il?... A la vie : c'est une amie qu'il retrouve. Si radieuse est sa figure qu'il semble revenir d'un paradis et rentrer dans un autre. Il ne descend pas de son lit, il saute à bas, et, dès le premier pas, le voilà en possession de tout lui-même! Ses mouvements sont libres, faciles, moelleux, et il est toute souplesse et toute grâce.

E. LEGOUVÉ.

QUESTIONS.

1— Donnez un adjectif dérivé de **grâce.** Faites-le entrer dans une courte phrase.

2— Donnez des mots de la famille de **cheveu.**

3— Donnez un homonyme de **matin.**

4— Quelle est la nuance de sens entre **matin** et **matinée?**

5— Analysez: **L'enfant s'éveille comme la fleur s'ouvre.**

6— Nature et fonction des propositions de la phrase: **Si radieuse est sa figure... dans un autre.**

7— A quoi l'auteur compare t'il l'enfant ? Justifiez cette comparaison.

8— Expliquez: **Epanouie, paradis, moelleux.**

9— D'après le texte dites comment la nuit a travaillé pour la fleur et pour l'enfant.

10— Citez quelques adjectifs masculins se terminant par: **ile.**

REPONSES

1— **Gracieux, graciable, gracile.**
L'enfant m'accueille avec un sourire gracieux.
Cette faute peut être graciable.
Cette petite fille a une beauté gracile.

2— **Cheveu** (du latin: capillus) : **chevelu, chevelure, échevelé, capillaire, capillarité**

3— Un homonyme de **matin** : **mâtin** = gros chien de garde.

4— **Matin** : première partie du jour, le temps qui s'écoule de minuit à midi.
Matinée : le temps qui s'écoule depuis le point du jour jusqu'à midi.

5— **L'** : Art. déf. élidé, se rapporte à enfant mas. sing.
Enfant : Nom com. mas. sing. sujet de s'éveille.

S'éveille : Verbe éveiller, 1er groupe, forme pronominale sens réfléchi, 3è pers du sing. du présent de l'indicatif.
Comme : Conjonction de subordination, marque une comparaison, unit les deux propositions.
La : Article défini, se rapporte à fleur, fém. sing.
Fleur : Nom commun fém. sing. sujet de s'ouvre.
S'ouvre : Verbe ouvrir, 3è groupe, forme pronominale, sens réfléchi, 3è pers. du sing. du présent de l'indicatif.

6 — Deux propositions : 1o.— Si radieuse est sa figure (**proposition principale**) — 2o.— qu'il semble revenir d'un paradis et rentrer dans un autre (**proposition sub. consécutive, complément circ. de conséquence de la principale**).

7 — L'auteur compare l'enfant à une fleur. La fleur s'ouvre plus fraîche, plus parfumée plus épanouie ; l'enfant s'éveille plus rose, plus fort. Ses cheveux sont collés à ses tempes par la sueur ; la fleur à ses pétales humides de rosée.

8 — **Épanouie** : s'est ouverte, a déployé ses pétales. — **Paradis** : le ciel, le séjour des bienheureux. — **Moelleux** : employé ici au figuré, doux, souple.

9 — La nuit a redonné la grâce et la beauté à la fleur, comme elle a donné à l'enfant la gaîté, la force et la joie. Tous deux ont joui du repos bienfaisant de la nuit.

10 — Un travail **facile**, un objet **utile**, un vase **fragile**, une encre **indélébile**, un ouvrier **habile**.

Lecture expliquée

(1ère & 2ème année)

MORTS POUR LA PATRIE

Les jeunes gens sont destinés à de nobles travaux. Ils prendront modèle sur leurs aînés et ne rechercheront ni l'or ni la gloire. La vertu est le vrai but de la vie. Les héros de tous les temps nous l'enseignent. Les noms des martyrs de la Patrie sont sacrés, le génie lui-même est moins beau que leur vertu. Comme eux nous ferons notre devoir, et la jeunesse de demain réparera les deuils d'hier. Qu'elle devienne forte par sa vertu, et Dieu fera le reste !

TEXTE

Quand viendra votre tour d'entrer dans la carrière,
Jeunes gens qu'on prépare à de mâles travaux,
Si, parmi vos aînés dont la patrie est fière,
Vous prenez un modèle et cherchez des rivaux,

Ni l'or, ni le pouvoir, ni la gloire elle-même,
Ne vous désigneront les plus grands, les meilleurs,
N'ayez pas le succès pour idéal suprême:
Levez plus haut votre âme et regardez ailleurs.

La vertu difficile est le but de la vie;
Des héros de tout temps, amis, vous l'apprendrez:
Pour être ambitieux d'un sort digne d'envie,
Lisez ces noms obscurs . . . et désormais sacrés !

Ils rentreront, demain, dans le silence et l'ombre;
Mais sur ces humbles murs vous viendrez le revoir.
Bienheureux ces martyrs oubliés dans le nombre:
Ils ont plus que la gloire, . . . ils ont fait leur devoir !

Leur nom n'est pas signé sur quelque œuvre éphémère,
Nul titre étincelant ne luit sur leur tombeau;
Mais, soldats, ils sont morts pour la France, leur mère.
Honneur à la vertu, le génie est moins beau !

Ils sont morts écrasés par les destins contraires;
Mais ne parlons pas d'eux, amis, en gémissant :
A ces nobles vaincus, vous leurs fils, ou leurs frères,
Ne donnez pas de pleurs, vous leur devez du sang !

Ils ont fait leur devoir, et vous ferez le vôtre :
Vous le ferez, amis, avec plus de bonheur.
Votre combat sera plus vaillant que le nôtre :
Nous avons eu le deuil, et vous aurez l'honneur.

Prononcez mieux que nous ce saint nom : la Patrie!
Osez enfin tout haut vous proclamer Français.
Soyez dignes de vaincre, ô jeunesse aguerrie!
Faites votre devoir... Dieu fera le succès.

V. DE LAPRADE.
(Le livre d'un père)

EXPLICATIONS & COMMENTAIRES.

Entrer dans la carrière : Le mot carrière désigne ici un lieu fermé de barrières, où les coursiers se disputent la victoire. L'auteur compare les jeunes gens à des athlètes armés pour le combat.

Mâles travaux : qui conviennent aux hommes et demandent énergie et vigueur.

Vos aînés : ceux qui sont plus âgés que vous ou qui appartiennent aux générations précédentes.

Des rivaux : des hommes que vous avez le désir d'imiter, de dépasser même en vaillance, si c'est possible.

Le succès pour idéal suprême : ne bornez pas votre ambition à obtenir des situations brillantes, à gagner beaucoup d'argent sans grande labeur.

Levez plus haut votre âme : c'est la parole même que l'on chante à la Messe : *Sursum corda*, en haut les coeurs!

La vertu difficile . toute vertu est d'acquisition pénible ; car notre nature est faible, les tentations sont vives et nombreuses ; mais cette difficulté même la rend plus estimable aux nobles coeurs.

Obscurs et désormais sacrés : ces hommes étaient d'origine modestes; mais dans la guerre 1870-71, ils ont sacrifié leur exietence pour défendre la Patrie; désomais leurs noms sont dignes de respect.

Dans le silence et l'ombre : la gloire humaine décline et s'efface rapidement.

Humbles murs:ces murs où sont écrits leurs noms ne sont pas ceux de fastueux monuments, mais dans ce cas particulier, ceux du collège où leur jennesse s'est formée à la vaillance.

Le devoir est plus que la gloire : la gloire humaine est périssable; le devoir, accompli pour Dieu, mérite une immorte le récompense.

Œuvre éphémère : Oeuvre d'un jour, c'est-à-dire qui dure peu.

La vertu est supérieure au génie : car elle dépend de nos efforts personnels et de la grâce de Dieu qui ne nous fait jamais défaut ; tandis que le génie est un don naturel dont on peut faire mauvais usage, et qui ne s'est accordé qu'à un petit nombre.

Par les destins contraires: par des évènements malheureux que Dieu a permis.

En gémissant: les plaintes et les gémissements diminuent la force pour agir.

Pas de pleurs, du sang: les pleurs seuls ne suffisent pas. Il faut aller jusqu'à donner sa vie, à leur exemple, lorsque la Patrie le demande.

Nous avons eu le deuil: nous avons eu la défaite, nous avons perdu deux belles provinces du territoire français: l'Alsace et la Lorraine.

Oser tout haut: non pas timidement et dans l'intimité, mais avec hardiesse devant tout le monde et surtout devant l'ennemi.

Faites votre devoir, Dieu fera le succès : c'est la glorieuse devise de Jeanne d'Arc :«Les gens d'armes batailleront, et Dieu donneront la victoire.»

REFLEXION. — La jeunesse de demain, vaillante, généreuse et dévouée jusqu'à l'abnégation, doit être aguerrie; la victoire ne s'improvise pas : préparons-la par nos efforts généreux et persévérants.

PRÉPARATION AU B. E.

(Classes 3è & 4è ANNÉE P. S.)

Composition française

SUJET. Lamartine définit ainsi la poésie :«C'est la langue complète par excellence qui saisit l'homme par son humanité tout entière, idée pour l'esprit sentiment pour l'âme, image pour l'imagination et musique pour l'oreille. »— Expliquez cette définition par ce que vous savez de l'œuvre poétique de Lamartine

INDICATIONS.

Lamartine, comme tous les Romantiques, a chanté les grands thèmes lyriques: mélancolie , désespoir, amour de la nature, regret des beaux jours. . . Dans l'Isolement, il a exprimé sa tristesse, son indifférence devant une nature belle mais sans charmes parce que son âme est accablé de la perte d'un être cher. Dans le Vallon, nous voyons le poète qui, berce sa lassitude, son dégôut de la vie, le pressentiment d'une mort prochaine, dans le sein de la nature consolatrice. Le Lac est le chant mélodieux de l'amour qui se sait éphémère mais qui se veut éternel, et qui ne pouvant fléchir le temps inexorable, éclate en imprécations contre lui et invite à la jouissance de l'instant qui fuit. Lamartine ne reste pas toujours l'élégiaque émouvant des «Méditations». Les Harmonies sont d'une inspiration plus profonde. On y trouve des pensées vigoureuses, une contemplation à la fois poétique et religieuse de la nature. Il y chante l'hymne de la création au Créateur, la Providence qui se manifeste dans la croissance du chêne, l'âme des choses «qui s'attache à notre âme et la force d'aimer». Mais Lamartine ne développe pas des thèmes abstraits. Il ne peut pas d'une idée philosophique qu'il illustre ensuite de ses sentiments, de ses expériences, de ses réflexions. Chacune de ses poésies est et ne veut être que l'expression de ses sentiments personnels, de ses émotions personnelles. L'image d'Ebure flotte sur le Lac. Le Chêne de Casciano lui suggère sa méditation. Le sol natal auquel tout homme s'attache, c'est Milly, terre aride et sans charmes. Chaque poème s'inspire d'une réalité vivante. Cependant, dans l'expression de ses sentiments, le poète sait être assez sincère, assez général pour être compris de tous, de sorte que son indifférence devient l'indifférence de toute personne qui a perdu son être cher (un seul être vous manque et tout est dépeuplé) son amour de son sol natal, l'amour de chaque homme pour son sol natal. Ce qui fait que son lyrisme qui est l'expression du «moi» devient l'expression de sentiments généraux d'idées générales.

Quant aux images, ne songeons pas seulement aux tableaux, aux belles descriptions. Ne songeons pas seulement aux beaux vers qui décrivent la splendeur des rivages de Naples ou d'Ischia ou a la comparaison de la vie à un océan sur lequel vague l'homme au début du Lac. L'image est encore la traduction poétique, concrète — et par là elle frappe l'imagination — d'une idée abstraite On ne peut mieux exprimer la mélancolie qui nous gagne au souvenir des amours passés que ce vers: « Je pleure dans mon ciel tant d'étoiles éteintes». Pour montrer l'harmonie fluide et suave des vers de Lamartine, quelques citations caractéristiques accompagnées de commentaires suffiront : on citera par exemple la fin de l'Hymne à la nuit ou une strophe du Lac .

NGÔ - TĂN - HUỲNH
Professeur.

EXAMENS & CONCOURS

BREVET ÉLÉMENTAIRE

Circulaire du 14 Mai 1949

(Ier Degré, Ier Bureau)

OBJET : Programme limitatif pour la session de 1950

1o— **Morale:**

Morale personnelle — Morale professionnelle — Morale sociale.

2o— **Auteur français :**

Anthologie du Moyen Age.
La Fontaine : Fables.
Molière : l'Avare.
George Sand : La Mare au Diable.
Anthologie des poètes du XIXè siècle
Morceaux choisis de prose et de vers des écrivains français du XVIIè siècle à nos jours (pour ces auteurs, l'élève devra présenter à l'examen oral, le recueil en usage dans son école)

3o—**Histoire :**

La France en 1789. La Révolution française, ses grandes périodes, les assemblées et leur œuvre (jusqu'au Consulat compris).

La Révolution de 1848. L'évolution économique et ouvrière sous le Second Empire. L'Œuvre Sociale de la IIIè République, jusqu'en 1939.

L'Angleterre au XIXè siècle,

4o— **Géographie :**

Les grandes régions naturelles de la France, Géographie physique et humaine (population, vie économique). L'Afrique française : l'Afrique du Nord, l'Afrique Occidentale, l'Afrique Équatoriale, Madagascar.

5o— **Mathématiques :**

Programme des Cours complémentaires (arrêté du 24 juillet 1947 publié au Bulletin Officiel nº 25) à l'exception de la Géométrie dans l'espace et des notions de trigonométrie.

6o— **Sciences physiques et naturelles :**

a) Physique : Optique et Electricité ;

b) Chimie : Fer, fonte, acier, alcool et fermentation alcoolique, glucose, saccharose, amidon, acide acétique et fermentation acétique.

c) Sciences naturelles : Notions sommaires d'Anatomie et de Physiologie humaines et d'hygiène individuelle, à l'exception du système nerveux et des organes des sens. Etude élémentaire des microbes.

Les maladies contagieuses, sérums et vaccins.

LỜI TÒA SOẠN.— Theo lời yêu cầu của một số độc giả, chúng tôi xin đăng tải chương-trình kỳ thi B.E. ở trên.

COURS DE MATHEMATIQUE AU B. E.

GÉOMÈTRIE

Lieux géométriques

DÉFINITION. — On appelle lieu géométrique une figure formée par des points qui jouissent **d'une même propriété.**

Ex : La médiatrice d'un segment B A est le lieu géométrique des points jouissant d'une même propriété : tous les points de ce lieu sont équidistants des extrémités A et B de ce segment,

L'énoncé d'un lieu géométrique comporte :

1o— Le nom de la figure qui constitue le lieu (dans l'exemple précédent le nom de la figure est : la médiatrice.)

2o— La propriété dont jouissent tous les points de la figure (dans l'exemple précédent, la propriété dont jouissent tous les points se trouvent sur la médiatrice est : équidistance de tous ces points des extrémités A et B du segment A B).

Rappel des quelques théorèmes relatifs aux lieux géométriques :

Théorème I. — Le lieu géométrique des points équidistants des extrémités A et B d'un segment A B est la médiatrice de ce segment.

(*Figure I*)

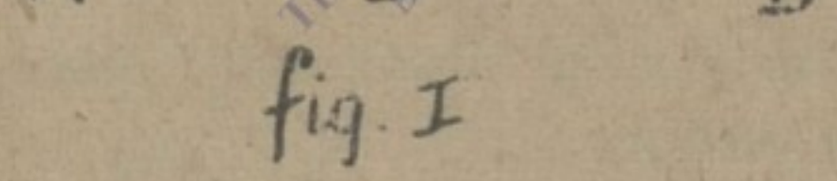

fig. I

Théorème II. — Le lieu géométrique des points équidistants des 2 côtés d'un angle est la bissectrice de cet angle.

(*Figure II*)

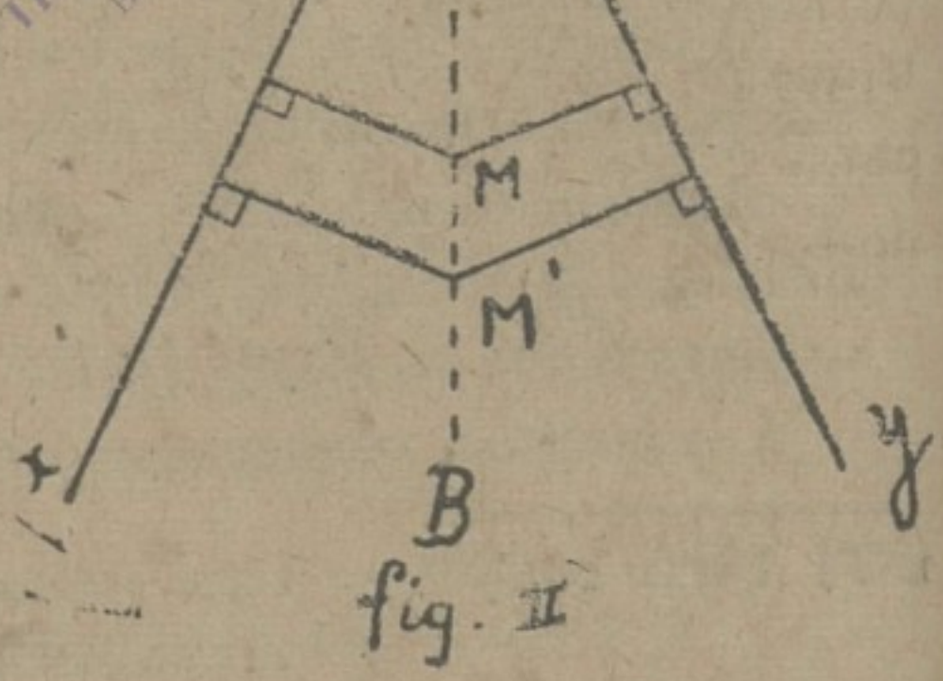

fig. II

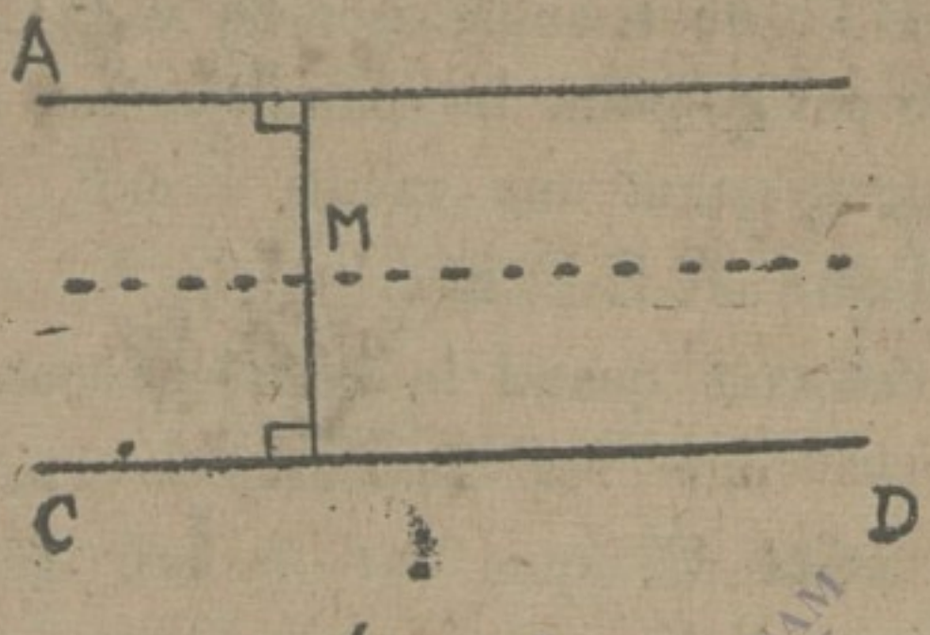

fig. III

Théorème III. — Le lieu géométrique des points équidistants de 2 droites parallèles est la parallèle équidistante.

(*Figure III*)

Théorème IV. — Le lieu géométrique des points également distants d'une droite est une droite parallèle.

(*Figure IV*)

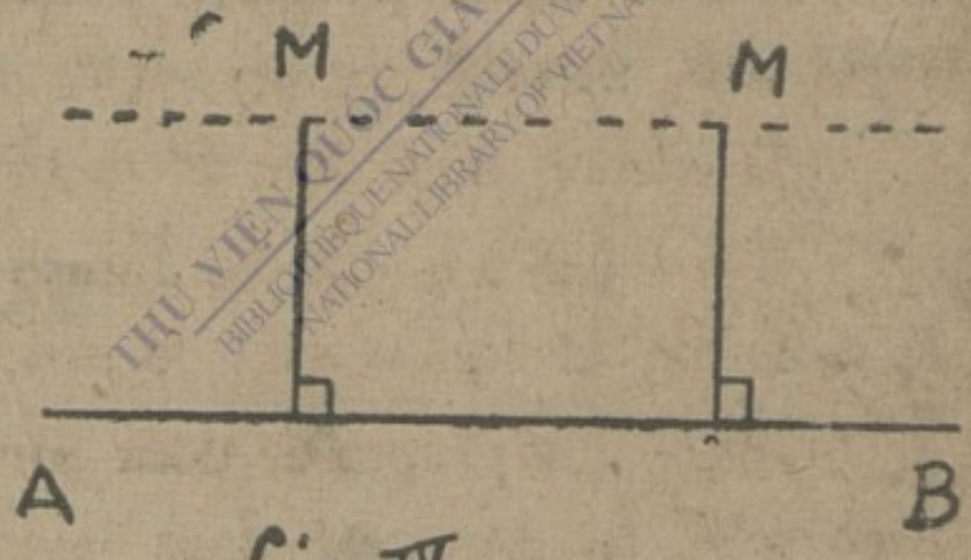

fig. IV

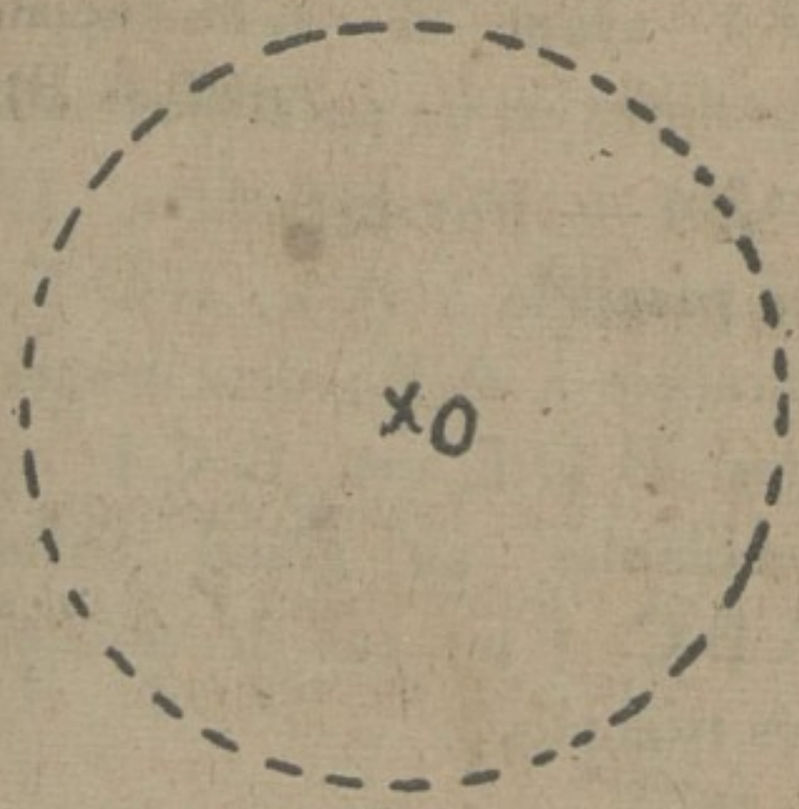

fig V

Théorème V. — Le lieu géométrique des points équidistants d'un point fixe O est une circonférence.

(*Figure V*)

Théorème VI. — Le lieu géométrique du sommet d'un angle constant passant par 2 points fixes A et B est un arc capable de l'angle donné, et décrit A B comme corde.

(*Figure VI*)

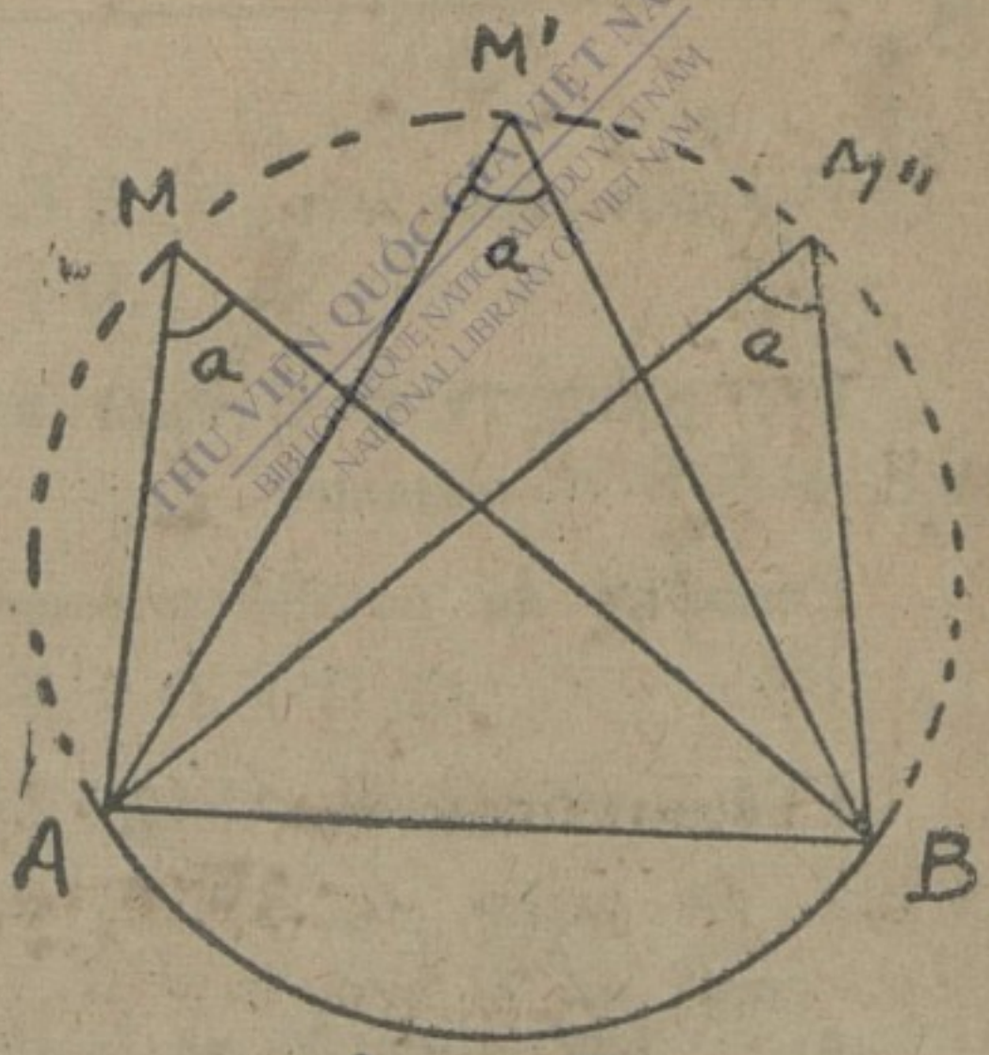

fig. VI

PROBLÈME I. — Sur la base B C du triangle isocèle A B C, on marque un point quelconque D et on mène par ce point les parallèles aux côtés A B et A C ; elles coupent ces côtés respectivement aux points E et F.

1o — Quelles est la forme du quadrilatère A E D F ?

2o — Montrer que son périmètre est constant quand le point D parcourt la base B C.

3o — **a)** Pendant le déplacement du point D, quel est le lieu géométrique parcouru dans le milieu M de la droite E F.

b) En déduire que, pendant le déplacement, le point M va deux fois moins vite que D.

(B. E.)

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIETNAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

SOLUTION.

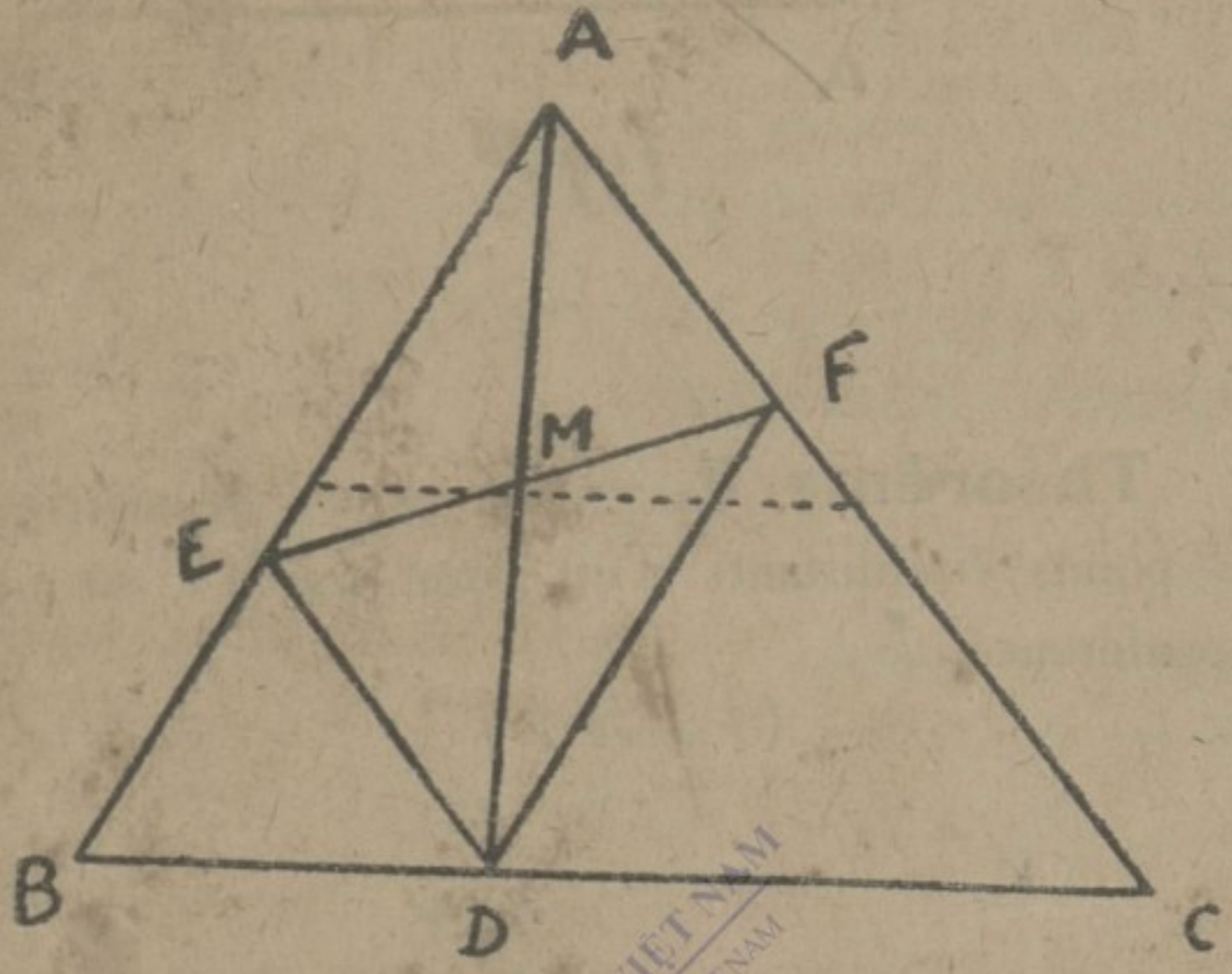

1o) — Le quadrilatère A E D F ayant ses côtés opposés parallèles est un parallélogramme.

2o) — Par hypothèse, D E est parallèle à A C, et D F est parallèle à A B ; donc les triangles B D E et D C F sont semblables au grand triangle A B C (1er cas de similitude des triangles).

Donc ces 2 triangles sont aussi isocèles.

Par suite, nous avons : $B E = D E$

et : $D F = C F$

Les points A, B, C étant fixes, la somme $A F + F C =$ constante, et $A E + E B =$ constante.

Périmètre du parallélogramme $A E D F = A E + E D + D F + F A$.

Or : $E D = E F$ et $D F = C F$.

Donc : périmètre de AEDF = $\underbrace{A E + E B}_{\text{constante}} + \underbrace{C F + F A}_{\text{constante}} =$ constante.

a) — Le milieu M de la diagonale E F est aussi le milieu de la diagonale A D du parallélogramme A E D F.

Quand D se déplace sur la base B C du triangle A B C, le milieu M de E F et de A D se déplace aussi.

Puisque : M A = M D ; M 'A = M 'D ; M' 'A = M' 'D etc.....

donc tous les points M se trouvent sur la parallèle à B C divisant A B et A C en 2 parties égales.

Donc : le lieu géométrique des points M, lorsque D se déplace sur la base B C, est la parallèle à cette base.

b) — Cette parallèle passant par les milieux des deux eôtés A B et A C du triangle A B C est donc égale à la moitié de la base B C.

Donc : pendant que D parcourt la base B C, le point M de cette parallèle parcourt une longeur $= \frac{BC}{2}$; par conséquent le point M va 2 fois moins vite que D.

PROBLÈME II, — Trouvez le lieu géométrique des points intérieurs à un angle x y o dont la somme des distances aux 2 côtés de l'angle ait une longeur l,

SOLUTION

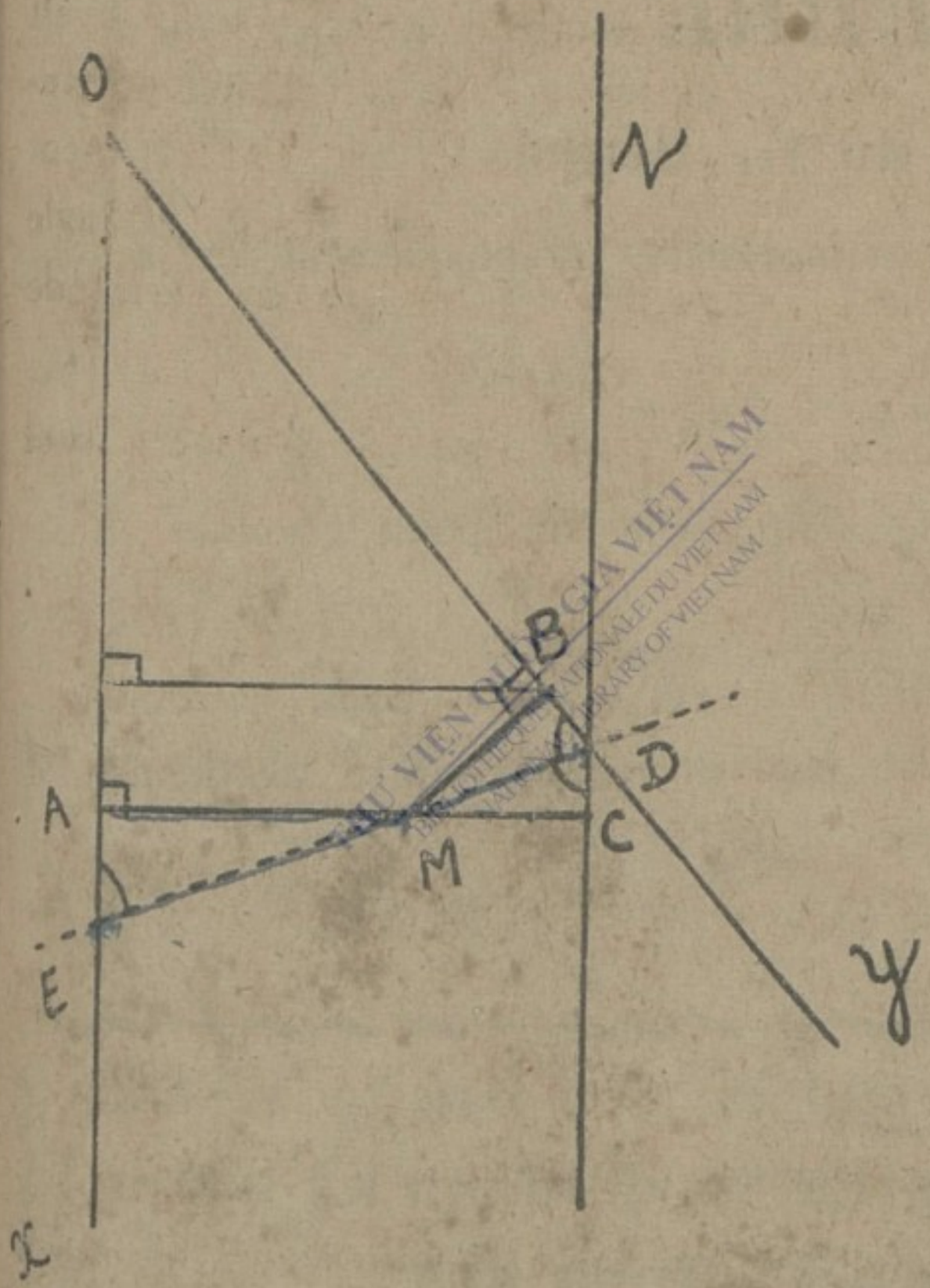

Soit M un point du lieu géométrique demandé tel que :

M A + M B = l.

Prolongeons A M d'une longeurs M C + M B.

Donc : A C = l.

Par le point c, menons c z parallèle à o x. Cette droite c z est fixe, car elle est le lieu géométrique de tous les points c se trouvent à une distance constante l de o x. (voir théorème IV ci-dessus).

Le point D, intersection de c z et o y est également fixe.

Considérons les triangles rectangles M D B et M D C ; ils sont égaux comme ayant l'hypoténuse commune M D et un côté

égal par construction. Donc : $\widehat{MDC} = \widehat{MDB}$.

Prolongeons D M. Soit E le point d'intersection de ce prolongement avec le côté o x.

Or : $\widehat{MDC} = \widehat{MEA}$ comme alternes-internes.

Par suite $\widehat{MDB} = \widehat{MEA}$, et le triangle O D E est isocèle comme ayan les 2 angles à la base M D B et M E A égaux.

Comme D est fixe, D E est aussi fixe.

Menons D I parallèle à A C. D I est donc égale à A C :

$$DI = AC = MA + MB = l.$$

Aussi, les points M et D, jouissant d'une même propriété (la somme de leurs distances aux 2 côtés de l'angle x o y = l), se trouvent sur la base E D.

Donc : le lieu géométrique demandé est la base E D.

ALGÈBRE

Fonctions du 1er degré

PROBLÈME. — 1o) Étudier et représenter graphiquement les 2 fonctions suivante :

$$y_1 = 5 - 2x ; \quad y_2 = 2x - 3$$

2o) Déterminer graphiquement les coordonnées du point commun à ces droites et contrôler le résultat par le calcul.

3o) Former l'équation de la droite passant par ce point commun et telle que pour chaque point de cette droite, le rapport entre l'ordonnée et l'abscisse soit égale à 1/2.

(B. E)

Tập CẦN-HỌC có ích cho ta, cho bạn ta và con cháu ta về sau. Nếu đóng lại và để dành kỹ lưỡng như có một ông giáo trong nhà.

SOLUTION

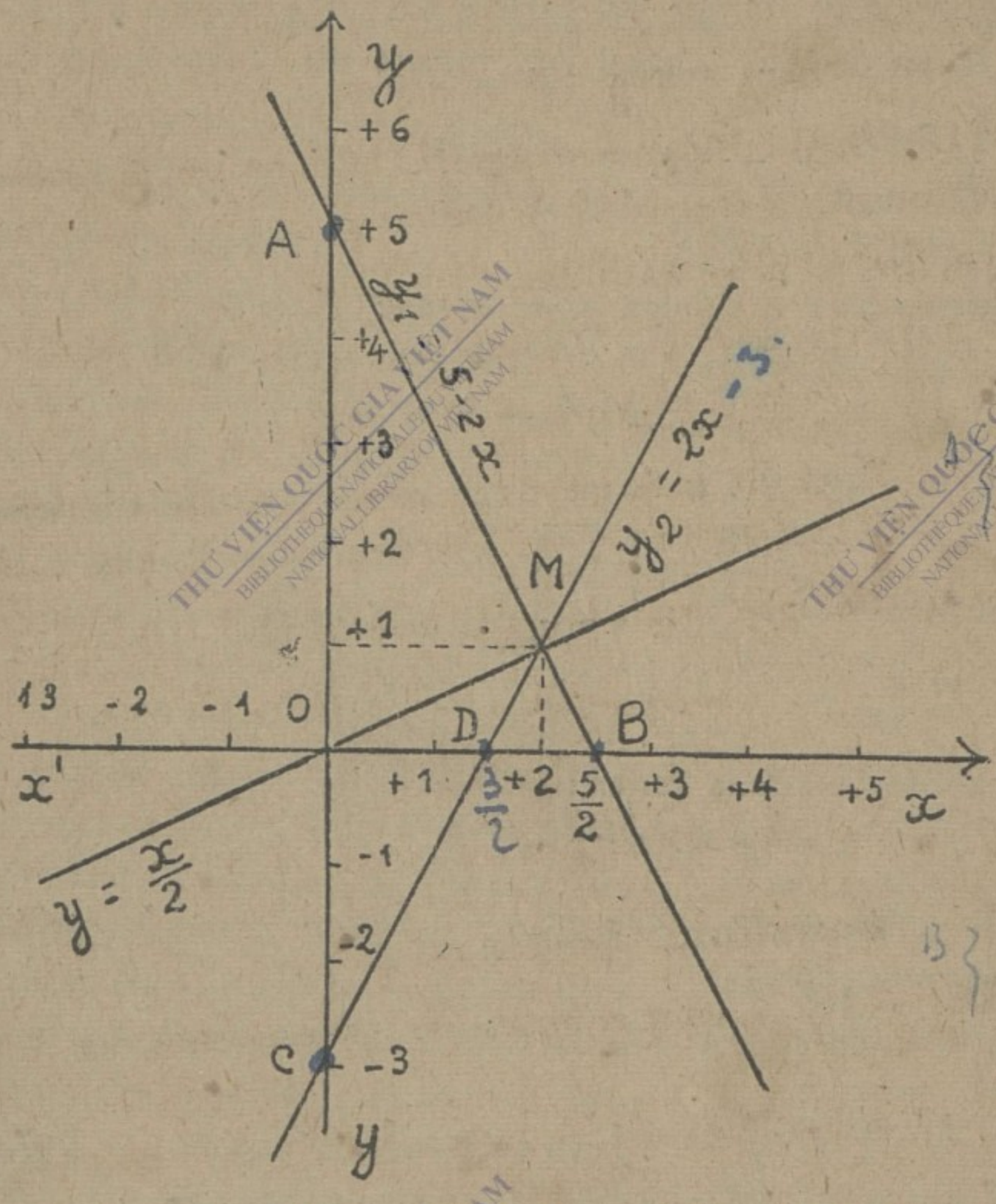

1° **a)**— Représentons graphiquement la 1ère fonction y_1,

— Pour $x = o$, $y = 5 - 2 \times o = 5$. Ainsi, nous obtenons le 1er point A d'abscisse $x = o$ et d'ordonnée $y = 5$.

— Pour $y = o$, x sera :

$$o = 5 - 2x$$

ou : $2x = 5$

d'où : $x = \frac{5}{2}$.

Ainsi nous obtenons le 2è point B d'abscisse $\frac{x\,5}{2}$ et d'ordonnée $y = o$.

Relions ces 2 points A et B par une droite qui est le graphique des variations de la fonction $y_1 = 5 - 2x$.

b) Représentons graphiquement la 2è fonction y_2.

— Pour $x = o$, $y = 2 \times o - 3 = -3$. Ainsi, nous obtenons le 1er point c d'abscisse $x = o$ et d'ordonnée $y = -3$.

— Pour $y = o$, x sera :

$$o = 2x - 3$$

ou : $3 = 2x$

d'où : $x = \frac{3}{2}$. Ainsi, nous obtenons le 2è point D d'abscisse $x = \frac{3}{2}$ et d'ordonnée $y = o$, Relions ces 2 points C et D par une droite qui est le graphique des variations de la fonction $y_2 = 2x - 3$.

2o a) Les 2 drcites représentatives des 2 fonctions y_1 et y_2 se coupent u point M. Pour déterminer graphiquement les coordonnées de ce point M ommun aux 2 droites, abaissons de M sur les axes x' o x et y 'o y 2 perpen- iculaires. Les points d'instersection donnent les valeurs des coordonnées du oint M :

$$x = 2 \quad \text{et} \quad y = 1.$$

Contrôlons ce résultat par le calcul :

Puisque M est commun aux 2 droites, nous avons :

$$y_1 = y_2$$

soit : $5 - 2x = 2x - 3$

ou : $8 = 4x$

d'où : $x = \frac{8}{4} = \boxed{2}$

et $y_1 = y_2 = \boxed{1}$

3o L'équation demandée est de la forme :

$$y = ax + b.$$

D'après l'énoncé, la pente de la droite est $\frac{1}{2}$. Donc, $\frac{1}{2}$ est le coefficient a de l'équation de cette droite.

Par suite, l'équation cherchée peut s'écrire :

$$y = \frac{x}{2} + b.$$

Calculons la valeur de b : puisque les coordonnées du point M doivent vérifier cette équation, nous avons :

$$y = \frac{x}{2} + b.$$

ou : $1 = \frac{2}{2} + b.$

d'où l'on tire : $b = 1 - 1 = 0$

Donc : $b = 0$

L'équation demandée s'écrit donc :

$$\boxed{y = \frac{x}{2}}$$

Trí-Đức

Professeur,

Eloquence usuelle

Question d'actualité

— Bonjour mon cher Chín ! Qu'est ce que vous lisez là ?

— « L'Ame de la patrie »

— C'est le numéro d'aujourd'hui ?

— Non celui d'hier; mais comme je suis occupé je ne peux le lire que maintenant.

— Quoi de neuf ? Il paraît qu'en France le ministère est renversé ?

— Oui, et il y a trois jours et c'est Mr. Bidault qui est chargé de constituer le nouveau cabinet. Ces jours-ci il a eu des entretiens avec le Président de la République mais il n'a encore fait aucune déclaration. Tous les journaux français sont à l'affût des nouvelles mais n'ont rien dit en plus. Cependant à en croire les journaux de gauche, Mr. Bidault n'aura pas de succès accablé comme il est de toutes sortes de critiques Les journaux de droite soutiennent Mr. Léon Blum.

— Blum est pourtant bien mort,

— Evidemment, mais la crise ministérielle s'aggrave de plus en plus et l'opinion publique ne donne de chance à personne, sauf peut-être à Mr. Herriot.

—Mr, Herriot n'est qu'un politicien adroit et non un militant. Comment espère-t-il donc être soutenu par le peuple ?

— Cela s'explique par le fait que ni le parti communiste ni De Gaulle ne

Chuyện thời-cuộc

— Anh Chín chào anh ! xem gì đó ?

— Tờ « Hồn Nước »

— Báo hôm nay à ?

— Không, số báo ngày hôm qua mà tôi bận mãi đến bây giờ mới xem được.

—Có tin gì lạ không? À mà nghe nói nội các nước Pháp đổ rồi phải không?

—Vâng đã ba hôm nay và hiện giờ có lẽ ông Bidault lên thay. Mấy ngày rày ông ấy đả hội kiện với Tổng thống Pháp, song ông ta chưa tuyên-bố gì cả. Các báo Pháp đang săn tin dữ lắm, nhưng củng không đăng gì lạ hơn. Nhưng theo các báo thiên-tả dự đoán thì có lẻ ông Bidault sẽ không thành công vì ông bị chỉ trích nhiều quá. Các báo hữu thì lại ủng hộ ông Léon Blum.

— Mà ông Blum chết ngủm cù đeo rồi kia mà !

— Ấy thế mới có chuyện. Bây giờ thì sự khủng-hoảng nội-các càng dử dội hơn và theo dư-luận dân-chúng thì trừ phi ông Herriot không còn ai có hy-vọng hơn nữa.

— Ông Herriot chỉ là một chính-trị gia giỏi chớ không phải là một chiến-sĩ (militant) thì làm sao dân-chúng ủng-hộ được ?

— Điều ấy sở dĩ có là vì các đảng Cọng sản và De Caulle không ra

peuvent assurer cette charge. Il ne reste plus que Herriot qui est du centre.

— Vous avez bien raison! Et le problème de la Yougoslavié ? Tito peut-il échapper à l'écrasement par l'U R S S !

— Ce n'est pas un problème. Vous devez savoir que l'histoire d'un pays faible pris entre deux pays puissants est celle des mouches et des moustiques qui meurent quand les buffles et les bœufs se déchaînent.

— Et le problème du Việt-Nam? va t-il être règlé prochainement?

— Pourquoi pas ? Je vous assure qu'à la fin de cette année la paix. l'ordre, la prospérité vont être rétablis. Je ne puis dire clairement sur quel terrain le problème sera résolu, mais tout ce que je puis vous affirmer, c'est que la nation viêtnamienne tout entière verra ses désirs satisfaits .

— Vous ne manquez pas de perspicacité, à ce que je vois. Quoi qu'il en soit, nous autres, vous comme moi, nous voulons vivre libre et heureux .

— Evidemment. Ah ! avez-vous déjà lu «La Cloche du matin» du jeudi ?

— Pas encore, y-a-t-il quelque chose de sensationnel ?

— Je ne me presse pas de vous le dire. Ouvrez le journal à la page quatre, colonne trois et vous verrez. N'oubliez pas de regarder l'image avant de lire l'article .

được thì cố nhiên ông Herriot ở phái ôn hòa phải thành công .

— Anh nói chí lý lắm. Còn vấn đề Nam-tư thế nào ? Tito liệu có bị Nga đè bẹp không ?

— Cái đó thì bất thành vấn đề, vì anh cũng hiểu rằng một nước yếu ở giữa hai nước mạnh là chuyện giống như «trâu bò húc nhau ruồi muỗi chết.»

— Còn vấn đề Việt-Nam, liệu có yên không ?

— Sao lại không ! Tôi cam đoan với anh rằng chỉ đến cuối năm nay thì hòa bình, trật tự và đời sống sẽ trở lại. Tôi không nói rằng vấn đề ấy sẽ giải quyết ở trên một lập trường nào, nhưng tôi chỉ có thể nói rằng toàn dân Việt sẽ được toại ý-nguyện.

— Kể ra anh cũng sáng láng lắm . Nhưng dầu thế nào, anh cũng như tôi, ai nấy đều muốn sống tự do và sung sướng .

— Hẳn nhiên . À mà anh đã đọc tờ Chuông Sớm ngày thứ năm chưa ?

— Chưa, có gì lạ hẳn ?

— Tôi chưa vội nói, anh cứ về đở xem ở trương tư, cột ba thì thấy rỏ. Nhưng nhớ xem cái hình trước khi đọc nhé !

Phải nỗ lực tìm học cái hay của nước ngoài để kiến-thiết một nền văn-hóa mới hoàn toàn Việt-Nam

DANH-TỪ PHÁP-VIỆT ĐỐI-CHIẾU

(Tiếp theo)

Chánh thống chủ nghĩa Mác Xít	Le Marxisme orthodoxe
Chánh thuế, thuế chánh	Les taxes principales
(Phụ gia thuế, thuế phụ)	Les taxes secondaires
Chánh thức	Officiel
Chánh thức hóa, thị chứng	La légalisation
Chánh trào	Le courant politique
Chánh trị	La politique
Chánh trị gia	Un homme politique, un politicien
Chánh trị học	La Science politique
Chánh trị viên	Un commissaire politique
Chánh trị phạm	Un condamné politique
Chánh trị triết học	La philosophie politique
Chánh vụ	Les affaires politiques
Phòng vệ chánh đáng	La défense légitime
Nội các chánh đảng	Un cabinet de parti
Học phái chánh thống	Ecole théologique orthodoxe
Cách mạng chánh trị	La Révolution politique
Hoạt động chánh trị	L'activité politique
Hành động chánh trị	L'action politique
Hành vi chánh trị	L'acte politique
Hiện tượng chánh trị	Le phénomène politique
Quyền thuật chánh trị chủ nghĩa	Le Machiavélisme
Tổ chức chánh trị	Une organisation politique
Tự do chánh trị	La liberté politique

Luật sư T.T.T. *biên dịch*

CÙNG QUI BẠN ĐỌC : Nhơn vì bạn Thiếu-lăng-Quân, Thơ Ký Tòa-Soạn bị không may bất ngờ nên trong số 4 và số 5, CẦN HỌC có nhiều sự lộn xộn về bài vở và cách sắp đặt.

Kể từ nay bạn đã được trả tự do thì lại tiếp tục việc sắp đặt cho tờ báo, nên CẦN HỌC từ tập 6 trở đi sẽ hoàn toàn đầy đủ, hạp với ý muốn các bạn và thêm nhiều mục ích lợi .

Số 6 sẽ bắt đầu ra ngày 2-6-50 và kể từ số ấy sẽ đủ hai phương diện:

1°) Không ra trễ như trước và ra đều mỗi tuần.

2°) Các lỗi trong ấn loát sẽ không còn nữa .

Các sự lộn xộn trước vì hoàn cảnh mà có, mong các bạn thứ lỗi cho và xin mỗi ngày giúp ích thiết thực các bạn trên đường học hỏi . B. B. T.

L'ANGLAIS LITTÉRAIRE

LES EXPRESSIONS LES PLUS USITÉES DE LA LANGUE ANGLAISE

Chers lecteurs,

L'étude de ces expressions ci-dessous est destinée particulièrement aux élèves de l'Enseignement secondaire. Cependant, elle est composée de manière à convenir aux autres classes inférieures et aussi aux autodidactiques ayant un assez haut degré. Ce sont des expressions très pittoresques et fréquemment usitées de la langue anglaise. Tout en voulant une étude utile et complète, je me suis efforcé de faire paraître au fur et à mesure dans cette revue pédagogique hebdomadaire (en dehors des expressions) un Vocabulaire bien choisi, des idiomatisme, des règles de Grammaire, des Proverbes etc...

EXPRESSIONS

I have no time	Je n'ai pas de temps
I have plenty of time	J'ai bien le temps
Take your time	Prenez votre temps
Wait a moment	Attendez un instant
Wait a while	id
I live from day to day	Je vis au jour le jour
I live from hand	id
At what time ?	A quel époque
In what century ?	En quelle siècle ?
Formerly	Autrefois
In the days to come	Dans les temps à venir
In my time	De mon temps
In my days	id
In what month ?	En quel mois ?
In what season ?	En quelle saison ?
On what day ?	Quelle jour ?
In June	En Juin
In Summer	En été
On Monday	Lundi
In early Summer	Au premier jour de l'été
Late in Summer	A la fin de l'été
At the coming of Summer	A l'entrée de l'été
Off and on	Par moment, par instant
From time to time	De temps en temps
In time	A temps
In due time	A l'heure dite
Day by day	De jour en jour

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIỆT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIỆT NAM

From day to day	D'un jour à l'autre
This afternoon	Cet après midi
This morning	Ce matin
To-night	Cette nuit
Last night	La nuit dernière
Yesterday morning	Hier matin
To morrow morning	Demain matin
By day	De jour
By night	De nuit
At day break	Au point
From morning till night	Du matin au soir
At present	A présent
Sooner or later	Tôt ou tard

(A suivre)

VOCABULARY

FIRST-LESSON

Time : Le Temps

Divisions of time : Divisions du temps

Eternity : éternité
The past : le passé
The present : le présent
The future : le futur
An age : un âge
An epoch : une époque
A century : un siècle
A decade : une décade
A spell of time : un intervalle de temps
A leap-year : Une année bissextile
A year : Une année
A half-year : Un semestre
A quarter : Un trimestre
A term : Un trimestre scolaire
A month : Un mois
A fortnight : Une quinzaine
A week : Une semaine
A day : Un jour
An hour : Une heure
A minute : Une minute
A second : Une seconde
A moment : Un moment
A while : Un certain temps
An instant : Un instant
A delay · Un délai
A season : Une saison
Spring : Printemps
Summer : Été
Autumn ; Automne
Winter ; Hiver

(à suivre)

TRADUCTION :

(Dịch thi Pháp)

SEULE

Il est le plus fort, le plus brave,
Le plus beau de tous, mon guerrier,
Ses prunelles sous son front have
Jettent les lueurs de l'acier.

o

Puisque désormais sur sa monture
Guide le combat vers le Nord
J'ai dénoué ma chevelure
Au vent glacial qui la tord:

o

O ! lune d'argent, je t'abhorre
Et même toi, soleil amer ;
Contre le feu qui me dévore,
Je ne veux que torrent d'hiver.

o

Je sais tout près de ma demeure,
La fleur qui procure l'oubli,
Je voudrais la cueillir sur l'heure,
Mais hélas ! mon désir s'est aboli.

o

Car pour mieux goûter ma souffrance,
Je laisse mon logis fermé.
Chaque fleur, malgré la distance,
Me rapproche du bien-aimé.

C. GALLET

CHIẾC BÓNG

Chàng chiến-sĩ anh hùng hào kiệt,
Dáng oai phong lẫm-liệt ai bì !
Mắt chàng dưới ánh uy nghi
Nẩy đôi tinh sáng như tia thép già.

o

Từ lên ngựa xông pha chiến trận
Thống xuất quân ra trấn Bắc phương,
Hững hờ mái tóc em buông,
Xõa theo gió lạnh, cuốn làn tóc em.

o

Ôi ! trăng bạc ! em hiềm trăng đó,
Và cả trời độc-địa mông lung ;
Chống cùng lò lửa nấu nung
Chỉ còn nguồn suối mùa đông tắm lòng.

o

Em biết liền cạnh phòng em ở,
Đóa hoa kia có thể làm khuây
Em muốn hái đóa hoa ngay,
Nhưng thôi, ao ước, ô hay chán rồi !

o

Vì muốn đau ngậm ngùi hơn nữa,
Em để yên bưng cửa kín nhà,
Dù xa cách, mỗi bông hoa,
Làm em như thể gần kề chàng yêu.

LA PATRIE

Tu n'as peut-être jamais pensé à ce qu'est la patrie ? C'est tout ce qui t'entoure, tout ce qui t'a élevé et nourri, tout ce que tu as aimé ! Cette campagne que tu vois, ces maisons, ces arbres, ces jeunes filles qui passent là en riant, c'est la patrie ! Les lois qui te protègent, le pain qui paye ton travail, les paroles que tu échanges, la joie et la tristesse qui te viennent des choses

parmi lesquelles tu vis, c'est la patrie ! La petite chambre où tu as vu autrefois ta mère, les souvenirs qu'elle t'a laissés, la terre où elle repose, c'est la patrie ! Tu la vois, tu la respires partout.

Aussi tu comprends, n'est-ce pas, ce que nous lui devons ?

E. SOUVESTRE.

TỔ-QUỐC

Con ơi ! tổ quốc là chi ?
Ấy là tất cả những gì xung quanh,
Những gì nuôi dưỡng trưởng thành,
Những gì con mến, nảy sanh cảm-tình.
Cánh đồng kia rộng mông mênh
Nhà kia tốt đẹp, cây cành xanh tươi,
Qua đây, thiếu nữ vui cười,
Đều là tổ quốc, con thời hiểu chưa ?

o

Lại còn pháp luật chở che,
Gạo cơm đem trả công về cần lao
Những lời những tiếng đổi trao,
Nỗi buồn, nỗi sướng lúc nào ngờ đâu,
Và căn phòng nhỏ đã lâu,
Ngày xưa, con thấy mẹ yêu, hằng ngày
Nằm mồ yên nghỉ, đến nay
Với bao kỷ-niệm, trước ngày xa khơi
Đều là tổ quốc, con ơi !
Khắp nơi con cảm, khắp nơi con nhìn
— Phải chăng, bổn phận thiêng liêng ?
Nay con đã hiểu, đã tin thế nào.

ANH-HOA VŨ-HỮU-TIỀM dịch

NHẮN TIN

Tôi vì gặp sự không may và trong người bị bịnh, nên xin cáo lỗi cùng các bạn rằng từ nay tôi đã rút lui khỏi làng ngôn luận để tỉnh dưỡng bồi bổ sức khỏe.

Trừ thì giờ thong thả tôi chỉ xin để soạn một ít sách giáo khoa và giúp tập CẦN HỌC mà thôi.

Vậy mong các bạn cảm tình thấu cho và xin miễn sự giao thiệp thư từ.

Rất chịu lỗi và đa tạ quí bạn. THIẾU-LĂNG-QUÂN

ĐIỂN-TÍCH VĂN-HỌC

của HOÀNG-TỬ ANH

Đan trì : Thềm đỏ. Thềm vua, Vì thềm nhà vua thường hay sơn đỏ.

Đao cung : Con người ta sanh ra làm trai thì chỉ muốn đeo cung mang đao vẫy vùng trong thiên hạ. Tích Ban Siêu đời Hán nhà nghèo phải đi viết mướn lấy tiền ăn học và nuôi mẹ già Lắm lúc bực tức ném bút tự nói. Đại Trượng-Phu thì nên bắt chước Phó-Giới-Tử và Trương-Khiên đi lập công danh ở biên-thùy để được phong hầu, chớ ai mà lại chịu chết theo bút nghiên. Ban-Siêu quyết đi đầu quân, sau được phong Định Viễn Hầu.

Đào liễu : để ví nhan sắc thân thế con gái non nớt yếu đuối mềm mại như cây liễu yếu.

Đăng trình ; Thượng trình : lên đường.

Đằng vân giá vỏ : cởi mây, cởi mưa. Đi trên không. Tục xưa nói các thần tiên có phép đi trên không.

Đắc Kỷ : vua Thương-Trụ đánh họ Hữu Tô. Họ Hữu Tô dâng cho vua Trụ nàng Đắc Kỷ. Vua Trụ vì yêu Đắc Kỷ giết trung thần, nghe lời sàm nịnh, bỏ việc nước . . . sau phải mất nước,

Đế-Thích : Ông Tiên có tiếng cao cờ có đền thờ ở Hanoi. Mỗi năm mồng 9 tháng giêng có hội.

Lưu-Linh, Đế Thích là làng tri-âm (Cung oán).

Đệ-nhứt quốc-tế : Đoàn thể lao động chủ trương Cộng Sản chủ nghĩa, lập năm 1847 ở Londres, Đương thời gọi là Quốc tế Công nhơn Liên hiệp hội.

Đệ nhị quốc tế : Đoàn thể lao động thành lập năm 1889 ở Paris sau khi Đệ nhứt Quốc tế đã giải tán. Chủ trương Xã hội chủ nghĩa ôn hoà.

Đệ tam quốc tế : Đoàn thể lao động cả thế giới thành lập 1919 sau cuộc Cách Mạng Nga, chủ trương thế giới cách mạng và Cộng Sản chủ nghĩa, bổn bộ ở Moscou,

Đệ tứ quốc tế : Chủ nghĩa đại đồng lập năm 1922 - 1923 ở Bạc Lanh (Berlin) để đối với Đệ tam quốc tế.

Đoàn-viên : Đoàn là vây; Viên là tròn. Sum hiệp đoàn tụ.

Đoạn trường : đứt ruột. Lấy trong tích có người giết chết con vượn con. Con vượn mẹ kêu mải cho tới chết. Mổ ra thì thấy ruột đứt từng đoạn.

TỐC-KÝ VIỆT-NAM

Phương-pháp Thiếu-lăng-Quân

(LỚP TRUNG CẤP)

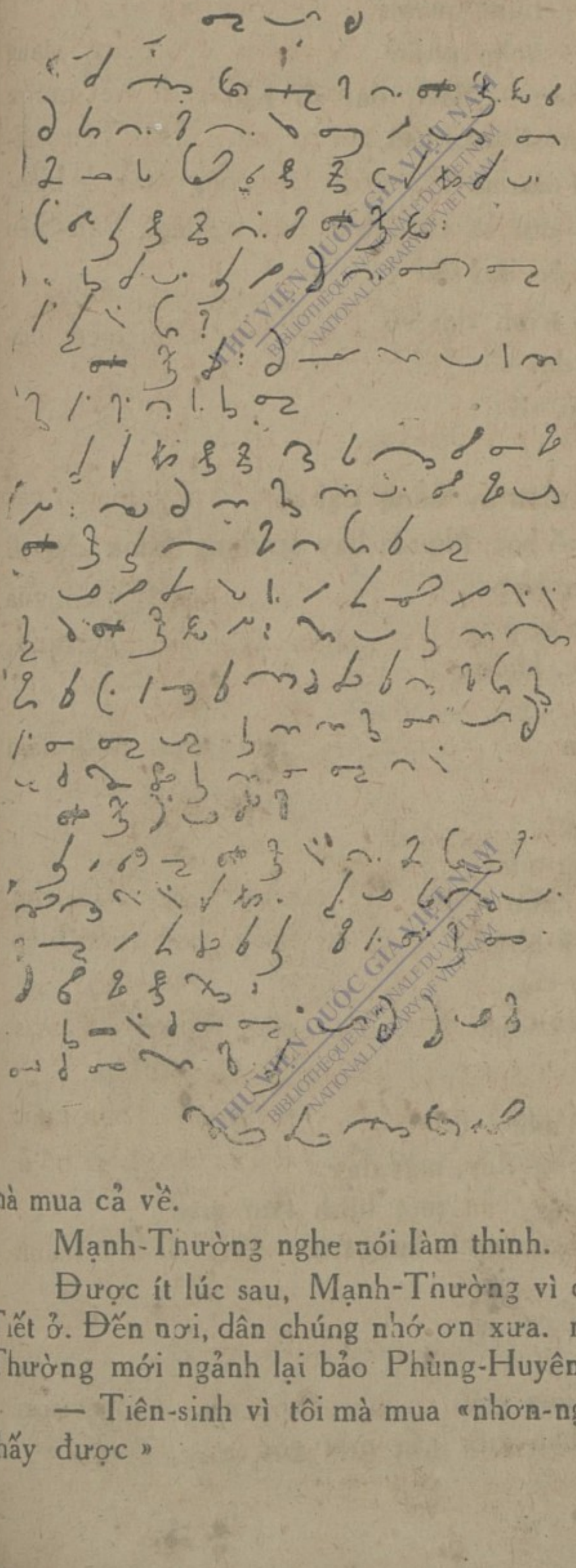

MUA NHƠN - NGHĨA

Đời Chiến-Quốc Xuân - Thu có Mạnh-Thường-Quân là người giàu có, hay cho vay mượn rất nhiều. Một hôm sai tân khách là Phùng-Huyên qua đất Tiết đòi nợ. Khi lên đường, Phùng-Nguyên có hỏi Mạnh-Thường-Quân :

Tiền đòi nợ được rồi Ngài có muốn mua gì đem về không ?

Mạnh-Thường đáp :

— Người xem trong nhà ta còn thiếu gì thì cứ tự tiện mua.

Đến đất Tiết, Phùng-Nguyên kêu dân lại mà bảo rằng :

— Các người còn thiếu công nợ lại bao nhiêu, Mạnh-Thường đều cho hết không đòi nữa.

Nói rồi đem văn tự ra đốt sạch, rồi trở về thưa với Mạnh-Thường-Quân rằng :

— Trong nhà tướng công châu báu đầy kho, gia súc đầy chuồng, gái đẹp đầy cung, thật không thiếu gì mà mua nữa. Tướng công còn thiếu món «nhơn nghĩa», nên tôi trộm phép tướng công mà mua cả về.

Mạnh-Thường nghe nói làm thinh.

Được ít lúc sau, Mạnh-Thường vì có hiềm khích, bị cách chức trở về đất Tiết ở. Đến nơi, dân chúng nhớ ơn xưa, ra đón tiếp đầy đường. Bấy giờ Mạnh Thường mới ngảnh lại bảo Phùng-Huyên :

— Tiên-sinh vì tôi mà mua «nhơn-nghĩa» ngày nay thực mắt tôi mới trông thấy được »

(Trích dịch Chiến Quốc Sách)

ĐANH-TỪ TOÁN-HỌC

A

Aire : Diện-tích
Aire latérale : Diện-tích chung quanh
Aire totale : « toàn phần
Algèbre : Đại-số học — Sách đại số học
Algèbre supérieurre : Khoa đại số cao cấp
Algébrique : Thuộc về đại số
Fonction algébrique : Hàm số đại số
Formule algébrique : Công thức đại số
Equation algébrique : Phương trình đại số
Courbe algébrique : Đường đại số
Algébriquement : Bằng đại số
Démontrer algébriquement ce problème : Giải bày toán ấy bằng đại số
Algébriste : Nhà đại số học. Người hay áp-dụng khoa đại số
Alliage : Phép hỗn hợp
Règle d'alliage : Luật hỗn hợp
Angle : Cạnh, góc, khóe
Arc : Cung
Arc circulaire : Cung tròn
Arc du cercle : Cung tròn
Arc courbe : Cung cong
Arc généralisé : Cung tổng-quát
Arc intercepté : Cung bị chắn
Arithmétique : Toán—Số học
« élémentaire : Số học sơ-cấp
« supérieure ; Số học cao-cấp

B

Barème. Barrême : Sổ lập thành
Base : Đáy, đường đáy, mặt đáy
Base d'un triangle Đường đáy của một hình tam giác
Base du prisme ; Mặt đáy của hình lăng trụ
Base : Cơ số
Base de numération : Cơ số đếm
Base de logarithmes : Cơ số lô-ga-rít
Bissectrice : Đường phân giác
Bissectrice d'un angle : Đường phân giác của một góc

DANH-TỪ CHÁNH-TRỊ

Abdiquer : Thoái vị — Nhường ngôi.
Abolir : Bỏ đi, bải bỏ, thủ tiêu.
Abolir une loi : Thủ tiêu một đạo luật.
Aboutir : Thành tựu.
Absolu : Độc quyền, chuyên chế, tuyệt đích, tuyệt đối.
Roi absolu : Vua chuyên chế
Pouvoir absolu : Quyền tuyệt đối
Absolutisme : Chánh thể chuyên chế
Abus : Sự lạm dụng
Abus d'autorité : Lạm quyền
Académie : Hàn lâm viện
Accord : Hiệp ước, — Khế ước, — Thòa hiệp
Accusation : Sự buộc tội, — Sự tố cáo
Fausse accusation : Vu cáo, vu khống
Accusé : Người bị cáo
Acte : Việc làm, hành vi, hành động
Acte d'accusation : Cáo trạng — Khởi tố trạng
Acte de naissance : Giấy khai sanh
Acte de décès : Giấy khai tử
Acte de mariage : Tờ hôn thú
Acte de vente : Văn khế. văn tự bán đồ
Acte officiel : Công văn
Acte diplomatique : Văn kiện ngoại giao
Ad hoc, loc. lat. : Đúng với chuyên môn một cách trực tiếp
fonctionnaire ad hoc : Viên chức chuyên môn
Ad honores, loc. lat. : Vì danh dự không có lương
fonction ad hoc : Chức vị danh dự.
Adjoint : Phụ, giúp. **Directeur adjoint :** Phó giám đốc
Administration : Chánh phủ — Hành chánh — Việc cai trị — Sự quản lý — Cai quản — Điều khiển. **La centralisation de l'administration :** Sự tập trung hành chánh
Administration juliciaire : Hành chánh tư pháp
Administration militaire : Quân chánh
Administration intérieure : Việc nội trị

LỚP DẠY VẼ

HÌNH DÁNG

Có hai cách nhận-định và mô-phỏng hình dáng của một vật :

1o) Cùng một vật, hình dáng nó biến dổi tùy theo trường hợp :

a) tùy theo vị-trí của vật đối với mắt ta (cao hay thấp hơn tầm mắt, bên tả hay bên hữu của ta)

b) và tùy theo sự xa-cách của ta đối với sự ấy (ở gần hay xa)

Vậy nếu ta mô-phỏng hình-dáng của một vật, trong một những trường-hợp nói trên thì ta chỉ trình-bày vật ấy với một dáng-vẽ nhứt thời. Còn về kích-thước và chiều- -hướng của vật cứ tùy theo mỗi trường-hợp mà ước-định «theo mắt thấy» (Thí-dụ : thật sự, vật ấy là hình vòng tròn nhưng tùy theo trường hợp, mắt lại thấy ra hình bầu dục) Như thế là Mô phỏng theo phép Viễn vọng (thấy xa) mà ta còn gọi lá **Môn PHỐI-CẢNH** .

2o) Cũng vật nói trên, ta tìm coi vật ấy gồm có mấy mặt khác nhau. Mỗi mặt đều được mô phỏng lại bằng một hình vẽ. Như thế ta trình bày liên tiếp tất cả những mặt; dường như trong một lượt, mắt ta có thể bao gồm tất cả các điểm của châu vi vậy. Đó là **Khoa Kỷ-hà họa**

Theo phép Phối cảnh (Viễn cảnh hay Viễn vọng) với một hình vẽ ta trình bày một lượt được nhiều mặt của mỗi vật, như vậy người xem có được một ý-tưởng chung về hình dáng tổng quát của vật đúng «theo mắt thấy» nhưng không đúng «theo thật sự» về châu vi và kích thước. (**ĐÚNG** theo nghĩa hẹp.)

Còn về Kỷ hà họa thì chỉ trình bày mỗi mặt của vật bằng một hình vẽ, tất nhiên một bản kỷ hà đồ phải có nhiều hình vẽ kế tiếp (mỗi hình phô diễn mỗi mặt khác nhau) kết hợp lại thành cái toàn thể đầy đủ, xem qua ta thấu rỏ được thực trạng của vật. Những chỗ tương hợp và tương phản về chiều hướng và kích thước giữa châu vi của các mặt luôn luôn rất đúng.

Xứ sở thống nhứt, ngôn ngữ phải được thống nhứt. Dân - tộc độc lập, một nền học phải được độc lập. Vì vậy một nền văn - hóa mới Việt - Nam phải hoàn toàn Việt-Nam

Nguyên tắc đầu tiên của môn phỏng họa là phải lấy mắt mà nhắm để xác định những chỗ đúng y như nhau (sự đồng nhứt : identité) những chỗ tương hợp và những chỗ tương-phản (contraste) của chiều-hướng (directions) và kích-thức (dimensions) trong sự đồng đều và cân-đối.

CHIỀU-HƯỚNG : **Khi nào hai chiều-hướng gọi tương-hợp nhau. ?**

Khi hai chiều-hướng song-song với nhau tức là tương-hợp nhau và nếu hai chiều-hướng dụm đầu lại để hiệp thành một góc thì tức là tương-phản nhau (tương-phản tương-đối) — xem hình ba — Nếu góc ấy càng mở rộng ra lần đi trở thành góc ngay (angle droit) thì sự tương-phản trở nên cực-điểm gọi là tương-phản tuyệt-đối. Hơn nữa nếu hai cạnh của góc ngay càng mở lớn thêm như hình rẻ quạt đến cuối cùng hai cạnh nối tiếp nằm ngang nhau thành đường ngay, thì trong lúc ấy chiều-hướng từ chỗ tương-phản tuyệt-đối giảm lần đến chỗ tương-phản tương-đối và sau hết trở về chỗ tương-hợp tức là trở về một chiều với nhau như lúc ban sơ. Thí dụ :

HÌNH VUÔNG : Ở hình vuông chỉ có tương-phản tuyệt-đối về chiều hướng và sự đồng nhứt về kích thước giữa hai cạnh đứng và hai cạnh nằm.

HÌNH CHỬ NHỰT : Ở hình chử nhựt thì có tương phản tuyệt đối về chiều hướng và kích thước giữa hai cạnh đứng và hai cạnh nằm.

HÌNH TAM GIÁC : Ở hình tam giác đều cạnh chỉ có tương phản về chiều hướng giữa ba cạnh chớ không tương phản về kích thước vá ba cạnh bằng nhau.

HÌNH TRÒN : Ở hình tròn không có tương phản nào cả.

HÌNH BẦU-DỤC : Ở hình bầu dục thì không có tương phản về chiều hướng nhưng có tương phản về kích thước giữa trục đứng và trục nằm. (xem hình 4)

Vậy mỗi khi muốn xác-định bằng mắt (không dùng thước để đo) đặng độ chừng những chiều-hướng, ta nên dùng cái hình góc ngay để làm tiêu chuẩn mà so sánh những chiều tương hợp. Căn cứ trên lý lẻ đó, mỗi khi muốn xác định một hình dáng nào, ta nên đóng khuôn nó vào trong một cái hình vuông tưởng tượng do mắt ta vạch ra để dễ bề so sánh các chiều hướng của châu vi nó. Như ta đả nhận xét (trong những bài trước) những hình dáng nào có nét cong cũng nằm trọn và khít (nội tiếp = inscrit) trong một hình kỷ hà có nét ngay và có góc, nên ta nhờ hình dáng sau này mà xác định hình dáng kể trên cho dễ.

..... Muốn cho mắt ta xác định được chắc-chắn và mau lẹ những sự biến đổi của một hình dáng ta phải nhớ đến MÔN PHỐI CẢNH trợ giúp

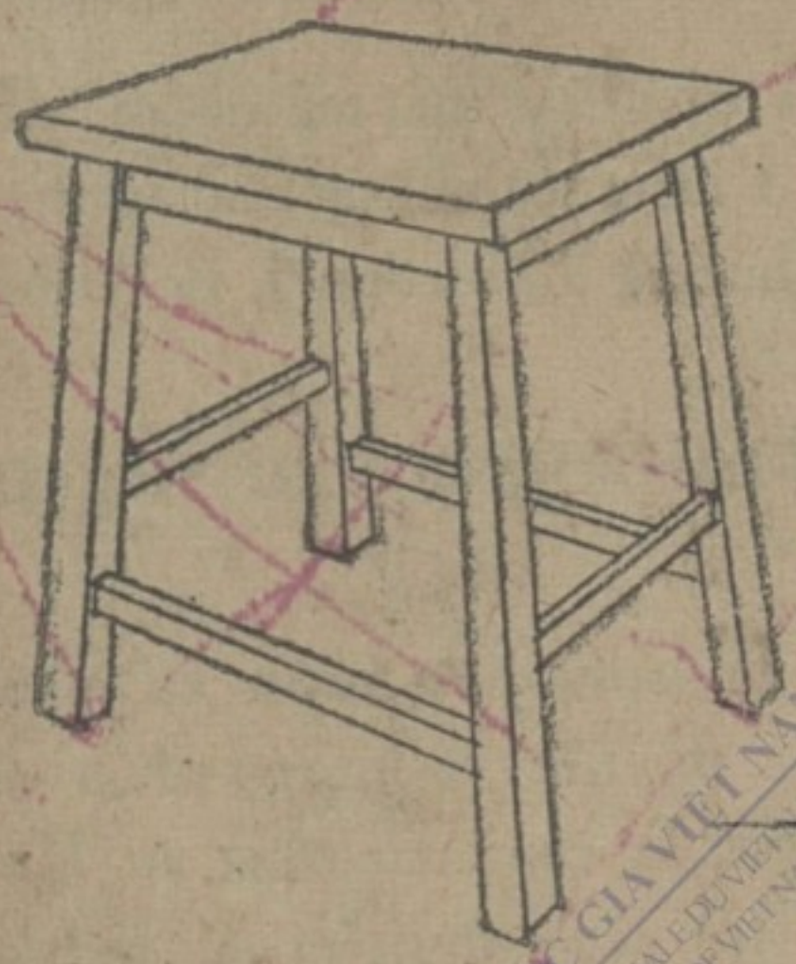

2

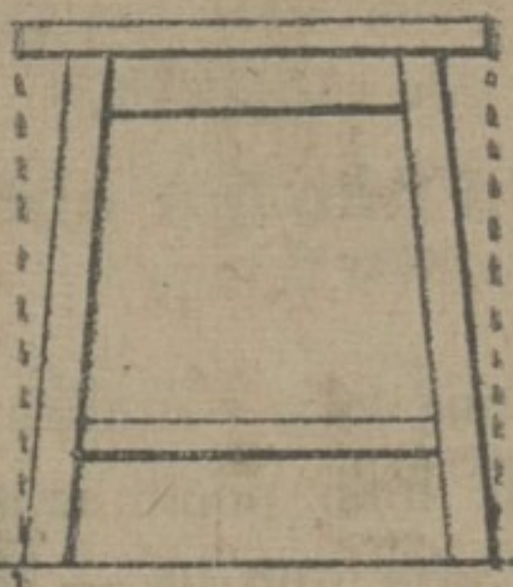

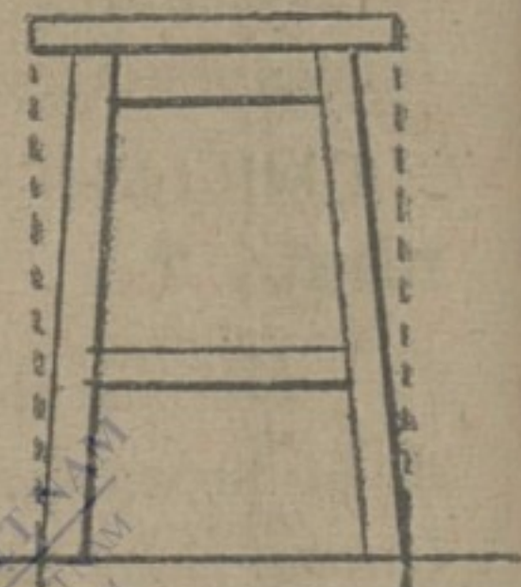

chính-diện-đồ

trắc-đồ

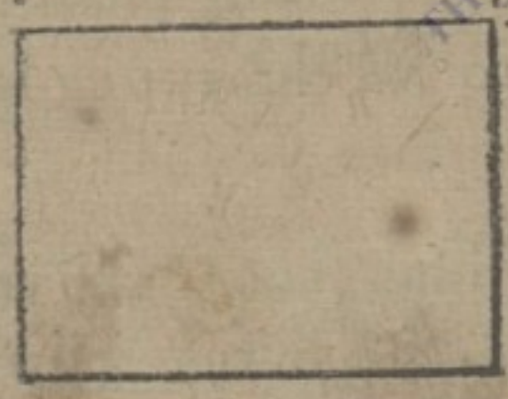

hoành-đồ

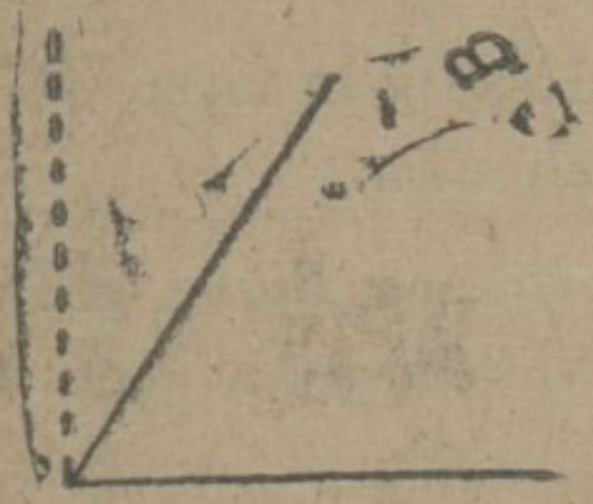

3

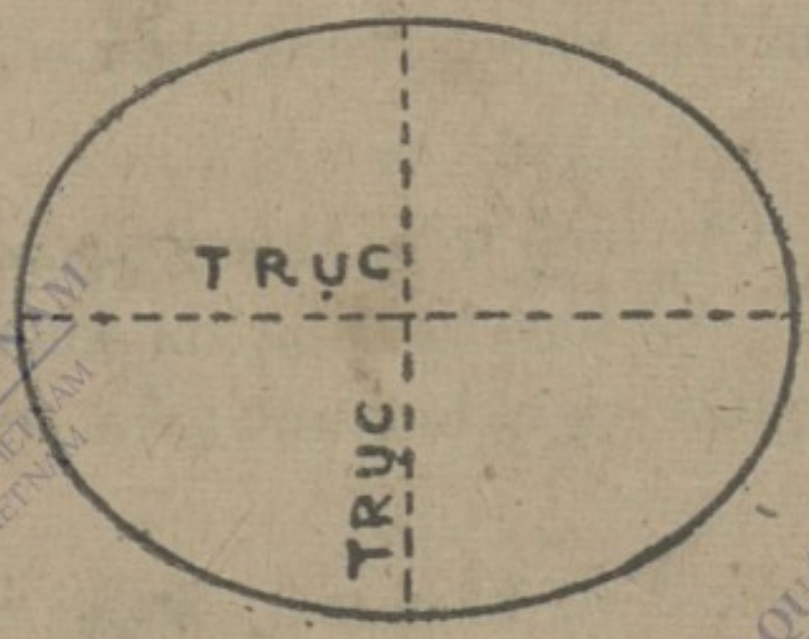

4

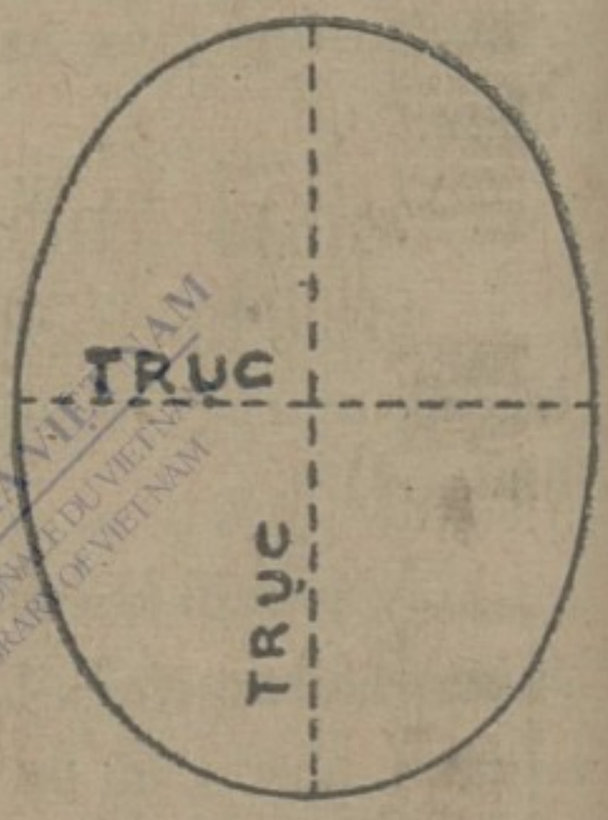

HỘP THƠ. — Cùng các bạn học lớp Tân Quốc ngữ Trung-hoa. Các bạn muốn gặp tác giả Trần-đình-Nhu để được chỉ vẻ thêm các giọng đọc cho trúng xin cho tòa báo hay : **ngày, giờ định trước để tới tòa soạn C. H.** hoặc **cho địa chỉ** của các bạn, tác-giả sẽ kiếm thời giờ, tới nhà riêng giúp ích các bạn với mục đích truyền bá. Các độc giả ở xa, hỏi han điều gì, xin biên thư về Tòa soạn, sẽ chuyển giao.

Tòa soạn

BÀI HỌC THỨ 3

TÂN QUỐC-NGỮ TRUNG-HOA

của TRẦN-ĐÌNH-NHU

Dấu chú âm (Tiếp theo và hết)

C.- VẦN KẾT HỢP

Dấu kết hợp nghĩa là hai vần kết hiệp (ráp) lại thành một âm (tiếng); gồm có 22 chữ :

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIỆT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

ㄧㄚ ㄧㄝ ㄧㄞ ㄧㄠ ㄧㄡ ㄧㄢ ㄧㄣ ㄧㄤ ㄧㄥ

GIA GIO GIÊ GIAI GIAO GIƯU GI+AN= GIÊN GI+ÙN= GIN GIANG GI+ỪNG= GINH

ㄨㄚ ㄨㄛ ㄨㄞ ㄨㄟ ㄨㄢ ㄨㄣ ㄨㄤ ㄨㄥ

GUA GUO GUAI GUÂY GUAN GỬN GUANG GU+ỪNG= GUNG

ㄩㄝ ㄩㄢ ㄩㄣ ㄩㄥ

GIUYÊ GIUYÊN GIUYN GIU[illegible]

CHÚ Ý .— *Xin xem lại cách đọc 3 chữ I X U (i, u, uy) trong bài trước để phát âm cho trúng với trường hợp nó đứng đầu hay đứng giữa mỗi chữ.*

CÁCH RÁP VẦN

Ráp vần tức là lấy chữ cái với vần đơn hay vần kép hợp mà ghép lại thành một chữ. Muốn vậy phải đặt chữ cái trước rồi đến vần sau :

VÍ DỤ :

Pan = ㄅ ㄢ
pờ + an

Pao = ㄅ ㄠ
pờ + ao

Huây = ㄏ ㄨㄚ
Hờ + u + ây

Chiên = ㄔ ㄧ ㄣ
chi + iên

Xuyên = ㄒ ㄩ ㄢ
Xi + uyên

Khoa = ㄎ ㄨㄚ
Khờ + u + a

Chú ý .— *Ở đây chúng tôi không tiện làm bản kẽm (cliché) để phiên âm hết 24 chữ cái với mấy thứ vần được.*

Các bạn xem cách thức trên lấy đủ hiểu để ráp những chữ khác, vì rất giống vần Việt ngữ của ta. Cũng có mấy vần hơi khác (trong vần kết hợp) vì địa vị của nó nằm trong mỗi chữ mà biến âm, chúng tôi sẽ giải thích trong các bài học sau.

TRANG TÀI LIỆU

MỘT GƯƠNG THIẾU-SINH VIỆT-NAM

Dưới thời Bắc thuộc Lê-Thanh một cậu bé tuổi vừa ra mười hai. Đi học ở tỉnh xa về quê thăm cha mẹ. Bỗng tỏa có tin quan Thái-Thú Tàu đem đại-lội tảo thanh vùng ấy vì ban tình-báo cho hay quân khởi-nghĩa ở Lam-Sơn mới vừa qui-tụ về.

Dầu trong làng lều kinh-hải tìm đường chạy trốn chỉ để lại trẻ nhỏ và người già-nua giữ gìn nhà cửa. Lê-Thanh không chút chi sợ-sệt, cậu ra trước sân đốn cây làm cũi, bình-tĩnh như thường.

Một tiểu-đội nghĩa-quân Việt Nam đi ngang, thấy cậu Lê-Thanh, viên chỉ-huy liền hỏi:

— Em có thấy quân Tàu qua đây không ?

— Dạ con chưa thấy.

— Em có biết leo cây chăng ?

— Lên ngọn cây nầy ? Lê-Thanh vừa nói vừa chỉ cây sao trước ngõ, đó là công việc trong nháy mắt.

— Vậy em leo lên ngọn cây và nhìn ra xa coi quân địch đến gần chưa. Em cố giúp ta và em có muốn gì không ?

— Cậu bé cười lạt và thưa rằng :

— Con chẳng muốn gì cả. Quân Tàu cho vàng con cũng không giúp. Nhưng với quân ta, ... con là thiếu-sanh Việt-Nam kia mà.

— Thế thì tốt lắm. Trèo đi ! Một lát sau, Lê-Thanh đã leo tận ngọn cây, lá che kín chân, chỉ trông thấy ngực.

Viên chỉ-huy bảo to:

— Nhìn thẳng trước mặt và dàng xa xem ! Có thấy gì không ?

— Có hai người cỡi ngựa trên đường.

— Gần hay xa

— Độ một cây số. Họ lừng lại rồi. Phía sau đông quá mà núp cả dưới ruộng lúa

Ngay lúc ấy, một mủi tên bay vút trong không và rơi xuống mái nhà.

Viên chỉ-huy kêu :

Em ! xuống đi ! Họ nhìn thấy em rồi. Xuống ngay đi !

Cậu đáp :

Con không sợ.

— Xuống ! ta bảo xuống kia mà !

Ở bên trái con trông thấy ... một mủi tên thứ nhì vút qua. Cậu Lê-Thanh lộn nhào, trước còn bám vào cây, vào cành, sau buông tay và rơi xuống đất.

Viên chỉ huy lật-lật chạy lại bồng cậu bé lên. Thì ra một mủi tên độc đã ghim vào hông cậu. Một dòng máu nhuộm hồng vạt áo.

Viên chỉ-huy gọi cậu bé;

Em ơi ! em ! Tỉnh dậy em ! Rán tỉnh em ! Tội nghiệp em tôi quá.

Lê-Thanh từ từ mở mắt,— nhìn mọi người. Cậu mỉm cười và hổn hển nói rằng :

Xin ngài ... nói lại với ba má con ... con rất sung-sướng ... làm tròn nhận sự của một thiếu-sanh Việt-Nam...

Rồi cậu tắt thở.

(Trích ở loại sách Giáo khoa)

Leçons particulières
ANGLAIS—FRANÇAIS—SCIENCES MATHÉMATIQUES
Classes secondaires & P. S. Préparation intensive aux divers examens. Méthode classique — Auditions de disques — Linguaphone—Assimil
S'adresser : M. TRÍ-ĐỨC
226, Lagrandière — Saigon

LEÇONS PARTICULIÈRES DE FRANÇAIS POUR TOUTES CLASSES
PAR **NGÔ-T.-HUỲNH**
PROFESSEUR,
252, Quai de Belgique -:- SAIGON

TRANG GIÁO KHOA

VẬT LÝ-HỌC VÀ HÓA-HỌC

của Kỹ-sư LÂM-VĂN-VÃNG

Vật-lý học và Hóa-học thuộc về loại học thuật có hệ thống, có tổ chức do sự quan sát tỉ mỉ các tánh chất thiên nhiên của vật thể.

Hai khoa nầy được sắp chung vào một mà nhà khoa học gọi là «Khoa Lý Hóa học» (sciences physiques), mặc dầu hai khoa có nhiều chỗ khác nhau.

Trong khoa vật lý học, một vật chất có thể tạm thay đổi hình thức trong một thời gian rồi cũng phục hồi nguyên tánh.

Lấy nước làm thí dụ: Bị lạnh (đến độ không) hơi nước sẽ đặc lại thành tuyết (thể đặc) rồi gặp nóng, tuyết sẽ biến ra thành lỏng và thu hồi nguyên tánh của nó, nghĩa là cũng còn dùng để làm vật nuôi sống loài người, loài vật và loài thảo mộc. Dầu thay đổi hình dạng trăm ngàn lần như vậy, nước cũng hườn nước mà tánh chất vẫn còn nguyên vẹn.

Một cục diêm sanh, một khúc chì sau khi đun nóng trên một cái chén, sẽ chảy lỏng, nếu để nguội sẽ đặc trở lại. Nhưng dầu lỏng, dầu đặc, tánh chất của nó không thay đổi chút nào. Hình thể nó chỉ biến trong một lúc mà thôi.

Trái lại, trong môn Hóa-Học, những vật thể thay đổi tánh chất một cách hẳn hòi và bền bỉ mà không bao giờ phục hồi nguyên tánh như trong khoa vật lý-học.

Trở lại mấy thí dụ ở trên; nếu lấy diêm mà đốt ngay ngọn đèn để ngoài trống, diêm vừa chảy lỏng vừa cháy lên ngọn xanh leo lét vừa để xông lên một thứ hơi mùi cay ngạt khó thở. Hơi ấy mất hẳn nguyên tánh của diêm, nghĩa là không còn dùng để làm diêm quẹt, làm thuốc pháo, làm thuốc dán trị ghẻ ngứa và cũng không còn dùng để lưu hóa cao su được nữa (vulcaniser le caoutchouc). Chất mới nầy lạ, có nhiều đặc tánh như khử màu (tơ lụa, rơm rạ dùng làm giấy, nước mía làm đường vân vân...

Bây giờ ta tiếp theo cuộc thí nghiệm với khúc chì. Nếu ta tiếp tục đun nóng thì lần lần ta sẽ thấy đóng trên chì lỏng một lớp bột màu vàng vàng, rồi dùng cây sắt khều bột vàng ấy ra, lớp bột vàng khác sẽ đóng lên. Nếu tiếp tục như vậy, không bao lâu chì sẽ tiêu mất và một thứ bột vàng sẽ thay thế vào mà không còn giữ một tí gì về tánh chất của chì nữa cả, nghĩa là nấu không chảy, hàn không ăn vân vân...

Theo mấy thí dụ kể trên ta thấy vật-lý học vá hóa-học có chỗ dị đồng; nhưng theo sự tiến bộ của khoa học, một khoa học gọi là «Hóa học Lý học» (chimie physique) gồm cả lý-học (physique) và Hóa-học (chimie) như trong công việc phân tích nước bằng luồng điện. Nước sẽ bị tách ra làm hai đơn chất hơi : dưởng khí và khinh khí mà tánh chất khác hẳn với nước đả sanh ra nó.

Mặc dầu có chỗ dị đồng, nhưng hai khoa Lý và Hóa học có nhiều tương quan mật thiết mà nhà khoa học không thể phân tách đặng.

TRANG TÀI LIỆU

TINH-HOA VĂN-HỌC

ĐỨC NGHÈO

Người ta chỉ than nghèo.
Mấy ai đã suy xét về sự nghèo ?
Thế mà nghèo quả có cái gía trị của một đức tốt.
Vì nghèo, mà phải làm lụng, phải vận động, sức được mạnh.
Vì nghèo, mà ăn uống đơn sơ nên ít bệnh; có bệnh cũng dễ chửa.
Đã nghèo thì ăn mặc tầm thường, không vì đồ trang sức mà vương tai nạn; không đến nỗi vì sợ lấm áo mà bỏ mất việc.
Không ai giử nhà tốt bằng nghèo, nghèo không bận trí vì phải canh giử, giấc ngủ không phải cắt đứt vì thức nhắc.
Nghèo thì ít bạn, nhưng được bạn chân thật, bạn của mình, bạn chí mình, chớ không phải bạn của tấm áo quần mình mang.
Nghèo không mất tự-do; chịu thiếu quen thì không sợ người ta đem ăn mặc mà trói buộc mình, bắt mình làm trái với lương tâm mình.
Tiền bạc không bận mình thì đi hay ở là do nơi mình, có thể giử được phẩm-cách người quân-tử : « ăn không cần no, ở không cần yên ».
Nghèo thì gần được « thiên nhiên », sống « thiên nhiên » không bị vật chất làm sai được bản tính. Đã ở dưới quyền vật chất thì yếu sức mình, mà liêm-sỉ cũng khó giử được nữa.
Đi không phải đi xe, ngựa, đi xa không có khó gì ? Ăn không cá thịt, ăn đã không phải là một việc phải lo lắng ; có đủ thời giờ mà suy nghỉ về cái nghĩa đời người. Màn sương đệm cỏ cũng đủ ngủ được, giường chiếu êm ấm có cần gì. Đã biết thế thời lợi không thể đem ra mà cám dỗ được mình, và không thể dùng để sai khiến mình. Mình giử vững được « chí » mạnh được « khí ».
Nghèo quả là một đức.

N. H. *biên dịch.*

TRANG Y - HỌC

Dược-Tánh Trích-Yếu

của bác-sĩ HUỲNH-TẤN-TRỌNG

A-CÔ-TÔN MI-A-LƠ

(Acoqtol - Mialhe)

Trình bày : Thuốc uống từng giọt.

Tánh chất : Thuốc gồm có chất cơ-lô-rô (chloro) bơ-rô-mô (bromo) và mê-ta-nơ (méthane)

Chủ trị : Ho cảm, ho gà, suyễn. Thuốc dễ uống. Không công phạt.

Cách dùng : Uống từng giọt pha với một nửa ly nước.

6 tháng đến 5 tuổi : 15 giọt chia ra từ 2 đến 8 lần mỗi ngày.

5 đến 15 tuổi : 25 giọt chia ra từ 4 đến 8 lần mỗi ngày.

Người lớn : 50 giọt chia ra từ 4 đến 8 lần mỗi ngày.

Uống đủ 2 ve thời bệnh khỏi trở lại. Thuốc ho Acoqtol-Mialhe cũng có thứ chế với nước đường (sirop) có thể viết thơ xin mẫu (échantillon) tại :

Nhà bào chế :

Laboratoires Mialhe

số 8 đường Favart. Paris IIè

AC-TI CAN-XI-ÔNG

(Acti - Calcion)

Trình bày: Thuốc uống từng giọt

Tánh chất : Thuốc pha chế với những chất: Cơ-lô-ruy đơ can-xi-um (chlorure de calcium) Vi-ta-min C (vitamine C) Ec-xi-pi-ăng (Excipient

Chủ trị : bệnh thiếu huyết. Cầm máu. Trừ độc.

Cách dùng: Bệnh thiếu huyết : trung bình 30 giọt mỗi bửa ăn.

Trừ độc và cầm máu: 50 giọt chia ra làm 5 lần trong một ngày.

Thuốc Acti-Calcium pha với rượu chát hay nước hầm mà uống.

Nhà bào chế :

Laboratoires Legrand

số 2 đường Linguet. REIMS.

AC - TI - PHE

(Actifer)

Trình bày: Thuốc làm như cốm hột có chất vani (vanille) thơm và dễ uống.

Tánh chất : Mỗi muỗng café thuốc Actifer gồm có: 0gr.25 pơ-rô-to-xa-lát đơ phe (protoxalate de fer) + cuy-vơ-rơ (cuivre) và măng-ga-ne (manganèse) + phốt phát N A và Mg. (phosphate)

Chủ trị : bệnh thiếu chất bổ trong thân thể, thiếu sinh tố. Trẻ con thiếu huyết, vàng da.

Đàn bà : kinh nguyệt không đều. Bế kinh. Tắt kinh.

Cách dùng : $^1/_2$ cho đến 2 muỗng café mỗi ngày.

Nhà bào chế :

Laboratoires de l'Actifer.

99 đường Courcelles PARIS 18e

CHUYỆN NGẮN CẦN HỌC

NGƯỜI ĐẠO-SĨ Ở MA-THIÊN-LÃNH

của NGUYỄN-VẠN-AN

(Tiếp theo)

Một ngày kia, tới một thung-lũng đồng-bằng, dân cư có phần đông-đúc. Cứ xem những ruộng lúa xanh dờn hương đưa thơm ngát những mục-tử gõ sừng ca hát ngồi trên mình trâu buông từng bước chậm rãi trên con đường mòn quanh co, những lùm khói lam bốc lên trong những gian nhà tranh xinh xắn tỏ ra dân cư ở đây thật đã sống trong cảnh thái bình âu-ca hoan-lạc.

Hai thầy trò lão đạo-sĩ rẽ bước vô trong xóm, kiếm một quán trọ nghỉ. Rồi từ bữa đó, ngày nay sang ngày khác, hai thầy trò lão đạo-sĩ dạo cùng khắp xóm làng, bình-thản như những khách thừa lương. Vẻ mặt thầy thì hoan-lạc như đã sắp toại được ý định gì thầm kín, mà trò thì cũng tỏ hân-hoan được sống giữa những đồng-loại vui vẻ hồn-hậu bù đắp lại những khi cô quạnh ở trên Ma-thiên-lãnh chỉ những núi, rừng, beo cọp.

Ngày lại ngày cứ lãng-du như thế, xem ý ra thì lão đạo-sĩ thường hay dừng bước lại trước những đám thiếu nhi chơi đùa trong xóm mà nét mặt lại thường ra vẻ triền-miên suy-ngẫm tính toán sự gì. Từng cử-chỉ từng nét mặt của trẻ em không hề quan-sát tỷ-mỷ tinh vi của đạo-sĩ.

Ở đây, thấm thoát đã hơn hai tuần, tất cả mọi nơi, cho đến hang cùng ngỏ hẻm, hai thầy trò lão đạo-sĩ đều có đặt vết chân.

Một buổi chiều tà, khi những trẻ mục đồng đã thong thả dắt trâu về xóm đó đây theo gió một vài tiếng sáo vi-vu các đợt khói lam bốc cao lên từ trong các bếp lửa, lão đạo-sĩ vội vã cùng trò thu xếp hành trang lên đường.

Trò hỏi thầy rằng:

— Sao thầy vội lên đường trong khi trời đã xế chiều mà chẳng đợi đến ban mai đi sớm?

Lão đạo-sĩ mỉm cười:

— Ta đã có định kiến, con cứ theo ta.

Mà hình như lão có định kiến gì thật. Lão mải miết dắt trò đi trên một con đường mòn quanh co tiến về xóm đông. Tới một căn nhà nhỏ ở sát bên sườn đồi trà, lão đạo-sĩ bỗng huýt gió lên mấy tiếng bỗng thấy một em gái nhỏ chừng năm, sáu tuổi chạy ra. Thấy đạo-sĩ, em nhỏ thơ ngây tươi cười, hình như em nhỏ và đạo-sĩ đã làm quen với nhau từ hồi nào. Khi em nhỏ tới gần, lão đạo-sĩ rút ở tay áo rộng ra một chiếc khăn tay vung trước mặt em mấy cái, em nhỏ bỗng tự nhiên mắt từ từ nhắm nghiền lại và mê đi bất tỉnh.

Rồi nhanh như một con vượn, lảo đạo -sĩ vụt bế thốc em nhỏ cho vô một cái tay nải mà đạo-sĩ đã đem theo từ trước, rồi lão vác lên vai như người ta vác một bao hành-lý thường. Lão đạo-sĩ cắp luôn trò bên sườn giở thuật phi-hành ra vun-vút băng đi như gió, chỉ trong khoảnh khắc, lão đạo-sĩ đã vượt qua cái thung-lũng đó mà đến khu rừng rậm-rạp.

Mặt trời lúc nầy đã chìm hẳn xuống khuất sau những giặng núi mờ mờ xa xa....Lão đạo-sĩ lúc đó mới dừng bước nghỉ. Lão đặt trò xuống đất, mở tay nải ra, với một cử-chỉ kỳ-dị, lão vung tay áo trước mặt đứa nhỏ đưa ra một mùi thơm thoang-thoảng làm cho đứa nhỏ bỗng choàng mắt bừng tỉnh dậy như sau một cơn mê ngủ.

Coi quanh mình cảnh vật lạ lùng, khác hẳn với những cảnh thường thấy, đứa nhỏ bỗng hòa khóc thét lên kêu gọi cha mẹ nó luôn miệng.

Lão đạo-sĩ mỉm cười, rồi đột nhiên quắc mắt lên nhìn thẳng vào cặp mắt đầy lệ của đứa nhỏ như dùng sức điện thôi-miên mà làm cho đứa nhỏ cũng đột nhiên im bặt tiếng khóc, mặt tươi sáng lên vui-vẻ như lúc ban chiều, mà hình như nhất cử nhất động đều chịu chiều theo sự điều khiển bằng ý-chí tinh thần của lão đạo-sĩ.

Trước cái cảnh ngộ chia-ly, chỉ trong khoảnh-khắc, mẹ lìa con, con lìa cha của đứa nhỏ, tên tiểu đồng tự nhiên động lòng cảm sùc, nó liền tưởng một cách mơ hồ lại cái dĩ-vãng của nó có lẽ cũng ở trong cái hoàn-cảnh tàn-khốc vừa rồi.Nó bùi-ngùi mường-tượng lại trong những thời giờ rảnh rang ở Ma-thiên-Lãnh ngoài sân chùa, đôi mắt u-buồn nhìn vào khoảng xa-xăm như nhớ nhung, như luyến-tiếc một hình ảnh gì mờ-mịt ở tận chân trời thăm-thẳm.

Nhưng đã bao năm gần đây, lòng tu đạo, mê đạo như đã thấm nhuần vào trong huyết-quản, nên chỉ trong khoảnh khắc những tư tưởng hắc-ám nó vẫn vơ ở trong óc tiểu-đồng cũng vụt chốc bị xô đẩy đi, như những đợt sóng xô mạnh vào bờ tỏa lên những bọt trắng xóa rồi lại tan vỡ đi ngay.

Ba cái bóng đen cứ lẳng-lặng đi trong bóng tối như những bóng ma, chẳng ai nói với ai câu gì rồi lần lần khuất rang trong tim rừng cây cao lá râm, lùm cỏ dầy-đặc và cao ngập lúng đầu người...

(*Còn nữa*)

Imprimerie du SUD
(NAM-PHƯƠNG ĂN-QUÁN)
34 đường La Pagode — GIADINH
NHẬN IN SÁCH VỞ, TẠP-CHÍ, CÁC LOẠI CÔNG VÀ TƯ
MAU LẸ — MỸ THUẬT — GIÁ PHẢI CHĂNG

TRANG LỊCH-SỬ— BẮC THUỘC LẦN THỨ HAI

Vì bức tranh vẽ xong mà thiếu mất lời chú-thích của bạn Thiếu-Lăng-Quân nên làm bản kẻm không kịp, số nầy xin cáo lỗi một kỳ. Kể từ số sau sẽ xin tiếp tục như cũ.

ELOQUENCE USUELLE

LÂU NGÀY GẶP BẠN *(Tiếp theo số 4)*

— Chez vous, pour sûr, la vie n'est pas tranquille !

— Vous l'avez dit. Depuis que j'ai abandonné mon travail, je me suis occupé de la culture du riz. Cependant, dans ma région, la guerre continue avec sa désolation : embuscades, opérations de nettoyage ! Nous n'avons plus qu'à nous réfugier au chef-lieu. Un jour, ma femme emmène Lực voir sa grand' mère. En pleine nuit, subitement, une balle venue on ne sait d'où lui traverse le ventre et le lendemain, il expire. A ce moment, ma femme qui était dans la cuisine pouvait échapper à l'accident.

— Aujourd'hui quelles affaire vous fait venir à Saigon. ?

— Je voudrais acheter quelques étoffes et des médicaments.

— Vous vous occupez du «ravitaillement» sans nul doute ?

— Pas de blague ! Là-bas, on manque affreusement ce tissus et de médicaments. On mène une vie pénible. J'achète tout cela par précaution.

— Quand est-ce que vous rentrez ?

— Demain s'il y a le convoi.

— Vous ne vous déplacer pas en barque ?

— Je m'en garderai bien ! Le risque actuellement équivaut à un suicide.

— Dưới anh chắc không bình yên cho lắm.

— Quả thế, anh à. Tôi từ ngày thôi việc đến nay về làm ruộng nhưng ở miệt của tôi cảnh chiến tranh vẫn còn khốc hại, nào du kích, nào bố, khiến chúng tôi phải ra tỉnh ở. Một hôm vợ tôi nó đem thằng Lực về thăm bà ngoại nó, không ngờ nửa đêm đang nằm ngủ bị đạn lạc vào bụng, đến sáng thì nó trút linh hồn. Vợ tôi lúc ấy đang ở nhà sau nên không bị rủi ro.

—Như vậy hôm nay anh lên Saigon có việc gì ?

—Tôi đi kiếm mua một ít hàng vải và thuốc men.

—Chà! anh định đưa về «tiếp tế» hả ?

—Nói bậy nà ! Ở dưới ấy vải sồ thuốc men bị thiếu, chúng tôi sanh sống rất cực nhọc nên mua về để phòng khi cần đó thôi.

—Chừng nào anh trở về ?

— Ngày mai nếu như có đoàn hộ tống.

—Anh không đi bằng ghe ?

—Ai mà dám! Mạo hiểm lúc nầy là một việc thí thân đó.

(Còn nữa)

DANH-SÁCH QUÝ ĐỘC-GIẢ MUA DÀI HẠN

1/	Ông Liên-quang-Hiển, Comptoirs Généraux Saigon	12 th.	200đ.
2/	— Hòa, 29/10 Dr. Angier Saigon	3 »	55đ.
3/	Cô Châu-kim-Huy, dactylographe, 2 Pellerin	3 »	55đ.
4/	Ông Nguyễn-văn-Khiêm, 2 Pellerin	3 »	55đ.
5/	— Nguyễn-văn-Phước, Téléphoniste 2 Pellerin	3 »	55đ.
6/	— Lang, Collège Gialong Saigon	12 »	200đ.
7/	Cô Lâm-thị-Kiều-Nga, 73 Alex. de Rhodes Cholon	3 »	55đ.
8/	Ông Trần-ngọc-Ngà, 11 Rue Bersésio Khánh-hội	3 »	55đ.
9/	Cô Vương-thị-Châu, 18 Gl. Leman Saigon	3 »	55đ.
10/	Ông Nguyễn-văn-Mai, Sở Công-chánh Biênhoà	3 »	65đ.
11/	Cô Ánh c/o Dr. Phong. Hôpital Jean de la Batie	6 »	110đ.
12/	Ông Bường, 30 Massige Saigon	3 »	55đ.
13/	Cô Hạnh c/o, ông Có Shell Saigon	3 »	55đ.
14/	Ông Nguyễn-văn-Cơ Elève dessinateurs Sce. Géog. Dalat	3 »	65đ.
15/	— Trương-văn-Tráng, Phước-đông Cần-đước	3 »	65đ.
16/	Cô Trần-thị-Kim-Sa. 75 Gl. Marchand	3 »	55đ.
17/	Ông Nguyễn-phước-Vinh, Comptable pharmacie J. Mus	6 »	110đ.
18/	— Đặng-văn-Phi, 98 Heurtaux Khánh-hội	6 »	110đ.
19/	— Lưu-ngọc-Thành, 25 Bd. Galliéni Cầnthơ	3 »	65đ.
20/	Cô Thérèse Phan, 352 Richaud prolongée	3 »	55đ.

(Còn tiếp)

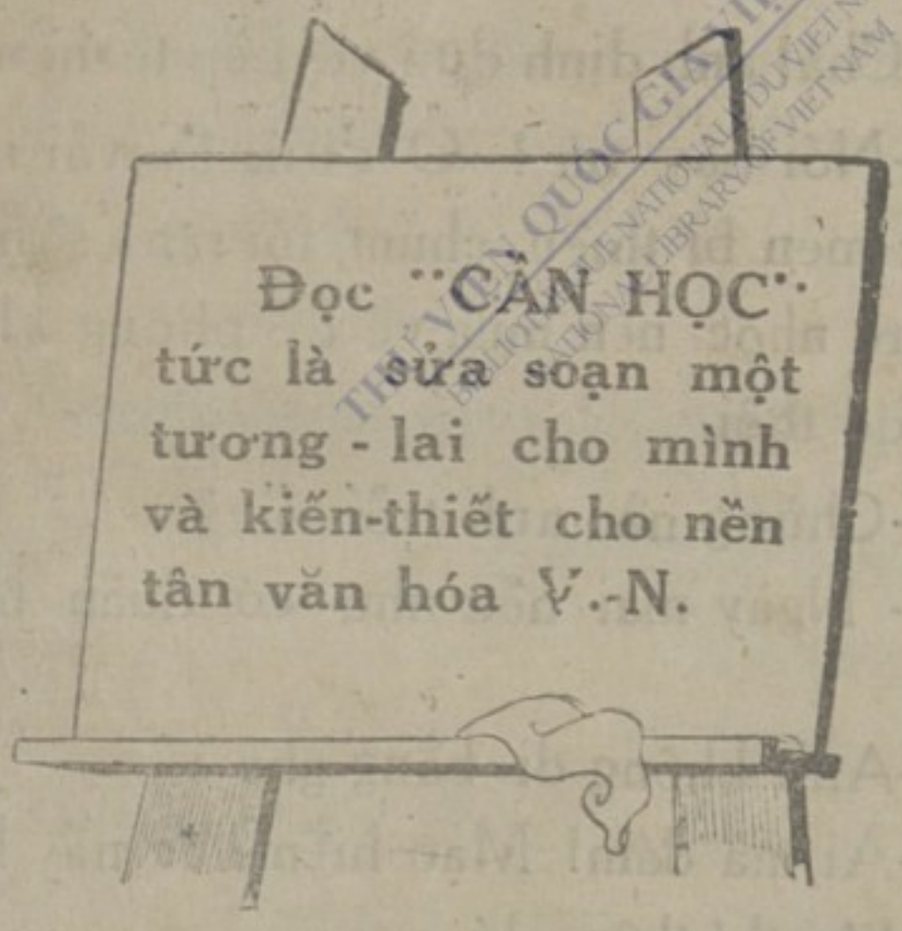

Đọc "CẦN HỌC" tức là sửa soạn một tương-lai cho mình và kiến-thiết cho nền tân văn hóa V.-N.

GIÁ MUA DÀI HẠN

Saigon—Cholon—Giadinh				Lục-tỉnh và Trung Bắc	
12 tháng	*50*	*số*	*200$*	*12 tháng*	*220$*
6 «	*25*	*«*	*110*	*6 «*	*125*
3 «	*12*	*«*	*55*	*3 «*	*65*

Ngân-phiếu xin đề: ông Ngô-văn-Thanh
50 đường Pellerin — Saigon

In tại Imprimerie du Sud
34, đường La Pagode Giadinh

Giấy phép số 98-TXB
Ngày 17/3/50

HỌC ĐỂ PHỤNG SỰ CHÁNH

ÉDITIONS PÉDAGOGIQUES

CẤP HỌC

TẬP VI

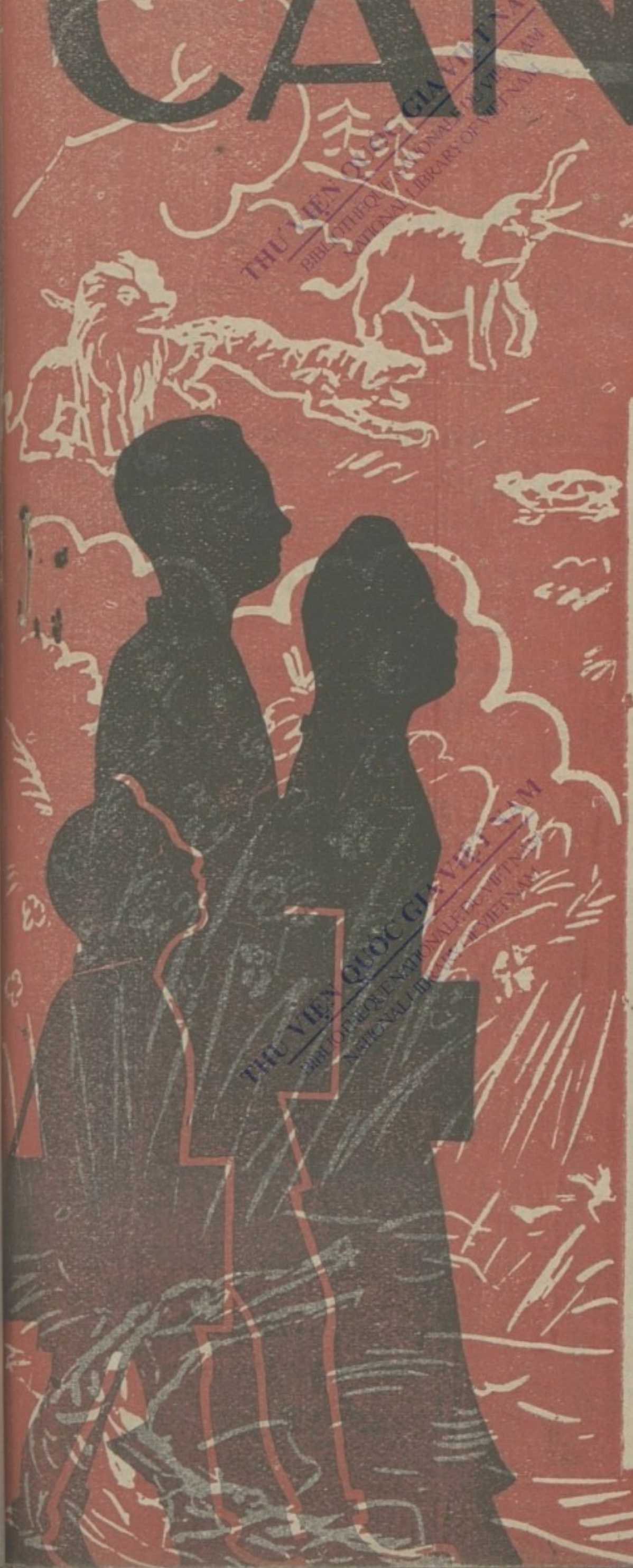

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIỆT-NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIET-NAM

ĐẠI-THANH

TIỆM ĐỜN ĐẠI-THÀNH

166, đường Bourdais — SAIGON

Chủ-Nhơn LÊ-TIẾN-TRIỆU

Mới sang bộ trống « Batterie de jazz de luxe ».
Bán đủ thứ đờn và các nhạc cụ Việt-Pháp.
Bán sỉ và lẻ khắp mọi nơi.
Xin bảo đảm với quý bạn, nếu đờn sai cung phím, không kêu xin trả lại. Mời quí Ngài chiếu cố.

THUỐC BỔ HUYẾT
HUYẾT-TRUNG-BỮU
ĐẠI-QUANG

Bổn dược-phòng có tặng sách thuốc cho mỗi gia-đình nào cho địa-chỉ và gởi theo 0đ 60 tiền cò chúng tôi sẽ gởi đến.

N° 27 Boulevard Tổng-Đốc-Phương

CHOLON

HIỆU NOVA

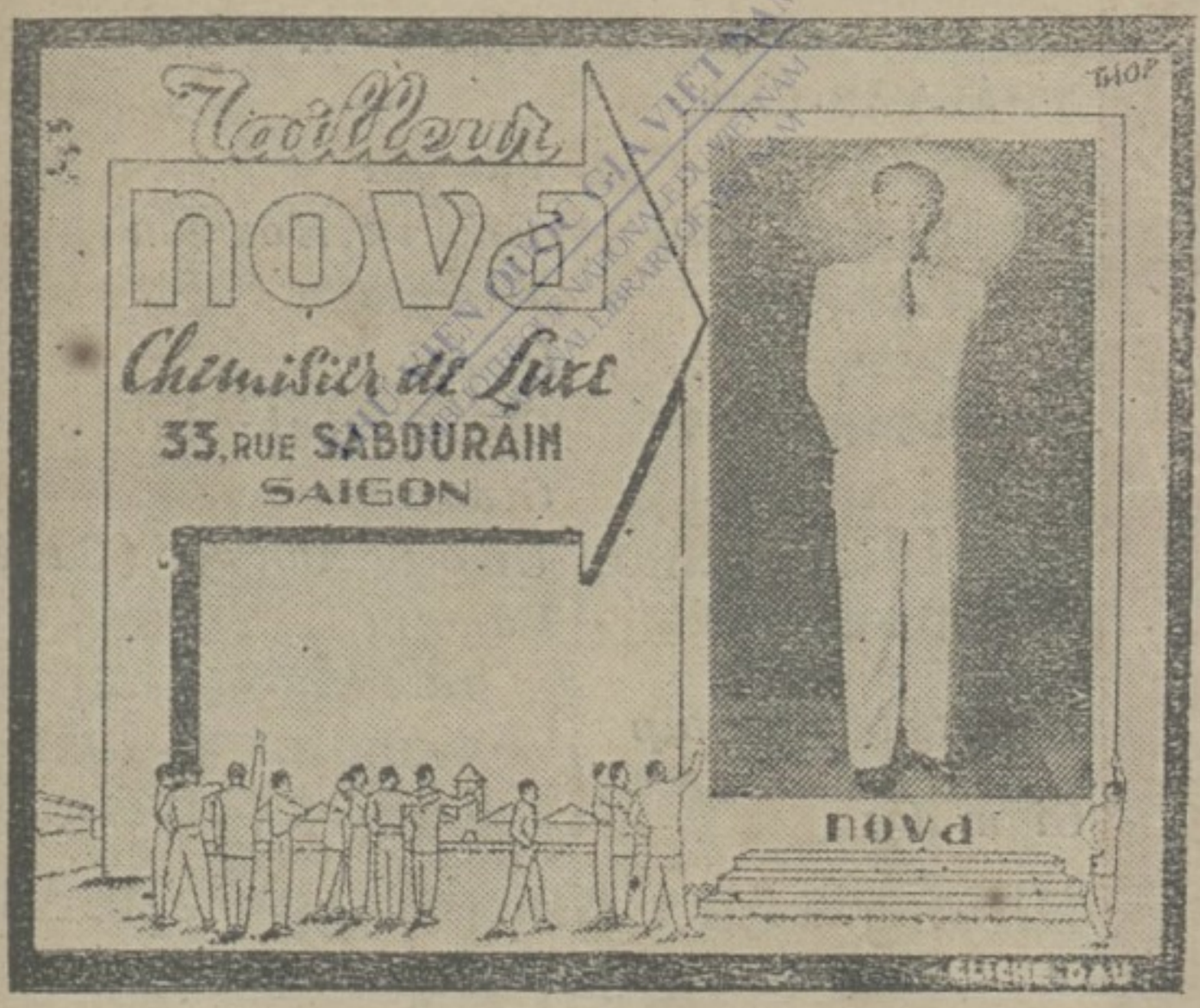

May Âu-phục
và
Chemise
SANG PHẤP VÀ TRONG XỨ
RẤT DANH TIẾNG
KHẮP NƠI.
CÓ NHIỀU HÀNG VẢI ĐẸP
VỪA Ý QUÍ NGÀI

33, ĐƯỜNG SABOURAIN
GẦN CHỢ SAIGON

Giây nói : Cardi, 435

Đời Ta

Đời ta, ta quyết làm cho nó một ý nghĩa.

Ta hảy xem thử gân sức, xem thử gan óc mình, với cái chí mình, liệu có làm được không?

Ta phải sắp sẵn mới được. Phải sắp sẵn để lúc cần ra, lúc có thể làm được, ta phải ra tay và kê vai vào gánh vác việc đời.

« Sắp sẵn những gì ? »

Cái học của ta đã đến bực « biết » chưa ? Lúc tuổi còn thơ đã quen xem xét chưa ? Nếu chưa, bây giờ đã cố bù, cố gở được phần nào ? Bây giờ còn học còn tập nữa thôi, hay cho thế là đủ rồi. Sự học của mình có phải là sự học bền vững không ? Có học cho hiểu, cho biết không ? hay là chỉ khư khư buộc mình vào chỗ cơm gạo ?

Mình có những tài gì ? Đã luyện cho nó quen chưa ? Có tập cho nó cao hơn không ?

Đã nghiêm khắc mà tự xét mình chưa ? Đã xét cho biết người chưa ? Người quanh mình, người cùng nước, cùng thiên hạ.

Đã làm chưa, việc cốt yếu là đọc sử nước nhà, cuốn gia phả qui báu của cha ông để lại. Có ngẫm nghĩ đến việc cũ mới biết những sức đã mầm mống, nuôi ở trong óc, trong lòng mình.

Thế rồi định chí. Việc ấy đã làm chưa ? Tỉnh táo mà xét thẳng thắn, mà xoay cho đúng hướng, chí mình đã định rồi thì mãi miết theo đuổi.

Thân mình khoẻ để làm, học thức nhiều để dùng, tài năng cao để khuôn xếp, nhận xét rỏ để đở lấm. Đó là bao nhiêu tài liệu dùng để đạt được cái chí.

H. Đ. T.

Préparation au C. E. P.

(COURS SUPÉRIEUR ET PERFECTIONNEMENT)

DICTÉE

Travail et Bonheur

Le travail, même un travail pénible, est une source de bonheur lorsqu'on en use avec modération. Nous savons tous comme le temps passe vite quand on est très occupé ; les heures pèsent au contraire aux mains des paresseux.

Le travail chasse les soucis et les petits chagrins de la vie. L'homme occupé n'a pas le temps de rêver et de s'agiter.

Ceci s'applique aux travaux des champs, de l'atelier, des travaux humbles. Ils nous donnent au moins la satisfaction du devoir accompli et la santé, ce précieux bienfait.

QUESTIONS :

1) Expliquez les mots et les expressions suivantes : Un travail pénible, les petits chagrins, satisfaction.

2) Analysez les mots suivants : Champs, devoir.

3) Analysez logiquement : le travail est une source de bonheur. Le temps passe vite quand on est très occupé.

4) Conjuguez le verbe s'agiter au Passé composé et au Subjonctif présent.

RÉPONSES :

1.) **Un travail pénible** : Travail fatigant.

Les petits chagrins : les petites incommodités ou adversités de la vie.

Satisfaction : le contentement.

2,) **Champs** : N. masc. plur. compl. du nom de travaux.

devoir : N. masc. sing. compl. du nom de satisfaction

3.) **Le travail est une source de bonheur** (prop, principale). **Le temps passe vite** (prop. subord. relative, compl. de savons. **quand on est très occupé** (prop. subord, conjonctive, compl, de temps de l'antécédente.

4.) Passé composé

Je me suis agité
Tu t'es —
Il s'est —
Nous nous sommes agités
Vous vous êtes —
Ils se sont —

Subjonctif présent

Que je m'agite
Que tu t'agites
Qu'il s'agite
Que nous nous agitions
Que vous vous agitiez
Qu'ils s'agitent

COMPOSITION FRANÇAISE

SUJET : Une petite souris et une boîte contenant un morceau de fromage.

Plan :

1°) Qu'est-ce qu'elle dit à la souris-mère ?

2°) La souris-mère explique à la petite souris ce qu'est cette jolie boîte.

3°) Comment est-elle prise et morte dans cette boîte ?

4°) Conclusion.

Développement :

Une bonne nuit, une petite souris apergoit une jolie boîte contenant un morceau de fromage.

Elle demande à sa mère : « Maman, dit-elle, là-bas il y a une jolie boîte contenant un morceau de fromage, permets-moi de le goûter.»

La souris-mère, mécontente, prend un air triste et dit : « mon enfant, tu es encore petite et inexpérimentée, tu ne sais pas que cette jolie boîte dont tu me parles est vraiment un piège fait par les hommes pour nous rattraper. Ne sois pas gourmande.»

Mais un moment après, en absence de sa mère, cette petite souris, se laissant à sa curiosité, revient voir la boîte et se dit : « Comme il est bon ! Pourquoi maman ne me permet-elle pas de le goûter ? Ah ! elle m'interdit de toucher cette boîte en vue de la goûter elle-même toute seule.»

Après avoir dit cela, elle n'hésite pas à entrer dans cette boîte. Tout à coup, « boum » la petite souris est prise et tuée d'un seul coup dans cette boîte.

Les autres souris accourent alors vers le cadavre de leur camarade en disant : « cette pauvre souris n'obéit pas à sa mère au point de subir la mort si terrible.»

Devoir proposé

Les recommandations de la souris mère à ses souriceaux. Défiez-vous du chat, mes petits... (description) et craignez ses ruses (les quelles ? — précautions à prendre !)

Problèmes au C. E. P.

I. Un tapis carré de 4,m25 de côté a été bordé avec du ruban à 1,$40 le mètre. A combien revient ce tapis qu'on avait acheté non bordé à raison de 33,$60 le mètre carré ?

Solution :

Surface du tapis : 4,m25 x 2,m25 —18,m^2 0625,

Prix du tapis non bordé : 33 $60 x 18,$m^2$ 0625 = 606,$ 20,

Longueur du ruban : 4.m25 × 4 = 17,m

Prix du ruban : 1,$40 × 17m = 23$80,

Prix de revient du tapis : 606,$20 + 23,$80. 630,$00.

R. Ce tapis bordé a coûté : *630,$00.*

II. Ma maison a 9 fenêtres de chacune 8 carreaux égaux. Chaque carreau a 0,m68 sur 0.m42. Combien paiera-t-on le vitrage de ces fenêtres si le m2 de verre a coûté 26,$25 et la pose 8,$50 par fenêtre ?

Réponse : la dépense totale est de *457,$52*

Toán đố

Về khoảng cây trồng, hay nọc trụ . . . xin nhớ 3 điều sau nầy :

1) Người ta không trồng cây hai, đóng trụ ở hay đầu đường.

2) Người ta trồng cây hai, đóng trụ ở mỗi đầu đường.

3) Người ta trồng cây hai, đóng trụ : 1 cây ở 1 đầu đường, đầu kia không có trồng cây.

I. Dọc con đường người ta trồng 2 hàng cây trên 2 lề đường. Cây nầy cách cây kia 12 thước 25. Trong mỗi hàng cây thì cây đầu đến cây chót đo được 208,th25. Các trò hảy tính coi trên con đường đó người ta trồng được mấy cây ?

Giải pháp :

Số khoảng cây trên mỗi lề đường: 208,th25 : 12,th25 = 17 khoảng.

Số cây trồng trên 2 lề đường : (17 + 1) × 2 = 36 cây.

TRẢ LỜI : Số cây trồng là *36* cây

II. Hai thành cách xa 13 cây số. Sở công chánh trồng 2 hàng cây sao trên 2 lề đường. Mỗi khoảng cây dài 20 thước song không có trồng cây ở hay đầu đường. Hỏi tổn phí tất cả bao nhiêu, nếu mỗi cây giá 4,$45 và tiền công trồng 2,$50 1 cây?

TRẢ LỜI = Tốn chung là *9. 410,$50*

Traduction :

MIDAS CHANGE TOUT EN OR.

Tout ce que touchait Midas devenait aussi ôt de l'or. Il arrache une branche d'un chêne, la branche devient un rameau d'or. Il touche une motte de terre, la motte de terre paraît un lingot. Il coupe des épis jaunissants, c'est une moisson dorée. La joie de l'insensé est immense et ses espérances démesurées. Il se considère comme le plus heureux des hommes.

Bientôt des esclaves dressent une table devant lui. Mais alors, quand il porte les mets à sa bouche, les mets ne sont plus que du métal. Il boit, mais le vin et l'eau coulent comme des flots d'or sur ses lèvres. La faim et la soif le tourmentent. Alors il se voit accablé par son vœu imprudent et demande pardon aux dieux.

Tài Vua Mi-đa đổi vật hóa vàng.

Hễ vật gì mà vua Mi-đa động đến đều trở nên vàng ngay. Ngài bẻ nhánh cây vẽ bột liền hóa ra nhánh lá vàng. Ngài lượm cục đất thì thành khối vàng. Ngài cắt những vé lúa chín đỏ, thì chính đó là một mùa gặt toàn vàng. Vị Vua bất ngoan nầy hết sức vui mừng và đầy hy-vọng vô lường. Ngài cầm mình là người được sung sướng nhất đời.

Bấy giờ mấy đứa tôi mọi dọn sẵn cho Ngài một bữa ăn. Nhưng khi Ngài đưa miếng ăn vào miệng liền hóa ra loại kim. Khi uống thì rượu và nước chảy trên lưỡi ngài khác nào những lượng sóng vàng. Vua Mi-đa phải chịu đói khát hành hà. Nên Ngài thấy mình phải khổ vì sự ước vọng dại dột, bèn xin lỗi các bụt.

LECTURE ET VOCABULAIRE

Mon Ami Tốt

1.— Tout ce qu'on lui demande : canif, crayon, gomme, papier, il vous le prête ou vous le donne toujours de bon cœur.

2.— Pendant la classe, il ne cause jamais, il ne fait jamais aucun bruit. Toujours immobile sur son banc, trop étroit pour lui, on le voit le dos arrondi et la tête dans les épaules. Quand je le regarde, il me sourit des yeux, comme pour me dire : " nous sommes amis, n'est-ce-pas ? Qui ? ".

3.— Le maître regarde Tốt avec bonté, et, chaque fois qu'il passe près de lui, il lui donne sur la joue une petite tape affectueuse. Je l'aime bien, mon ami Tôt. Je suis content de serrer sa grosse main dans la mienne.

E. de Amicis.

(Grands Cœurs, traduction Piazzi, Delagrave, éditeur).

Immobile : Il reste assis sur son banc sans se bouger.

Trop étroit : Il occupe une petite place.

Le dos arrondi : le dos courbé, la tête inclinée, les yeux fixés sur la table.

Il me sourit des yeux : Il me regarde avec des yeux grands ouverts et joyeux.

Grosse main ; Main d'un travailleur.

LE FRANÇAIS AU PREMIER DEGRÈ

(Première et Deuxième Année)

Dictée

Coucher de soleil

Le soleil descendait. Derrière les collines, une large tâche d'or fauve gagna le bleu du ciel, et tous les feux roux du couchant, tous les feuillages naissants s'incendiaient. On eût dit que, très loin, une forêt géante brûlait, jetant les reflets sur le ciel. A chaque seconde, cette splendeur changeait. Aux ors des nuées succédaient des rouges étincelants. . . Une fusée de rayons passa sur la plaine, promenant sa traînée éblouissante. Un coup de vent encore secoua d'en frisson les arbres. Le soleil avait disparu.

E. ESTAUNIÉ.

Questions

1.— Remplacez **descendait** dans la première phrase par un autre verbe sans changer le sens.

2.— Donnez des mots de la même famille de **arbre.**

3. Quelle est la différence entre **l'aube** et **l'aurore** ?

4.— Donnez des adjectifs convenant au soleil d'eté.

5.— Expliquez : **le soleil descendait; or fauve ; tous les feuillages naissants s'incendiaient ; une fusée de rayons.**

6.— Relevez les prépositions du texte et donnez leur fonction.

7.— Donnez avec leur nature les propositions de la deuxième phrase

8.— Donnez la fonction de : **le bleu (du ciel) ; que très loin une forêt géante brûlait ; aux ors (des nuées) ; des rouges étincelants.**

9.— Qu'est ce qui fait la richesse de cette description ?

10.— A quoi l'auteur compare-t-il la forêt éclairée par le soleil ?

Réponses

1'— Le soleil se couchait, ou le soleil disparaissait.

2.— Les mots de la même famille de **Arbre : arbuste, arbrisseau, arboriculture, arboriculteur, arboriser, arborer.**

3.— **Aube :** (du latin alba = blanc): le premier blanchissement de l'horizon au point du jour. **Aurore** : (du latin aurora = or): lueur d'un jaune doré qui précède le lever du soleil.

4. – Les adjectifs convenant au soleil d'été : soleil ardent ; soleil éblouissant : soleil d'été : soleil brûlant.

5. — **Le soleil descendait :** expression qui indique que le soleil baissait à l'horizon, il allait disparaître — **Or fauve** ; or d'un brun roux, couleur de blés fauves. **Tous les feuillages naissants s'incendiaient** ; les feuilles touchées par les rayons du soleil couchant donnaient l'impression d'un vaste incendie. **Une fusée de rayons :** Une gerbe de rayons, un jet de rayons.

6. — Les prépositions du texte :

Derrière : marque un rapport de lieu ; **– d'** : marque un rapport de matière ; — **Sur** : Marque un rapport de lieu ; **A** : marque un rapport de temps ; **De** : marque un rapport de provenance. **Sur** : marque un rapport de lieu. **De** : marque un rapport de provenance ; **De** : marque un rapport de manière .

7. — Deux propositions : 1. — Derrière les collines, une large tache d'or fauve gagna le bleu du ciel **(proposition indépendante)** 2. **et** tous les feux roux du couchant, tous les feuillages naissants s'incendiaient **(proposition indépendante coordonnée),**

8. — **Le bleu (du ciel)** : complément direct d'objet de gagna.

Que très loin une forêt géante brûlait : Complément direct d'objet de on eût dit :

Aux ors (des nuées) Complément indirect d'objet de succédaient,

des rouges étincelants ; sujet de succédaient.

9. – Ce qui fait la richesse de cette description, ce sont les effets de couleur si savamment combinés par l'auteur pour faire ressortir la féerie du soleil couchant.

10. — L'auteur compare la forêt à un immense incendie.

Leçon particulières
ANGLAIS—FRANÇAIS— SCIENCES MATHÉMATIQUES

Classes secondaires & P. S. Préparation intensive aux divers examens. Méthode classique — Auditions de disques — Linguaphone — Assimil

S'adresser : M. TRÍ-ĐỨC
226, *Lagrandière-Saigon*

LEÇONS PARTICULIÈRES
DE FRANÇAIS POUR
TOUTES CLASSES
PAR NGÔ-T-HUỲNH
PROFESSEUR
252, Quai de Belgique - SAÏGON

Cours de Mathématiques

Problème d'Arithmétique

1er DEGRÉ : 1ère & 2ème ANNÉE

Un ouvier fait le $\frac{1}{4}$ d'un ouvrage en 5 jours, un deuxième ouvrier fait les $\frac{2}{5}$ du reste en 12 jours. Combien les 2 ouvriers, travaillant ensemble, mettront-ils de jours pour achever l'ouvrage ? Le premier ouvier a touché 396fr pour son ravail ; quelle somme touchera le second ouvrier, sachant que, pour chacun d'eux, le prix de la journée est le même ?

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIỆT NAM NATIONAL LIBRARY OF VIỆT NAM

Solution.

Le 1er ouvrier fait $\frac{1}{4}$ d'un ouvrage en 5 jours ; donc, en 1 jour, il peut faire :

$$\frac{1}{4\times5} = \frac{1}{20}$$ de l'ouvrage.

Le 2ème ouvrier fait les $\frac{2}{5}$ des $\frac{3}{4}$ (reste de l'ouvrage) ou : $\frac{2}{5} \times \frac{3}{4} = \frac{6}{20}$ de l'ouvrage en 12 jours.

Donc, en 1 jour, il peut faire :

$$\frac{6}{20\times12} = \frac{6}{240} = \boxed{\frac{1}{40}}$$ de l'ouvrage.

Ensemble ils font en 1 jour :

$$\frac{1}{20} + \frac{1}{40} = \frac{3}{40}$$ de l'ouvrage

Les 2 ouvriers ont déjà fait :

$$\frac{1}{4} + \frac{6}{20} = \frac{11}{20}$$ de l'ouvrage.

Donc, il reste à faire :

$$\frac{20}{20} - \frac{11}{20} = \frac{9}{20}$$ de l'ouvrage.

Pour achever l'ouvrage, ils mettront :

$$\frac{9}{20} : \frac{3}{40} = \boxed{6 \text{ jours}}$$

Le 1er ouvrier a travaillé pendant 5 + 6 = 11 jours, et il a touché 396 fr.

Le 2ème, qui a travaillé pendant 12 + 6 = 18 Jours, touchera :

$$\frac{396\times18}{11} = \boxed{648 \text{ fr.}}$$

Arithmétique

Problèmes proposés

Problème I. — Deux ouvriers de force inégale travaillent à un ouvrage qu'ils peuvent faire ensemble en 15 jours. Ils travaillent ensemble pendant 6 jours puis l'un d'eux tombe malade et l'autre achève tout seul l'ouvrage en 30 jours.

Combien chacun d'eux, travaillant seul, aurait-il mis de temps pour faire l'ouvrage en entier ?

Réponse : 21 jours $\frac{3}{7}$

Problème II. — Un ouvrier a fait un certain ouvrage en 4 jours en travaillant 9 heures par jour. Un second ouvrier a fait le même travail en 8 jours en travaillant 6 heures par jour. Un 3ème ouvrier a mis 12 jours en travaillant 5 heures par jour.

On demande en combien d'heures ce travail sera fait, si tous les ouvriers travaillent ensemble ?

Réponse : 15 heures $\frac{15}{47}$

PREMIER DEGRÉ

Lecture Expliquée

Le plaidoyer de Don Diègue

(LE CID, ACTE II, SCÈNE 8, VERS 697-732)

Les mots et les expressions

Digne d'envie = heureux

Apprête = prépare

Généreux = nobles

Carrière = vie, métier.

Qu'on est digne... malheureux = Quel bonheur pour les hommes courageux de mourir au seuil de la vieillesse !

Travaux = exploits militaires

Pour avoir trop vécu = rien que parce que je suis vieux (chỉ vì già yếu.)

Affront = humiliation

Embuscade = phục kích

Aragon, Grenade = villes voisines et rivales de la Castille

Envieux = jaloux

Fier... l'âge = le Comte profite de ma faiblesse pour m'humilier.

Harnais = équipement de l'homme d'armes.

Ces cheveux... harnais = J'ai passé toute ma vie à faire la guerre. Aujourd'hui, on dit d'un homme expérimenté dans un métier qu'il est blanchi sous le harnais (lảo luyện trong nghề).

Chargés d'infamie = pleins de honte, d'humiliation.

Descendaient... infamie = je serais mort dans la honte si...

Ressentiment = haine, colère.

L'éclat de la tempête = la fureur de la colère, la punition

Faillir = tomber en faute

Débats = discussions (bàn cải).

Ce qui fait nos débats = le sujet de notre discussion. (Vấn đề đang bàn cải).

Immoler = sacrifier.

Chef = tête.

Immolez... ravir = tuez moi, Si vous ne me tuez pas, je mourrai bientôt de vieillesse.

Aux dépens... Chimène = hảy đổ máu tôi ra đặng thỏa mãn yêu cầu của Chimène.

Peine = châtiment.

Murmurer = se plaindre, protester.

Rigoureux = sévère

Décret = ordre

Les idées.— Eloquent plaidoyer de Don Diègue en faveur de son fils. Il démontre avec habileté que le soufflet que lui a donné le Comte est un crime impardonnable, que le meurtre du Comte par Rodrigue n'est pas un crime, mais une vengeance légitime, que, si crime il y a, lui seul est coupable puisqu'il est l'instigateur, tandis que son fils n'est que l'exécuteur fidèle de ses ordres.

1·) La faiblesse est un tort.

Le vieillard commence son plaidoyer par une exclamation d'une amère ironie : c'est un bonheur inestimable de ne pas survivre à la vigueur de sa jeunesse.

Les hommes au cœur noble, les héros doivent souhaiter de mourir au bout de leur carrière pour ne pas s'exposer, étant donné leur impuissance à se défendre, aux pires humiliations. Remarque générale d'une triste vérité à laquelle son cas personnel va donner tout son éclat. Ses glorieux exploits passés ne l'empêchent pas de subir aujourd'hui un terrible affront. La vieillesse est son seul tort. Le vieillard a réussi ainsi à susciter la piété pour son sort et l'indignation contre l'auteur d'une telle insolence. Arguments sentimentaux, si l'on veut, mais arguments éloquents pour démontrer l'audace, la gravité, l'ignominie du geste du Comte.

2·) Le geste criminel du Comte,

Geste d'une témérité impardonnable, puisqu'il humilie publiquement un homme que les hasards de la guerre, la haine des ennemis du roi et de ses propres ennemis surent honorer. Cette arrogance inexcusable du Comte est mise vivement en lumière dans l'énergique accusation du vers : «Le comte en votre cour l'a fait presque à vos yeux», qui note toutes les circonstances aggravantes. Plus encore, ce geste est une désobéissance, une révolte contre le choix du roi. Enfin, ce geste est une bassesse, une lâcheté ironie puisque le Comte abuse de sa force un vieillard incapable de se défendre. Arrogance, insubordination, lâcheté, telles sont les horreurs du crime de Gormas.

3.) Vengeance et non pas crime,

Le crime du Comte appelle vengeance. Rodrigue se charge de cette vengeance. Son geste est un exploit digne d'admiration. Il est un héros qui venge son père ; il n'est pas un assassin. Le rythme tranchant, martelé des vers 717-718. affirme avec force la légitimité de la vengeance et la nullité des accusations de Chimène.

4.) Le coupable, c'est l'instigateur

Cependant, il ne fuit pas le châtiment, si on le juge digne du châtiment. Don Diègue qui a toute sa vie le culte de l'honneur, ne demande pas mieux que de mourir une fois qu'il l'a recouvré. C'est pourquoi il démontre qu'il est seul conpable. Il démontre aussi qu'il est d'utilité publique d'épargner l'homme qui peut servir et de condamner un vieillard que déjà la tombe réclame. Le plaidoyer s'ouvre et se termine par un même souhait : mourir dans l'honneur, mourir sans déshonneur.

Ngô Tấn Huỳnh

EXAMENS & CONCOURS

PROGRAMME LIMITATIF
de l'Examen du D.E.P.S.I.

POUR L'ANNÉE SCOLAIRE 1949-1950

AUTEURS FRANÇAIS

Racine : Andromaque
Corneille : Horace
Molière : Les femmes savantes
Al. Daudet : Lettres de Mon Moulin
Lamartine: L'isolement — Le vallon — Milly (préambule)
Victor Hugo : L'enfant — Océano Nox — Le semeur.

MORALE

Programme de 4e année

EDUCATION CIVIQUE

Programme de 3e année (Notions d'économie politique)
— de 4e — (Notions de droit civil (droit local)

HISTOIRE

Programme de 4e année seulement pour l'écrit
— de 3e — et de 4è année pour l'oral

GEOGRAPHIE

Pour l'écrit : l'Asie physique, économique, l'Inde, la Chine, le Japon, la Birmanie, le Siam, les Indes néerlandaises.

Pour l'oral, même programme que pour l'écrit plus programme de 3e année

MATHEMATIQUES

Programme de 3e année et 4e année
(écrit et oral) moins la géométrie dans l'espace.

SCIENCES PHYSIQUES

Pour l'écrit : programme de 4e année moins l'acoustique et l'optique.

Pour l'oral : même programme que pour l'écrit plus programme de 3e année

SCIENCES NATURELLES

Programme de 3e année et de 4e année (l'anatomie et la physiologie humaine, l'hygiène individuelle)

LANGUE VIETNAMIENNE

Cung oan ngâm khuc et Kim-van-Kiêu.

Deuxième degré

COMPOSITION FRANÇAISE

SUJET

La Bruyère disait de l'égoïste : «Gnathon ne vit que pour soi, il ne connaît de maux que les siens », Montrez qu'à la source de toutes les mauvaises actions, de toutes les capitulations de conscience, de tous les vices, est l'égoïsme.

Indications

Prenons comme exemple un vol : supposons qu'un élève vole un stylo à un camarade. Evidemment les mobiles du vol sont nombreux : désir violent, avarice, plaisir de nuire et les circonstances pèsent aussi dans la détermination. Un peu de réflexion nous permet de distinguer la part prépondérante de l'égoisme. Quand l'élève commet le vol, sûrement il ne doit penser qu'aux avantages de la posession du stylo. Il écrira vite ; il ne s'encombrera plus de plume, de porte-plume, d'encrier. Il ne pense qu'a lui. Il ne pense nullement au chagrin du propriétaire malheureux, à son désespoir aux soupçons qu'il ne manquera pas de porter sur des innocents. Si on a le courage de voler, de priver quelqu'un de la jouissance d'un bien qui lui appartient de droit, c'est qu'on ne s'embarrasse du malheur que l'on cause à celui qu'on dérobe. Et cela, parce qu'on ne pense qu'à soi.

Prenons un autre exemple ; une trahison. Pourquoi trahit-on ses amis? Sinon parce que la fidélité à l'amitié demande trop de sacrifice, de renoncement Elle exige par exemple qu'on soit solidaire, la solidarité dût-elle nous coûter. On cesse d'être avec ses amis, parce qu'on veut goûter seul un bien-être qui doit être à tous, jouir seul d'une faveur qui doit revenir à tous. On cesse d'être avec ses amis parce qu'on pense trop à soi et pas assez aux autres. On ne considère que son bonheur, on ignore la souffrance des autres. La trahison comme toute capitulation de conscience est un produit de l'égoisme.

Pour les mêmes raisons, un ivrogne est un égoïste. Mais pourquoi ? Quand il prend son premier verre, il ne pense qu'à à sa propre jouissance, qu'à sa propre griserie. Il ignore, ou il veut ignorer qu'il n'a pas le droit de gâter son foie, de compromettre sa santé, et son avenir. Il ne pense pas au désespoir de sa femme, au déshonneur de son nom, à l'avenir de ses enfants.

Il se peut qu'on tue vengeance, qu'on vole par convoitise, qu'on trahit par bassesse, qu'on s'enivre ou qu'on se livre à la débauche par sensualité. Mais au fond, on commet une mauvaise action surtout par égoïsme.

MATHÉMATIQUES

GÉOMÉTRIE

LIEUX GÉOMETRIQUES. (SUITE)

PROBLÈME I.— Deux cercles O et O' tangents extérieurement ont pour rayons respectifs O T = 3dm, et O'T = 1 dm. Par le point de tangence T on mène deux cordes perpendiculaires, T M dans le cercle O, TN dans le cercle O', et on joint MN.

1°) TT' étant la tangente commune aux 2 cercles, comparer d'une part les angles MOT et MTT' et, d'autre part, les angles NO'T et NTT'. Montrer que les 2 rayons OM et O'N sont parallèles.

2°) La droite MN coupe la ligne des centres en I. Calculer O'I et OI. En conclure que la position du point I ne dépend pas de celle des points M et N.

3°) Par le milieu P de MN, on mène PC parallèle à O M, et O'N qui coupe la ligne des centres en C. Montrer que, quelle que soit la position de l'angle droit MTN, le point C est fixe et la longueur C P constante. Quel est le lieu du point P, lorsque l'angle M T N pivote autour de son sommet ?

4°) On donne MN = 2l. Calculer IN, IM. Comment déterminera-t-on les points M et N ? Entre quelles limites peut varier l pour que le problème soit possible ?

(B. E.)

Solution

1°) *a*) **Comparons $\widehat{MOT}$ et $\widehat{MTT'}$; ensuite $\widehat{NO'T}$ et $\widehat{NTT'}$;**

Nous pouvons écrire successivement :

$\widehat{MOT}$ = mesure arc MT = 2 $\widehat{MTT'}$ (1)

$\widehat{NO'T}$ = mesure arc NT = 2 $\widehat{NTT'}$ (2)

b) **Montrons que rayons O M et O' N sont parallèles ;**

Additionnons membre à membre les relations (1) et (2) :

$\widehat{MOT} + \widehat{NO'T} = 2(\widehat{MTT'} + \widehat{NTT'}) = 2\widehat{MTN}$.

ou : $\widehat{MOT} + \widehat{NO'T} = 2$ droits.

Cette dernière relation montre que les rayons O M et O' N sont parallèles, car ils forment avec **O O'** deux angles intérieurs d'un même côté supplémentaires.

2·) Calculons O' I et O I :

a) Puisque O M et O'N sont parallèles, appliquons les propriétés des figures semblables, et nous avons ;

$$\frac{0'I}{0I} = \frac{O'N}{O\,M} = \frac{1}{3}$$

ou ; $\frac{0'I}{0I - 0'I} = \frac{1}{3-1}$

ou encore : $\frac{0'I}{00'} = \frac{1}{2}$; $\frac{0'I}{4} = \frac{1}{2}$

d'où : $0'I = \frac{4}{2} = \boxed{2\text{ dm}}$

b)

$$0I = 00' + 0'I$$

$$0I = 4 + 2 = \boxed{6\text{ dm}}$$

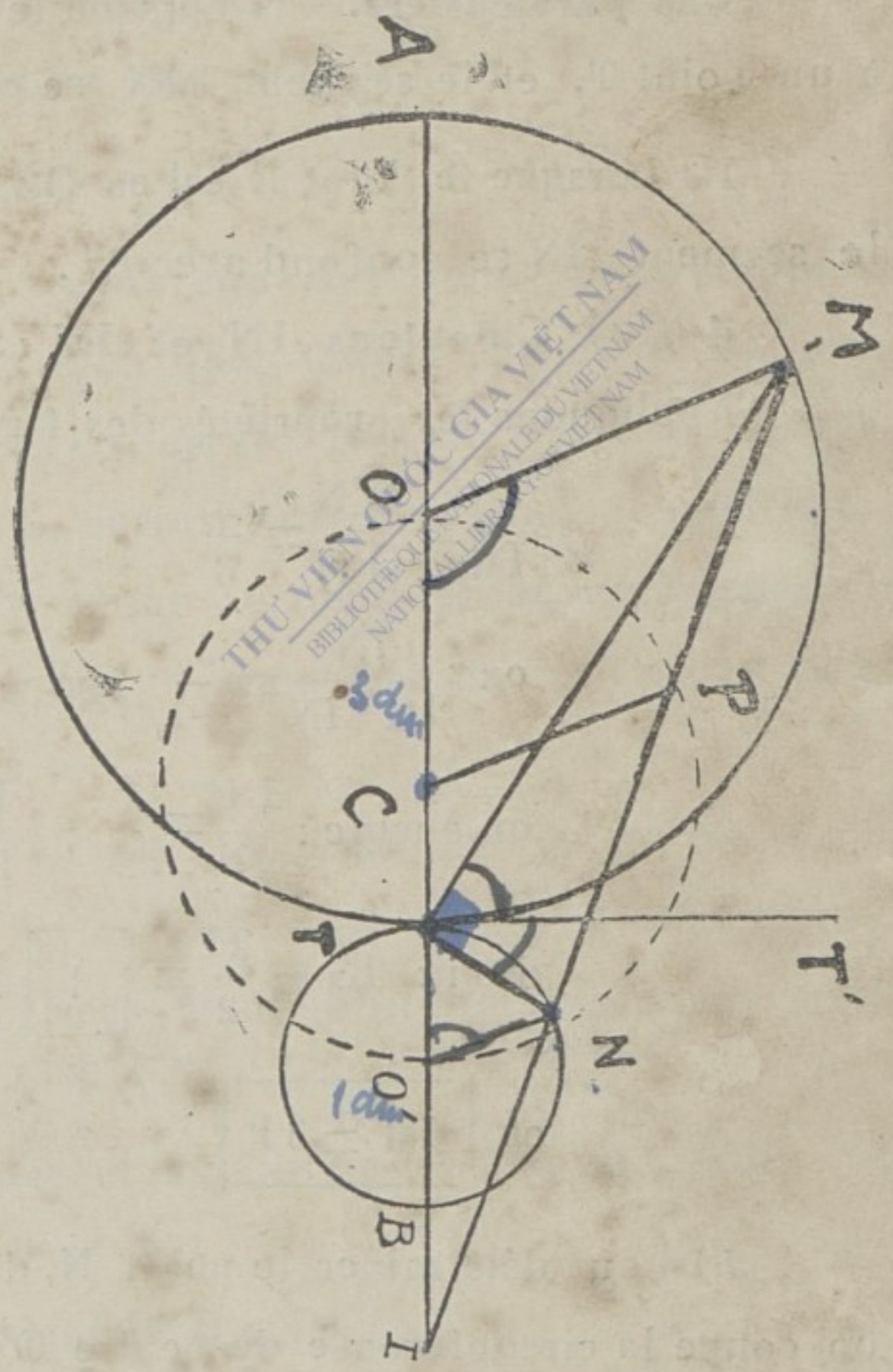

c) D'après les résultats précédents, nous voyons que I est un point bien déterminé et indépendant de la position de M N.

3) *a)* Les parallèles O M, P C, O' N qui déterminent des segments égaux sur la droite M N, déterminent aussi des segments égaux sur O O' ; donc : C O = C O'.

Ainsi, le point C, milieu de O O', est un point fixe.

b) C P est la base moyenne du trapèze O M O' N. Nous avons donc :

$$C\,P = \frac{O\,M + O'N}{2} = \frac{3+1}{2} = 2\text{ dm}$$

Puisque O M et O' N sont constantes, donc C P est aussi une longueur constante.

c) Lorsque l'angle droit M T N pivote autour de son sommet T, le point P décrit la circonférence de centre C, et de rayon C P = 2 dm.

Donc : le lieu géométrique du point P est la circonférence de centre C et de rayon $CP = 2dm$.

Cas particuliers.— I) Lorsque le point P est en O, la corde TN est réduite à un point T, et le segment MN se confond avec A T.

II) Lorsque le point P est en O', la corde TM se réduit à un point T, et le segment MN se confond avec BT.

4·) *a)* **Calculons IN et IM :**

Appliquons les propriétés des figures semblables, et nous avons :

$$\frac{IN}{IM} = \frac{O'N}{OM} = \frac{1}{3}$$

ou : $$\frac{IN}{IM - IN} = \frac{1}{3-1}$$

ou encore : $$\frac{IN}{MN} = \frac{1}{2} \; ; \quad \frac{IN}{2l} = \frac{1}{2}$$

d'ou : $IN = \frac{2l}{2} = \boxed{l}$

et $\boxed{IM = 3l}$

b) Pour déterminer le point N, de I comme centre, avec un rayon $= l$, on coupe la circonférence de centre O' : le point d'intersection est le point N demandé.

Pour déterminer le point M, on mène le rayon O M parallèle à O' N

c) Le problème sera possible si l'on a :

$$IB < l < IT$$

ou : $1\,dm < l < 3\,dm$.

Problème II.— Soit ABC un triangle rectangle inscrit dans une circonférence de centre O. Le sommet A de l'angle droit est mobile sur le demi-cercle B A C.

1°) Montrer que les bissectrices intérieure et extérieure de l'angle A coupent le cercle en 2 points fixes.

2°) Lieu du milieu de A C.

3°) Lieu du point de concours des médianes de A B C.

4° Lieu du centre I du cercle inscrit à A B C.

5° La bissectrice intérieure de l'angle B et la bissectrice extérieure de l'angle C se coupent en M. Prouver que $\widehat{BMC} = 45°$. En déduire le lieu du centre M du cercle exinscrit dans l'angle B

Solution

Quelques indications pour la recherche des lieux géométriques. Pour trouver le lieu demandé, notons bien que, d'après l'énoncé du problème, le sommet A se déplace sur le demi-cercle B A C. Donc, à chaque position de A sur le demi-cercle B A C, correspond une figure géométrique, et, par suite, aux diverses positions de A sur ce demi-cercle, correspondent un certain nombre de figures géométriques. L'ensemble de ces figures nous donneront une idée du lieu demandé

1) La bissectrice intérieure de l'angle A passe par le milieu P de l'arc $\overset{\frown}{BNC}$.

L'angle formé par les 2 bissectrices étant droit, la bissectrice extérieure passe par le milieu P' de l'arc $\overset{\frown}{BAC}$.

Ainsi, les 2 bissectrices intérieure et extérieure de l'angle droit

A passe par les 2 points fixes P et P'.

2) Soit E le milieu de A C. Joignons O et E.

O a : $\widehat{OEC} =$ 1 droit. Donc, le lieu géométrique de E, milieu de A C, est le demi-cercle de diamètre O C.

3) Le lieu du point de concours des médianes de A B C est le cercle de centre O, et de rayon $\frac{OA}{3} = \frac{R}{3}$ (car ce point de concours des médianes est situé aux deux tiers de chacune d'elles à partir du sommet).

4) Le centre I du cercle inscrit au triangle A B C est le point de concours des bissectrices intérieures de ce triangle.

ous avons toujours :

$$\widehat{BIC} = 180° - \frac{\widehat{B} + \widehat{C}}{2} = 180° - \frac{90°}{2} = 135°.$$

Le lieu du point I est l'arc capable de l'angle de 135° décrit sur B C comme corde. Il a son centre en P,

5° *a)* Nous avons donc le triangle B M C :

$$\widehat{B\,M\,C} = 180° - \left(\frac{\widehat{B}}{2} + \widehat{C} + \widehat{C1} \right) \quad (1)$$

Or, nous savons que l'angle extérieur d'un triangle est égal à la somme des angles intérieurs non adjacents. Donc :

Angle extérieur

$\widehat{F\,C\,A} = \widehat{A} + \widehat{B}$

ou $\widehat{C2} + \widehat{C1} = \widehat{A} + \widehat{B}$

Mais $\widehat{C2} = \widehat{C1}$, donc :

$2\,\widehat{C1} = \widehat{A} + \widehat{B}$

d'où : $\widehat{C1} = \dfrac{\widehat{A} + \widehat{B}}{2}$

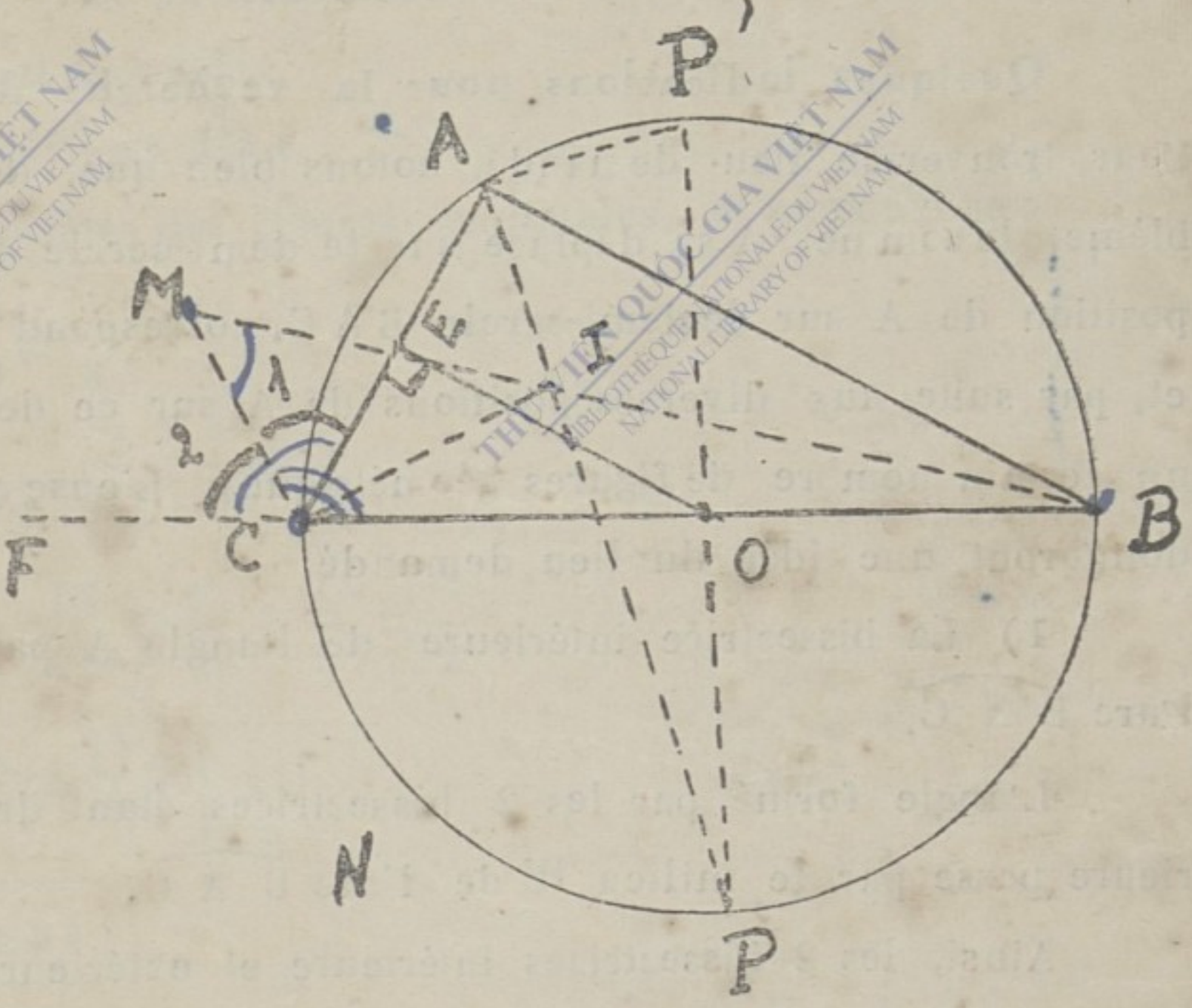

Portons la valeur de C dans la relation (1), et nous avons :

$$\widehat{B\,M\,C} = 180° - \left(\frac{\widehat{B}}{2} + \widehat{C} + \frac{\widehat{A} + \widehat{B}}{2} \right) = 180° - \left(B + C + \frac{\widehat{A}}{2} \right) =$$

$180° - (90° + 45°)$.

Donc : $\boxed{\widehat{B\,M\,C} = 45°}$

b) Le lieu du point M est l'arc capable de l'angle de 45° décrit sur B C comme corde. Le centre se trouve en P'.

TẬP CẦN HỌC

Có ích cho ta, cho bạn ta và con cháu ta về sau. Nếu đóng lại và để dành kỹ lưỡng cũng như có một ông giáo trong nhà.

Algèbre

Fonctions du 1er degré (suite)

Résoudre graphiquement les inégalités suivantes :

$$1°)\ \frac{x}{3} - \frac{1}{2} > 2 \quad ; \quad 2°)\ \frac{2x}{3} + 5 < 3.$$

SOLUTION

1°) Nous pouvons écrire:

$$\frac{x}{3} - \frac{1}{2} - 2 > 0$$

ou : $\frac{x}{3} - \frac{5}{2} > 0$

Construisons la droite représentative de la fonction : $y1 = \frac{x}{3} - \frac{5}{2}$

— Pour $x = 0$, $y = -\frac{5}{2}$

Nous obtenons le point A d'abscisse $x = 0$, et d'ordonnée $y = \frac{5}{2}$

— Pour $y = 0$, $x = \frac{15}{2}$

Nous obtenons le point B d'abscisse $x = 0$, et d'ordonnée $y = \frac{15}{2}$

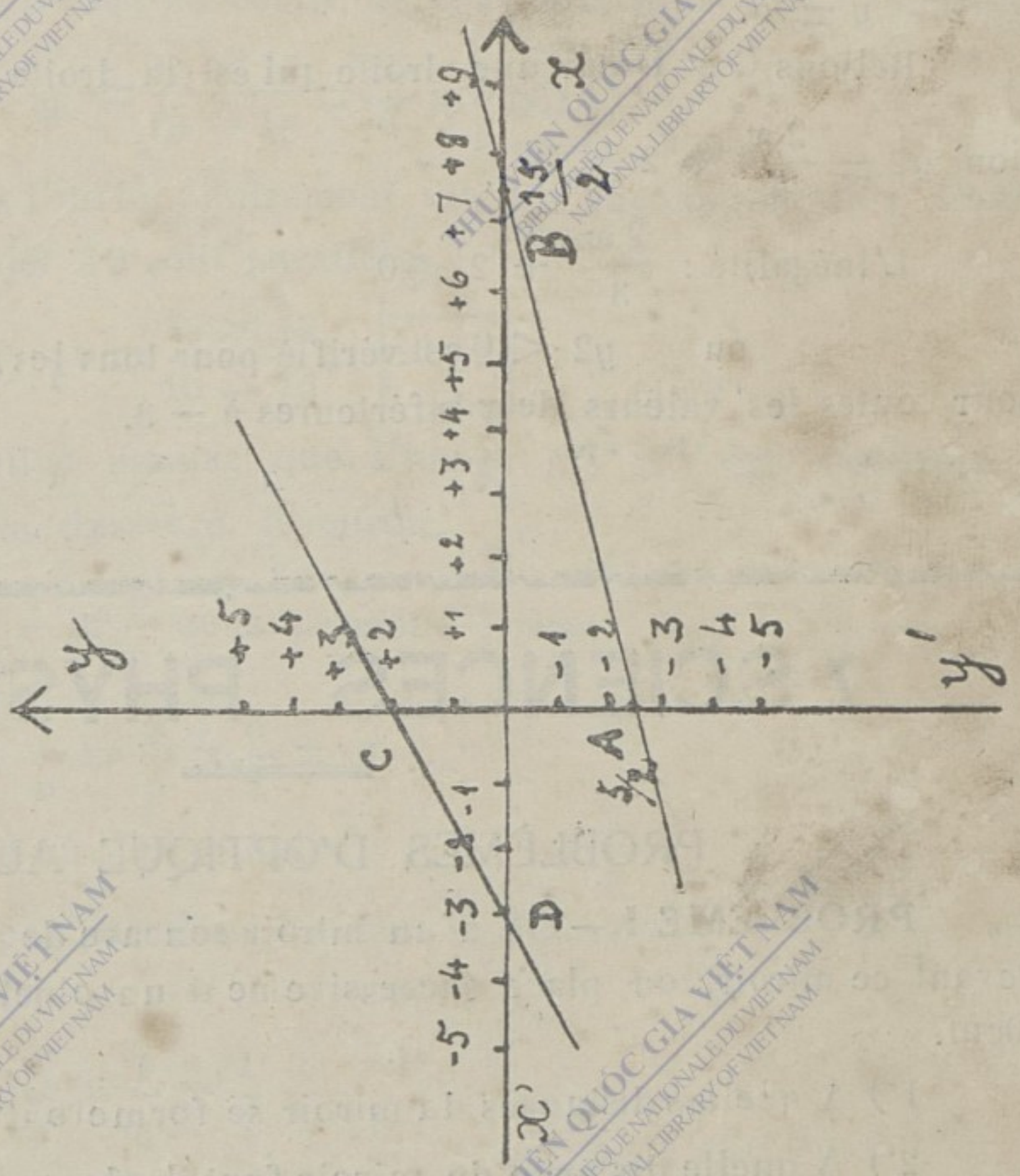

Relions A et B par une droite qui est droite représentative de la fonction $y1 = \frac{x}{3} - \frac{5}{2}$

L'inégalité $\frac{x}{3} - \frac{5}{2} > 0$

ou : $y1 > 0$ est vérifiée pour tous les points de B x, c'est-à-dire pour toutes les valeurs de $x > \frac{15}{2}$

2° Nous pouvons écrire :

$$\frac{2x}{3} + 5 - 3 < 0$$

ou : $$\frac{2x}{3} + 2 < 0$$

Construisons la droite représentative de la fonction : $y2 = \frac{2x}{3} + 2$

— Pou $x = 0$, $y = 2$. Nous obtenons point C d'abscisse $x = 0$ et d'ordonnée $y = 2$

— Pour $y = 0$, $x = -3$. Nous obtenons point D d'abscisse $x = 3$ et d'ordonnée $y = 0$.

Relions C et D par une droite qui est la droite représentative de la fonction $y2 = \frac{2x}{3} + 2$

L'inégalité : $\frac{2x}{3} + 2 < 0$

ou $y2 < 0$ est vérifié pour tous les points de $x'D$, c'est-à-dire pour toutes les valeurs de x inférieures à -3.

TRÍ-ĐỨC
Professeur

SCIENCES PHYSIQUES

PROBLÈMES D'OPTIQUE AU B. E.

PROBLÈME I.— On a un miroir concave de 15cm de distance focale. Devant ce miroir, on place successivement un objet à 50cm, 30cm, 15cm et 10cm.

1°) A quelles distances du miroir se formeront les images successives ?

2°) A quelle distance du miroir faut-il placer l'objet pour obtenir une image réelle 5 fois plus grande que cet objet ?

SOLUTION

1°) La formule : $\frac{1}{p} + \frac{1}{p'} = \frac{1}{f}$ donne :

$$\frac{1}{p'} = \frac{1}{f} - \frac{1}{p} = \frac{p-f}{pf}$$

d'où : $$p' = \frac{pf}{p-f}$$

Cette dernière relation nous permet de trouver la position de l'image, connaissant la position de l'obje et la valeur de la distance focale f.

$$a)\ p' = \frac{50 \times 15}{50 - 15} = \boxed{21cm,4}$$

L'image A'B' de l'objet AB est située entre le foyer-image et le centre de courbure.

$$b)\ p' = \frac{30 \times 15}{30 - 15} = \boxed{30cm}$$

L'image A''B'' se trouue au centre de courbure, ainsi que l'objet AB.

$$c)\ p' = \frac{15 \times 15}{15 - 15} = \frac{225}{0} = \boxed{\infty}$$

L'image se forme à l'infini ; autrement dit, les rayons réfléchis émanés d'un même point de l'objet AB sont parallèles.

$$d)\ p' = \frac{10 \times 15}{10 - 15} = \boxed{-30}$$

La réponse négative montre que l'image A''' B''' est **virtuelle**, et semble se trouver à 30cm derrière le miroir.

2°) La formule : $\frac{i}{o} = \frac{p'}{p}$ nous permet d'écrire :

$$\frac{i}{o} = \frac{p'}{p} = \frac{5}{1} = 5$$

d'où : $p' = 5p$.

En remplaçant p' par sa valeur 5p dans la formule $\frac{1}{p} + \frac{1}{p'} = \frac{1}{f}$, nous avons :

$$\frac{1}{p} + \frac{1}{5p} = \frac{1}{f}$$

$$\text{ou} : \frac{6}{5p} = \frac{1}{15}$$

$$\text{d'où} : 5p = 90$$

$$\text{et } \boxed{p = 18cm}$$

Donc : pour obtenir une image réelle 5 fois plus grande que l'objet, il faut placer cet objet à 18cm du miroir.

TRÍ-ĐỨC

Professeur

ELOQUENCE USUELLE

(Tiếp theo tập V, trang 39)

Bon ! Je suis très heureux de vous avoir rencontré aujourd'hui. Quand vous aurez encore l'ocasion de venir à Saigon, venez chez moi ; on va causer. N'oubliez pas de présenter mes respects à vos parents et à votre femme, J'espère pouvoir venir vous voir chez vous, une fois la paix revenue.

— Merci bien ; il y a lieu de croire que votre espoir n'est pas vain. Au revoir.

— Au revoir et au plaisir.

Thôi, hôm nay rất sung sướng gặp Anh. Có dịp nào lên, xin mời Anh ghé nhà tôi chơi nói chuyện. Anh về nhớ nói tôi gởi lời hầu thăm Ông cụ bà cụ và chị ở nhà nhé, Tôi ước mong khi thái bình trở lại, được xuống Anh chơi ít ngày.

— Vâng, cám ơn Anh, và có lẻ Anh sẻ không đến thất vọng. Thôi chào Anh.

— Vâng, xin chào Anh và hẹn ngày khác.

PHÁP VĂN BỔ TÚC

(Tiếp theo tập IV)

Les expressions commerciales	Thành ngữ thương mãi
Partir pour une affaire d'affaires	*Đi công việc*
A vos ordres	*Theo lịnh ngài*
Sauf avis contraire	*Trừ lịnh khác*
Jusqu'à nouvel avis	*Cho tới kỳ lịnh mới*
En vous remerçiant à l'avance	*Xin đa tạ Ngài trước*
Dans l'espoir de vous lire	*Hy vọng được Ngài hồi âm*
En attendant votre réponse	

Lu et approuvé	*Đã đọc và chấp thuận*
Tournez s'il vous plait	*Xin coi trang sau*
« Fragile »	*« Hàng Dễ bể »*
« Craint l'humidité »	*« Kỵ nơi ẩm thấp »*
Qu'y a-t-il à votre Service	*Thưa ông cần dùng gì ?*
Occasions	*Cơ hội, lạc xon*
Fermé pour cause de réparations	*Đóng cửa để sửa chữa ại*
Prix raisonnable	*Giá phải chăng*
» modéré	» » »
» réduit	» *hạ*
» moyen	» *vừa phải*
» fixe	» *nhứt định*
» élevé	» *cao, đắt*
» exorbitant	» *quá mắt*
Se mettre dans le commerce	*Làm ăn buôn bán*
Faire le commerce de...	*Đi buôn*
Faire de la publicité	*Làm quảng cáo*
Vendre à perte	*Bán lỗ vốn*
Porter au livre	*Vào sổ*
Arrêter les comptes	*Cọng sổ*

Les expressions usuelles

Thành ngữ thông thường

Changer son cheval borgne contre un aveugle	*Tránh mạt cưa gặp mướp đắng*
	Tránh vỏ dưa đạp vỏ dừa
Bien gagner son avoine	*Kiếm được bửa ăn trầy đa trán*
Commander à la baguette	*Bắt cóc bỏ dĩa*
Prendre la balle au bond	*Làm nhằm cơ hội, làm phải lúc*
Bien conduire sa barque	*Làm có kết quả, làm trọn việc*
Monter un bateau	*Đặt chuyện bá láp*
Faire une chose à bâtons rompus	*Làm gián đoạn, ngắt việt nhiều lần*
Mettre des bâtons dans les roues	*Thọc gậy vào bánh xe, phá đám*
Mener une vie de bâton de chaise	*Sống cuộc đời phóng túng, xa xỉ*
Tour de bâton	*Của phi nghĩa. bất chánh*
Tailler une baguette	*Nói lãng, nói xàm, nói bậy*

DANH-TỪ VIỆT-PHÁP ĐỐI CHIẾU

Nguyễn Huy trích dịch

(TIẾP THEO)

Chấp chiếm	Garder inclument.
Chấp chính	Prendre, exercer le pouvoir.
Chấp chưởng	Diriger.
Chấp đạt	Notifier
Chấp đơn	Accueillir une demande
Chấp hành	Exécuter — Appliquer
Chấp hành uỷ-viên hội	Comité exécutif.
Chấp ý	Maintenir son opinion
Chấp pháp	Exécuter une sentence
Chấp quyền	Détenir le pouvoir
Chế tạo cục	Arsenal
Chế định	Ordoner, décréter
Chế định pháp	Loi écrite.
Chế hạn	Mes riction
Chế hạn tuyển-cử	Suffrage restreint.
Chế hiến	Constituer
Chế hiến quyền	Pouvoir consti'uant.
Chi biện	Faire des dépenses
Chi cấp	Allouer une somme
Chi dụng	Dépenser.
Chi điếm	Succursale
Chi độ thê nhi	Entretenir sa femme et ses enfants.
Chi lộ	Route secondaire
Chi lưu	Branche — Affuent.
Chi phi	Dépense.
Chi phiêu	Chèque.
Chi phó mệnh lệnh	Ordre de dépense
Chi phối	Distri b tion — Répartition
Chi quán	Succursale, Agence
Chi thể	Les membres et le corps
Chi thủy	Affluent.
Chi tiết	Détails secondaires
Chi tiêu	Dépenser
Chi trì	Maintenir

DANH-TỪ CHÁNH-TRỊ

NGUYỄN-HUY TRÍCH DỊCH

(Tiếp theo)

Administré : Người bị trị.

Administrer : Điều-khiển — Quản-trị, Cai-quản Cai-trị — Coi việc hành chánh — Chấp chánh.

Affranchi : Được giải phóng.— Nô lệ được giải phóng.

Affranchir : Phóng tích — Giải phóng — Giải thoát — Tha thuế — Miễn thuế — Trả tiền tem, tiền cước.

S'affranchir : Lấy lại tự do, tự giải thoát, tự giải phóng.

Affranchissement : Sự giải phóng.

Africain : Thuộc về châu Phi - Người châu Phi.

Afrique : Châu Phi — Một bán đảo lớn thông với Châu Á do eo bề Suez. Bắc giáp Địa-Trung hải, Tây giáp Địa-Tây dương, Nam và Đông giáp Ấn-Độ dương, Đông Bắc giáp Hồng-hải. Diện tích : 30.000.000km2. Dân số : độ 150.000.000 người. Các nước ở châu Phi phần nhiều là thuộc địa của các nước châu Âu.

Afghanistan : A-phú-hãn — Một quốc-gia tại Tây-Á, ở giữa hai nước Ấn-Độ và Ba-Tư. Diện tích : 731.000 km2 Dân số : 10.000.000. (Afglans) Thủ đô : Kabonl, Thuộc nước Anh từ năm 1907 đến năm 1921. Đã được độc lập từ năm 1921.

Agent : Viên chức — Người hành động theo ủy nhiệm của người khác. Đại diện — Nhơn viên.

Agent Mobile : Di-động viên.

Agent secret : Trinh thám — Lính kín — Mật thám.

Agent de police : Nhơn viên sở cảnh sát, lính cảnh sát,

Agent technique : Cán sự chuyên môn

Agression : Sự tấn công — Xâm lấn

Agriculture : Nông nghiệp, nghề canh nông. Ecole d'agriculture : trường nông học.

Ministère de l'agriculture : bộ canh nông.

Aguerri ; Quen chiến trận — Thiện chiến Soldat aguerri : lính thiện chiến, quen trận, bạo dạn. Armée aguerrie : đạo quân thiện chiến.

Aguets : Sự kiểm soát chặt chẻ. Etre aux aguets : để ý dò xét, thám thính, rình.

Alarme : Tiếng la nguy cấp — hiệu báo động — Canon d'alarme : súng báo nguy — Sonner l'alarme : ra hiệu báo nguy.

Alaska : Bán-đảo ở Tây-bắc Bắc-Mỹ, giáp giới Gia-Nả-Đại.

ANGLAIS LITTERAIRE

Lecture expliquée

TEXTE

A rainy Sunday in an English inn.

It was a rainy Sunday in the gloomy month of November. I had been detained (1) in the course (2) of a journey (3) by a slight (4) indisposition, from which was recovering ; but I was still (5) feverish, and was obliged to keep within (6) doors all day, in an inn of the small town of Derby. A wet Sunday in a country inn ! Whoever has had the luck to experience one, can alone judge of my situation. The rain pattered against the casements. I went to the windows in quest of something to amuse the eye, but it seemed as if (7) I had been placed completely out of the reach of all amusement. The windows of my bedroom looked out among tiled roofs, while those of my sitting — room commanded a full view of the stable — yard. I know of nothing more calculated to make a man sick of this world than a stable-yark on a rainy day. The place was littered with wet straw. In one corner was a stagnant pool of water : there were several half-drowned (8) fowls crowded together under a cart, among which was a miserable crest-fallen (9) cock, dreached out of all life (10).

Washington Irving,

TRADUCTION

Un dimanche de pluie dans une auberge anglaise.

C'était un dimanche pluvieux du sombre mois de Novembre. J'avais été arrêté au cours d'un voyage par une légère indisposition, dont je me remettais ; mais j'avais encore la fièvre et je devais garder la chambre toute la journée, dans une auberge de la petite ville de Derby. Un dimanche de pluie dans une auberge de campagne ! Quiconque a eu le bonheur d'en faire l'expérience, peut seul juger de ma situation. La pluie crépitait contre les croisées. Je me dirigeais vers les fenêtres en quête de quelque chose pour distraire mes yeux, mais il semblait que j'eusse été complètement mis hors de portée de tout amusement. Les fenêtres de ma chambre à coucher donnaient sur des toits couverts de tuiles, tandis que, de celles de mon petit salon, on avait en plein la vue de la cour d'écurie. Je ne sais rien de mieux combiné pour dégoûter un homme de ce monde qu'une cour d'écurie par un jour de pluie. Le soleil était joncé de paille humide. Dans un coin était une mare d'eau stagnante ; plusieurs volatiles à demi-noyés s'étaient attroupés sous une charrette, et, parmi eux, un malheureux coq à crête baissée, tellement mouillé qu'il en avait perdu toute vie.

Notice biographique de l'auteur.— Washington Irving, écrivain américain, est né à New-York. Il a voyagé pendant assez longtemps à travers l'Europe où il a fait de nombreuses conférences politiques et littéraires. Il est l'auteur d'un certain nombre d'ouvrages historiques et du « Livre d'esquisses » dont le texte ci-dessus est un extrait.

Prononciation des quelques mots difficiles.— Course = côrse.— Journey = djeurni.— Feverish = fiveurish.— Within = ouidzin.— Quest kouest.— Stagnant = stègneunt.— Drowned = draound.

Notes explicatives et Remarques grammaticales.— (1) **To detain** : retenir, détenir.— (2) **Course** = cours, marche, parcours, route. Ex : to follow the course of a river = suivre le cours d'une rivière ; English course = Cours d'Anglais ; in full course = en pleine marche ; To follow a dangerous course = suivre une route dangereuse.

(3) **Journey** = voyage, trajet, étape. Ex : To undertake a journey = entreprendre un voyage ; On our journey home = pendant notre voyage de retour ; It is a long journey from Paris to Marseille = c'est un long trajet que celui de Paris à Marseille ; to go by easy journeys = voyager par petites étapes.

(4) **Slight** = léger, peu important, frêle, petit, insuffisant. Ex : A slight meal = Un léger repas (Ne pas confondre *slight* avec *light* qui signifie aussi léger et qui s'emploie dans le sens concret. Ex : This light parcel = ce paquet léger) ; The slight figure of his niece = la frêle silhouette de sa nièce ; There is not the slightest doubt = il n'y a pas le moindre doute ; A slight examination = un examen superficiel, insuffisant. A slight indisposition = une légère indisposition (de peu d'importance).

(5) **Still** = (adverbe) encore ; s'emploie pour indiquer la continuité d'une action. Ex : You are *still* here = vous êtes encore ici (c-à-d. vous continuez à rester ici)

— Encore, employé dans le sens : de plus, se traduit par ; **more**. Ex : I want some *more* bread = je veux encore du pain.

— Encore, employé dans le sens : de nouveau, se traduit par : **again**. Ex : he comes *again* = il revient.

(6) **Within** = (adverbe) à l'intérieur, chez soi. Ex : from within, I see...= De l'intérieur, je vois...; I stay within = je reste chez moi.

Within = (préposition) à l'intérieur de, dans les limites de, à portée de, à moins de. Ex : within doors = à la maison, chez soi, within the memory of

an = de mémoire d'homme ; Within sight = en vue ; I shall do it within two ays = je le ferai en moins de 2 jours.

(7) **as if** = (loc. conjonctive de comparaison) comme si. Ex : He smiles s if he knows nothing = il sourit comme s'il ne sait rien. Dans le texte ci-essus ; it seemed as if I had been... = pourrait se traduire : il semblait que eusse été, ou : On eût dit que j'avais été...

(8) **half-drowned** = (adjectif composé) à demi-noyé,

(9) **Crest-fallen** = (adjectif composé formé d'un nom et d'un participe assé) la crête baissée.

(10) **The cock was drenched out of all life** = Nous avons ici une urnure particulière de la langue anglaise. Littéralement, cette phrase pourrait e traduire : le coq était mouillé hors de tou e vie ; mais nous devr ons la dra-uire en bon français : le coq était tellement mouillé qu'il en avait perdu oute vie.

Autres exemples : 1°) **They laughed him out of countenance** = ils lui irent perdre contenance à force de lui rire au nez.

2°) **The poor girl cried her eyes out** Il la pauvre fille pleurait à se aire sortir les yeux de la tête.

L'ensemble. — L'impression générale qui se dégage de ce morceau est ennui, la mélancolie, le dégoût d'un homme voyageant seul, vivant loin de on pays natal et de ses êtres chers, se voyant obligé de rester enfermé dans une hambre d'auberge d'une petite ville par une journée de pluie, et n'ayant pour out ce qui pourrait distraire ses yeux que des toits couverts de tuiles et une our d'écurie. Les choses, le mauvais temps, la mauvaise santé de l'auteur, out concourt à assombrir l'âme de ce voyageur solitaire.

TRÍ-ĐỨC
Professeur

PHÁP - VĂN
(THEO LỐI HÀM-THỤ)

CHO HỌC-SINH VÀ CÁC BẠN MUỐN
TỰ BỒ-TÚC

do Ông NGÔ-TẤN-HUỲNH, giáo sư chỉ dẫn
252 Q. de Belgique -:- SAIGON

TRÁNG CA

Sinh ta, cha ném bút rồi,
rừng nho tàn rụng cho đời sang xuân,
Nuôi ta, mẹ héo từng năm,
vắt bầu sữa cạn, tê chân máu gầy.
Dạy ta, ba bẫy ông thầy,
gươm đi sách rộng, biển vầy núi vơi.
Nhà ta cầm đợ tay người,
kép bông đâu áo, ngọt bùi đâu cơm?
Chông gai đổi dại làm khôn,
ba vòng, mòng sếu liệng tròn lại bay...
Bóng hoa chu giáp vần xoay,
cánh vàng non nửa dài gầy tả tơi
Chữ Nhân sing rực sao trời,
đường xe mở rộng chân người bước xa...
Bọn ta một lớp lìa nhà,
chảo hàng cơm chợ ngồi ca lúa đồng.
Hây hây tóc uốn từng vồng,
gió nào là gió chẳng mong thổi lùa!
Trường đình phá bỏ từ xưa,
đất này sạch khí tiễn đưa cay sè.
Bốn phương tản mát bạn bè,
nhớ nhau hẹn quả mùa hè gặp nhau.
...Rầm trời chớp giật mưa mau.
lửa đèn chấp chới, khói tầu mù u.
Bốn phương đây bạn đó thù,
hiệu còi xuống lộng bản đồ năm châu.
– À! cơn thảo muội bắt đầu,
tuổi xanh theo gió ngâm câu dậm dài:
Thẻ roi lượng sức ngựa tài,
coi trong cuộc rối kẻm người chờ mong

Trai lận đận, gái long đong,
chờ mong khắc-khoải, nản lòng giăm ba :
Nẻo về gốc mẹ cỗi cha,
thuyền ai nặng chở món quà đắng cay !
Từng nơi xống áo trùng tay,
gió thu thổi bạc một ngày lòng son ;
Từng nơi cơm trấu áo rơm,
Mưa xuân nhuốm tái mấy cơn mặt vàng.
Vượn kêu ruột buốt trèn ngàn...
Nhưng, thôi ! Sao việc dã tràng làm theo ?
Nện cho vang tiếng chuông chiều,
thà đem sức sớm đánh kêu trống đình !
Thở phù hơi rượu đua tranh,
quăng bay chén khói tan thành trời mưa.
Dặm dài bến đón bờ đưa,
thuyền chen buồm lái giúp vừa vào nhau,
Kia kia lũ trước dòng sau,
trăm sông rồi cũng chung đầu đại dương.

THÂM - TÂM

Tiểu sử của tác-giả.— Thâm-Tâm, tên thật là Nguyễn-tuấn-Trình, một nhà văn kiêm họa-sĩ có tài ở Bắc-Việt' Ông đã từng cho đăng nhiều truyện-ngắn, thơ, kịch, truyện dài có giá trị trên báo *Tiểu-thuyết thứ bảy, Phổ - thông bán nguyệt-san, Tiểu-thuyết Thứ Năm.* Viết văn, làm thơ, vẽ, mỗi môn đều tỏ ra có tài.

Ông ở Hànội cho đến năm 1945. Khi Pháp chiếm lại Bắc - Việt và báo T.T.T.B. ra lại, người ta không còn thấy tên ông nữa

Xuất xứ của bài thơ.— Bài này Thâm-Tâm cho đăng trên báo T.T.T.B. lúc đã đổi thành nguyệt-san, số 6, tháng 11-1944. Bấy giờ Nhựt đã đóng quân khắp Đông-Dương, Đồng-minh dội bom dử dội xuống thành phố Hanoi, và nhà in Tân-Dân cũng là nhà xuất-bản của báo ấy phải dời về Mục - xá (Hà-đông) để được yên,

ĐẠI-Ý.— Đây là một bài thơ có tính cách thời-cuộc, tả lại sự bồng bột của một số thanh-niên trong lúc đại-chiến 1939-45. Họ đã băn hái bỏ nhà ra đi.

Bọn ta một lớp lìa nhà,

...gió nào là gió chẳng mong thổi lửa.

Có nhiều nhân vật kẻ trước người sau xuất-ngoại với một mộng lớn : trở về với quân đội Nhựt dành độc lập lại cho Việt-Nam.

Nhưng lúc đặt chân lên tổ-quốc với Nhựt, thì hững người ấy phải thất vọng ngay vào khoản cuối năm 1914 :

Nẻo về gốc mẹ cỗi cha,

Thuyền ai nặng chở món quà đắng cay !

Người ta không còn băn hái nữa :

Kìa kìa lũ trước dòng sau,

trăm sông rồi cũng chung đầu đại dương.

CHÚ - THÍCH

Rừng nho : thế hệ các nhà nho-học.

Hai câu đầu trình diện một thế-hệ thanh-niên mà khi sinh ra thì thời-kỳ nho học vừa tàn.

Nhà ta cầm đợ tay người : nhà ở đây nghĩa rộng là *nước ; cầm-đợ* ý muốn ám chỉ sự mất quyền tự - chủ.

Mòng : thuộc loại chim, giống như con *vịt ; le le* trong Nam.

Sếu : chim to ; cao như sếu.

Chu-giáp : một vòng 60 năm, khởi đầu từ Giáp-Tí.

Gió nào là gió chẳng mong thổi lửa ; dù phong trào nào, dù theo chí-hướng nào, người ta cũng muốn đi đến việc giải phóng dân tộc.

Trường đình : chỗ người xưa thường đặt tiệc tiễn nhau lên đường.

Cay sè : cay : nồng, sè : thấp ; ý nói tiễn đưa một cách vẻ vời, vô ích.

Mùa hè : mùa nắng ráo ; nghĩa bóng : một thời kỳ trong trẻo khác.

Rầm trời chớp giật mưa mau : ám chỉ việc binh lửa.

Bốn phương đây bạn đó thù : thế giới đối với ta chia làm hai mặt trận : bên là bạn, bên là thù.

Hiệu còi : chỉ còi báo động : chỉ trong một chiến-tranh có phi-cơ tham gia, người ta mới dùng còi báo động.

Thảo-mụi : thảo đánh phạt ; mụi : mồ hóng đèn ; *cơn thảo mụi :* thời kỳ đen tối, rối rắm.

Gốc mẹ cội cha : chỉ quê hương.

Dã tràng : con vật nhỏ như con cua hay xe cát thành viên ở bải biển ; tích xưa bảo kiếp trước nó là người tên Dã-tràng, xe cát lấp biển Đông để giết người vợ đã phụ bạc mình đang lấy Thủy-vương ; Công Dã-tràng : công toi, vô ích. Dã tràng xe cát biển Đông, nhọc nhằn mà chẳng nên công cán gì,

Nện cho vang tiếng.... đình : . . . . . .

Trống đình tượng trưng cho quê hương.

Hai câu chót có ý bảo mỗi người tranh đấu với một phương tiện khác nhau, nhưng cứu cánh vẫn là một.

Các phần của bài thơ :

Có thể chia thành 4 đoạn :

1.— **Từ câu đầu đến chữ** *« chân người bước xa »* : tình trạng của thế-hệ thanh-niên đương thời, sinh ra vào lúc thế-hệ cũ đã tàn, trong thời kỳ nước nhà mất quyền tự-chủ, nhưng tủi nhục làm người ta giác ngộ, tách chân theo chí hướng khi thời kỳ đã đến.

2.— *Bọn ta... gặp nhau* : . . . . . .

3. *Rầm trời... chờ mong :* khởi hấn, những kẻ ấy tìm một lực lượng để giúp họ thực-hiện chí-hướng.

4.-- *Trai lận đận,.. trời mưa* : chán nản vì thấy kẻ họ trông cậy cũng là kẻ tặng dân tộc họ « món quà đắng cay ».

5.-- *Đoạn chót* như một lời kêu gọi tự lực đấu tranh : « chen buồm lái giúp vùa vào nhau » ; tin ngưỡng ở sự thành công cuối cùng với mọi phương tiện :

Kìa kìa... đại dương.

Phê bình : Bài thơ nầy thuộc loại « thơ hùng », tác-giả đã khéo tả lại tâm-trạng của một thế-hệ thanh-niên trong một thời-kỳ : chí hướng, phương-tiện, thất bại và triển vọng.

Lời đẹp, chữ dùng khéo, nghệ thuật chắc-chắn, bài thơ nầy có thể dùng để đánh dấu thời kỳ phát-khởi bồng bột nhất của cuộc tranh-đấu giải-phóng dân-tộc Việt-Nam.

QUỐC-ẤN

ĐIỂN-TÍCH VĂN-HỌC

CỦA HOÀNG-TỬ-ANH

Đông phố : Thành Gia-định bây giờ lúc trước gọi là Đông-Phố.

Đông-phương-Sóc: Nhà văn học đời Hán có tài khôi hài. Thường p'ú gián vua.

Đồng thanh tương ứng ; Đồng khí tương cầu :

Thanh là tiếng. Khí là hơi. Những vật cùng tiếng ứng nhau : những vật cùng khí loại thì tìm nhau.

Động phòng : Động là kín, phòng là buồng. Dùng để nói cái p'ò để rước d'u ; Rồi lần lần sau này cho vào nghĩa : Đ rước dâu.

Giá áo, túi cơm : Đồ móc áo, tải đựng cơm, Để ám chỉ những kẻ khô ra gì, cho những kẻ ấy là đồ để mang áo, đựng cơm c không phải là người.

Giang hồ : Giang là sông ; hồ là hồ. Người không có định s rày đây mai đó. Giang hồ quen thú vẫy vùng (Kiều) Đ bà lẳng lơ, đem bán dạng thuyền quyên. Mười lăm n lưu lạc giang hồ (Kiều).

Giao châu : Tên nước Việt ta đời Tây-Hán vua Vỏ-đế ; gồm 7 quận.

Giao chỉ : Tên nước V. N. ta hồi trước.

Gió cuốn, mây bay: Vật đổi sao dời. Để nói chuyện gì hay dời đổi c không một mực được.

Giọt hồng : Nước mắt, lấy tích nàng Tiết-Linh-Vân đời nhà Tù khi được tuyển vào cung, từ biệt cha mẹ, khóc đến ra máu ở mắt.

Hà bá : Thần đàn bà ở dưới nước hay làm hại người ta.

Hoa khôi : Hoa đứng đầu các thứ khác. Người đẹp nhất trong đá hồng l u. Ngày xưa Đồ-thập-Nương người ta gọi là H Khôi, Vương-tử, sau này tiếng hoa khôi để chỉ người đ bà đẹp.

Hóa công : Hóa là hóa, công là thợ. Thợ tạo, con tạo ; chỉ Ông Tr

DƯỢC-TÁNH TRÍCH-YẾU

CỦA BÁC SĨ HUỲNH-TẤN-TRỌNG

ẮC-TI-PHỐT (Actiphos)

TRÌNH BÀY ; Thuốc nước uống, đựng trong ống (ampoules) mỗi ống phân khối. Hộp 14 và 30 ống.

TÁNH CHẤT : Thuốc chế với nhiều chất khối phát như là Lithium, calcium. magnésium, manganèse, soclium. fer.

CHỦ TRỊ : Hồi bổ sức khỏe, thêm chất tế bào, sát trùng trong ruột. Trừ bệnh tả. Suy yếu về cơ thể và tinh thần. Trị bệnh ứ huyết,

CÁCH DÙNG : Trẻ con : từ 1 đến 2 ống mỗi ngày.
Người lớn : từ 2 đến 4 ống mỗi ngày.
pha vào trong một ly nước uống từng hớp một trong bửa ăn.

NHÁ BÀO CHẾ ; Laboratoires Roger BELLO . 78 bis, A. Marceau, Paris VIIIè

ẮC TI XEP TIN (Actiseptyl)

TRÌNH BÀY : Chế làm hai thứ : viên và hột nhỏ.

TÁNH CHẤT : Mỗi viên thuốc hay là mỗi muỗng café thuốc hột gồm có : Phốt-phat B Tơ ri nap tin 0gr.05 (Phosphate de B-trinoptyle) và charbon 0gr.05 (charbon activé spécial).

CHỦ TRỊ : Giải độc, sát trùng.
Đau ruột, bệnh tả, bóu, sưng ruột, thở ra hơi thúi.

CÁCH DÙNG : Người lớn ; tứ 4 đến 6 viên mỗi ngày.
Trẻ con : từ 1 đến 3 muỗng café mỗi ngày.
Uống xa bửa ăn.

NHÁ. BÀO CHẾ : Laboratoires SAS 32, đường Beaumarchais, Paris (XIè).

ẮC TI VA RÔN (Activarol)

TRÌNH BÀY : Thuốc uống đựng trong ống 10 phân khối.
Hộp 8 và 24 ống.

TÁNH CHẤT : Thuốc chế với những chất Hématoporphyrine, glycocolle, glyconate de Ca. extrait de levures, extrait de foie.

CHỦ TRỊ : Tất cả các bệnh suy yếu về thể chất, tinh thần mệt mỏi, cơ năng suy nhược.

CÁCH DÙNG : Mỗi ngày : Người lớn : từ 2 đến 3 ống.
Trẻ con trên 6 tuổi : 1 ống.
pha vào trong nữa ly nước, uống trong bửa ăn.

NHÀ BÀO CHẾ : Laboratoires de l'Hépatrol số 4 đường Platon Paris (XVè)

Lecture Instructive

LE BON CITOYEN

Un citoyen bon et sage n'hésitera pas à affronter tous les dange-s pour l'Eat. Souvent il se dit ainsi : « Je ne suis pas né pour moi seul, mais pour la patrie, La vie étant due au destin, est délivrée de préférence au salut de la patrie, Car la patrie protège ma vie par de bonnes lois et pourvoit mon esprit par d'excellentes mœurs et de très honnêtes disciplines. Je ne peux pas assez payer à la patrie toutes les dettes que j'ai reçues d'elle. » Le bon citoyen n'évitera donc aucun danger pour l'Etat. Il sait en effet que ceux qui n'ont pas voulu mourir pour l'Etat, qu'eux-mêmes ont inévitablement péri avec l'Etat.

(D'après Cicéron)

ĐÔNG-TÂY TƯ-TƯỞNG

— Trí-tuệ con người được mở-mang nhờ sự học-vấn và sự suy-xét.
— Người ta cảm thấy vui sướng vô ngần mà học hỏi và hiểu biết.
— Ta phải đọc sách để tự răn dạy và tự sửa phạt.
— Ai phải là ta học.
— Kẻ sĩ-phu ba ngày không đọc sách, soi gương mặt-mũi đáng ghét.
— Con người như hòn ngọc, sự học-vấn như cách dồi-mài. Có trao chuốt mới ngọc mới sáng ; Có học hỏi luôn, người mới khôn.
— Càng học càng thấy mình dốt.
— Người nào tưởng mình có học-thức thì không biết gì cả, nó dốt đặt, đến nỗi không biết cái dốt của mình nữa.
— Người càng thông-thái càng thấy mình dốt.
— Đọc sách để mở trí và luyện tâm.

L. H.
(Sao lục)

RANG TÀI LIỆU

Etes-vous si malin!

Combien de tous ces champions du monde animal seriez-vous capable de citer ? vous avez réponse à tout, vous êtes un as. Même si vous n'en citez que huit c'est core très bien, Six, c'est bien, et cinq, pas mal du tout. Au-dssous de cinq, vous ez besoin de piocher un peu votre histoire naturelle. Attention, la réponse vous tonnera parfois.

1. Quel est le plus grand oiseau du monde.
2. Quel est le plus long serpent ?
3. Quel est l'oiseau qui a la plus grande envergure ?
4. Quel est l'animal qui vit le plus longtemps ?
5. Quel est le mammifère qui vit le plus longtemps ?
6. Quel est le quadrupède qui court le plus vite ?
7. Quel est plus grand des cervidés ?
8. Quel est l'animal le plus intelligent après l'homme ?
9. Quel est l'animal qui possède la fourrure la plus coûteuse ?
10. Quel est l'animal dont la laine est la plus fine ?

Réponses :

1. *L'autruche*
2. *Le python*
3. *L'albatros migrateur*
4. *La tortue (jusqu'à 152 ans)*
5. *L'homme (jusqu'à 114 ans)*
6. *Le guépard*
7. *L'élan*
8. *Le chimpanzé*
9. *Le chinchilla*
10. *La vigogne ; les fibres de la laine sont deux fois plus fines que celles de sa laine la plus fine.*

(Extrait « Selections)du Readers Digest »
Septembre 1948)

GIẢI TRÍ CHỮ TRÉO

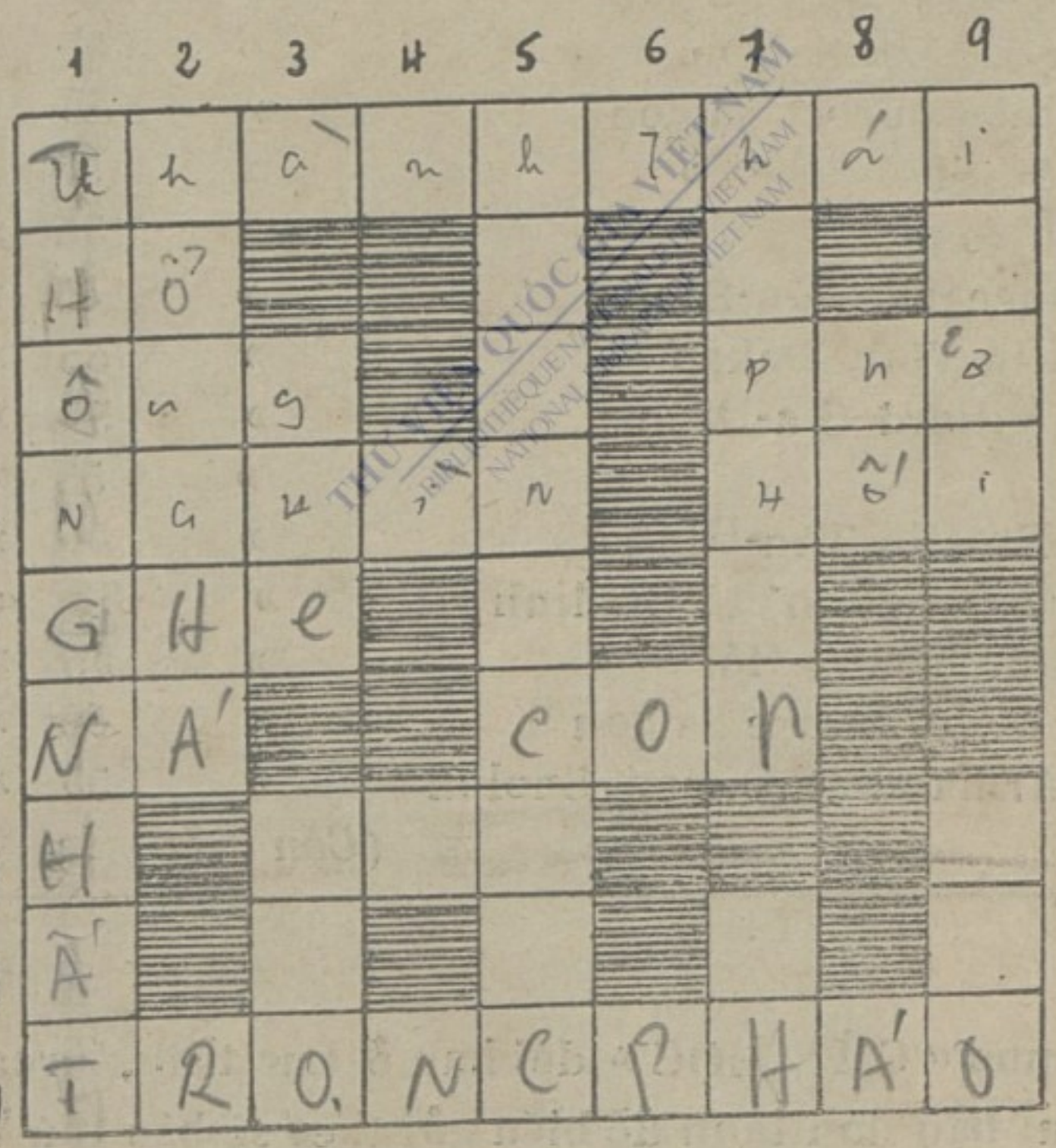

HÀNG ĐỨNG

1 Gồm lại một

2 Tên một con sông lớn ở Bắc Kỳ

3 Đồ dùng đi dưới nước — Đồ đội của quan

5 Nhà của Vua

7 Một chức vụ trong đạo Cao Đài

8 Một điệu hát

9 Tiếng la chác chúa — Một thứ cây ở cận nước.

ĐỀU ĐỂ Ý :

HÀNG ĐỨNG

Số 4 và 6 không có

HÀNG NGAN

số 8 không có

(LỜI GIẢI SỐ SAU)

HÀNG NGAN

1 Tên một Ông Vua nước Việt-Nam.

2 Thú dử

3 Lớn hơn Cha — Một thức ăn

4 Đếm một ngàn lần một — Bảo làm gắp

5 Đồ dùng để đi dưới nước.

6 Đồ dùng để bắn — Thú dử

7 Một thứ trái cây

9 Súng đại bác hạng nặng

DANH SÁCH QUÝ ĐỘC-GIẢ MUA DÀI HẠ

— Ông	Đing-văn-Quý. 27 Vassoigne Tân-Định	3 tháng	55 đồn
—	» Phạm-văn-Trước, 28 Bonard Saigon	»	55 »
—	» Trần-văn-Chính, 39A L. Berland Phú nhuận	»	55 »
—	» Nguyễn-kim-Tri, 50 đường Pagode Gia-Định	»	55 »
—	» Huỳnh-văn-Dương, 266 Général Lizé Saigon	»	55 »
—	» Dương-đức-Tư, 124 đường Lê-Lợi Saigon	»	55 »
—	» Đoàn-thành-Tạo, 26 Amiral Courbet Saigon	»	55 »
—	» Bazar Saigonnais, 185 Lê-Lợi »	»	55 »
—	» Võ-văn-Phi, 28 Richaud Saigon	»	55 »
—	» Trần-xuân-Ngô. 75/77 Monceaux Tân-Định	»	55 »
—	» Trần-ngọc-Hưng, 120 Paulin Vial, Dakao	»	55 »
— Cô	Nguyễn-thị Bạch-Mai, 7a Villard Gia-Định	»	55 »
—	» Như-Mai, 5 Neël Dakao	»	55 »
—	» Nguyễn-thị-Được, 25/14 Frostin Tân-Định	»	55 »
—	» Huỳnh-thị-Liễu, Route Provinciale n° 15 Giađịnh	»	55 «
—	» Nguyễn-thị-Nở, Polyclinique Khánh-Hội	»	55 »
— Ông	Lê-văn-Ngọc, 1 Legrand de la Liraye Saigon	»	55 »
—	» Nguyễn-đăng-Liêm, 97B Armand Rousseau Cholon	»	55 »

(Còn tiếp)

HỘP THƠ :

Cùng quí vị độc giả đã mua « CẦN HỌC » dài hạn ở Lục-tỉnh, Trun Bắc và Cao-Miên, mời quí bạn đón lãnh đồ biếu gởi theo số báo thứ V

Còn quý vị độc giả nào ở Saigon, Chợ-lớn, Gia-định mà chưa nhậ được đồ biếu của Cần-Học gởi, mời đến lãnh h. l. gởi thơ ngay đế tòa soạn, 50 đường Pellerin Saigon thì sẽ có người đem đồ đến nh

C. H.

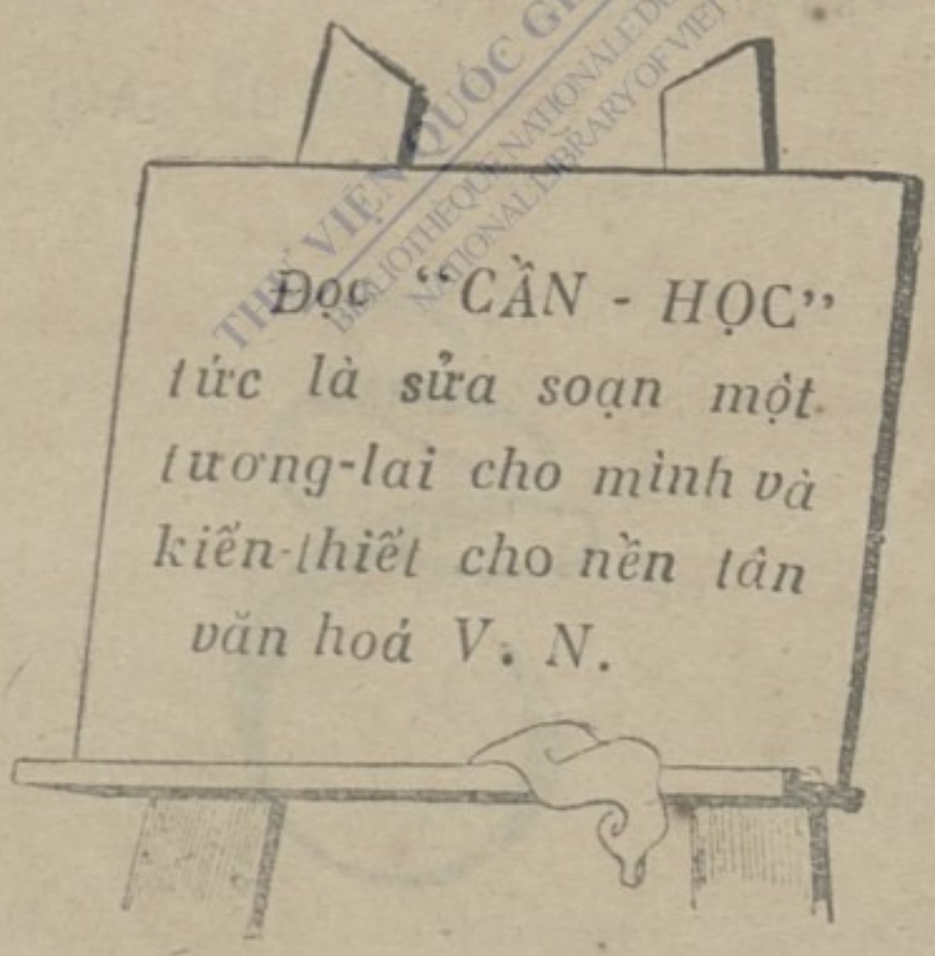

GIÁ MUA DÀI HẠN

Saigon-Cholon-Giađịnh				Lục-tỉnh và Trung-B			
12 tháng	50	số	200đ.	12	tháng		2:0
6 «	25	«	110	6	«		125
3 «	12	«	55	3	«		65

Ngân chiếu xin đề : ông Ngô-văn Thanh

50 đường Pellerin — Saigon

— IN TẠI NHÀ IN —
THĂNG LONG - SAIGON

Giấy phép số 189 T.X.
Ngày 25 tháng 5-19

HỌC ĐỂ PHỤNG SỰ CHÁNH

ÉDITIONS PÉDAGOGIQUES

CẦN HỌC

TẬP VII

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIET-NAM

ĐẶC-SAN GIÁO-KHOA

với sự hiệp-tác của quí ông :

TRƯƠNG-V-TỐNG	Nhà học-giả
HUỲNH-TẤN-TRỌNG	Y-khoa Bác-sĩ (Ba-lê)
NGÔ-TẤN-HUỲNH	Giáo-sư Pháp-văn
TRỊNH-VĂN-MAI	— —
LÂM-CHI-TÒNG	Giáo-sư Toán-học
TRÍ-ĐỨC	Giáo-sư Toán-học
LÊ-TRÀNG-KIỀU	Văn-gia
HOÀNG-TRỌNG-VIỆT	Giáo-sư Việt-ngữ
LƯU-ĐÌNH-KHẢI	G-đốc Tr. Mỹ-thuật
BÙI-VĂN-KỈNH	Giáo-sư Hội-họa
THÁI-VĂN-CẦN	—
QUỐC-ẤN	Văn-gia
TRẦN-ĐÌNH-NHU	Giáo-sư Hoa-văn
THẨM-THỆ-HÀ	Văn-gia
TÚ-DUYÊN	Họa-sĩ
CHÂU-SÁNG-THẾ	Giáo-sư Anh-văn
Pétrus KHANH	Giáo-sư
LÊ-HƯƠNG	Văn-gia

Thơ-ký bộ biên-tập : TRẦN-VĂN-LÂM, THIẾU-L-QUÂN

Giám-đốc : NGÔ-V-THANH

Phòng-văn : **50, Pellerin — SAIGON**

(NAM-BỘ . . . 5$00

ĐẠI-THANH

TIỆM ĐỜN «ĐẠI-THÀNH»

166, đường Bourdais — SAIGON

Chủ nhơn : LÊ-TIẾN-THIỆU

Mới sang bộ trống « Batterie de jazz de luxe ».
Bán đủ thứ đờn và các nhạc cụ Việt-Pháp.
Xin bảo đảm với quý bạn, nếu đờn sai cung phím, không kêu xin trả lại. Mời quí Ngài chiếu cố.

THUỐC BỔ HUYẾT

HUYẾT · TRUNG · BỬU

ĐẠI-QUANG

Bổn dược-phòng có tặng sách thuốc cho mỗi gia-đình nào cho địa-chỉ và gởi theo 0$60 tiền cò chúng tôi sẽ gởi đến.

No 27 Boulevard Tổng-Đốc-Phương

CHOLON

HIỆU NOVA

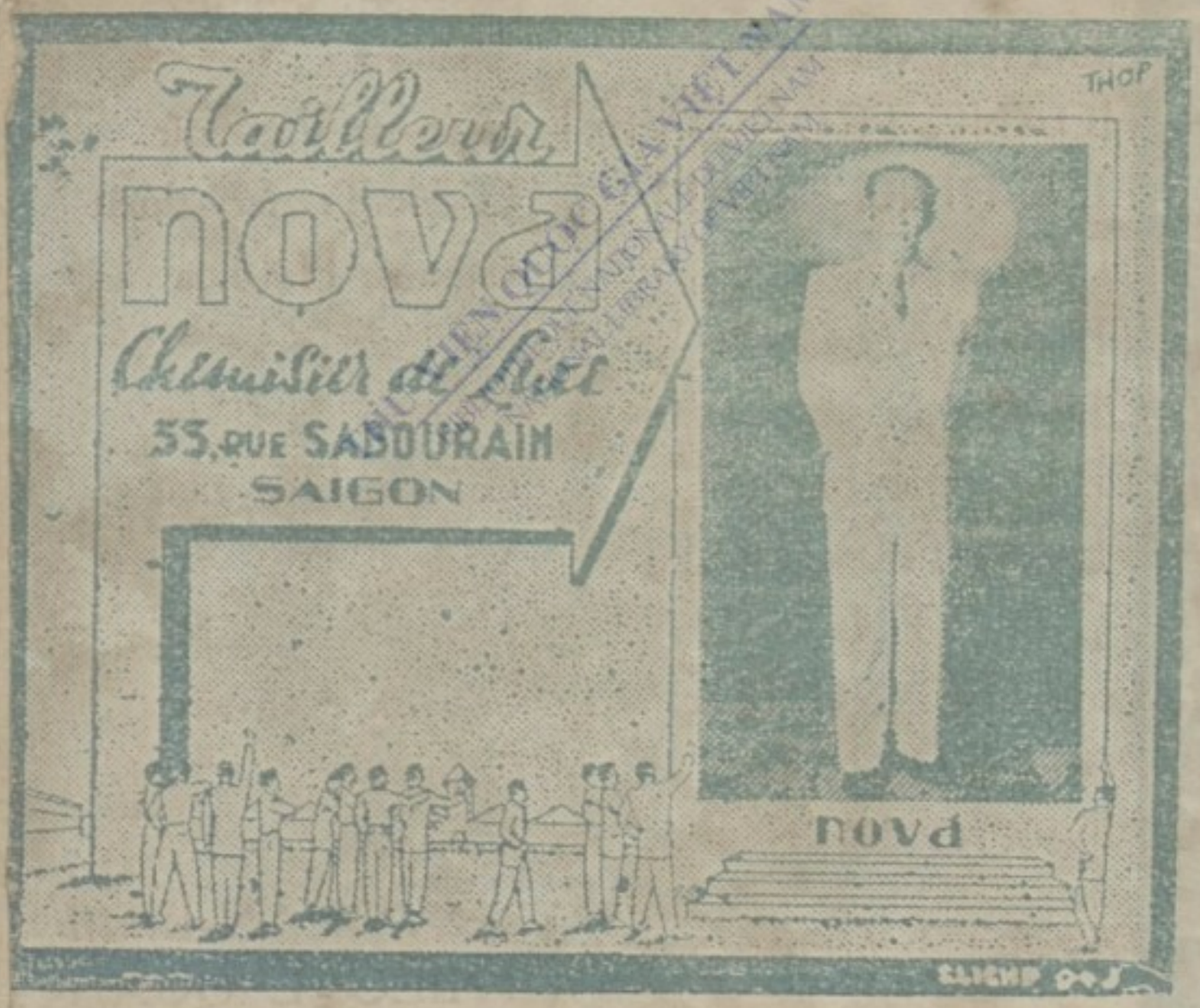

MAY Y-PHỤC

và

CHEMISE

SẠCH PHÁP VÀ TRONG XỨ
RẤT DANH TIẾNG
KHẮP NƠI.
CÓ NHIỀU HÀNG VẢI ĐẸP
VỪA Ý QUÍ NGÀI

33, ĐƯỜNG SABOURAIN
GẦN CHỢ SAIGON
Giây nói : Cardi, 435

MỤC - LỤC

Concours et Examens du CEPSI (1950).

1) Dictée — Questions et Réponses.
2) Rédaction française.
3) Ám-tả quốc-văn.
4) Luận quốc-văn.
5) Toán - đố.

Le Français au 1er Degré.

1) Composition française.
2) Lecture expliquée.
3) Arithmétique.

Préparation au B.E.

7) Composition française.
2) Géométrie.
3) Algèbre.
4) Sciences physiques : Electricité.

Anglais Pratique & Littéraire.

1er degré et 2e degré.

Pháp - văn bổ - túc.

1) Danh từ Toán-Học.
2) Conversations (nói chuyện).
3) Expressions usuelles (Thành ngữ thông thường).
4) Quelques modèles de lettres (những bức thơ làm mẫu).

Lớp dạy về.

Quốc-văn bình giảng : « *Truyện Thúy-Kiều* »

Trang đàm luận : « *Rương vàng của con tôi* ».

Trang tài liệu.

1) Đông-Tây Tư-tưởng.
2) Ne dites pas — Mais dites.

Trang giải-trí.

EXAMENS ET CONCOURS

du CEPSI (1950)

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIET NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIET NAM

DICTÉE

Le village vietnamien

Le sentier se perd en mille contours. Après la grande plaine ensoleillée, une fraîcheur d'ombre vous baigne. Des arbres partout : de frêles aréquiers, des banians, des bananiers reposent la vue. Le sol mou éteint le bruit de mes pas. Un cheval attend près de la haie en secouant ses clairs grelots. Des enfants furtifs et curieux s'envolent avec des cris apeurés.

Chaque maison est elle-même enclose d'une haie plus basse. Devant chaque maison, j'aperçois l'aire de terre battue où le paddy doré sèche dans de grands vans de bambou.

QUESTIONS :

1°) Expliquez : ensoleillée, cris apeurés, enclose, vans, l'aire.

2°) Conjuquez le verbe *éteindre* à la 3e pers. du singulier aux temps simples de l'Indicatif.

3°) Analysez logiquement les prépositions de la dernière phrase de la dictée.

RÉPONSES :

1°) *ensoleillée* : couverte de l'éclat du soleil.

cris apeurés : cris craintifs, effrayés.

enclose : enfermée de toutes parts.

vans : instrument de bambou fait en forme ronde, environ de 1m00 de diamètre, pour agiter et nettoyer le grain.

l'aire : lieu où l'on bat le paddy.

2°) *Indicatif*

Présent	**Passé simple**
Il ou elle éteint.	Il ou elle éteignit.

Imparfait	Futur simple
Il ou elle éteignait.	Il ou elle éteindra.

3°) Devant chaque maison, j'aperçois l'aire de terre battue (prop. principale) où le paddy doré sèche dans de grands vans de bambou (prop. subord, relative, (compl. de lieu de l'aire).

* * *

RÉDACTION FRANÇAISE

C'est le matin : le jour se lève et la vie reprend son activité. Vous venez de vous réveiller. Quels sont les bruits qui vous parviennent de la maison et de la rue ?

DEVOIR MODÈLE

A. — Debut

Je viens à peine de me réveiller que, lentement, dans le silence, le carillon de l'horloge détache ses dernières notes. Il est cinq heures et demie.

B. — Corps du devoir

a) — *Le chant du coq.* — Tout est sombre autour de moi. Soudain, j'entends des battements d'ailes suivis d'un retentissant cocorico. C'est le chant du coq, le chant du réveil. Il est salué, de tous les points du village, par d'autres cris sonores.

b) — *Les bruits de la maison.* — Bientôt après, la servante, de son pas léger, descend dans la cuisine. Je l'écoute fendre du bois, allumer le feu et remuer la vaisselle. Alors, la maison est pleine de bruit : le feu pétille, les casseroles tintent, les portes s'ouvrent et se referment. Dans la cour, les quelques porcs grognent tout bas comme endormis.

c) — *Les bruits de la rue.* — Puis, tout à coup, des crépitements marquent le passage d'un cyclo-moteur. Un autobus s'arrête et s'en va avec un bruit assourdissant. On entend, au loin, sonner le timbre d'une bicyclette se frayant un chemin au milieu d'un groupe d'ouvriers qui à haute voix, se lancent des plaisanteries

C. — Conclusion

Brusquement, tout devient blanc. Le soleil enfin paraît, étincelant comme de l'or. C'est le perpétuel recommencement de la vie qui renaît et reprend son activité.

TRẦN-VĂN-LÂM

ÁM-TẢ QUỐC-VĂN

Đà - Lạt.

Đà-lạt chiếm cứ hẳn một vùng đất rộng trên cao-nguyên Lang-biang chung-quanh toàn núi đồi hùng-vĩ. Quanh năm lúc nào cũng mát mẻ và lạnh, không-khí nhẹ-nhàng, trong sạch, đượm thêm hương-vị thơm-tho của rừng thông bốn phía.

Thành phố Đà-lạt có nhiều phong cảnh đẹp. Đây là con đường đất đỏ đưa ta vào một khu rừng tịch-mịch và êm đẹp như mơ. Kìa là lối lên hồ và suối. Mặt hồ trong xanh phẳng-lặng, in bóng mấy dãy thông già cao vút ; từng lằn mày trắng dừng lại bên đồi. Một con đường lượn quanh sườn núi lần lần hẹp lại và biến mất ở đàng xa. Thác Cam-Ly trắng xoá từ mõm núi cao dội xuống ào ào, chảy qua khe đá rồi lẫn khuất trong rừng thông.

(phỏng theo Đoàn-Chương)

Giải - Nghĩa :

Cao-nguyên : Đất bằng mặt phẳng ở miền núi-cao.
Hùng-vĩ : Mạnh-mẽ to tác.
Tịch-mịch : Lặng-lẽ không có tiếng động.
Thác : Giòng nước ở trên núi đổ xuống.

PHÁP - VĂN

(THEO LỐI HÀM-THỤ)

CHO HỌC-SINH VÀ CÁC BẠN MUỐN TỰ BỔ-TÚC

do Ông NGÔ-TẤN-HUỲNH, giáo-sư chỉ dẫn

252, Quai de Belgique — SAIGON

LUẬN QUỐC-VĂN

Đầu-đề. — Vừa hay tin Anh trò muốn bỏ phế học. Cha trò biểu trò viết thơ dùng những lý lẽ rõ ràng chỉ cho Anh trò thấy rằng : « Cần hơn lúc nào hết thanh-niên ngày nay phải học » để khuyên Anh trò cố gắng trên con đường học-vấn.

(Thơ Cha trò gởi cho Anh trò)

Tràvinh, ngày 5-6-1950

Cùng con yêu dấu,

Trên 3 tháng nay, con lìa nhà, xa cha mẹ và mấy em yêu quí của con để đeo đuổi việc học-vấn.

Nay cha vừa nghe tin con ngã lòng, muốn bỏ phế việc học, cha vội vàng gởi bức thơ nầy đến con để con coi đây mà xét suy điều con toan tính trúng sái thể nào ? và con phải dốc quyết làm sao cho sau nầy con khỏi phải ăn năn hối hận, lại cha mẹ cũng khỏi mang nhục với đời.

Ớ con yêu dấu, cha mẹ hiểu rõ trách nhiệm của cha mẹ phải lo cho cho con cái ! nên không nệ chịu cực-nhọc, thức khuya dậy sớm, nhịn ăn ngủ ít vì con. Thà ở nhà chịu thốn thiếu để con được đầy đủ : ăn no mặc ấm, hầu con được an tâm khoẻ trí mà đeo đuổi việc học.

Lại nữa, tuổi con là tuổi học hỏi và tiềm tỏi, nên con phải gát ra ngoài trí con hết các ý muốn khác để chỉ lo việc học-vấn mà thôi. Lúc nầy là lúc dồi mài trí-tuệ, là buổi đèn sách, mà con lại muốn bỏ phế thì ắt là không khỏi hại !

Đàng khác, cần hơn lúc nào hết con phải lo học để theo kịp Anh em bạn trang tác con, lại kịp thì buổi văn-minh mà nước nhà đang lo gầy dựng và đắp-bồi.

Cũng như các thanh-niên con phải lo học để giúp ích nước nhà và đồng bào ngày sau. Hiện giờ quốc-gia hy-vọng nơi thanh niên; trong số đó cũng có con đó chút, cũng như cha mẹ đặt tất cả hy-vọng nơi con vậy, vì trong gia-đình « con cái là sự vinh-hiển và là mủ triều của cha mẹ » thì thanh-niên đối với quốc-gia là một gia-đình lớn cũng thế.

Ở con yêu dấu, việc học mà lở dở thì chẳng khác nào cái canh cưởi mà Bà mẹ của Mạnh-Tử cắt hai vậy.

Nếu bây giờ con muốn xuất thàn ra làm việc thì cũng lở dở : vì học chưa thành, cấp bằng chẳng có, thì khó xin sở làm !

Giả như có được sở làm, ắt cũng không được mấy đồng lương vì địa vị không cao, lại tương lai không khá mấy.

Vậy con hảy suy xét những lý lẽ đó và định tâm chí ngay, rồi ra tay làm việc. Lại nếu con thương cha mẹ thật thì con không ngàn ngại phải nghe lời cha.

Thôi bấy hàng làm tin cho con được rỏ và con phải đáp thơ lại cho cha được an tâm.

Kỳ tên,

TOÁN - ĐỐ

I. — 2 bên lề đường trồng cây cách nhau 20 thước từ đầu cây số ngàn 15 cho tới cuối cây số 24. Hỏi hết thảy tốn bao nhiêu tiền: tiền mua cây và mướn trồng chạy mỗi cây 16$50 ?

Trả lời : **16.535** $

*
* *

II. — Trên một cái sân dài 21 th. rộng 15 th. Người ta đào một cái giếng vuôn vức cạnh 3 th 60.

Với đất lấy trong giếng người ta rải đều lên mặt đất sân cao 0 th. 10. Hỏi vậy cái giếng ấy đào bao nhiêu sâu ?

Giải - pháp :

Bề mặt cái sân : 21 th. x 15 th. = 315 m2.

Bề mặt cái giếng ; 3 th. 60 × 3 m. 60 = 12 m2. 96.

Bề mặt cái sân còn lại : 315 m2. − 12 m2. 96 = 302 m2. 04.

Đất đào lên : 302 m2. 04 × 0 m. 10 = 30 m3. 204.

Bề sâu cái giếng : 30 m3. 204 : 12 m2. 96 = 2 m. 33.

Trả lời : **2 m 33.**

LEÇON PARTICULIÈRES
ANGLAIS — FRANÇAIS — SCIENCES MATHÉMATIQUES

Classes secondaires & P. S. Préparation intensive aux divers examens. Méthodes classiques — Auditions de disques — Linguaphone — Assimil.

S'adresser : TRI-DUC
226, Lagrandière - Saigon

LEÇONS PARTICULIÈRES
DE FRANÇAIS POUR
TOUTES CLASSES
PAR
NGÔ - TÂN - HUỲNH
PROFESSEUR
252, Quai de Belgique — SAIGON

PREMIER DEGRÉ

COMPOSITION FRANÇAISE

Racontez un incendie que vous avez pu observer

DEVOIR

A. — Debut

La nuit avançait. On n'entendait, au loin, dans l'espace, que les sourds aboiements des chiens de garde. Il était dix heures environ, La famille, réunie autour de la grande lampe, causait doucement. Tout à coup, des appels stridents nous firent sursauter tandis qu'une affrayante lueur rougeoya les murs de la pièce.

— Qu'est-ce-donc ? cria le père, en lançant son journal pour écouter.

Mais déjà mon grand-frère se précipita au dehors en disant :

— C'est le feu... Le village brûle... Vite, vite...

B. — Corps du devoir — L'Incendie

1°) — *Les équipes de secours.* — Après quelques brèves recommandations à la famille, tous deux s'élancèrent dans la rue, emportés par un élan de solidarité inquiète. A l'horizon des flammes surgissaient telle une muraille de feu. Son affreuse clarté éclaira d'autres groupes qui venaient, se joignaient à eux. Ils crièrent, appelèrent des camarades et, sans ralentir leur galop, s'interrogèrent, se jetèrent des réponses brèves. Où donc ? Près du carrefour peut-être ? Non, çà venait plus loin. Près du pagodon plutôt.

2°) — *L'œuvre de secours.* — Arrivés sur le lieu, ils virent une foule en délire qui gesticulait, criait, pleurait. Hommes, femmes, enfants s'acharnaient à sauver le plus qu'ils pouvaient. Ils se joignirent aux équipes de secours et, à demi asphyxiés par la fumée, luttèrent pied à pied contre le feu en y jetant des seaux d'eau que leur tendaient des camarades formant des chaînes jusqu'aux puits.

3o) — *Les ravages du feu.* — Le vent, soufflant du Nord-Est, s'enfla progessivement. En quelques minutes, les étincelles avaient franchi la grande route et s'abattaient sur la chaussée opposée. Quelques instants plus tard, la pâtée de maisons n'était plus qu'un immense brasier. Les troncs d'arbres se fendaient d'un bruit sec comme un coup de révolver. Les tuiles éclataient et projetaient des pierres sur la foule. Une sombre écharpe de fumée se déroula alors au dessus du quartier voisin vomissant des cendres brûlantes.

4°) — *L'arrivée des pompiers.* — Puis arrivèrent des voitures de pompiers cornant fiévreusement. La foule les accueillit avec des cris et des hurlements de joie. Le commandant lança quelques ordres brefs et les pompiers, en toute hâte, déroulèrent les tuyaux, mettèrent en marche les moteurs à pompe.

5°) — *Le feu redouble.* — Cependant le feu, attisé par le vent. se développa comme une hydre montrueuse à laquelle poussaient sans cesse de nouvelles têtes et de nouveaux crocs. Il semblait redoubler de rage sous les jets puissants des pompes à incendie. Les braisiers chassés par le vent, franchirent le mince arroyo et atteignirent la maison commune qui flamba comme une boîte d'allumette. Puis des flammes surgirent en plusieurs endroits et crépitèrent simultanément, se fondirent en une énorme masse incandescente. L'immense rideau de fumée devint plus noir encore tandis que les flammes paraissaient plus rouges par contraste.

6°) — *Le feu cesse.* — Alors sans que rien le fît prévoir, les vents cessèrent brusquement. Encouragés par ce calme, les pompiers redoublèrent d'ardeur, gagnant rapidement du terrain.

Là où les flammes rugissaient la seconde d'avant, tout s'éteignait. Une dernière bouffée de fumée monta en soubresauts subits, demeura suspendu dans le ciel, immobile. Des deux villages, il ne restait qu'une immense étendue de ruines fumantes, de débris calcinés, noircis. Mon hameau qui est au nord-est en fut cependant préservé grâce à la saute de vent qui détourna les flammes au dernier moment.

C. — **Conclusion**

Le lendemain, la radio et les journaux annoncèrent en titres sensationnels l'inouï désastre qui privait la population entière des deux villages de ses maisons et de ses biens.

Toutefois le souvenir le plus vivace dans mon esprit et dans celui de tous, c'est l'horrible spectacle des deux cadavres noircis, calcinés, épilés, scalpés, sans nez et sans extrémités.

De la même couleur, dans une même mort,..

DEVOIR PROPOSÉ : Samedi soir, veille des vacances un peu longues (Noël par exemple) les derniers élèves viennent de quitter la classe, la porte s'est refermée avec bruit comme pour manifester une victoire. Dans le soir qui tombe, les tables, le bureau, les livres et tous les objets renfermés dans le placard. disenl leur satisfaction d'être enfin tranquilles.

TRẦN-VĂN-LÂM

PREMIER DEGRÉ

LECTURE EXPLIQUÉE

Le labeur du pêcheur

L'homme est en mer. Depuis l'enfance matelot,
Il livre au hasard sombre une rude bataille.
Pluie ou bourrasque, il faut qu'il sorte, il faut qu'il aille,
Car les petits enfants ont faim. Il part le soir
Quand l'eau profonde monte aux marches du musoir.
Il gouverne à lui seul sa barque à quatre voiles.
La femme est au logis, cousant les vieilles toiles.
Remmaillant les filets, préparant l'hameçon,
Surveillant l'âtre où bout la soupe de poisson,
Puis priant Dieu sitôt que les cinq enfants dorment,
Lui, seul, battu des flots qui toujours se reforment,
Il s'en va dans l'abîme et s'en va dans la nuit.
Dur labeur! tout est noir, tout est froid; rien ne luit.
Dans les brisants, parmi les lames en démence,
L'endroit bon à la pêche, et, sur la mer immense,
Le lieu mobile, obscur, capricieux, changeant,
Où se plaît le poisson aux nageoires d'argent,
Ce n'est qu'un point, c'est grand deux fois comme la chambre.
Or, la nuit, dans l'ondée et la brume, en décembre,
Pour rencontrer ce point sur le désert mouvant,
Comme il faut calculer le marée et le vent!
Comme il faut calculer sûrement les manœuvres!
Les flots le long du bord glissent, vertes couleuvres;
Le gouffre roule et tord ses plis démesurés,
Et fait râler d'horreur les agrès effarés.
Lui songe à sa Jeannie, au sein des mers glacées,
Et Jeannie en pleurant l'appelle; et leurs pensées
Se croisent dans la nuit, divins oiseaux du cœur.

Victor HUGO.

LES MOTS LES EXPRESSIONS :

Matelot = il est matelot depuis son enfance.
Bataille = le pêcheur livre une rude bataille au hasard sombre, parce qu'il doit lutter durement contre les flots, le vent. tous les dangers imprévus.
Pluie ou bourrasque = dù mưa to, dù gió lớn.
Musoir = jetée, construction en maçonnerie qui s'avance loin dans la mer.
Gouverne = dirige, tient le gouvernail (bánh lái).
Remmaillant = vá lỗ lưới (maille).
L'âtre = le feu.
Bout = verbe bouillir (sôi).
Abîme, nuit = l'océan est profond (abîme = hố), et noir.
Luit = verbe luire ; briller.
Capricieux = une personne capricieuse change toujours d'idée; changeant
Nageoire = mang cá.
Ondée = pluie subite, averse (mưa ào).
Désert mouvant = la mer.
Manœuvres = exercices, manières de tenir le gouvernail, les voiles etc..
Grouffre = abîme. Ici, la mer.
Plis = les vagues ressemblent à des plis (lằng xếp).
Démesurés = très longs.
Râler = rên siết (gémir).
Agrès = les instruments qui supportent la voilure.
Effarés = effrayés.
Au sein = au milieu.
Se croisent = se rencontrent.

LES IDÉES:

L'UNITÉ DU PASSAGE

Nous avons un tableau vivant d'une nuit de travail du pêchèur. Dur labeur ! Sa vie n'est qu'une luttte continuelle, sans merci contre le hasard sombre. Voilà l'idée centrale. L'homme est aux prises avec les éléments déchaînés, avec son destin. Il ne saurait se dérober à sa tâche périlleuse. Mais pendant qu'il mène son dur combat contre les flots au milieu des ténèbres et du froid de la nuit, il pense à sa

femme qui travaille aussi à la maison, qui pense aussi à lui et cette pensée le réconforte. La communion des pensées et des souffrances rend moins atroce la séparation et moins redoutables les dangers. La dernière vision qui termine le passage est d'une poésie qui emporte notre imagination dans un monde merveilleux et qui nous fait comprendre en même temps l'attachement profond que ces deux époux éprouvent l'un pour l'autre.

Nous assistons d'abord au départ du pêcheur, le soir, à la marée montante. C'est son habitude de partir à ce moment. Et quel que soit le temps, il doit prendre la mer. C'est une nécessité impérieuse. L'allure énergique des vers le souligne nettement. La vision de la mer cesse pour laisser la place à celle de la femme avec ses occupations quotidiennes : raccommodage, soupe, prière. Et naturellement dans ses prières il pense à son mari, en proie, à cette heure, à la méchanceté des flots. L'image de l'homme et celle de la femme se mêlent à dessein pour traduire la communion de leurs pensées. Le récit du travail reprend et la mer reparaît. L'homme est un grain de sable sur cette immensité. L'océan est un gouffre, un abîme qui engloutit. L'obscurité est perfide ; elle cache les écueils. La nuit est froide. La tempête est comme une folle qui se plaît à tourmenter le pauvre petit être sur sa barque minuscule. C'est au milieu de ces dangers, de ces tourments que le pêcheur se met à la recherche de l'endroit poissonneux. O, tâche surhumaine ! L'endroit change sans cesse de place. Le métier exige tant d'expérience, de sang-froid, de courage, d'adresse ! La tempête fait rage. Les paquets d'eau inondent la barque. Les vagues redoublent de violence. Les agrès craquent. On est au plus fort de la tourmente. C'est en pensant à sa femme que le pêcheur trouve le soutien, la force qui l'aident à traverser l'épreuve.

LE TON DU RÉCIT

On remarque le ton du langage parlé surtout dans les vers qui expliquent combien il est difficile de chercher et de diriger la barque vers le bon endroit. Le poète laisse parler son héros. « Tout est noir, tout est froid ; rien ne luit. » Le pêcheur nous livre ses impressions, comme il les sent, sans artifice. Cela est plus sensible encore dans les vers qui suivent. La phrase est mal construite, les adjectifs

s'accumulent, les comparaisons sont empiriques (grand deux fois comme la chambre). Il éprouve beaucoup de difficultés à s'exprimer, à se faire comprendre, à préciser sa pensée.

On remarque aussi la simplicité du style surtout au début. Sauf le vers 2 qui contient une belle image, le reste est d'un naturel, d'une simplicité qui conviennent parfaitement au sujet. L'allure impérieuse et la répétition expressive des vers 3 et 4 insistent sur la douloureuse contrainte du travail. La phrase sur la femme avec sa série de participes est propre à rendre la modeste activité de l'épouse.

Mais les vers qui peignent la tempête sont parmi les plus beaux du poète. Les métaphores sont saisissantes de vérité. Leur puissance suggestive est incomprable (vertes couleuvres, plis démesurés). Les choses sont personnifiées, humanisées. Les agrès sont effarés et ils râlent d'horreur. Et puis, quelle harmonie ! Comme les sonorités de ces vers aident l'imagination à se représenter la scène horrible. La prédominance des « l » suggère le mouvement rapide de l'eau. La prédominance des « r » imite le ronflement des vagues et les craquements des agrès.

COURS DE MATHÉMATIQUES

PROBLÈMES D'ARITHMÉTIQUE

(classes de 2e & 3e année P. S.)

On retire d'une cuve les $\frac{2}{3}$ de sa contenance moins 40 litres. On retire une deuxième fois les $\frac{2}{5}$ du reste, enfin 84 litres qui restaient. Quel est le volume de la cuve ?

Solution

84 litres représentent le 2e reste ; ces 84 litres sont les $\frac{3}{5}$ du 1er reste. Donc, ce 1er reste était :

$$\frac{84^{l} \times 5}{3} = 140 \text{ litres.}$$

Par suite, ces 140 litres du 1er reste représentent le $\frac{1}{3}$ de la contenance de la cuve **plus** 40 litres. Donc, le $\frac{1}{3}$ de la contenance de la cuve est ;

1401. — 401. = 100 litres.

Et le volume de la cuve est : 1001. x 3 = 300 litres.

Réponse : Volume de la cuve : **300 litres.**

Problème proposé

Une personne laisse en mourant sa fortune à 4 héritiers. Elle en laisse $\frac{1}{3}$ au premier, $\frac{1}{5}$ au 2e, $\frac{1}{9}$ du reste au 3e et 45.317 fr. au 4e.

Quelle est la fortune de cette personne et la part de chaque héritier ?

Réponses :
1o) La fortune est : 109.246 f. 32.
2o) - Part du 1er : 36.415 f. 44.
- Part du 2e : 21.849 f. 26.
- Part du 3e ; 5.664 f. 62.

DEUXIÈME DEGRÉ

COMPOSITION FRANÇAISE

Sujet : Est-il vrai que la scène 2 de l'acte II du Cid est le type de la scène cornélienne ; à la fois par la situation dramatique, par le choc des caractères, par le mouvement du vers et le dialogue.

Développement

Cette scène qu'on appelle scène de la provocation, montre le Jeune Prodrige provoquant courageusement au combat l'invincible guerrier,, qu'est le Comte pour laver la honte infligée par celui-ci à son père. Scène d'un pathétique émouvant

à cause de sa situation dramatique, du choc de deux caractères également fiers et courageux qui se traduit par un dialogue étincelant, vif, plein d'affirmations vigoureuses.

Rien n'est plus dramatique que cette impossibilité pour ces deux hommes d'éviter un combat auquel l'un ne se rend que sous la contrainte de l'honneur et l'autre que par dignité. A vrai dire, la lutte, une lutte à mort, leur est imposée par une fatalité inexorable, un dieu cruel qui les pousse à se tuer pour une question d'honneur. Le jeune homme vengeur de son père se voit obligé d'accuser son beau père à l'acceptation du défi et de passer outre à ses allusions flatteuses et tendres. Le capitaine aux innombrables victoires ne peut reculer sans voir s'écrouler du corps tous ses exploits héroïques. Ils sont moins aux prises l'une avec l'autre qu'avec leur propre destin, leurs propres exigences de gentils hommes qui préfèrent la mort au déshonneur. Rodrigne avec toute la force de sa jeunesse et l'exaltation du devoir fonce avec une joie fébrile qui n'est peut-être qu'un désespoir sublime vers une mort purificatrice ou une victoire qui le grandit Le Comte attend de pied ferme ce jeune héros dont il admire la noblesse de cœur mais qu'il doit sacrifier à sa renommée. Ces deux hommes résolus à ne se faire aucune concession, échangent les ultimes explications qu'ils savent d'ailleurs inutiles avant de se livrer à une lutte sans merci qu'ils considèrent comme la seule issue possible à leur situation.

Plus dramatique encore est le heurt de ces deux caractères également indomptables. L'ardeur juvénile de l'un s'oppose à la tranquille assurance de l'autre. L'indignation rageuse de l'offensé se heurte au mépris hautain de l'offenseur. La force morale de celui qui a conscience d'accomplir un devoir sacré se brise contre la condescendance blessante de celui qni se sait le plus fort. Aucun d'eux ne manque de courage, ni de force car si Rodrigue est trop jeune et trop inexpérimenté il a sa fougueuse jeunesse qui remplace avantageusement l'expérience. Le vieux routier que la guerre familiarise avec les manifestations d'héroïsme, avec les prodiges d'audace et d'intrépidité, accueille avec surprise, avec admiration, avec peut-être une secrète jalousie les déclarations sublimes de ce jeune homme qui fait preuve d'une maîtrise de soi, d'une conscience de sa valeur, d'une lucidité d'esprit bien au-dessus du commun.

Ce choc de deux caractères énergiques éclate en un dialogue mouvementé, entraînant, éblouissant de questions haletantes, pressées et de reparties sèches, tranchantes. Le choc violent du début fait ensuite place aux immortelles paroles de Rodrigue qui affirment avec sérénité sa confiance dans sa valeur précoce. Puis avec une éloquence fiévreuse, une conviction ardente, Il définit en des vers pleins de force la nature de son héroïsme et de sa puissante vigueur. Après le discours du Conte qui marque une accalmie, le dialogue reprend cette fois avec des questions des injonctions qui s'entrechoquent comme des épées.

C'est une scène vraiment cornélienne car nous y trouvons exprimer dans des vers énergiques des sentiments sublimes et une situation atroce où le conflit qui oppose les deux adversaires ne peut se dénouer par la mort de l'un d'eux.

PROBLÈME DE GÉOMÉTRIE

(2e degré : 3e & 4e Année)

Problème I. — On donne un triangle isocèle de base BC = a et d'angle au sommet $\hat{A} = 120^o$ Calculer.

1° les côtés égaux.

2° le rayon du cercle circonscrit.

3° le rayon du cercle inscrit.

4° le rayon du cercle exinscrit dans l'angle A.

(B. E.)

Solution

1° Posons : AB = x

Du sommet A du triangle isocèle ABC, abaissons la hauteur AH, qui est en même temps bissectrice de l'angle A. Donc : $\hat{A}_1 = \hat{A}_2 = \frac{120}{2}\ 60^o$.

Par suite, le triangle ABH est la moitié d'un triangle équilatéral de côtés x.

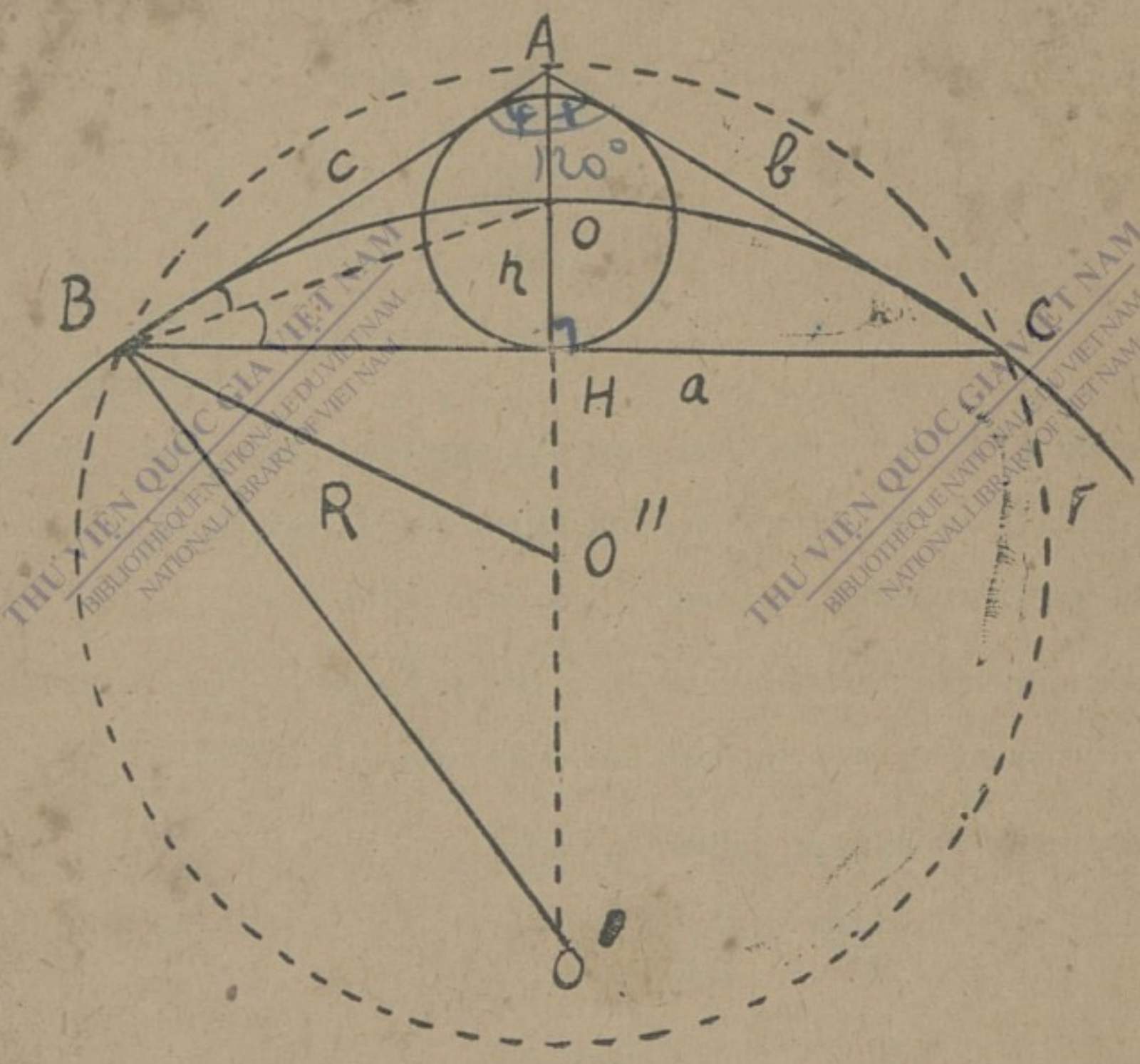

Nous avons : $AH = \frac{x}{2}$

et $\overline{BH2} = \overline{AB2} - \overline{AH2}$

$\overline{BH^2} = x2 - \frac{x2}{4}$

Or : $BH = \frac{a}{2}$; donc : $\frac{a2}{4} = x2 - \frac{x2}{4} = \frac{3x2}{4}$

d'où $AB = x = \boxed{\frac{a\sqrt{3}}{3}}$

2° Soit le cercle de centre O'' circonscrit au triangle ABC.

D'après un théorème qui dit : Le produit de 2 côtés d'un triangle quelconque ABC égale le produit de la hauteur relative au 3e côté par le diamètre du cercle circonscrit, nous pouvons écrire :

bc = 2 R x ha. (R étant le rayon du cercle circonscrit au triangle ABC ; h la hauteur relative au 3e côté BC = a.)

D'où nous tirons : $R = \frac{bc}{2ha} = \frac{\frac{a\sqrt{3}}{3} \times \frac{a\sqrt{3}}{3}}{\frac{a\sqrt{3}}{3}} = \boxed{\frac{a\sqrt{3}}{3}}$

3° Soit O le centre du cercle inscrit tangent aux trois côtés du triangle isocèle ABC. Donc, le centre O est équidistant des 3 côtés de ce triangle ; par suite : BO est la bissectrice de l'angle B, et on a : OH = r.

Dans le triangle ABH, la bissectrice BO de l'angle B divise le côté opposé AH en deux segments proportionnels anx deux côtés AB et BH.

Donc, nous avons la proportion suivante :

$$\frac{OH}{OA} = \frac{BH}{BA}$$

ou : $$\frac{OH}{OA + OH} = \frac{BH}{BH + BA}$$

d'où l'on tire : $$OH = \frac{AH \times BH}{BH + BA}$$

$$OH = \frac{\frac{a\sqrt{3}}{6} \times \frac{a}{2}}{\frac{a}{2} + \frac{a\sqrt{3}}{3}} = \frac{a2\sqrt{3}}{2(3a + 2a\sqrt{3}}$$

$$\boxed{OH : r = \frac{a(2 - \sqrt{3}}{2}}$$

4° Le rayon du cercle exinscrit dans l'angle A est O'H.

Le triangle O'BO est rectangle en B. Ce triangle nous permet d'écrire :

$\overline{BH}2 = O'H \times OH.$

Par suite, nous avons :

$$O.H = \frac{BH2}{OH} = \frac{\frac{a2}{4}}{\frac{a(2 - \sqrt{3})}{2}} = \boxed{\frac{a(2 + \sqrt{3})}{2}}$$

Problème II. Aux extrémités A et B d'une droite, on élève les perpendiculaires Ax et By sur lesquelles on porte des longueurs AC et BD, telles que :

$$AC \times BD = \frac{AB2}{4}$$

1° Si O est le milieu de AB, démontrer que l'on a :

$$\overline{CD2} = \overline{OC2} + \overline{OD2}.$$

2° Montrer que le triangle ODC est semblable aux triangles AOC et BOD.

3° Trouver le lieu géométrique de la projection I du point O sur CD, lorsque les points C et D varient, en vérifiant toujours la relation précédente.

(B. E)

Solution

1° La relation donnée peut s'écrire :

$$AC \times BD = \frac{\overline{AB2}}{4} = \frac{(2\,\overline{OA})2}{4} = \overline{OA\,2}$$

ou : $\frac{AC}{OA} = \frac{OA}{BD}$

ou encore : $\frac{AC}{OA} = \frac{OB}{BD}$

Donc : les triangles rectangles AOC et BOD sont semblables.

Ainsi : $\widehat{O1} = \widehat{C1}$; $\widehat{O2} = \widehat{D1}$

Dès lors : $\widehat{O3} = 180° - (\widehat{O1} + \widehat{O2}) = 180° - \widehat{O1} + \widehat{D1}) = 180 - 90 = 90°$

Le triangle COD est donc rectangle en O, et nous avons :

$$\overline{CD2} = \overline{OC2} + \overline{OD2}$$

2°) Les triangles semblables AOC et BDO donnent :

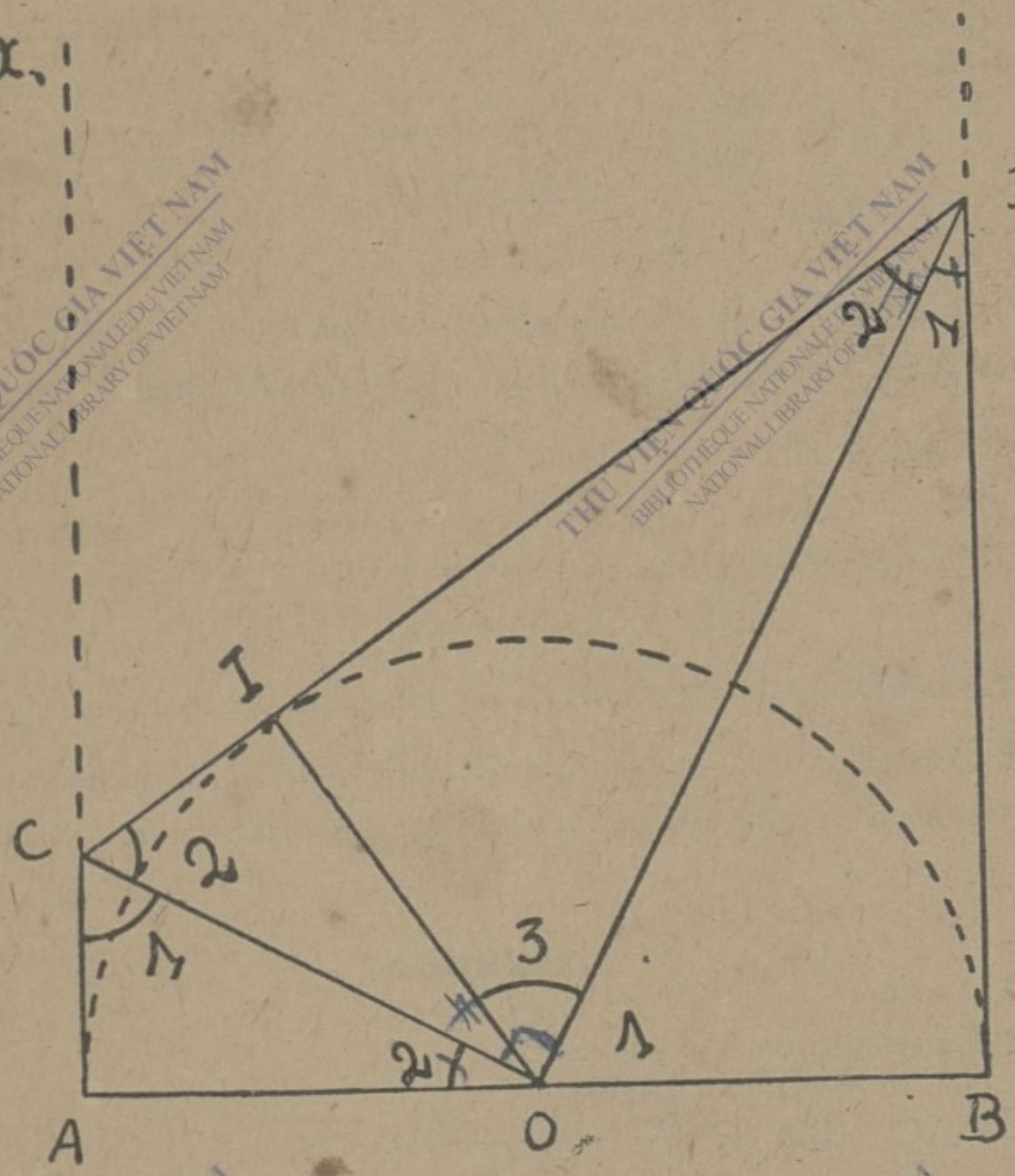

$$\frac{OC}{OD} = \frac{OA}{BD}$$

Ce qui peut s'écrire encore :

$$\frac{OC}{OD} = \frac{OB}{BD}$$

Cette dernière proportion nous permet de dire que les triangles BDO et ODC sont semblables.

3°) Puisque $\widehat{BDO}$ et $\widehat{ODC}$ sont semblables nous pouvons écrire :

$$\widehat{D2} = \widehat{O2}$$

Les angles $\widehat{COI}$ et $\widehat{D2}$ ayant leurs côtés respectivement perpendiculaires, sont éganx :

$$\widehat{COI} = \widehat{D2} = \widehat{O2}$$

Par suite, le triangles rectangles COI et COA sont égaux car ils sont l'hypoténuse $\underline{\underline{CO}}$ commune et un angle aigu égal.

$$\text{Donc : } IO = OA = OB$$

Cette dernière relation montre que le point I est constamment sur la demi-circonférence de diamètre AB.

Réciproquement : soit I un point quelconque de cette demi-circonférence. Traçons la tangente en ce point et soient C et D les points où elle coupe Ax et By.

Nous avons successivement :

$$\cancel{IC} = AC : \cancel{ID} = DB.$$

$$\text{et } \overline{IO}\,2 = IC \times ID$$

$$\text{ou : } IO\,2 = AC \times DB$$

$$\text{Mais : } IO = \times \frac{AB}{2}$$

$$\text{Donc : } \frac{AB}{4}\,2 = AC \times DB$$

Annsi, tous les points I de la demi-circonférence répodent à Ia question ; et le lieu géométrique de I est la demi-circonférence de diamètre AB.

ALGÈBRE

Problème sur les courriers

Problème I. — Deux voyageures se trouvent ensemble en un point C sur une route droite AB. L'un se dirige de C vers B en faisant 4 km. 4 à l'heure, l'autre de C vers A à une vitesse de 5km. 8 à l'heure. Ils partent ensemble à midi et demi. A quelle heure seront ils séparés l'un de l'autre par une distance de 38 km 450 ?

On fournira 2 solutions, dont l'une par la méthode graphique.

(B. E.

Solution algébrique.

Au bout d'une heure, les voyageurs sont séparés par une distance de :

$$5 \text{ km. } 8 + 4 \text{ km. } 4 = 10 \text{ km. } 2.$$

La distance qui sépare les 2 voyogeurs sera de 38 km. 450 ; donc, ils seront séparés l'un de l'autre au bout de :

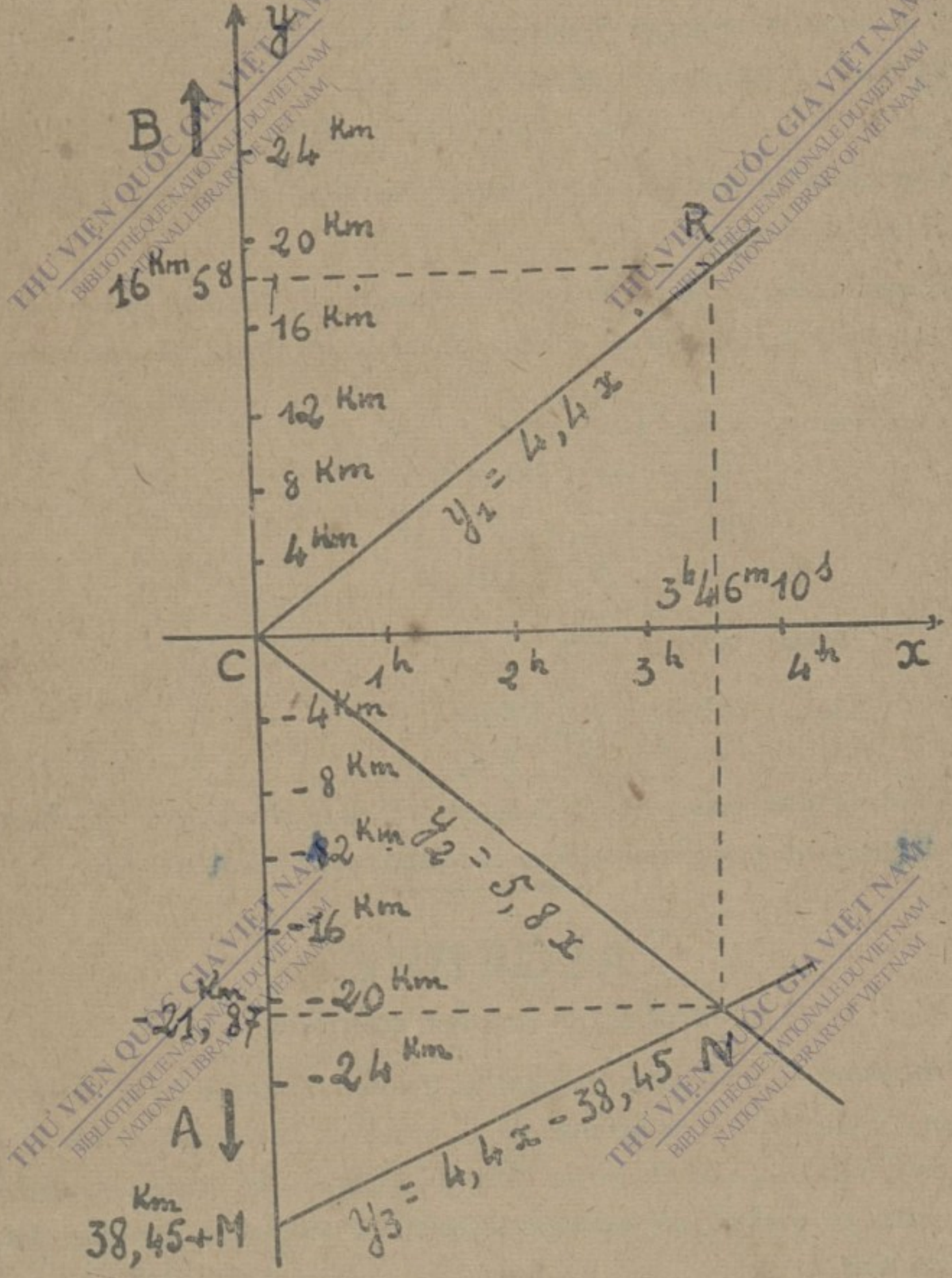

$$\frac{38.450}{10,2} = \boxed{3\text{h } 46\text{mn } 10\text{s.}}$$

Solution graphique

En prenant pour sens positif le sens AB, la vitesse du voyageur allant de C vers B est : + 4km4 et celle du voyageur allant de C vers A est ; — 5km8. Les distances parcourues respectivement à partir de C au bout d'un temps x, sont:

$$Y_1 = 4,\ 4\ x \text{ et } Y_2 = -\ 5{,}8\ x,$$

Représentons ces deux fontions Y_1 et Y_2. Le point C étant choisi comme origine, les 2 droites Y_1 et Y_2 passent en C. Il suffit de déterminer un autre point, par exemble la postion des 2 voyageurs au bout de 2 heures de marche. Nous obtenons les points D et E.

Les droites CD et CE sont les représentations demandées.

Pour avoir la solution du problème, supposons un 3ème voyageur partant du point M. à une distance de 38km 450 du point d'origine C, avec la même vistesse que celle du 1er voyageur, soit 4km 4.

Représentons la marche de ce voyageur fictif par le droite CD et à une distance de 38km 450 du point d'origine C.

Le point de rencontre de ce voyageur fictif avec le 2ème voyageur donne la solution, du problème. En effet, du point de rencontre N, abaissons la perpendiculaire NR qui coupe l'axe des x (heures) à la division : 3h 46mn 10s. De N et R, abaissons les 2 perpendiculaires NA et RB qui coupent l'axe des y (distance) aux divisions — 21,87 et + 16,58.

La somme des valeurs absolues de — 21,87 et + 16 58 est égale à 48,km 450.

TRÍ-ĐỨC
Professeur,

TẬP CẦN HỌC

CÓ ÍCH CHO TA, CHO BẠN TA VÀ CON CHÁU TA VỀ SAU. NẾU ĐÓNG LẠI VÀ ĐỂ DÀNH KỸ LƯỠNG CŨNG NHƯ CÓ MỘT ÔNG GIÁO TRONG NHÀ.

ANGLAIS PRATIQUE

Chers lecteurs,

A partir de ce numéro, notre collaborateur Mr. TRI-DUC, professeur d'Anglais et de Mathématiques, se chargera des cours d'Anglais (Anglais pratique & littéraire) dont les leçons et les lectures seront rédigées et expliquées suivant *une nouvelle méthode concrète et rationnelle,* répondant ainsi au besoin de tous les lecteurs désireux de se perfectionner en cette langue étrangère.

La Rédaction,

LEÇON DE CONVERSATION

In a bookshop	*Dans une librairie*
inn eu boukshop	
— What do you want (1) sir ? (2) **whott dou ijou wontt, seur**	— Que désircz-vous, monsieur ?
— I want an (3) English dictionary. **œi wontt eun innglish dicsheuneuré**	— Je voudrais un dictionnaire anglais.
— Here it is sir. Do you want anything **hïeu it iz, seur dou ijou wontt énédzing** else ? (4) **èllseu.**	— Le voici, monsieur. Voulez-vous quelque chose encore ? (ou : quelque autre chose ?)
— Let me see (5) . . . Have you any **lèt mi si hève ijou éné** English novels ? **innglish novenlz**	— Voyons.... Avez-vous des romans anglais ?
— Yes, sir, you will find (6) them on **iess, seur ijou will faïnd dzèm onn** that table **dzat tébeul.**	— Oui, monsieur, vous les trouverez sur cette table-là.
— How much is this one (7) ? **haou meuch iz dziss oueune**	— Combien est celui-ci ?

— Twenty-five piastres, sir.
touènty-faive piesteuz, seur.

— Have you a practicale English
hève ijou eu practikeul innglish mèdzod
method for vietnamse people.
for Vietnamize pipeul.

— Yes, sir, you can find it over there.
ïes, seur, ijou khènn faind it ôveu dzèr
near the cashier.
nien dze kèshieu.

— Have you another dictionary in
hève ijou ennodzeu dicsheuneuré inn
two languages ?
tou lènguidge.

—Yes, We have a good French-English
ïes, ouï hève eu goud frènch-innglish
and English — French dictionary
end innglish — frènch dicsheuneuré
coming from France.
kheuming freum frannce

— How much is it ?
houv meuch iz it

— One hundred and twenty piastres.
oueune heundrèd ènd touènty pièsteuz

— Oh ! it is too dear ! Can you
0 ! it iz tou dïeu khèn ijou
reduce the price ?
ridiouce dze praïce

— Oh ! no, we can't (8) because we
ô nô ouï khèntt bicôze ouï
sell at fixed prices.
sèll ètt fixt praïciz.

— Vint-cinq piastres, monsieur.

— Avez-vous une méthode d'Anglais pratique pour les Vietnamiens ?

— Oui, monsieur, vous pouvez la trouvez là-bas,
près du caissier (ou : caissière).

— Avez-vous un autre dictionnaire en 2 langues ?

— Oui, nous avons un bon dictionnaire Français-Anglais et Anglais-Français venant de France.

— Combien est-ce ?

— 120 piastres.

— C'est trop cher ! Pouvez-vous réduire le prix ?

— Oh ! non, nous ne le pouvons pas, car nous vendons à prix fixe.

EXPLICATIONS

Remarque.- La prononciation figurée se trouve au-dessous de chaque *phrase*.

1) **Notes explicatives et Remarques grammaticales.** — (1) *do you want* : (forme interrogative) voulez-vous. Pour former une phrase interrogative, nous devons ajouter l'auxilliaire **do** devant sujet (you), tandisque **want** joue le rôle d'infinitif.

2) *Sir* : monsieur. S'emploie quand on s'adresse à un homme. *Monsieur* suivi d'un nom propre se traduit par Mr. (Misteu) Ex : *Mr Ba*.

3) a, an : (article indéfini) un, une. *a* s'emploie devant un nom commençant par une *consonne* ; *an*, devant un nom commençant par une voyelle.

4) else (adj. indéfini) : autre, d'autre, de plus. Cet adj. suit toujours un pronom indéfini, ou pronom interrogatif. Ex. : *have you anything else to say* : avez quelque chose encore (ou : quelque autre chose) à dire ? ; *Nobody else* : personne autre,

5) to let : laisser, donner en location, permettre. Ex : *let* me tell you that... : laissez-moi vous dire que.... ; a house *to let* : une maison à louer ; The doctor will not *let* him get up : le docteur ne veut pas lui permettre de se lever.

— let me see : *littéralement* : laissez-moi voir ; traduisons par : Voyons... Ici, le verbe to let s'emploie au mode impératif. Donc, pour conjuguer un verbe au mode impératif, nous devons ajouter devant ce verbe : *let* et un pronom personnel complément. Ex. : *let us* pray : prions.

6) *Will find* : (futur du verbe to find): trouverez. Pour conjuguer un verbe au temps futur, on doit ajouter devant ce verbe les auxilliaires *shall et will* ; shall s'emploie à la 1re personne du sing. et du plur., *will*, à la 2e et la 3e personne du siug. et du pluriel. Ex. : *I shall* come : je viendrai ; they will come : ils, elles viendront.

7) this one (pronom démonstratif) : celui-ci, celle-ci (ici : ce roman).

Littér. : *this* (adjec. démonstratif) : ce, cette ; *one* : (pronom personnel indéfini), remplace ici : *novel*.)

— *that one* : celui-là, celle-là.

8) can't : contraction de cannot. Can : (verbe défectif) pouvoir. Ex. : I *can* speak English : je peux parler Anglais.

CÁO LỖI

Cùng quí bạn đọc giả, vì không đủ chỗ nên chúng tôi xin đình lại ít bài trong số này để in vào số sau.

C, H.

II) Grammaire

PRONOMS PERSONNELS

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIET NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIET NAM

Sujet simple:

I : je
aï
Thou
dzaou
You
ijou
} Tu

He : il (homme)
hi
She : elle (femme)
Shi
It : il, elle (chose, amimal)
itt
One: on (indéfini)
oueun
We ; nous
ouï
You : vous
ijou
They : ils, elles (personnes. choses, animaux)
dzéi

Complément simple :

Me : me, moi
mi
Thee
thi
You
} Te, toi

Him : le, lui (homme)
him
Her : la, elle (femme)
heu
It : le, lui, la, elle (chose, animal)
itt
Us : nous
euss
You : vous
ijou
Them : les, eux
dzèm
One : quelqu'un, vous (indéfini).
oueun

a) Les pronoms personnels jouant le rôle de complément direct ou indirect se placent toujours **après** les verbes.

Ex : He sees **me** : il **me** voit.

b) **One** : on (indéfini) Ex : **One** cannot say... : **on** ne peut pas dire. **one** : vous (indéfini). Ex : it does not phease **one** to hear such remarks : cela ne **vous** fait pas plaisir d'entendre de pareilles remarques.

ANGLAIS LITTÉRAIRE

Lecture expliquée

TEXTE

PHILEMON AND BAUCIS'S (1) VILLAGE

Their cottage stood on a rising ground (2), at some short distance from a village which lay (3) in a hollow valley that was about (4) half a mile in breadth. This valley, in past ages (5), when the world was new, had probably been the bed of a lake. There fishes had glided to and fro (6) in the depths, and waterweeds had grown along the margin, and trees and hills had seen their reflected images in the broad and peaceful mirror. But as the waters subsided, men had cultivated the soil, and built houses on it, so that it was now a fertile spot, and bore no traces of the ancient lake, except a very small brook which meandered through the midst of the village. and supplied the inhabitants with water. The valley had been dry land, so long that oaks had sprung up, and grouwn great and high, and perished with old age, and been succeeded by others as tall and stately as the first. Never was there a prettier or more fruitful valley. The very sight of the plenty around them should have made the inhabitants kind and gentle, and ready to show their gratitude to Providence by doing good to their fellow creatures

TRADUCTION

LE VILLAGE DE PHILEMON ET DE BAUCIS

Leur chaumière se trouvait sur une hauteur, à une petite distance d'un vilage situé dans une vallée profonde qui avait environ un dem-mille de largeur. Jadis, quand le monde était nouveau, cette vallée avait été probablement le lit d'un lac. Des poissons s'étaient glissés çà et là dans ses profondeurs et des plantes aquatiques avaient poussé sur ses bords, des arbres et des collines avaient vu leur image réfléchie dans le vaste et calme miroir. Mais, comme les eaux s'étaient retirées, des hommes avaient cultivé le sol et y avaient construit des maisons, de sorte que c'était à présent un endroit fertile, ne portant aucune trace de l'ancien lac, sauf un très petit ruisseau qui traversait en serpentant le milieu du village, et fournissait de l'eau aux habitants. Le vallée était asséchée depuis si longtemps que des chênes, qui y avaient poussé, étaient devenus gros et grands, étaient morts de vieillesse, et avaient été remplacés par d'autres aussi grands et aussi imposants que les premiers. Il n'y eut jamais de vallée plus belle ou plus fertile. La vue même de l'abondance qui régnait autour d'eux aurait dû rendre les habitants bons et doux et prêts à témoigner leur gratitude à la Providence en faisant du bien à leurs semblables.

Nathaniel Hawthorne

NOTICE BIOGRAPHIQUE DE L'AUTEUR. — Nathaniel Hawthorne est un romancier américain ; il est né à Salem (Etats unis) en 1804 et auteur de " La maison aux sept pignons ".

PRONONCIATION DE QUELQUES MOTS DIFFICILES. — *Hollow valley* = hollôu vèli ; *Mile* = maïle ; *Breadth* = brèth ; *World* = oueurld, *Probably* = probeblé ; *Glided* = glaïdid ; *To and fro* = tou and frou ; *Grown* = grôoun ; *Margin* = mâdzin ; *Reflected images* = Riflèktid imidjes ; *Subsided* = seubsâïdid ; *Built* = bilt ; *Fertile* = feutaïle ; *Ancient* = énsheunt ; *Meandered* = mièndeurd ; *Through* = throu ; *Supplied* = seuplaïd ; *Sprung up* = spreun eup ; Succeeded = seuksidid ; *Prettier* = pritieur ; *Fruitful* = froutfoul ; *Gratitude* = grètitioude ; *Creature* = Kritcheur.

NOTES EXPLICATIVES ET REMARQUES GRAMMATICALES. — (1) *Philemon and Baucis* = deux époux de la mythologie : leur nom a passé dans la langue comme symbole de l'amour conjugal.

2) *A rising ground* = Littéralement : une terre montante. Traduisons par : une hauteur.

— Rising = (participe présent du verbe to rise) = montant

— To rise = lever, s'élever

— The sunrise = le lever du soleil.

(3) *Lay* = (passé de to lie) s'étendait, se couchait, se trouvait.

(4) *About* = environ, au sujet de, vers, sur le point de, çà et là, autour de. Ex : The valley was *about* half a mile in breadth = la vallée avait environ un demi-mille de largeur ; I have no opinion *about* this affair = Je n'ai pas d'opinion au sujet de cette affaire ; I met him *about* six o'clock = Je l'ai rencontré *vers* six heures. The man was about to die = l'homme était *sur le point* de mourir. His books are scattered *about* = ses livres sont éparpillés *çà et là* I hear a confused noise *about* me = j'entends un bruit confus *autour de* moi.

(5) *In past ages* = Autrefois, jadis. — Age = âge. longtemps, siècle. Ex : what is *your age* = quel âge avez-vous ? ; It is *an age* since I saw him = il y a un temps infini que je ne l'ai vu ; I have known him for *ages* = il y a des siècles que je le connais.

(6) *To and fro* = de long en large, avec mouvement de va-et vient. Ex : He paced the room *to and fro* = il se promenait *de long en large* dans la salle.

(7) *which meandered through* = littéralement: qui serpentait à travers... ; la posposition : *through*, exprime l'action, tandis que le verbe : *meander* joue le rôle d'une locution adverbiale qui indique la manière dont cette action s'accomplit. Donc, cette phrase se traduit par: qui traversait en serpentant.

(8) *Others* = (pronom indéfini, variable) les autres.

(9) *Never there was* = *inversion* de: There was never. Pour renforcer le sens de l'adverbe *Never*, l'auteur emploie cette inversion qui, en outre, donne plus de vivacité à la tournure da la phrase.

(10) *The very sight of...* = la vue même de. Very est employé ici comme adjectif. Ex : on the *very* day of his birth = le jour *même* de sa naissance. Very employé comme adverbe signifie: très Ex : He is *very* good: il est *très* bon.

(11) It should have made = should exprime ici l'obligation d'un fait : Elle aurait dû rendre.

TRÍ - ĐỨC
Professeur

PHÁP VĂN BỔ-TÚC

CONVERSATIONS (NÓI CHUYÊN)

Comment écrire une lettre et l'envoyer.	*Viết thơ và gởi thơ cách nào*
— Qu'avez-vous donc Hai ? vous semblez triste.	— Chú Hai có việc gì mà coi bộ buồn hiu vậy ?
— Je suis inquiet, monsieur. mon frère est à Dalat depuis un mois, et je n'ai point de ses nouvelles.	— Thưa ông, tôi có một mối lo trong bụng : là Anh tôi đi Đi Đà-lạt được một tháng rồi mà chưa được tin tức gì cả.

— Combien de fois lui avez-vous écrit ?

— Je ne lui ai pas encore écrit ; car cela m'embarrasse de faire une lettre : je ne saurais comment m'y prendre.

— Je crois que vous vous trompez, Hai ; vous savez faire une lettre sans vous en douter.

— Oh ! cela m'étonnerait, monsieur, car je n'en ai jamais fait.

— Vous voulez qu'à nous deux, nous essayons d'écrire une lettre à votre frère ?

— Oh ! oui, monsieur ; je serais si content de lui écrire !

— Eh ! bien, commençons... « vilain, désagréable, détestable frère!... » Est-ce là ce que vous voulez lui dire d'abord ?

— Non, non, Monsieur.

— Pourquoi, pas ?

— Parce que ce serait grossier et malhonnête.

— Essayons autrement alors. « Mon cher frère! ...» Est cela maintenant ?

— C'est cela même.

— Eh bien, mon ami, vous pensez donc que, quand nous écrivons une lettre, la première règle à observer est la suivante : ne rien dire de désagréable ! Continuons: « jeudi dernier, la moitié du village a été brûlée et... »

— Chú có viết thơ cho Ảnh mấy lần rồi ?

— Tôi chưa viết thơ cho Ảnh lần nào hết ; bởi vì viết thơ thì tôi lúng-túng lắm, chẳng biết tính làm sao.

— Chú Hai tôi tưởng chú lắm, chắc chú biết viết thơ mà chú tưởng viết không được.

— Vậy sao ông ! nếu thật vậy thì sự lạ : vì tôi chưa viết thơ khi nào hết.

— Vậy thì bây giờ chú muốn 2 ta cùng nhau thử viết một bức thơ gởi cho Anh chú không ?

— Thưa ông, được lắm ! tôi sẵn-sàng để viết thơ cho anh tôi !

— Vậy, ta khởi sự viết... « ớ anh tồi, khó thương, đáng ghét ...! » Có phải chú định viết ở đầu bức thơ như vậy không ?

— Thưa ông, không, không, đâu.

— Tại sao không viết vậy ?

— Thưa ông bởi vì viết như vậy thì thô-kệt và bất ngoan quá.

— Ta thử viết lại vầy ! chào anh yêu quí của tôi ! » như vậy được không ?

— Dạ. được lắm.

— À thế là anh hiểu rằng khi ta viết thơ thì điều cần nhất phải giữ là: chẳng nên dùng lời thô-kệt lỗ mãng. Ta lại viết tiếp : « Thứ năm trước bà hỏa thiêu hết nữa làng và ... »

1 Jn 18/9 50

— Non, non, je ne dirai pas cela. Ce n'est pas vrai, vous le savez bien ; il n'y a point eu d'incendie.

— Vous pensez donc que dans une lettre, il ne faut rien dire de faux. Alors changeons la phrase de cette manière : « La nuit dernière, notre chatte a donné trois petit chats. » Pour le coup, celà est bien vrai, vous venez de me le dire à l'instant.

— Oui cela est vrai... mais je n'aimerais pas à écrire cela.

— Mais puisque cela est la vérité, pourquoi ne vousdriez-vous pas l'écrire ?

— Parce que je crois que cela ne mérite pas d'être mis dans une lettre.

— Alors, mon amis, vous pensez que quand nous écrivons, nous devons observer les règles suivantes : ne rien dire de désagréable ; ne rien dire de faux ; ne rien dire d'insignifiant. Ai-je bien compris ?

— Oui, monsieur.

(à suivre)

— Không, không tôi chẳng viết vậy. Hẳn dư biết điều đó không thật, làng ta đâu có bị hỏa hoạn bao giờ.

— Vậy thì chú biết rằng trong thơ không nên viết sai sự thật chút nào. vậy ta đổi câu ấy ra như vầy : « Đêm hôi hôm, con mèo cái nhà ta đẻ được ba con. » câu nầy trúng thật, anh vừa nói chuyện với tôi khi nãy.

— Dạ phải chuyện ấy có thật... nhưng tôi không muốn viết như thế.

— Nếu đó quả là sự thật thì tại sao chú lại không muốn viết ?

— Vì lẽ rằng tôi tưởng chuyện ấy không đáng viết trong một bức thơ.

— Vậy lhì chú nghĩ rằng khi viết thơ ta phải giữ những điều sau này :
Đừng dùng câu nào khiếm-nhã ;
Đừng đặt điều giả-dối ,
Đừng viết chuyện tào-lao vô-ích,
Có phải vậy không ?

— Thưa ông phải vậy.

(còn nữa)

Tôi lại trả lời câu hỏi nầy của tôi nữa: Tục ngữ Việt-Nam ta có câu: «Một mặt người bằng mười mặt của,» lại có câu: «Của ở chơn ở tay.» Kiếm chơn-lý ở hai câu nầy, thì kẻ làm cha mẹ cần phải khai cái mỏ «Thiên-lý» và cái mỏ «Nhơn-đạo», để kiếm lấy một thứ khoáng-vật làm tài-liệu vẽ mày vẽ mặt, nắn tay nắn chơn cho con mình, khiến trở nên nhơn-cách hoàn-toàn, ấy là món của chơn chánh đặc-biệt để dành cho con vậy. Cái món của ấy, dầu đứa con hư thân dại nết cũng không có thể đem huy-hoắc vô các nơi: điếm bài, sòng bạc, đài vó, quán cà được; mà lấy chẳng cùng, dùng chẳng hết, há chẳng phải là kho vô tận của tạo-vậtđó sao?

Cái mỏ của ấy khai ở đâu ra? Kêu là mỏ « Thiên-lý » và mỏ « Nhơn-đạo » kia, sản sanh tại thế-giới « Thánh hiền », do nhựt-tinh nguyệt-hao chung đúc nên, nó là thứ khoáng-vật « Đạo-đức » đó.

Thứ khoáng-vật « Đạo-đức » đó, nó có thể nuôi-nấng cho con mình sống, gầy- dựng cho con mình nên, vì nó là cái nguyên-liệu rèn nên con dao báu đẽo gọt thân mình, đúc nên « của tin » trao-đổi với người. Lấy đó làm món của để dành cho con, thì cái giá-trị trộm-tưởng còn trọng-yếu hơn « Rương vàng » nữa.

Tôi thấy rõ cái chơn-lý như thế, nên tập làm nhà kỹ-sư chuyên-môn khoa « Lý-học », tìm đất tới nơi thế-giới « Thánh-hiền » mà khai những mỏ « Thiên-lý » và « Nhơn-đạo », kiếm lấy nguyên-liệu « sửa mình đãi người », mà biên thành cuốn sách « khoa-học » nầy, để làm Rương Vàng Của Con Tôi. Cái hình thức của nó chỉ là một xấp giấy đó thôi, nhưng con tôi nó sẽ trân-trọng nét mực của cha nó mà coi ngang sức với « Rương vàng » của con nhà cự-phú. Vì tôi không phải là nhà tư-bổn, cái món của để dành cho con chẳng gì khác hơn là xấp giấy về chủ-nghĩa nầy. Vả lại tôi chẳng dám nhận lấy trách-nhiệm « thầy đời », cái nầy chỉ để dành riêng làm « Rương vàng của con tôi », ngoài ra nếu các ông các bà là cha mẹ người ta có ghé mắt ngó qua mà lượm lặt đặng một hai, điều đó đối với tôi là sự quá vọng.

(còn nữa)

DANH SÁCH QUÝ ĐỘC-GIẢ MUA DÀI HẠN

Ông Nicolas Trương-vĩnh-Tống, 18b Taberd Saigon	6 tháng	110$
— Dương-ngọc-Minh, 206 Pierre Pasquier Cholon	3 tháng	55
— Tại, 138/7 Lagrandière Saigon	»	55
— Thời, Hội tin lành Galliéni Saigon	»	55
— Út, 48 Passage Bourdais Saigon	»	55
— Hiền, 49c Audouit Saigon	»	55
— Phan-tấn-Ba, 319/14 Lefèbvre Saigon	»	55
— Nguyễn-vinh-Hòa, 3/2 Duranton Saigon	»	55
Thầy Ba Độ, Cadastre Saigon	6 tháng	110$
— Lê-văn-Khai, Propriétaire Tràvinh	3 tháng	65
— Hoa, Commissariat Central Saigon	»	55
— Ban-Ngôn, Commissariat Central Saigon	»	55
— Lương-văn-Thanh, 33 Pierre Besson, Kratié Cambodge	6 tháng	125$
— Frère Michel, Catéchiste Cáinhum	12 tháng	220
— Châu-Phát, 13 Gialong — Huế	6 »	125
— Cô Thu-Vân c/. M. Nguyễn-hữu-Trác, P.T.T. Tàyninh	3 »	65

HỘP THƠ

Cùng quý vị độc-giả ở Namvang,

Cho khỏi mất báo và mau đến tay thì từ số VIII sắp lên, xin mời quí Bạn đến Nhà sách *Hon-Du*, Đại lý C. H. số 4 đường Delaporte P.P. lảnh báo gởi tại dày.

C. H.

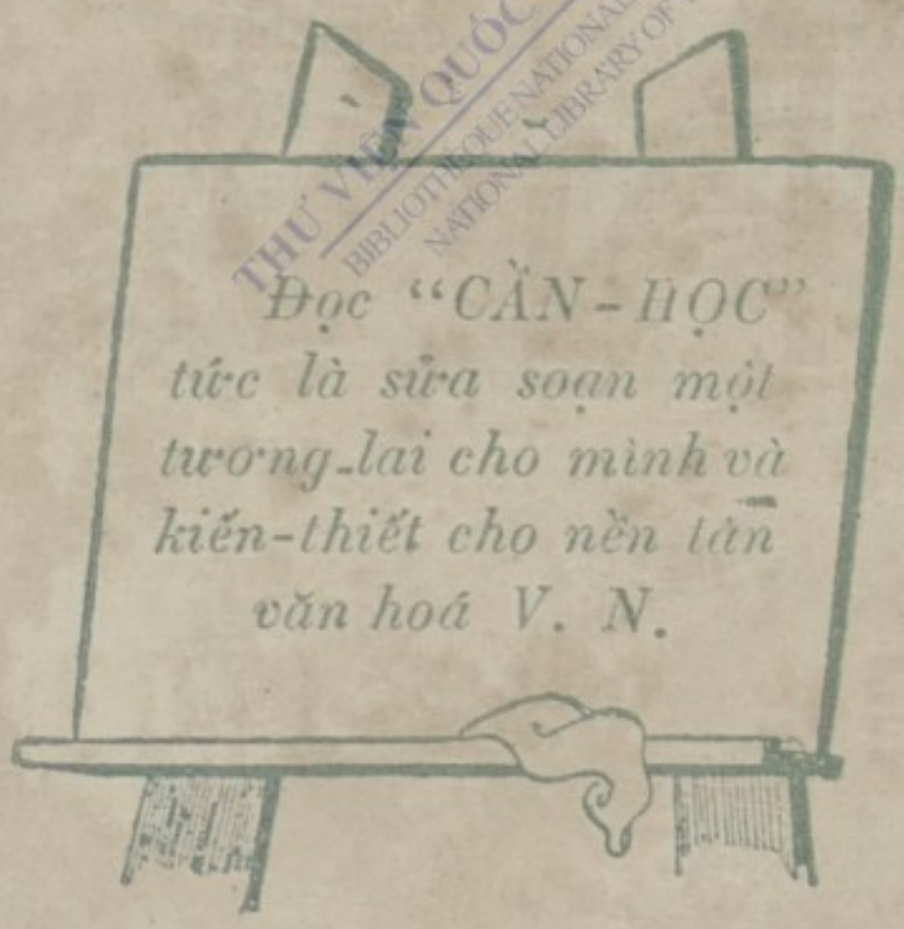

GIÁ MUA DÀI HẠN

Saigon - Cholon - Giadinh		Lục-tỉnh, Trung, Bắc Miên và Lèo	
12 tháng 50 số	200$	12 tháng	220
6 » 23 »	110$	6 tháng	125
3 » 12 »	55$	3 tháng	65

Ngân phiếu xin đề : **Mr Ngô-van Than**
50, đường Pellerin — Saigon

- IN TẠI NHÀ IN -
THANG-LONG SAIGON

Giấy phép số 189/T.X.I
Ngày 25 tháng 5-19

LỘC DE PHỔNG SỰ CHANH

ÉDITIONS PÉDAGOGIQUES

CANHOC

TẬP VIII

với sự hợp-tác của quí ông :

TRƯƠNG-V-TỐNG	Nhà học-giả	
HUỲNH-T-TRỌNG	Y-khoa Bác-sĩ	
NGÔ-TẤN-HUỲNH	Giáo-sư Pháp-văn	
TRỊNH-VĂN-MAI	—	—
TRẦN-VĂN-LÂM		—
VỦ-HỮU-TIỀM	—	— V. N
TRI-ĐỨC	— T. H. A. V.	
CHÂU-SÁNG-THẾ	—	Anh-văn
HOÀNG-TR.-VIỆT	—	Việt-ngữ
TRÚC-KHANH	Thi - sĩ,	văn - gia
QUỐC-ẤN		—
LÊ-HƯƠNG		—
LƯU-ĐÌNH-KHẢI	G.Đ. T. Mỹ-thuật	
BÙI-VĂN-KĨNH	Giáo-sư Hội-họa	
THÁI-VĂN-CẨN	—	—
TRẦN-ĐÌNH-NHU	—	Hoa-văn
THIẾU-L-QUÂN	— Tốc-ký V.N.	

Phòngvăn : **50, Pellerin - SAIGON**

Giá { Nam-bộ . . . . 5$00
Trung Bắc Miên Lào 6$00

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIỆT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIET NAM

ĐAI-THANH

TIỆM ĐỜN « ĐẠI-THÀNH »

166, *đường Bourdais — SAIGON*

Chủ-nhơn : LÊ-TIẾN-THIỆU

Mới sang bộ trống « Batterie de Jazz de luxe ». Bán đủ thứ đờn và các nhạc cụ Việt-Pháp. Xin bảo đảm với quý bạn, nếu đờn sai cung phím, không kêu xin trả lại. Mời quí Ngài chiếu cố

THUỐC BỔ HUYẾT

HUYẾT-TRUNG-BŨ'U

ĐẠI-QUANG

Bổn dược-phòng có tạng sách thuốc cho mỗi gia-đình nào cho địa-chỉ và gởi theo 0$60 tiền cò, chúng tôi sẽ gởi đến.

No 27 Boulevard Tổng Đốc-Phương

CHOLON

HIỆU NOVA

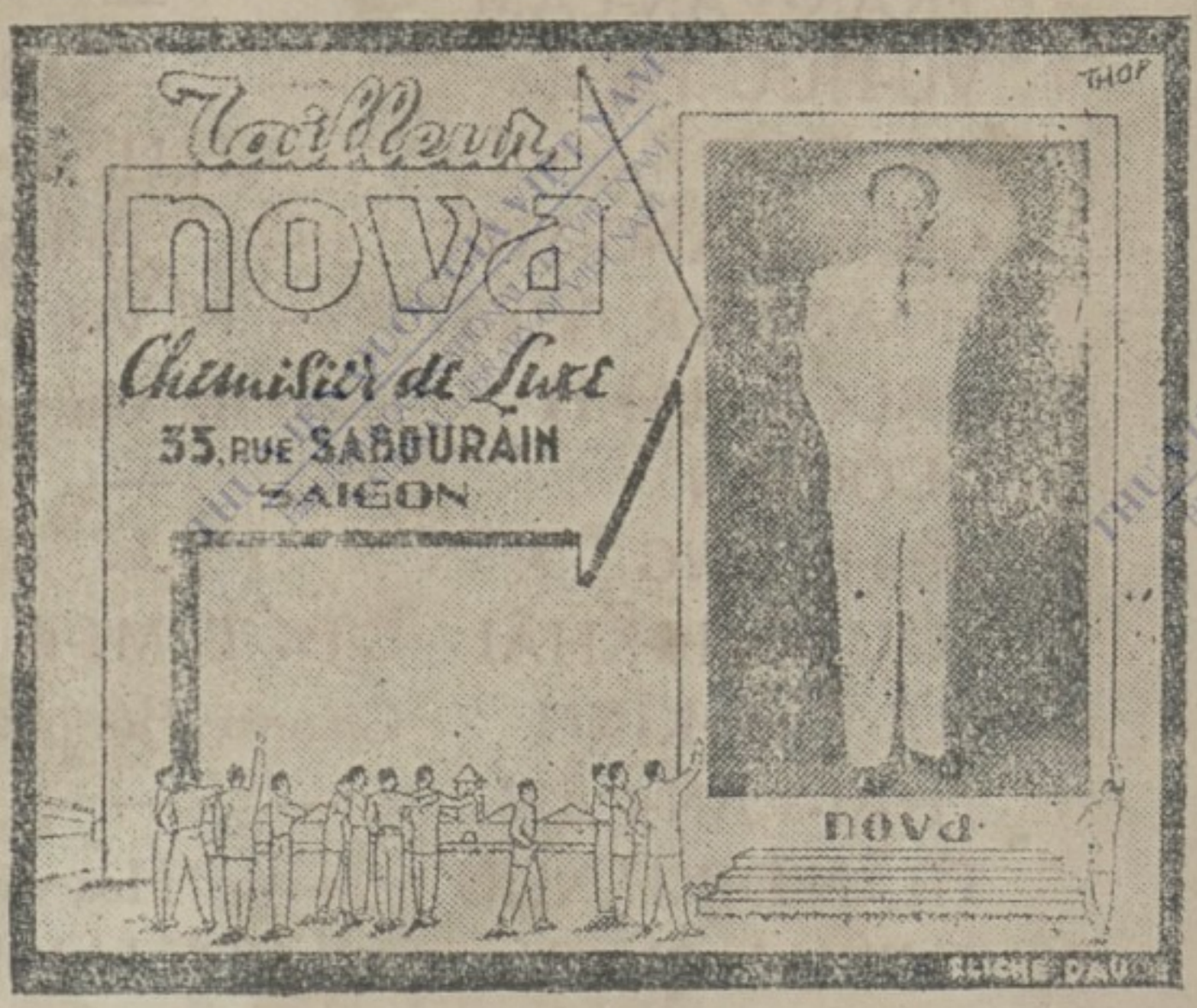

MAY Y-PHỤC

và

CHEMISE

Sang Pháp và trong xứ rất danh tiếng khắp nơi.

Có nhiều hàng và đẹp vừa ý quí ngài

33, đường SABOURAIN

Gần chợ SAIGON

Giây nói : Cardi, 43

Préparation au C.E.P.

& Cours de Perfectionnement

ORTHOGRAPHE

BRUITS D'AUTOMNE

A la fin de septembre, la cueille des fruits n'est pas encore faite, et mille crépitations inusitées font ressembler les arbres à des êtres animés. Une branche grince, en se courbant, sous un poids arrivé tout à coup à son dernier degré de développement, ou bien une pomme se détache et tombe à vos pieds avec un son mat sur la terre humide. Alors vous entendez fuir, en frôlant les branches et les herbes, un être que vous ne voyez pas : c'est le chien du paysan, qui se glisse partout, qui ne dort jamais.

George Sand

(*La mare au diable*)

QUESTIONS

1. Expliquez : crépitations inusitées, un son mat frôlant les branches.

2. Quels sont les bruits spéciaux à la fin de septembre que note l'auteur ?

3. Relevez et analysez les noms de la première phrase de la dictée.

RÉPONSES

1. Explications

Crépitations inusitées : bruits secs non usités, non habituels, inaccoutumés.

Un son mat : un bruit sourd, sans écho.

Frôlant les branches : touchant légèrement les branches en fuyant.

2. Les bruits spéciaux à la fin de sepembre notés par l'auteur sont : les mille crépitations des arbres, le grincement d'une branche, le son mat d'une pomme qui tombe.

3. Analyse grammaticale.

Les noms contenus dans la première phrase du texte sont : fin, septembre, cueille, fruits, crépitations, arbres et êtres.

Fin	Nom commun, féminin, singulier, complément circonstanciel de temps de *est faite*.
Septembre	Nom commun, masculin, singulier, complément déterminatif de *fin*.
Cueille	Nom commun, masculin, singulier, sujet de *est faite*.
Fruits	Nom commun, masculin, pluriel, complément déterminatif de *cueille*
Crépitations	Nom commun, féminin, pluriel, sujet de *font*.
Arbres	Nom commun, masculin, pluriel, complément d'objet direct de *ressembler*.
Etres	Nom commun, masculin, pluriel, complément d'objet indirect de *ressembler*.

Trần-văn-Lâm

Rédaction Française

Canevas : *Faites votre portrait.*

Devoir corrigé

Début "Faites votre portrait". Voilà le sujet de rédaction. Quel devoir ! Enfin ! allons-y. Une glace me rendra : elle est sincère et ne m'embellit pas comme les photographies.

Mon portrait

a) *ma figure* J'ai onze ans et demi. Ma taille dépasse celle des camarades de mon âge. Mes cheveux, toujours en broussailles, encadrent un front haut mais étroit. Au-dessous d'épais sourcils, brillent deux grands yeux bruns. Mon nez est un peu trop pointu. Lorsque je ris, ma bouche découvre deux rangées de dents bien blanches tandis que deux fossettes se dessinent sur mes joues.

b) *mon corps robuste* Suis-je beau ? Je n'oserais l'affirmer car nul n'est bon juge dans sa propre cause. D'ailleurs être joli n'a pas d'importance pour les garçons. Etre solide, voilà ce qui leur suffit. Solide, je le suis certainement. Aucun camarade de mon âge n'a la poitrine aussi large, des biceps plus gros et plus durs, des jarrets plus vigoureux que moi. Je suis vraiment taillé pour la vie et pour la lutte.

CONCLUSION Voilà quelques traits de ma personne que je tâche de rendre le plus ressemblants possible. Mais mon grand désir n'est pas de me décrire ni de vanter la puissance de mes muscles. Je veux grandir en science et en sagesse afin que, devenu homme, je puisse être utile à ma patrie.

Sujet proposé : *Faites le portrait d'un de vos camarades.*

Trần-văn-Lâm

TOÁN-ĐỐ

I.— Người ta mướn rào miếng vườn hình chữ nhựt, tốn mỗi thước 5$25, tốn chung là 1.369$20. Hỏi bề dài và bề ngang miếng vườn bao nhiêu biết rằng bề ngang ít hơn bề dài 44^m80 ?

II.— Người chủ điền mua miếng ruộng giá 200$ một sào. Sau bán lại phân nữa miếng giá 4$ 1 th. vuôn, còn phân nữa thì bán được 4$50. 1 th. vuôn. Bán tất cả miếng ruộng lời được 1.642$50. Hỏi bề mặt miếng ruộng được mấy thước ?

GIẢI-PHÁP:

I.— Châu vi miếng vườn : 1369đ.20 : 5$25 = 260^m80

4 bề bằng nhau : 260^m80 — (44^m80 X 2) ll 141^m20

Bề ngang : $171^m20 : 4 = 42^m80$

Bề dài : $42^m80 + 44^m80 = 87^m60$

Trả lời { *Bề dài : 87^m60*
Bề ngang : 42 80

II.— **Trả lời :** *730^{m2}*

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIỆT-NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIET-NAM

Ám-tả quốc-văn

LƯU-BÌNH và DƯƠNG-LỄ

Nước ta thuở xưa có hai người kết bạn với nhau thân thiết lắm. Một người tên là Lưu-Bình, người kia tên là Dương-Lễ. Dương-Lễ nhà nghèo, Lưu-Bình đem về nuôi để cùng nhau đêm ngày học tập ; hai người ăn một mâm, nằm một chiếu, chung một giường, đọc một sách. Đến khi học giỏi, hai người đem nhau đi thi. Dương-Lễ thi đậu, được bổ làm quan ; Lưu-Bình hỏng về ở nhà.

Lưu-Bình cậy mình nhà giàu, thường hay chơi bời cho nên thi mãi không đậu. Đến sau Lưu-Bình lại bị giặc-giả cướp phá, nhà cửa sa-sút, muốn học nữa mà tiền của đã cạn ; mới định tìm đến chỗ Dương-Lễ ở để mong nhờ bạn cũ.

Dương-Lễ từ khi xuất-sĩ, được phong-lưu phú quí lắm rồi, mà vẫn có lòng đợi trong Lưu-Bình. Khi được tin bạn đến chơi, thì trong bụng lại mừng ; nhưng nghĩ rằng bạn hay chơi bời cho

nên bây giờ mới khổ, nếu đem về nuôi, rồi lại sinh lười-biếng thì bao giờ mới thành thân được. Bèn giả làm mặt giận, nói rằng người làm quan không có bạn-bè với người đói khó, rồi sai lính-tráng giả làm điều sỉ-nhục và dọn cho ăn một bữa cơm tối.

Lưu tủi-thân ra về, dọc đường gặp một người đàn bà, vừa trẻ vừa xinh, đến tình nguyện giúp nuôi cho anh ta ăn học ; lại hẹn với anh ta có làm nên danh-phận gì mới được kết bạn vợ chồng. Bấy giờ Lưu có người giúp đỡ, dốc chi dùi-mài ; cách một năm, đến khoa sau vào thi đỗ liền. Lúc vinh-quy, người đàn bà ấy, bỏ đi mất, tìm mãi cũng không thấy, Lưu trong bụng vừa buồn lại vừa tiếc.

Một hôm Dương-Lễ cho người nhà đưa lễ mừng đến và mời Lưu lại chơi, Lưu bấy giờ đang buồn, cũng muốn đi chơi cho khuây-lảng. Đến nói, kể chuyện mình gặp tiên giúp cho ăn học, nào ngờ đâu đến lúc mình công thành danh toại, tiên lại biến về trời. Dương mỉm cười, rồi gọi vợ con ra mừng, té ra người nuôi Lưu học bấy lâu nay chính là nàng Châu-Long, vợ ba của Dương-Lễ.

Dương-Lễ ở chí-tình với bạn, thật cả nước không ai bằng ! trước giả cách khinh người nghèo để cho phẫn-chí, sau sai vợ đi nuôi bạn học để cho bạn được thành danh.

T. T. K. và Đ. T.

Giải-nghĩa : *Hỏng :* rớt. *Xuất-sĩ :* ra làm quan. *Thành-thân :* nên người giỏi. *Tình-nguyện :* tự mình xin làm. *Vinh-quy :* trở về cách vẻ-vang. *Công-thành danh-toại :* làm nên công danh như ý muốn. *Chí-tình :*

trọn tình bè bạn. *Phẫn-chí* : làm cho chí tứ tối lên. *Thành-danh* : nên danh-phận.

Định-nghĩa : *Sự cừu-hận* : lòng thù oán, giận dữ và lâu dài (l'inimitié).

Thiện-cảm : mối cảm tình thân-ái đối với ai (la sympathie)

Mối nghi-kỵ : sự ngờ-vực ai có ác tâm mà đề-phòng (la méfiance)

Phân-ly : chia-rẽ, lìa nhau (la désunion) *lòng quyến-luyến* : lòng yêu-mến lắm (l'attachement).

Sự tận-tụy : đem hết tâm-trí vào làm một việc gì (le dévouement)

Sự hoà-giải : làm cho 2 bên nghịch nhau trở lại thân thiết với nhau (la réconcialiation)

Sự tuyệt-giao : dứt hẳn sự giao-thiệp (la rupture)

Cử-chỉ : cách ngồi, đi, đứng (un geste).

Tâm-phúc : hiểu biết bụng nhau, rất thân-thiết

Tha-thiết : ham-mê.

PHÁP-VĂN

(*THEO LỐI HÀM-THỤ*)

CHO HỌC-SINH VÀ CÁC BẠN MUỐN

TỰ BỔ-TÚC

do Ông NGÔ-TẤN-HUỲNH, giáo sư chỉ dẫn

252, Quai de Belgique — SAIGON

PREPARATION AU B.E. ET AU B.E.P.S.

Orthographe

L'ÉCUREUIL

L'écureuil est un joli petit animal qui n'est qu'à demi-sauvage et qui, par sa gentillesse, par sa docilité, par l'innocence de ses mœurs, mériterait d'être épargné ; il n'est ni carnassier ni nuisible, quoilqu'il saisisse quelquefois des oiseaux ; sa nourriture ordinaire est des fruits, des amandes, des noisettes, de la faine et du gland.

Il est propre, leste, vif, très alerte, très éveillé, très industrieux ; il a les yeux pleins de feu, la physionomie fine, le corps nerveux, les membres très dispos ; sa jolie figure est encore rehaussée, parée par une belle queue en forme de panaches, qu'il relève jusque dessus sa tête et sous laquelle il se met à l'ombre. Il est pour ainsi dire, moins quadrupède que les autres ; il se tient ordinairement assis, presque debout et se sert de ses pieds de devant comme d'une main, pour porter à sa bouche.

Buffon (*Histoire naturelle*)

QUESTIONS

1.— Expliquez : Innocence de ses mœurs, sa figure est rehaussée par une belle queue, moins quadrupède

2.— Analysez grammaticalement : qui (qui n'est qu'à demi) quelquefois (il saisisse quelquefois) laquelle (sous laquelle, il se met à l'ombre), relève (relève jusque dessus).

3.— Analye logique de la phrase : l'écureuil est un joli petit animal... mériterait d'être épargné.

4.— Conjuguez le verbe s'asseoir au Subjonctif présent et imparfait.

RÉPONSES

1.— Explications :

Innocence de ses moeurs : mœurs douces, inoffensives.

Sa figure est rehaussée par une belle queue : sa figure : sa forme, dans son ensemble ; rehaussée : mise en relief, en valeur. La queue la fait paraître plus jolie encore.

Moins quadrupède : il se sert moins pour marcher ou se poser de ses *quatre* pattes.

2.— Analyse grammaticale.

qui Pronom relatif, ayant pour antécédent *animal*, masculin singulier, sujet de *est*.

quelquefois Adverbe de temps, mot invariable, modifie *saisisse*.

laquelle Pronom relatif, ayant pour antécédent *queue*, féminin singulier, complément circonstanciel de lieu de *se met*.

relève Verbe relever, 1er groupe, forme active, sens transitif, mode indicatif, temps présent , 3e personne du singulier.

3.— Analyse logique

La phrase : « lécureuil est un joli petit animal qui n'est qu'à demi-sauvage et qui, par sa gentillesse, par sa docilité, par l'innocence de ses mœurs, mériterait d'être épargné » contient trois propositions.

N°	PROPOSITIONS	NATURE	FONCTION
1	L'écureuil est un joli petit animal.	principale	
2	qui n'est qu'à demi sauvage.	subordonnée relative par *qui*,	complément de *animal*
3	et qui, par sa gentillesse, par sa docilité, par l'innocence de ses mœurs, mériterait d'être épargné.	ubordonnée relative par *qui* et coordonnée à la précédente par *et*	complément de *animal*

4.— Conjugaison

Verbe s'asseoir

Subjonctif présent

Que je m'asseye
Que tu t'asseyes
Qu'il s'asseye
Que nous nous asseyions
Que vous vous asseyiez
Qu'ils s'asseyent.

Imparfait

Que je m'assisse
Que tu t'assisses
Qu'il s'assît
Que nous nous assissions
Que vous vous assissiez
Qu'ils s'assissent

Trần-văn-Lâm

COMPOSITION FRANÇAISE

Samedi soir, veille des vacances un peu longues (Noë', par ex.) les derniers élèves viennent de quitter la classe, la porte s'est refermée avec bruit comme pour manifester une victoire. Dans le soir qui tombe, les tables, le bureau, les livres et tous les objets renfermés dans le placard disent leur satisfaction d'être enfin tranquilles.

DEVOIR

Pan !... D'un coup sec, la porte claqua.

Pan !... Pan !... résonnèrent en écho les murs de la classe.

Aussitôt, ce fut un branle-bas. Toutes les choses s'effaraient, éveillés à une vie inconnue. Des voix soufflèrent :

— Etes-vous folle ?

— Qu'est-ce qu'il y a ?

— Pourquoi tant de bruit ?

Impasssible, la porte affectait de regarder les arbres de la cour sans écouter.

— Hé ! pécore, cria menaçant le tableau noir. Dites-nous ce qu'il y a. Pourquoi ce tapage stupide ? Parlerez-vous, hein ?

Ce qu'il y a, répéta la porte excédée, ce qu'il y a c'est que je les ai mis dehors... et pour longtemps.

Le mot vola. Dehors ! . . . Pour longtemps ! . . . Pour longtemps ! . . .

Un concert joyeux accueillit la nouvelle. Les bruits grossirent. Tout parlait.

L'horloge, pendue au mur, fit ding ! ding ! de sa plus belle voix.

Un vent léger accourut, chantant fir ! fir ! à travers les persiennes.

Le vieux tabouret, de joie sauta si bien qu'il se renversa, montrant ses pattes disloquées, mal jointes. « Et dire que je vais pouvoir enfin soigner mes rhumatismes ! » gemit-il, lamentable.

Timidement, la boîte de craie hasarda : « C'est à cause de la Noël, n'est-ce pas ? »

— Oui, petite, concéda l'estrade d'un ton caverneux, et quelle joie d'être enfin tranquille !

Commère infatigable, la chaise leva précipitamment son dossier comme par crainte de perdre son mot à la causerie :

Vous avez raison, ma chère. J'en ai assez de cette bande de chahuteurs, remuants comme le diable et plus bruyants que des Chinois !

— Comme votre langue tourne bien, la mere ! s'interposa le gros bureau, ventru et sérieux comme son maître. Ce n'est pas d'ailleurs pour le roi Prusse qu'on dit que les absents ont toujours tort.

— Sapristi ! Ne faites point de morale, maître, cria irritée la première table. La mère chaise a bien dit. Elle en a trop souffert et, pour moi-même, c'est encore un perpétuel cauchemar !

Le dictionnaire, docte et grave comme il convient à un gros personnage des Larousse qui se respecte, ajouta :

— Et quel supplice ! fouillé, tourné et retourné comme je suis ! Je leur enseigne des mots qu'ils ne savent pas et en retour !... Voyez vous-même dans quel état ils me réduisent. La Fontaine a bien dit : Cet âge est sans pitié, n'est-ce-pas, père placard ?

Mais le père placard, trop misanthrope pour parler, se contenta de hocher la tête.

Ce fut le complaisant monsieur le banc qui répondit à sa place :

— Vous l'avez dit, Monsieur Larousse. Dieu sait si mes oreilles se sont écorchées à force de les entendre brailler tue-tête, criant, se disputant et sa battant à propos de rien. Mais enfin, nous voilà débarrassés de cette bande d'énergumènes !

— Oui, oui, approuvèrent tous ensemble de leur voix de soprano les petits bouts d'homme d'encriers en porcelaine...

Soudain, la nuit tomba. Les bruits cessèrent comme par enchantement. Une immense torpeur saisit toutes les choses, les immobilisant pour toujours...

Devoir proposé : Hai aime les voyages. Ba ne les aime pas. Faites-les discuter en opposant leurs arguments.

Trần-văn-Lâm

TẬP CẦN HỌC

Có ích cho ta, cho bạn ta và con cháu ta về sau. Nếu đóng lại và để dành kỹ lưỡng cũng như có một ông giáo trong nhà.

PROBLEMES D'ARITHMÉTIQUE

Le café vert perd $\frac{1}{5}$ de son poids par la torréfaction. Un épicier achète 145kg. de café vert à raison de 16fr. le kg. et désire avoir comme bénéfice $\frac{1}{10}$ du prix d'achat. Combien devra-t-il vendre le kg. de café brûlé ?

SOLUTION

Puisque 1kg de café vert perd $\frac{1}{5}$ de son poids par la torréfaction, 1kg de café torréfié provient donc de $\frac{5}{4}$ de kg de café vert qui coûtent :

$$\frac{16 \times 5}{4} = 20\text{fr},$$

Ainsi, 1kg de café torréfié coûte 20fr.

Pour avoir un bénéfice égal à $\frac{1}{10}$ du prix d'achat, l'épicier devra vendre le kg. de café torrifié :

$$20\text{fr} \times 2\text{fr} = \boxed{22\text{ fr}}$$

PROBLÈME PROPOSÉ

Le lait contient environ $\frac{4}{25}$ de son poids de crème et la crème produit les $\frac{8}{25}$ de son poid de beurre. Combien retirera-t-on de beurre de 480 litres de lait, sachant que le cm3 de lait pèse 1g.03.

Réponse : **25kg 313**

GÉOMÉTRIE

Problème.— Les points A,B,C,D, se suivent dans cet ordre sur une droite d et l'on a : AB = BC = CD.

Soient M le sommet d'un triangle équilatéral admettant BC pour côté et P le point commun à la droite AM et à la perpendiculaire élevée en D à la droite d.

1. Démontrer que AM = MP.

2. Démontrer que BM et parallèle à CP.

3. Démontrer que le quadrilatère MPDC est inscriptible.

4. Sachant que les longueurs AB, BC, CD mesurent chacune 12cm, on demande de calculer successivement PC, PD, AP.

(B. E.)

SOLUTION

1. De M, menons la hauteur MH du triangle équilatéral MBC. Puisque dans un triangle équilatéral, la hauteur est à la fois médiatrice, H est donc le milieu de BC et de AD.

Dans le triangle APD, MH étant parallèle à PD passe par le milieu du côté AP : donc : le point M est le milieu de AP.

et : $\boxed{AM = MP}$

2. Dans le triangle APC, M étant le milieu du côté AP, et B, le milieu du côté AC, la droite MB est parallèle à la base PC.

3. Dans le triangle isocèle ABM, les angles à la base $\overset{\frown}{MAB}$ et $\overset{\frown}{AMB}$ valent chacun :

$\frac{180^\circ - 120^\circ}{2} = \frac{60^\circ}{2} =$

30°

Par suite, nous avons :

$\widehat{AMC} = \widehat{AMB} +$

$\widehat{BMC} = 30^\circ + 60^\circ =$

90°

Ainsi, MC est perpendiculaire à AP et l'angle $\widehat{CMP} = 90^\circ$.

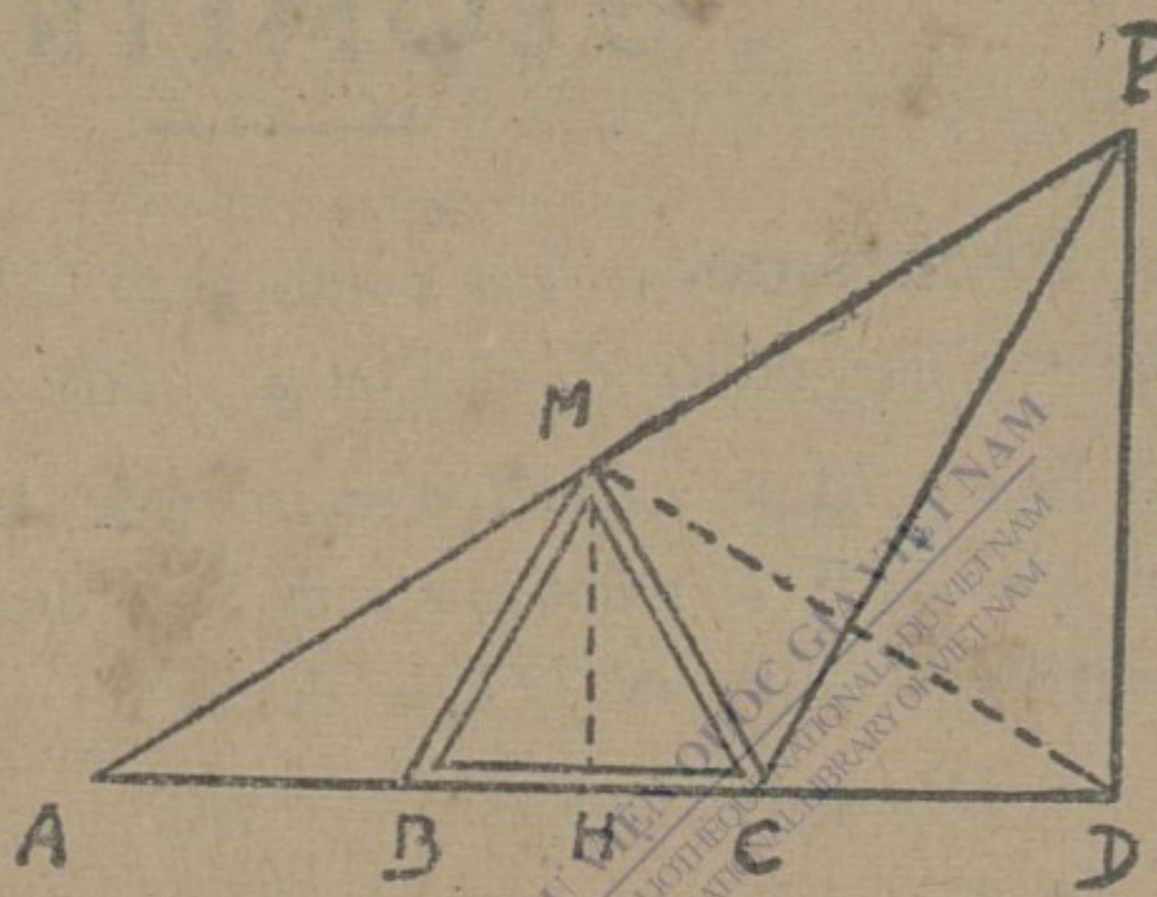

Nous savons en outre : $\widehat{D} = 90^\circ$, d'après hypothèse.

D'après un théorème qui dit : « Tout quadrilatère convexe qui a deux angles opposés supplémentaires est inscriptible. », nous pouvons dire que le quadrilatère MPCD est inscriptible dans un cercle de diamètre PC, car il a 2 angles opposés CMP et $\widehat{D}$ supplémentaires.

4. a) Dans le triangle APC, la droite MB vaut la moitié de la base PC, d'où :

$$PC = 2\,MB = 2\,AB = 2 \times 12 = \boxed{24^{cm}}$$

b) Le triangle APD est un demi-triangle équilatéral, et MH est la hauteur du triangle équiratéral MBC.

Donc : $PD = 2\,MH = 2\,\frac{BC\sqrt{3}}{2} = 12\sqrt{3} = \boxed{20^{cm}\ 784}$

et $AP = 2PD = 2 \times 20^{cm}\ 784 = \boxed{41^{cm}\ 568}$

PROBLÈME PROFOSÉ

(Le corrigé sera donné dane le prochain numéro)

Soit ABC un triangle, tel que $AC = b$, $AB = 26$ et $A = 45^\circ$.

1. Calculer BC et la hauteur BD en fonction de **b.**

2. De A et D comme centres, on trace des circonférences ayant respectivement pour rayon b et $\frac{b}{4}$. Montrer que ces circonférences sont extérieures et calculer AE, E étant l'intersection de AD avec une tangente commune intérieure aux deux circonférences.

(B. E.)

ALGÈBRE

Problèmes sur les courriers (suite)

Problème II. — Deux personnes n'ont qu'une seule bicyclette pour faire 21km. La première part avec la bicyclette à une vitesse de 15km à l'heure en même temps que la seconde part à pied à une vitesse de 4km500 à l'heure. Après un certain trajet, la 1ère laisse la bicyclette sur le talus de la route et termine à pied à la vitesse de 5km à l'heure. La 2è personne trouve la bicyclette et termine avec elle le parcours à une vitesse de 12km à l'heure. Les 2 personnes arrivent ensemble à destination.

1. Calculer la distance du point de départ à l'endroit où la bicyclette a été abandonnée et la durée du trajet.

2. Construire les graphiques des marches des voyageurs.

(B.E.)

SOLUTION

1. Soient x, le 1er trajet de la 1er personne à bicyclette et 21 — x, le 2e trajet à pied de cette même personne. La 2è personne parcourt aussi ces 2 trajets x et 21 — x, mais à des vitesses différentes de celles de la 1ère. Puisqu'elles partent en même temps et arrivent à destination aussi en même temps, les durées de leurs trajets sont égales ; et nous avons :

$$\frac{x}{15} + \frac{21 - x}{5} = \frac{x}{4,5} + \frac{21 - x}{12}$$

ou, en réduisant au même dénominateur :

$$\frac{12x + 36\ (21 - x)}{180} = \frac{40x + 15\ (21 - x)}{180}$$

d'où : x = **9km**

Durée du trajet de 21km :

$$\frac{9}{15} + \frac{12}{5} = \boxed{3h.}$$

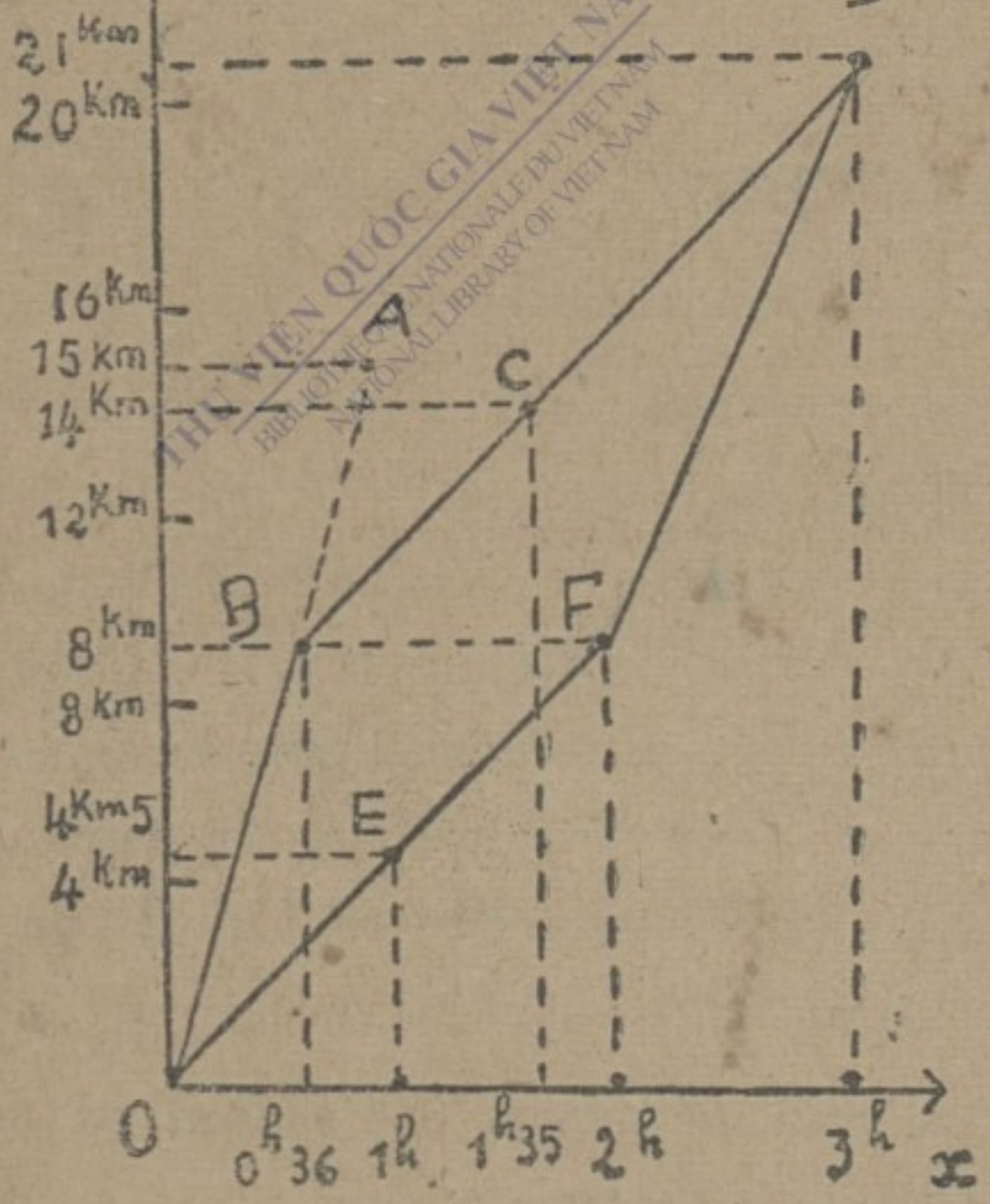

2°) Construction graphique.— a) Au bout d'une heure, la 1ère personne serait en A, ayant fait 15km. Mais, arrivée en B à 9km de O, elle continue à pied et une heure après se trouve en C à 14km de O pour arriver en D au bout de 3 heures.

b) La 2è personne est en E au bout d'une heure. Elle trouve la bicyclette au bout de 2h en F. Pendant l'heure suivante, elle fait 12km et arrive en D en même temps que la 1ère.

PROBLÈME PROPOSÉ

(Le corrigé sera donné dans le prochain numéro

Une ligne ferrée présente entre deux points A et B un point culminant S une rampe de A en S et une rampe de B en S. Les trains se dirigeant de A vers B ont une vitesse de 30km de A en S

et de 60km de S en B. Les trains se dirigeant de B vers A ont une vitesse de 15km de B à S et de 45km de S à A.

1°) Calculer les distances AS et SB. sachant que la 1ère vaut 3 fois la seconde et que le trajet total AB s'effectue en 1h45.

2°) Calculer la durée du trajet BA (Construction graphique)

TRÍ-ĐỨC
Professeur

Sciences physiques au B. E.

ELECTRICITÉ

Problème.— Un générateur a une fcre électromotrice de 9v30. On réunit ses bornes par une résistance de 12 ohms ; la différence de potentiel entre les 2 bornes devient 6 volts.

Calculer :

1°) l'intensité du courant.

2°) la résistance intérieure du générateur.

3°) Ce générateur étant une pile Leclanché formée de 6 éléments placés en série ; quelle est la force électromotrice et la résistance intérieure de chaque élément.

SOLUTION

1°) La loi d'Ohm permet d'écrire :

$$V_A - V_B = IR.$$

d'où $I = \frac{V_A - V_B}{R} = \frac{6}{12} = \boxed{0,^A50}$

2°) Soient R la résistance donnée et r la résistance intérieure demandée.

Nous avons : $E = I(R + r)$

d'où : $R + r = \frac{E}{I}$

par suite : $r = \frac{E}{I} - R = \frac{9,3}{0,5} - 12 =$ **6,60 ohms**

3.) Les 6 éléments qui forment cette pile Leclanché étant placés en série, chacun d'eux a une force électromotrice de :

$$\frac{9 \text{ v } 30}{6} = \boxed{1 \text{ v } 55}$$

et une résistance intérieure de :

$$\frac{6,6}{6} = \boxed{1,10 \text{ ohm}}$$

TRÍ - ĐỨC

Professeur

CLASSE DE SECONDE

La Littérature Française

LA DOCTRINE CLASSIQUE

Avant 1660, une liberté assez grande régnait dans la littérature. Mais deux influences profondes lui donnaient un aspect uniforme dans les sujets et dans la façon des les traiter : l'influence du grand monde et l'influence des théoriciens.

1. Les mondains accordaient leur faveur à certaines œuvres mais ils n'avaient ni le goût ni les capacités de donner des règles. Pour eux, le beau était ce qui leur plaisait.

2°) Les théoriciens cherchaient à tirer des œuvres antiques un certain nombre de règles qui donneront aux œuvres la perfection. Pour eux, le beau est ce qui est conforme à la définition idéale donnée à la beauté de chaque genre.

L'ensemble de ces règles constitue la doctrine classique.

Règles générales de la doctrine classique

1°/ L'œuvre d'art doit exprimer le *vrai* et le *naturel*. La vérité est ce que la raison universelle admet. Les classiques l'appellent *nature* et suivre la nature veut dire exprimer le *réel*.

2°/ Elle doit être encore *vraisemblable* c'est-à dire ne pas être extraordinaire.

3°/ Elle doit obéir à la *bienséance* c'est-à dire ne choquer en rien les convictions morales du public — influence de la vie sociale et polie.

4./ Elle doit mélanger *l'utile* et *l'agréable* : si elle ne donne pas une leçon morale explicite, elle ne doit pas, au moins, aller contre la morale.

5°/ Elle doit appartenir à un *genre particulier* elle ne pent pas éveiller chez nous la terreur et la pitié et nous faire rire en même temps.

Ces règles inclinaient donc vers la réalité sans en faire cependant un réalisme. Elles obligeaient à *choisir* dans cette réalité ce qui peut produire l'effet esthétique et à laisser tomber le particulier, le laid ou l'immoral.

Règles particulières : les trois unités

La règle des *trois unités* donne au théâtre classique français sa physionomie propre.

Elle repose sur l'exemple de la tragédie et de la comédie antiques et sur l'opinion d'Aristote : l'action doit être unique — *unité d'action* — et ne doit excéder vingt-quatre heures — *unité de temps.*

Les classiques réduisent, par raison, les vingt-quatre heures d'Aristote à la durée de la pièce sur la scène. Comme il est matériellement impossible aux acteurs, en ce court laps de temps trois heures environ — de changer de lieu, on invente donc *l'unité de lieu* que les Anciens ne connaissaient pas.

La règle des trois unités repose ainsi sur un souci rationnel de donner au spectateur l'impression maxima du réel.

Boileau l'a énoncée dans ces deux vers :

Qu'en un lieu qu'en un jour, un seul fait accompli.
Tienne jusqu'à la fin le théâtre rempli.

(Art poétique III 45-46)

Cette règle peut paraitre étroite mais elle permet une action concentrée, intensément dramatique dans laquelle les passions atteignent leur insensité la plus violente.

Devoirs écrits

1. On parle d'âge classque, d'écrivain classique, d'œuvre classique. Analysez d'après ce que vous savez de la littérature française, l'idée de classicisme et dégagez-en les caractères essentiels.

2. Qu'est-ce que la règle des trois unités ? A quel moment s'est-elle imposée en France ? Quelles ont été les principales conséquences de son application ?

Trần-văn-Lâm

ANGLAIS PRATIQUE

(I) Les mots nouveaux : (Vocabulaire)

(Ces mots se retrouveront dans la leçon de conversation ci-dessous)

a shop : une boutique,
eu shop un magasin
to purchase : acheter
tou peutchéce
Radio set, wireless-set : poste,
rèdiô sèt, wairlèss sèt appareil
de radio
to like : aimer, (préférence),
toulaik
valve : soupapé, lampe (T.S.F)
vèlv
sorry : fâché, désolé
sori
trial : essai, épreuve
traieul
to show : montrèr, indiquer
tou shôou
the other : l'autre
dzi eudzeu
to please : plaire à
tou plize
a little : un peu
eu littl
only : ne... que, seulément,
ônlé
to guarantee : garantir
tou guèreunti
a mouth : un mois
eu meunth
to draw up : rédiger (un acte etc)
tou drô éup
invoice : facture
innvoice
to forget : oublier
tou forghèt
to write down : noter, prendre note
tou raite daoun
whatt : ce que
whott
brand : marque de fabriqué.
brènd
will : vouloir
ouill
to count : compter
tou khaount
Next : prochain
néxt
to call : appeler, visiter, venir.
tou khôl
to want : vouloir, avoir besoin de
tou wont

(II) Leçon de Conversation

In a radio-shop
i nn eu rèdiô-shop

Dans un magasin de radio.

Shopman.- Good morning, sir !
shopm'n Goud morninng, seur

Boutiquier.- Bonjour, monsieur !

You want to purchase a raido-set?
ijouwout tou peutchéce eu rèdiô-sèt

Vous voulez acheter un appareil de radio ?

Customer.- Yes, I should want (1)
Kheusteumeu — iès, aï shoud wont

Client.- Oui, je voudrais un poste de radio à 5 lampes, marque Philips.

a five-valve set, Philips brand.
eu faïv - vèlv sèt, Philips brènd

S.- I am very sorry, sir ; we have
S.— aï èm véré soré, seur, ouï hèv.

B. Je regrette beaucoup, monsieur nous n'avons plus d'appareils de radio dont vous avez besoin, monsieur. Actuelle-ment, nous n'avons que d'autres marques.

no more (2) wireless - sets you
no more waïlèss - sèts ijou

want,(3) sir. Presently, we have
wont, seur. prèzeuntlé, ouï hève

only other brands.
ônlé eudzeu brèndz.

C.- Can you let me have a trial-
Kh.— Khèn ijou lèt mi hèv eu traïeul-

C.— Pouvez vous me laisser avoir une audition d'essai.

audition. (4)
audisheun.

B.— Volontiers, monsieur.

S.- with pleasuré, sir.
S.— ouïth plèzeu, seur.

C.- I don't (5) like this one will you
kh — aï dênt laïk dziss oueune ouïll ijou

C.— Je n'aime pas celui-ci, voulez-vous me laisser voir l'autre près du caissier (ou caissière).

let me see the other near the
lèt mi si dzi eudzeu nïeu dze

cashier.
khèsheur.

B.— Celui-ci vous plaît-il ?

S.- Does this one please you ?
S.- deuz dziss oueune plize ijou

C.- Combien est-ce ?

C.- How much is it ?
Kh - haou meuch iy itt ?

B.- 2100 piastres (ou dollars), monsieur.

S.- Two thousand one hundred
tou dzaouzeund oueune heundrèd

piastres (or dollars), sir
pièsteuz (or dôleurz), seur

C.- why so dear ? Can (6) you
whouaï sô dieu ? khèn IJou
reduce a little the price ?
ridiouce eu litteul dze praïce ?

S.- oh ! no, sir. Here we
ô ! nô, seur hïeu ouï
always sell at fixed prices. Your
ôlwéz sèll ètt fixt praïciz. ïjor
radio-set will be guaranteed
rèdiô-sèt ouill bi guèreuntid
for 6 months
for siks meunths.

C.- All right ! will you draw up (7)
ôl raït ! ouïll ijou drô eup
an invoice, and don't forget to
eun innvoïce, ènd dôn'l forguèt tou
write down (7) what you have just
raïte daoun whot ijou hëv djeust
said. (8)
séd.

S.- Yes, sir
ïess, seur

C.- Here is your money. Will
hieu ïz ijor meuné ouill
you count it ?
ijou khaount itt ?

S.- It is all right, sir.
itt iz ôl raït, seur

Next time, when you want some-
Néxt taïtm, whien ijou wont seum-
thing else, kindly call again ; we
dzing èlseu, khaïnlé côll eughén ; ou ï
shall be very happy to have
shèll bi véré hèppé tou hèv
your visit.
ijor visit.

C.- Pourquoi si cher ? Pouvez-vous réduire un peu le prix ?

B.- Oh ! non, monsieur. Ici, nous vendons toujours à prix fixe. Le poste de radio vous sera vendu avec garantie de 6 mois (littér : votre poste de radio sera garanti pour 6 mois).

C.- Cà va ! Voulez-vous rédiger une facture, et n'oubliez pas d'y noter ce que vous venez de dire.

B.- Oui, monsieur.

C.- Voici votre argent. Voulez-vous le compter ?

B.- Çà va très bien, monsieur, La prochaine fois, quand vous aurez besoin de quelque autre chose, vous serez bien aimable de revenir (ici) ; nous serons très heureux de vous recevoir (littéralement :... d'avoir votre visite.)

EXPLICATIONS

Remarque. — La prononciation figurée se trouve au-dessous de chaque phrase.

Notes explicatives et Remarques gramaticales. — (1) **I should want :** (conditionel du verbe to want) je voudrais. Pour conjuguer un verbe au mode conditionnel, on doit ajouter les auxillaires *should* et *would* devant ce verbe à l'infinitif ; should s'emploie à la 1ère personne du sing. et du pluriel ; would à la 2e et 3e pers. Ex : He *would* come : il vendrait (2) **No more** : ne... plus, pas davantage. Ex : I have **no more** bread : je **n'ai plus** de pain.

(3) The wireless-sets you want : les postes de radio que vous voulez, (ou les postes dont vous avez besoin). Dans cette phrase anglaise, le pronom relatif *that* (que, qui) **est sous-entendu**, et remarquons en passant que ce cas se rencontre très souvent dans la langue anglaise.

(4) A trial-audition : (littér : une essai-audition) une audition d'essai. Nous avons ici un nom composé : l'ordre des mots anglais formant ce nom composé est inverse de celui des mots français.

(5) **don't :** contraction de **do not.** (ne pas). Pour former une phrase négative, nous devons ajouter **do not** ou **did not** (passé) devant un verbe à l'infinitif, (sauf pour les verbes auxilliaires : to be, to have) Ex : You *do not* work : vous ne travaillez pas ; He *did not* come : il ne **venait** pas ; I am **not** bad : je ne suis pas mauvais.

(6) Can (verbe défectif **can**) Pouvoir. Les verbes défectifs se conjuguent comme les verbes auxilliaires : to be, to have. Ex : **Can** you come ? **pouvez**-vous venir (sans *do*) ; I can **not** come : je ne peux pas venir (sans do).

(7) to draw up, to write down : (verbes composés). Dans ces verbes composés, *up* et *down* sont des *prepositions* qui sont des prépositions ou adverbes placés après un verbe pour en modifier le sens.

Ex : to go : aller ; To go up : monter (littér : aller en haut).

(8) you have just said : vous venez de dire. *said* est le participe passé du verbe irrégulier say (I say : je dis ; I *have said* : j'ai dit).

(III) Grammaire

(A) Formation des noms composés.

Règle : Dans un nom composé, l'ordre des mots anglais est inverse de celui des mots français.

Ex : Une boutique de radio : A radio-shop
(une radio-boutique)

Une salle de classe : A class-room
(une classe-salle)

Une brosse-à-dents : A tooth-brush
(une dent-brosse)

Note .— Dans un nom composé, seul le 2ème mot prend la marque du pluriel. Ex : A tooth-brush : une brosse-à-dents
The tooth-brushes : les brosses-à-dents.

(B) Phrases négatives.

Présent	Passé
I do not speak : je ne parle pas	I did not speak : je ne parlais pas
Thou dost not speak : tu ne parles pas	Thou didst not speak : tu ne parlais pas
You do not speak	You did not speak :
He / She / It does not speak : il / elle / il, elle ne parle pas	He / She / It did not speak : il / elle / il, elle ne parlait pas
We do not speak : nous ne parlons pas	We did not speak : nous ne parlions pas
You do not speak : vous ne parlez pas	You did not speak : vous ne parliez pas
They do not speak : Ils, elles ne parlent pas	They did not speak : ils, elles ne parlaient pas

Note ; Le pronom sujet *thou* (tu) ne s'emploie guère dans la language parlé ou dans la prose, mais seulement dans la pcésie ou dans la Bible. Il est remplacé par le pronom *you* (vous). Ex : *you* did not come : *tu* ne venais pas.

(IV) EXERCICE

(A traduire en Anglais).

J'ai un nouveau poste de radio. Il veut acheter un poste à 8 lampes. Voulez-vous voir celui-ci ? Je n'aime pas celui-là. Je n'oublie pas ce que vous me dites (tell). J'ai beaucoup d'argent. Vous êtes près du caissier. Il ne veut pas parler. Avez-vous besoin de cette facture ? Elle est sur cette table-là. Nous serons très heureux de vous revoir.

(*Le corrigé sera donné dans le prochain numéro*).

TRI-DU'C Professeur

CONVERSATIONS

(NÓI CHUYỆN) (tiếp theo)

—Que voulez-vous donc écrire à votre frère ?

—Que je regrette bien de ne pas le voir souvent, que je l'aime beaucoup, que nous parlons souvent de lui, que nos parents se portent bien, que nous attendons de ses nouvelles impatiemment.

—Mon ami, ne dites plus que vous ne savez point faire une lettre, car vous savez maintenant tout ce qu'il faut savoir. Observez

— Vậy chú muốn viết gì cho anh chú ?

— Tôi muốn viết như vầy : tôi rất tiếc không được gặp anh tôi thường, tôi yêu anh lắm, chúng tôi thường hay nhắc đến ảnh, cha mẹ ở nhà được mạnh khoẽ, chúng tôi nóng lòng mà trông đợi tin tức của ảnh.

À chú Hai, từ đây chú đừng nói rằng chú không biết viết thơ, vì hiện nay chú biết hết những điều cần phải biết, chú hãy giữ

les trois règles dont uons parlions tout à l'heure, et écrivez ce que votre affection vous inspirera : de cette manière, vous ferez toujours plaisir.

— Je vous promets que désormais je vais souvent écrire à mon frère. Je voudrais bien aussi lui envoyer un peu d'argent que j'ai épargné sur ce que mes parents me donnent pour me faire une petite bourse.

— C'est une bonne pensée. Mais alors, il faudra envoyer à votre frère un *mandat*.

Un mandat, qu'est-ce, monsieur ?

— Vous n'aurez qu'à vous présenter devant le guichet du bureau de poste, où sont les employés, et vous direz, par exemple, que vous voulez envoyer un mandat de trente piastres.

— Vous donnerez trente deux piastres, on vous donnera en échange un papier appelé *mandat*, que vous mettrez dans la lettre de votre frère. Celui-ci présentera ce bon à la poste de la ville où il se trouve, et on lui remettra en échange trente piastres.

ba điều cần yếu ta đã nói khi nãy và cứ viết theo tình âu-yếm của chú xui chú : được vậy thì người đọc thơ chú viết được vui lòng.

— Tôi hứa với ông rằng từ đây tôi sẽ viết thơ cho anh tôi thường. Tôi còn muốn gởi cho ảnh một ít tiền mà tôi để dành nhờ của cha mẹ cho tôi để tôi gầy dựng cái vốn nhỏ.

— Ý kiến đó tốt lắm. Vậy thì chú phải gởi cho anh chú cái bưu-phiếu.

— Thưa ông cái bưu-phiếu là cái gì ?

— Chú cứ đi ngay đến nhà bưu-điện, ở đó có nhiều người làm việc, chú nói rằng chú muốn gởi cái bưu-phiếu ba chục đồng.

— Chú đưa cho người ta 32$, thì người ta sẽ trao lại cho chú một mảnh giấy gọi là *bưu-phiếu*, chú bỏ vào trong cái bao thơ làm một với cái thơ để gởi cho anh chú. Anh chú ở tỉnh nào, cứ việc đem mảnh giấy đó đến nhà giây thép tỉnh ấy, người ta sẽ nhận giấy và trả lại số tiền 30 đồng đó.

(Còn tiếp)

EXPRESSIONS USUELLES

— *Etre gai comme un pinson* : mầng rỡ vui vẻ.
— *Etre émoustillé* : vui vẻ vì có uống chút rượu nhẹ.
— *Faire le pitre* : vì vui nên hay pha trò.
— *Ne pas se tenir de joie* : tỏ vẻ hí-hửng, vui mầng lắm,
— *Se faire du bon sang, une pinte de bon sang* : tỏ vẽ sung-sướng, khoái-chí lắm.
— *Chanter à tue-tête* : hát vang lên, người có tánh vui vẻ, không chút gì tư-lự.
— *Il n'engendre pas la mélancolie* : nó vui tính, khiến người ở gần không thể buồn nhàm được.
— *C'est un bon vivant* : đó là người vui vẻ.
— *Vous êtes folichon aujourd'hui* : hôm nay anh vui vẻ quá.
— *Vous êtes un merveilleux boute-en train* : anh pha trò giỏi thật ; anh khéo quá.
— *C'est rigolo !* : cái đó đáng buồn cười !
— *C'est vraiment cocasse !* : lạ lùng thật ! buồn cười thật ?
— *Ça biche* : cái đó được !
— *Ça me botte* : tôi ưng điều đó.
— *Voir (regarder) quelque chose (ou quelqu'un) d'un bon oeil* : trông vật hoặc người nào một cách hoan-hỉ.
— *Je me trouve bien ici* : ở đây tôi thấy dễ chịu.
— *Tant-mieux* : càng hay, càng tốt !

Dịch văn-xuôi P. ra thơ Song thất lục-bát V.N.

TRADUCTION

Le lieu natal.

Je préfererais de toutes les campagnes celle de mon pays, non

pas parce qu'elle est belle, mais parce que j'y ai été élevé. Il est dans le lieu natal un attrait caché, je ne sais quoi d'attendrissant qn'aucune fortune ne saurait donner et qu'aucun pays ne peut rendre. Où sont ces jeux du premier âge, ces jours si pleins, sans prévoyance et sans amertume ? La prise d'un oiseau me comblait de joie. Que j'avais de plaisir à caresser une perdrix, à recevoir ses coups de bec, à sentir dans mes mains palpiter son cœur et frissonner ses plumes ! Heureux qui revoit les lieux où tout fut aimé, où tout parut aimable, et la prairie où il courut, et le verger qu'il ravagea ! Plus heureux qui ne vous a jamais quitté, toit paternel, asile saint ! Que de voyageurs reviennent sans trouver de retraite ! De bonne heure, les uns sont morts, les autres éloignés, une famille est dispersée. Mais la vie n'est qu'un petit vogage, et l'âge de l'homme, un jour rapide.

B. de St. PIERRE

TÌNH CỐ-HƯƠNG

Tôi thích-nhất đồng quê cố-quận,
Chẳng phải vì phong cảnh đẹp-xinh.
Ấy nơi tôi đã sinh-thành
Có chi bí-ẩn, nối tình quê-hương
Lòng khôn hiểu, nỗi thường cảm-động.
Tiền khôn mua, cảnh cũng đâu hơn ?
Trò chơi thơ-ấu đâu còn !
Đâu ngày sung-sướng, không hờn, không lo?
Bắt được chim, lòng thơ thỏa-thích,
Nựng đa-đa, dạ thật vui mùng.
Lông chim nhè-nhẹ rung-rung
Tim chim hồi-hộp, tung-bừng trong tay.
Chim mổ-mổ. mê say lòng trẻ.
Buổi ngây-thơ, thú-vị biết bao !
Sướng thay cho một ai nào,
Cảnh xưa thân mến, ước-ao trở về,
Còn được thấy như khi ly-biệt.
Cảnh thân-yêu, nay hệt như xưa.

Nầy là đồng cỏ nhởn-nhơ,
Nầy vườn cây trái, bây giờ còn đây
Cỏ, xưa đạp, trái cây, xưa hái,
Trải bao năm, còn thấy trơ-trơ.
Sướng thay hơn nữa, ai giờ,
Đã không biệt mái nhà xưa, gia-đình !
Than ôi ! bao kẻ điêu-linh,
Giang-hồ, trở lại một mình bơ vơ.
Ba con tản-lạc bao giờ,
Người tử-biệt, kẻ phương xa lạc-loài !
Thật ngắn-ngủi, cuộc đời nhân-thế,
Tuổi thế-nhân, như thể thiều quang.

Dịch giả : **Vũ-hữu-Tiềm**
Giáo-sư trường Hồng-Bàng

Quốc Văn Dịch, Bình và Giảng

— *Kim Vân Kiều của Nguyễn Du.*
— *bản dịch chữ Pháp của Nguyễn văn Vĩnh.*
— *Bình và Giảng của Phạm Thế Điền.*

KIM VÂN KIỀU

Việt Văn

Trăm năm trong cõi người ta
Chữ tài, chữ mệnh, khéo là ghét nhau (1)
Trải qua một cuộc bể dâu (2)
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng.

Pháp Văn

Cent années, dans cette limite de notre vie humaine.
Ce qu'on désigne par le mot talent et ce qu'on désigne par le mot destinée, combien ces deux choses se montrent habiles à se haïr, à s'exclure.

— **Chú** —

(1) — Chữ tài là tài-hoa chớ không phải là tiền tài, còn chữ mệnh là theo học thuyết cổ-điển và đạo phật cho là số-kiếp, định-mệnh hay số mệnh cũng thế. Có nơi đọc chữ mệnh là chữ mạng cũng được. Định mạng số mạng.

(2) — Ngày xưa, theo khẩu truyền (truyền miệng) thì cứ trăm năm biển dâu trở thành biển cát. Bây giờ người ta muốn chỉ sự thay đổi thì người ta nói « biển dâu, dâu biển ».

— Ayant traversé une période que les poètes appellent le temps mis par les mers à se transformer en champs de mûriers et, réciproquement, les champs de mûriers en mers,

— Les choses que j'ai vues m'ont fait souffrir (ont endolori mon cœur).

GIẢNG

Để mở đầu một thiên truyện dài mà tất cả nhân vật trong truyện đều hoạt-động một cách hoặc đau-khổ, hoặc tài hoa, hoặc xấu số, hoặc anh hùng, hoặc hèn nhát xấu xa, mà cụ Nguyễn Du mở đầu bằng câu : Trăm năm trong cõi người ta, Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau : » Là đắc-thể lắm. Vì đời sống của người ta chỉ nhiều lắm là 100 năm rồi chết. Có nhiều người không được thế, có người chết khi 30, 50, 70 tuổi.

Luật thừa trừ cho chữ TÀI và chữ MỆNH đều ghét nhau, vì kẻ người có tài thi chữ mệnh phải thiệt thòi, mà hễ chữ mệnh được may mắn, thì chữ tài phải kém, vì thế nên Cụ Nguyễn Du mới viết : Chữ Tài chữ Mệnh khéo là ghét nhau.

Đến hai câu sau : Trải Qua một cuộc biển dâu, Những điều trông thấy mà đau đớn lòng.

Hai câu này là để cắt nghĩa và làm cho rỏ ràng hai câu trên, vì « trăm năm » thì phải trải qua một cuộc BIỂN DÂU mà thấy chữ TÀI và chữ MỆNH ghét nhau, như thế thì « trông thấy » mà « đau đớn » thay cho một cuộc tang thương biến đổi.

(Kỳ sau tiếp)

Lớp dạy vẽ

Phối-Cảnh (Perspective)

Trước hết ta hãy nhận-định và phân biệt hai trạng-thái của một vật : 1.- Theo thật sự và 2.- Theo mắt thấy.

A/ Thí-dụ : (I) Ta đứng giữa một đại-lộ chạy thẳng về đàng xa. Một bên lề thì có đường xe-lửa và những trụ giây-thép còn một bên thi có cây cối. Ta nhận thấy hai lề đường và hai thanh đường xe-lửa càng cách xa ta trông càng dụm lại, cuối cùng giao đầu vào nhau ở một điểm, tận chơn trời. Còn những trụ giây-thép, và hhững cây đà, (kê ngang dưới đường sắt), càng xa trông càng khích và càng nhỏ lại. Đó là « theo mắt thấy ». Nhưng « theo thật sự » thì những vật ấy, vẫn song-song với nhau, vẫn bằng nhau, va cách khoảng đều nhau dầu ở nơi nào. Bên hàng cây cũng vậy. (*Xem hình : I*)

B/ Thí-dụ : (II) Theo « thật-sự » miệng chén là một hình vòng tròn. Nhưng theo mắt thấy, khi là một hình bầu-dục, khi chỉ là một nét ngang (tùy theo trường hợp).

Như thế thì mỗi vật đều biến-dạng dưới mắt ta, tùy mỗi trường-hợp, biến-đổi mỗi cách. (*Hình : II*)

Muốn nghiên-cứu sự biến-dạng nói trên, ta nhờ đến một dụng-cụ đơn-giản do ông Léonard de Vinci bày ra. Tức là khuôn kiến Léonard de Vinci. Nó gồm có một tấm kiến hình chử nhựt đứng thẳng trên một tấm ván mỏng. Ở một đầu tấm ván có dựng đứng một cọng sắt nhỏ. Trên đầu cọng sắt có lỗ tròn, nơi mà mắt ta tựa vào đó, cho khỏi xê-xích, để nhìn những vật xuyên qua tấm kiến (*Hình III*)

Những vật nổi-lộ (có bề sâu, hay bề dầy) mà ta nhìn với dụng cụ nói trên, in hình-ảnh trên tấm kiến, đủ cả ba bề (3 chiều). Nhưng những nét (thuộc về) chiều sâu trong biến đổi khác với thật sự. Ta lấy bút thử ghi lại trên kiến hình ảnh của vật ấy cũng như ta đồ trên lớp giấy mỏng. Như thế là nhờ dụng cụ, ta tạo được một hình-ảnh đúng *theo mắt thấy* Nếu dùng phương-tiện nầy mà thâu-thập một số nhiều hình-ảnh khác nhau, ta nhận

thấy rằng những sự biến-dạng ấy vẫn đều đều, và có chừng mực, do những thể-thức không bao giờ sai lạc.

Phần lý-thuyết nghien-cứu những hiện-tượng ấy (về Quang-học) để sưu tầm những thể-thức và đặt ra những định-luật thuộc về môn *Phối-Cảnh* (vì lẽ rất dễ hiểu càng cách xa ta nhiều, sự biến-dạng càng thấy rõ-rệt, nên người ta cũng gọi môn Viễn-Cảnh).

Định-nghĩa và Mục-đích : Tiếng pháp gọi là : Perspective, do tiếng la-tinh perspectum nghĩa là trong xuyên qua (voir à travers) như ta nhìn một vật xuyên qua tấm kiến của Léonard de Vinci. (Xuyên-Vọng)

Có hai loại Phối-Cảnh :

1·) Loại Phối-Cảnh áp-dụng về Mỹ-thuật tức là Phối cảnh theo hình nón (Perspective conique).

2·) Loại Phối-cảnh theo Qui-ước (Perpective cavalière ou conventionnelle.) Thứ sau này chỉ chú-trọng về thật-sự của vật vì mục-đích của nó là để trình-bày và giải-thích cho người xem thấu rỏ được đầy đủ thực-trạng của vật ấy, không cần quan-tâm đến sự biến-dạng *theo mắt thấy*. Bởi vậy loại Phối-Cảnh sau nầy thường để áp-dụng trong môn « Cơ-khí họa » (Dessin industriel) v.v... (*Hình : IV*).

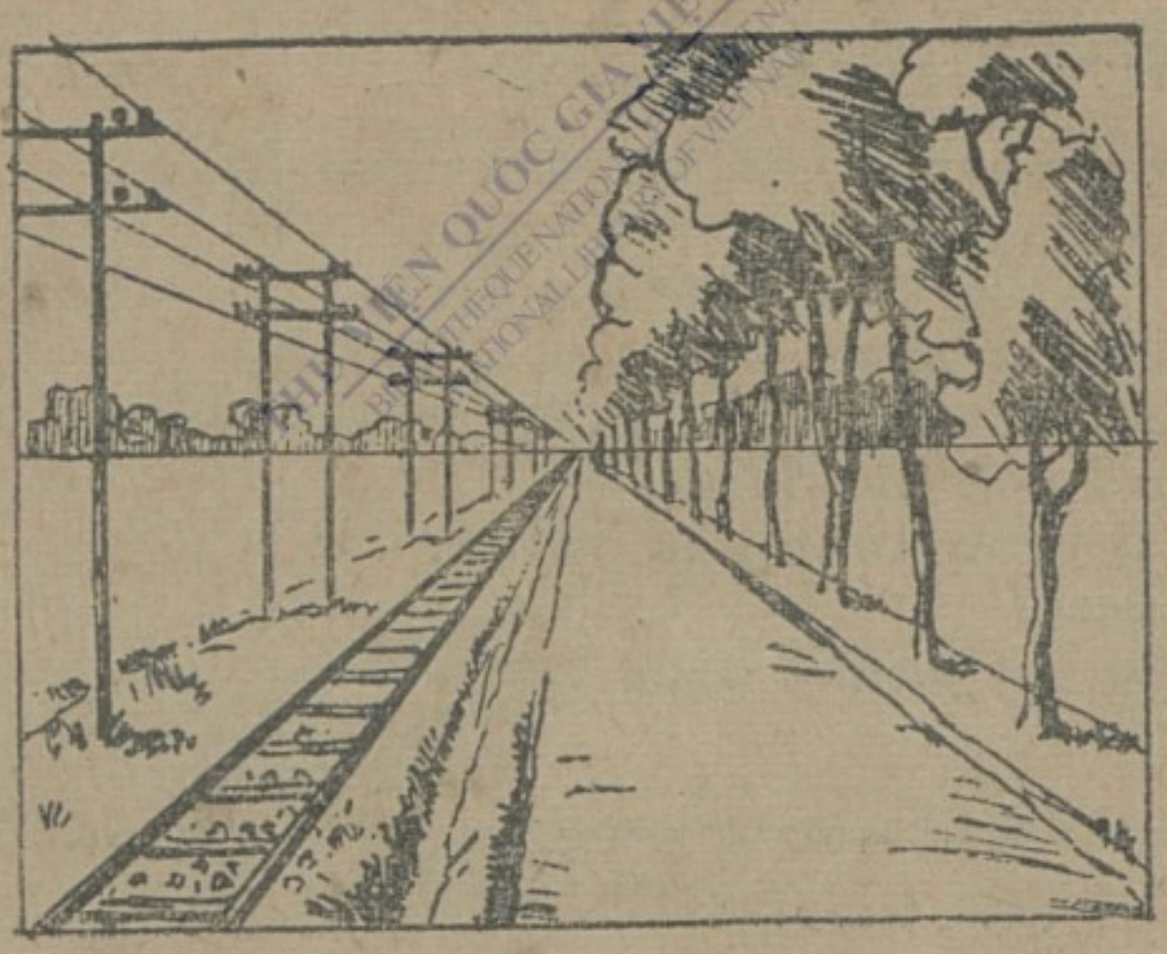

1

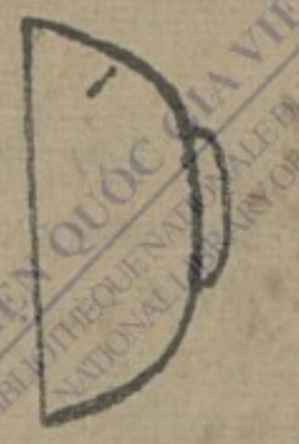

2

Ở đây trong phạm-vi Mỹ-thuyật ta chỉ cần giải rỏ Loại Phối-Cảnh Hình nón. (*Còn nữa*).

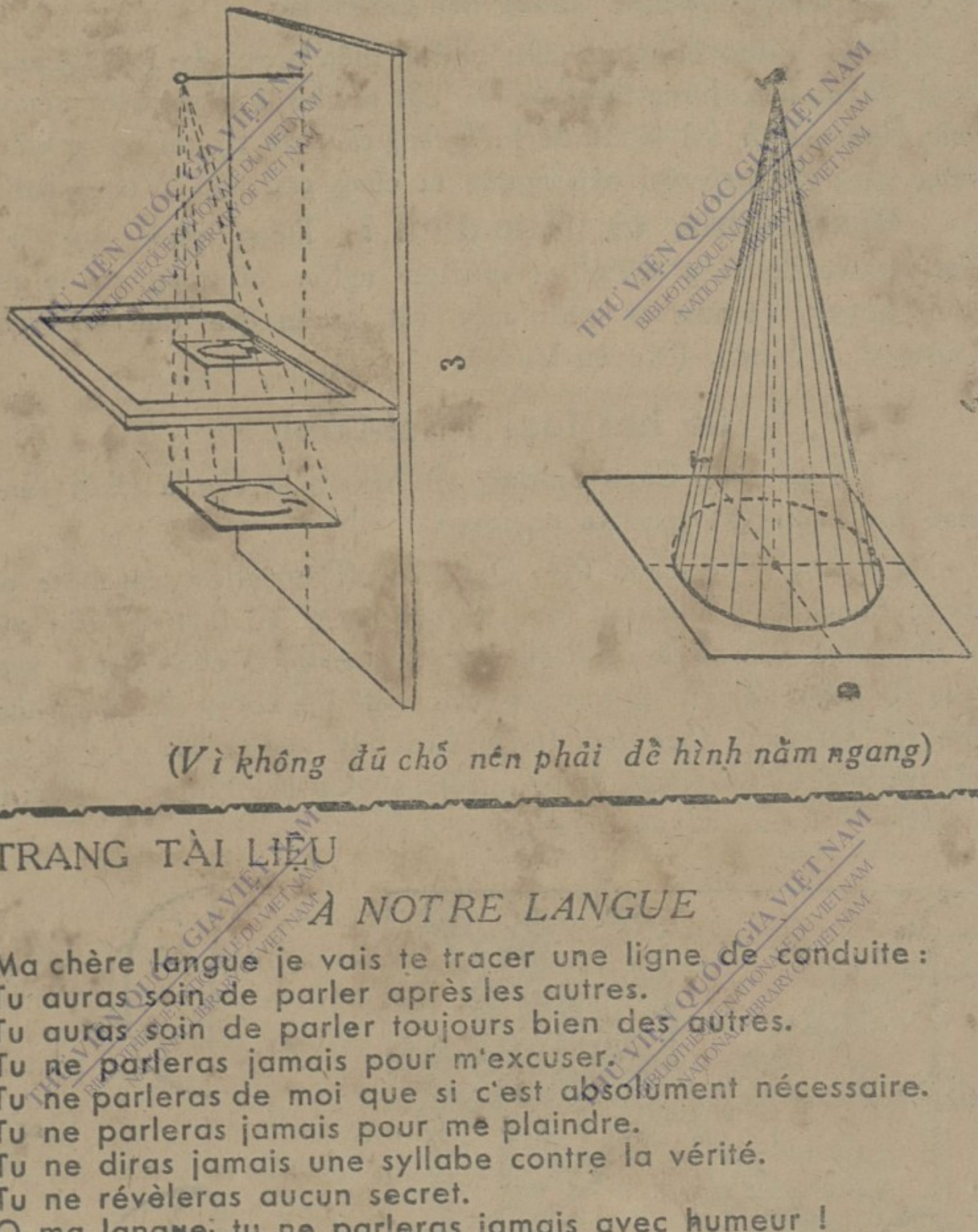

(*Vì không đủ chỗ nên phải để hình nằm ngang*)

TRANG TÀI LIỆU

À NOTRE LANGUE

Ma chère langue je vais te tracer une ligne de conduite :
Tu auras soin de parler après les autres.
Tu auras soin de parler toujours bien des autres.
Tu ne parleras jamais pour m'excuser.
Tu ne parleras de moi que si c'est absolument nécessaire.
Tu ne parleras jamais pour me plaindre.
Tu ne diras jamais une syllabe contre la vérité.
Tu ne révèleras aucun secret.
O ma langue, tu ne parleras jamais avec humeur !

(V. de BAILLY)

« RƯƠNG VÀNG CỦA CON TÔI »

để lại số sau.

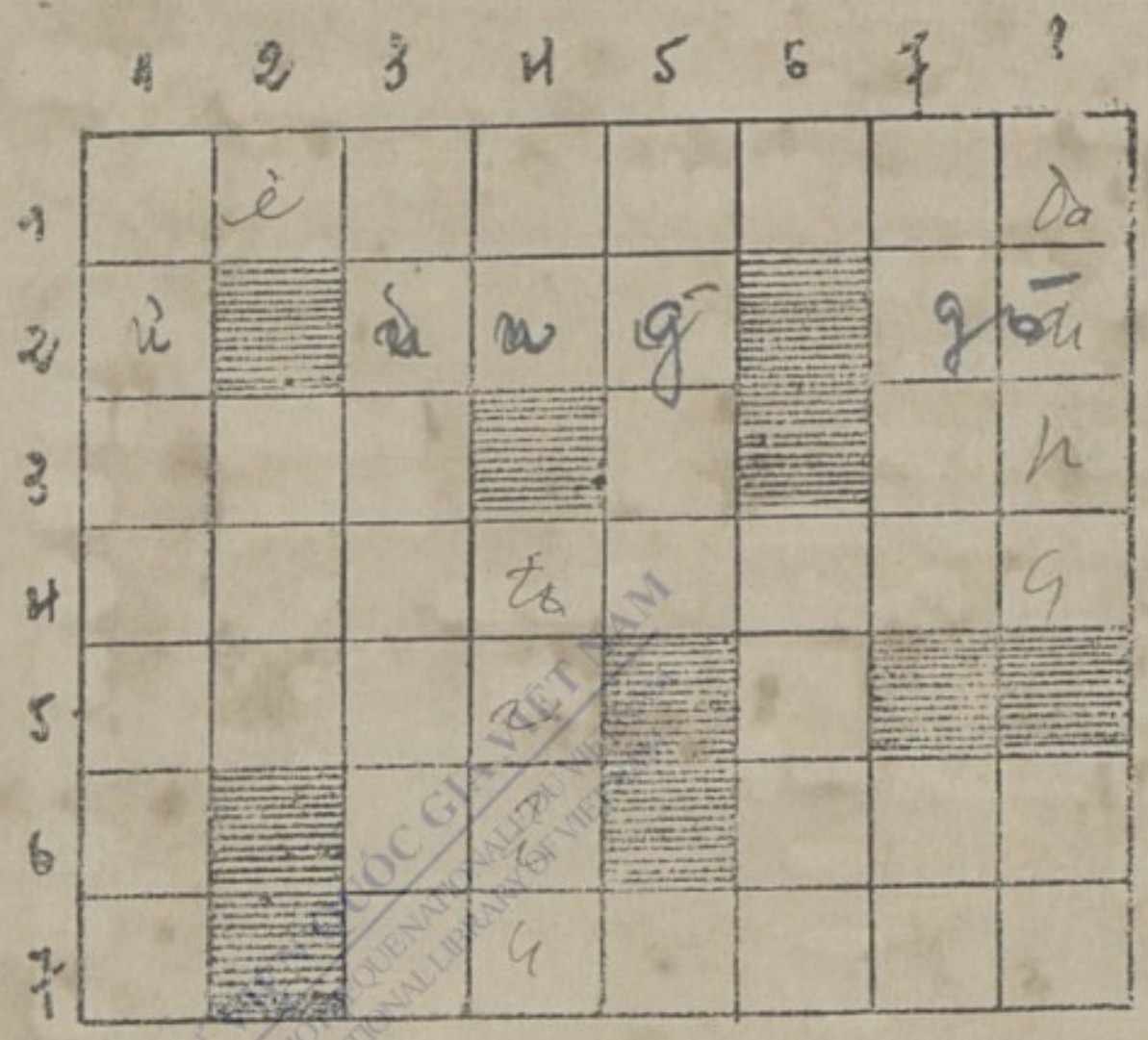

Hàng đứng

1.— Tên bài ca xưa,
2.— Bắt chước, làm theo.
3.— Gặp cơn rắc rối, khó tin.
4.— Thứ cây,
— Thứ vật nhà,
5.— Bánh hàng.
6.— Tên một thứ trái chua.
7.— U mê, ngu dốt
— Tiếng khóc lớn của con nít nhỏ.
8.— Nơi mà người đàn bà tô điểm để tăng vẻ đẹp.
— Một thứ cây có củ.

Lời giải số sau.

Hàng ngang

1.— Tên một ông vua nước Nam đời trước.
2.— Một thức ăn, chưa chín lắm.
— Một chỗ đất lồi lên.
3.— Tánh hiền lành, dễ thương.
— Một cái miếu nhỏ.
4.— Tên một thứ bông hiếm có.
5.— Vật quí giá.
6.— Người phương tây.
— Đồ dùng để bắt cá.
7.— Tên một cái biển của Đông-dương.

Lời giải chữ tréo trong số VI

Hàng ngang

1. Thành-Thái.
2. Hồ.
3. Ông — Phở.
4. Nghìn — Hối.
5. Ghe,
6. Ná — Cọp,
7. Mù u,
9. Trọng-Pháo.

Hàng đứng

1. Thống nhứt.
2. Hông Hà.
3. Ghe — Mão
5. Hoàng-cung.
7. Hộ-Pháp.
8. Hò.
9. In ỏi — Ô rô.

Nguyễn-văn-Láng

DANH SÁCH QUÝ ĐỘC-GIẢ MUA BÁO DÀI HẠN

Ông Hồ-vĩnh-Xuân, 4 Mac Mahon Saigon	6 tháng	110$
Anh Charles Phạm, 189 Douaumont Sài-gòn	3 tháng	55
— Raphaël khởi, 158 Q. de la Marne	»	55
Thầy Hai, Pharmacie de France, Sài-gòn	»	55
Ông Phúc, 42 Gl. Leman Sài-gòn	6 tháng	110
— Đào-hữu-Hạnh, Dran-Haut-Donnaï	3 tháng	65
— Huỳnh công Phước, 341 Crestien - Bến-tre	»	65
Anh Võ-minh-Trị c/. Mr Khải, PTT Sài-gòn	»	55
Ông Mạc-văn-Mông, CATECKA — Pleiku	»	65
— Nguyễn-quang-Trọng —	»	65
— Trần-quốc-Trản —	»	65
— Nguyễn-văn-Quế —	»	65
— Nguyễn-minh-Lâm, Trésor - P. P.	»	65
— Tí, D.F. Saigon	»	55

HỘP THƠ *Cùng quí bạn độc-giả mua báo dài hạn, từ Số X sắp lên, Cần-Học xin định giá như Sau đây :*

	Saigon-Chợlớn	L. T.	TBML
3 t. : 12 số	50$	52$	67$
6 » : 25 »	100$	104$	135$
12 » : 50 »	200$	208$	270$

Thơ và ngân phiếu xin đề :

Mr NGO-VAN-THANH

50, Pellerin :-: SAIGON

Chắc các bạn độc-giả ở Trung-Bắc-Miên và Lèo sẽ được hài lòng vì từ đây báo sẽ gởi theo máy bay nên ít mất lại đến tay các bạn mau hơn trước.

Bổn Báo xin tạm ngưng việc biếu cho giấy thấm và sách.

C. H.

Giấy phép số 189/T.X.B.
Ngày 25 tháng 5 - 1950

: : : IN TẠI NHÀ IN : : :
:: THANG-LONG ::
41 CHEMIN DES DAMES-SAIGON

ỌC DE PHỤNG SỰ CHANH

ÉDITIONS PÉDAGOGIQUES

CANH

TẬP IX

với sự hợp-tác của quí ông :

TRƯƠNG-V-TỐNG	Nhà học-giả	
HUỲNH-T-TRỌNG	Y-khoa Bác-sĩ	
NGÔ-TẤN-HUỲNH	Giáo-sư	Pháp-văn
TRỊNH-VĂN-MAI	—	—
TRẦN-VĂN-LÂM		—
VŨ-HỮU-TIỀM	—	— VN
TRÍ-ĐỨC	—	T.H.A.V.
CHÂU-SÁNG-THẾ	—	Anh-văn
HOÀNG-TR.-VIỆT	—	Việt-ngữ
TRÚC-KHANH	Thi-sĩ, văn-gia	
QUỐC-ẤN		—
NAM-HỒNG		—
LÊ-HƯƠNG		—
LƯU-ĐÌNH-KHẢI	G.Đ.T.	Mỹ-thuật
BÙI-VĂN-KÍNH	Giáo-sư	Hội-họa
THÁI-VĂN-CẨN	—	—
TRẦN-ĐÌNH-NHU	—	Hoa-văn
THẾU-LĂNG-QUÂN	—	Tốc-ký V.N.

Tòa soạn : 41 Chemin des Dames

SAIGON.

Giá { Nam 5$50

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIỆT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

HIỆU NOVA

MAY Y-PHỤC
và
CHEMISE

Sang Pháp và trong xứ rất danh tiếng khắp nơi.

Có nhiều hàng vải đẹp vừa ý quí ngài.

33, đường SABOURAIN

Gần chợ SAIGON

Giây nói : Cardi, 435

THUỐC BỔ HUYẾT

HUYẾT-TRUNG-BỬU

ĐẠI-QUANG

Bổn dược-phòng có tặng sách thuốc cho mỗi gia đình-nào cho địa-chỉ và gởi theo 0$60 tiền cò, chúng tôi sẽ gởi đến.

Nº 27 Boulevard Tổng-đốc-Phương

CHOLON

◆ *« CẦN-HỌC », tập X. sẽ đăng các Bài thi B.E. D.E.P.S.I. và Baccalauréat ở Nam-Bộ vừa rồi.*

◆ *Từ tập XI. sắp lên « CẦN-HỌC » sẽ thêm 4 trang nữa đặng đăng các bài học cho lớp ba và lớp nhì ban Tiểu-Học.*

PREPARATION AU C.E.P.
& Cours de Perfectionnement.

ORTHOGRAPHE

J'AI CHAUD

J'ai chaud.., Non, ne descends pas au jardin. Tu me fatigues. Le gravier va craquer sous tes pas, et je croirai que tu écrases un lit de petites braises. Laisse ! que j'entende le jet d'eau et le halètement de la chienne couchée sur la pierre chaude. Ne bouge pas ! Depuis ce matin, je guette l'éveil du premier souffle du vent..

Le marronnier va mourir. Il tend vers le ciel des feuilles frites.. Et rien ne pourra sauver les roses, saisies par la flamme avant d'éclore... Je rêve de roses mouillées, gonflées de pluie nocturne, froides à embrasser.

D'après Colette
« Le voyage égoiste »

QUESTIONS

1. L'auteur note quelques faits significatifs de la chaleur. Relevez-les.

2, Il note surtout les désirs de fraîcheur qu'éveille une chaleur insupportable. Quels sont-ils ?

3. Analysez : j'entende (que j'entende). la chienne, matin.

RÉPONSES

1. Les quelques faits significatifs de la chaleur sont : le gravier semble un lit de petites braises, halètement de la chienne, feuilles frites, roses saisies par la flamme.

2. Il note surtout les désirs de fraîcheur : entendre le jet d'eau, guetter l'éveil du premier souffe du vent, rêver de roses mouillées, gonflées de pluie nocturne, froides à embrasser.

3.– Analyse grammaticale

J' Mis pour je, pronom personnel, de la 1ère personne, représente Collete, féminin singulier sujet de entende.

Entende Verbe entendre, forme active sens transitif direct 1ere personne du singulier, mode subjonctif, temps présent 3e groupe.

La Article défini, se rapporte à chienne, féminin singulier.

Chienne Nom commun, féminin singulier, complément déterminatif de halètement.

Matin Nom commun, masculin singulier, complément circonstanciel de temps de guette.

Trần-văn-Lâm

Rédaction Française

Faites le portrait d'un de vos camarades

DÉVELOPPEMENT

A.— Introduction :

Depuis la rentrée d'Octobre, je me suis lié d'amitié avec Tinh, un nouveau camarade, venu d'une école de la banlieue.

B.— Corps du sujet.

1. *Son portrait physique :* Il va bientôt atteindre son âge, ce qui le chagrine un peu. Par contre, il a une jolie figure ovale, éclairée par des yeux noirs au regard très doux. Au-dessus d'un nez légèrement aquilin, s'épanouissent d'un constant sourire deux levres minces et roses. Svelte, il se tient toujours droit ne perdant pas ainsi un pouce de sa petite taille. Il est vêtu bien sobrement mais avec autant d'élégance que le plus riche de ses compagnons.

2. *Son portrait moral :* A un physique agréable, s'ajoutent des qualités morales incontestables. Bon élève, Tinh sait être délicat

et poli à l'égard de ses maîtres. Ses leçons sont bien apprises et ses devoirs rédigés avec soin. Bon camarade, il s'attire la sympathie de tous. Avec la meilleure grâce, il sait faire plaisir, prêtant à l'un sa gomme, donnant à l'autre un peu de son encre. Sur la cour de recréation, nul ne l'égale pour mettre de l'entrain dans les jeux.

C.– Conclusion.

Voilà le portrait du plus cher de mes amis, de l'élève le plus aimé de ses maîtres et le plus recherché de ses camarades.

DEVOIR PROPOSÉ

Vous avez observé un vieux mendiant qui sollicite, dans la rue, la charité des passants. Faites son portrait.

Trần-văn-Lâm

Ám tả quốc-văn

CON SÓC

Con sóc là một con vật nhỏ, xinh-xắn, bán-dã-súc và, vì cái tánh kiểu-diễm, cái tánh dễ sai khiến, hiền lành đáng được tồn tại ; tuy đôi khi nó vồ chim-chóc, nhưng không phải là nó ưa thịt sống và cũng vô hại ; đồ nó ăn thường là trái cây.

Nó sạch-sẽ, cử-động nhẹ-nhàng, mau-mắn, lanh-lợi, khéo léo ; cặp mắt sáng quắc, diện-mạo sắc-sảo, thân-thể cứng-cát, tứ-chi lanh-lẹ ; dáng-điệu lại tăng vẻ đẹp là nhờ cái đuôi xòe ra mà nó thường vắt lên tới trên đầu và dùng để che nắng. Nói được con sóc ít giống loại tứ-túc-thú hơn các thú vật khác ; nó hay ngồi, mình gần được ngay-ngắn và dùng hai chơn trước cầm vật thực đưa lên miệng.

Con sóc không làm ổ ở dưới đất, chỉ trú ở trên không, nó ở trên đỉnh cây, đi lại trong rừng, nhảy từ ngọn cây nọ sang ngọn cây

kia, làm ổ luôn trên đó, ăn trái cây, uống nước mù-sương, và chỉ xuống đất để tránh cơn giông gió lớn. Không ai thấy bóng con sóc ở ngoài đồng ruộng, nơi trống trải, xứ bình-địa ; không bao giờ nó lại chỗ người ta ở, nó cũng không trú trong rừng cây thường đốn, mà chỉ ở theo rừng cây cao, trên những ngọn cây cổ-thụ.

Lược-dịch Pháp văn

Giải-nghĩa : *Bán-dã-súc* : *bán* : nữa, *dã-súc* ! súc-vật sống hoang, thú vật rừng (demi sauvage)

Kiều diễm : đẹp-đẽ

Tồn tại : vẫn còn lại, giữ lại.

Lanh-lợi : hoạt-động mau-lẹ và khôn ngoan,

Diện mạo : vẽ mặt mày (la physionomie)

Tứ-túc-thú : loài động-vật có bốn chơn.

Cầm : chim chóc

Bình-địa : đất bằng phẳng.

Luận quốc-văn

TẢ LOÀI-VẬT

1) Trò tả con gà trống ở nhà trò hay con gà mà trò đã trông thấy.

Dàn bài : a) Hình dạng — b) Các bộ-phận : đầu, cổ, mình, chân, đuôi.— c) Nó sống bằng gì.— Tính-khí và diệu-bộ.

Kết luận.— Gà trống ích lợi cho ta thế nào ?

TOÁN-PHÁP

I.— 2 miếng ruộng : miếng hình chữ nhựt và miếng vuôn vức, cả hai có bề châu vi bằng nhau. Miếng ruộng hình chữ nhựt dài 125th., ngang 61th. Đố các trò miếng nào rộng lớn hơn.

GIẢI-PHÁP

Bề châu-vi mỗi miếng ruộng : $(125^m + 61^m) \times 2 = 372^m$.

Bề cạnh miếng ruộng vuôn : $372^m : 4 = 93^m$.

Bề mặt miếng ruộng vuôn : $63^m \times 93^m = 8.649^{m2}$

Bề mặt miếng ruộng hình chữ nhựt : $125 \times 61 = 7.925^{m2}$

T. L. miếng ruộng vuôn rộng hơn : $8.649^{m2} - 7.625^{m2} = 1.024^{m2}$

II. — Hôm đấu năm mẹ tôi đưa cho người bán thịt 616$,25 để mua thịt ăn trong 145 ngày. Hỏi những ngày còn lại trong năm mẹ tôi phải bớt tiền thịt mỗi ngày bao nhiêu cho đặng chỉ tốn tiền thịt trọn năm đó 1441$25 mà thôi.

T. L. 0$50

Examens du Brevet d'Études du 1er Cycle

(Session du 26 juin 1950 Saigon)

ORTHOGRAPHE

La nuit était complètement tombée. Aucun train ne sillonnait l'espace, l'on entendait au loin près de la gare de ceinture une machine qui ululait et semblait sangloter dans l'ombre. Parfois des bouffées de vent s'engouffraient dans les fils du télégraphe et les faisaient vibrer avec un aigre cliquetis qui s'éteignait lamentable comme une plainte, puis la voix des locomotives, en partance, roulait, profonde et basse. Sous le pont, une hutte d'aiguilleurs entr'ouvrit sa fenêtre et un rayon de lampe sauta dans le fouillis du lierre qui l'encadrait et s'y débattit. La lucarne se refermait, un mince filet d'or rose se brisa sur la grappe éraflée des feuilles, zigzagua rapidement, puis tout redevient noir. A gauche deux hommes assis sur un banc causaient, et le feu de leurs pipes, luisant dans l'ombre, faisait entrevoir dans un soudain éclair des côtés de visage, des tranches de nez, des bouts de doigt, plus loin enfin sept ou huit machines, perdues dans la nuit, le dos tourné et le trou du foyer béant, fumaient. On eut dit des lunes rouges, rangées les unes à côté

des autres et les lunes jaunes des cadrans de l'embarcadère et du pont s'élevaient plus haut, dominaient encore par le disque étincelant de la lune qui, émergeant des nues comme d'un lac d'eau sombre poudra de la limaille d'argent tout le champ des manœuvres.

I.— Fonction grammaticale des mots : cliquetis, dominaient, limaille, nues.

II.— Nombre, Nature, Fonction des propositions dans la phrase (aucun train... s'y débattit)

RÉPONSES

I— *Cliquetis :* n. com. masc. sing. compl. circonst. de manière de vibrer.

Dominaient : verbe « dominer », imparfait de l'Ind. 3è pers. du plur. 1er groupe.

Nues : n. com. fém. plur, compl. direct d'objet. de émergeant.

Limaille : n. com. fém. sing. compl. circonst. de manière de poudra.

II—*Aucun train ne sillonnait.* (prop. indépendante)

L'on entendait (prop. principale)

Qui ululait (prop, subord. relative par qui compl. détermina-tif de machine)

Et semblait sangloter (prop. subord. relative, coord. à la pré« céd. par et, compl. déterm. de machine.

Des bouffées de vent s'engouffraient (prop. princ)

et les faisaient vibrer (prop. princ. coord. a la précéd. par et)

Qui s'éteignait : prop. sùb. relative par qui compl. déterminatif de cliquetis.

La voix roulait (prop. indép.)

Une hutte... entr'ouvrit (prop. princ.)

et un rayon sauta (prop. princ. coord. à la précéd. par et)

Qui l'encadrait (prop. subord. relative, par qui compl. déterm. de lierre.)

et s'y débattit (porp. subord. relative coord à la précéd. par et compl. déterm. de lierre.

COMPOSITION FRANÇAISE

En vous inspirant du texte de la dictée, décrivez à votre tour soit un port, soit un aérodrome.

DEVOIR

A. Introduction.

Va, mon enfant, me conseille ma mère ; un petit tour au port te fera du bien ».

Docile, j'enfourche ma bicyclette et longe doucement la rue Quai de Belgique pour une déboucher enfin à la Pointe des Blagueurs.

B. Corps du Sujet : Le port de Saigon.

1. Port de marchandises.

a) *Scènes sur le quai.* Les personnes. Une animation intense règne alors sur le quai. Des marchands débitent à longueur des journées leurs produits divers et hétéroclites : boissons d'haricot à la glace râpée, poignées de riz gluant multicolores, jus de canne à sucre pressée, « carem cây » et bombe glacée chinoise ... Les lèvres rougies de bétel et gonflées d'une grosse boule de tabac, de grosses mégères ragottent sans fin. Des coolies, au torse couleur de brique mouillée, crient et gesticulent comme des forcenés tout en chargeant des caisses de toutes grandeurs sur leurs fortes épaules. Des enfants s'égaillent à côté d'un chien efflanqué et galeux tandis que de paisibles promeneurs hument longuement l'air frais venu du Cap...

2 — Port militaire.

1 Scènes sur l'eau. La station du bac passée, me voici au port militaire. Des navires de guerre ancrés en bon ordre, opposent leur note blanche au vert gris de l'eau. Tourelles blindées, cheminées

immenses, canons à l'air arrogant et belliqueux, tout cela vous écrase de leur vigueur et de leur masse géante. Ou voit découpés dans le ciel des fouillis de mâts, de vergues et de cordages. Les groupes électrogènes ronronnent tandis que la voix nasillarde du haut parleur lance le rassemblement de l'équipage. Sur les ponts, des marins, au torse d'un rouge vif, s'égosillent à tue-tête des chansons de marche ou d'amour.

2. *Scènes sur le quai* : Pendant ce temps, s'ennuient des sentinelles en tenue de service, baïonnette au canon de leur fusil. Des matelots, en uniforme blanc, pompon rouge au bonnet, devisent à haute voix, s'interpellent en riant à gorge déployée. Camions et jeeps militaires passent pareils à des bolides. Un pauvre cyclo s'éreinte à pédaler pour deux grands gaillards de marins qui, béatement, semblent être satisfaits, malgré leur position incommode.

Du petit parc près de l'Arsenal des promeneurs attardés contemplent la nuit qui tombe. Les navires s'illuminent tandis que sur le fleuve, les lampes des petites barques clignottent pareilles à des lucioles flottantes Au loin la liserée de cocotiers s'estompe se confondant au vert glauque de l'eau.

Conclusion

Mais me voilà au bout du boulevard Luro, laissant derrière moi cette vie fiévreuse qui semble s'assoupir peu à peu pour recommencer demain plus active encore.

Trần-văn-Lâm

Pensée

Il n'y a pour l'homme que trois évènements : naître, vivre et mourir. Il ne sent pas naître, il souffre à mourir et il oublie de vivre.

La Bruyère.

Tư - tưởng

Cái kiếp con người chỉ có ba điều tối yếu : sanh, sống và chết Sanh ra không hay biết, cứ mải lo sợ chết mà quên mất kiếp sống cũa mình đi.

GÉOMÉTRIE

Soit un cercle de centre O et de diamètre AB = 2R. Sur la tangente au cercle en A, on prend un point D tel que BD = 4R ; BD coupe le cercle en un 2è point C.

1°) Calculer les angles du triangle ABD.

2°) La tangente en C au cercle coupe AD en E et la droite AB en F. Montrer que CE = CF et calculer EF en fonction de R.

3°) Démontrer que les triangles ECD et BCF sont semblables et que l'aire du premier est le triple de l'aire du second.

Session 26 Juin 50

Saigon

SOLUTION

1°) Le triangle ABD ayant le côté AB = 2R et le côté BD = 4R, est un triangle demi-équilatéral.

Par suite : $\widehat{B} = \boxed{60^o.}$ $\widehat{D} = \boxed{30^o.}$ et $\widehat{A} = \boxed{90^o.}$

2.) a) Joignons O E et O C. Le triangle OBC est équilatéral.

Par suite : $\widehat{O_1} = \widehat{O_2} = \widehat{O_3} = 60^o$

Le rayon O C aboutissant au point de tangence C est perpendiculaire à E F. Donc ; les 2 angles en C sont droits

Considérons les 2 triangles O C E et O C F. Ils ont un côté commun O C adjacent à 2 angles respectivement égaux (angles en $C = 90^o$ et $\widehat{O_1} = \widehat{O_2} = 60^o$) ; donc : ils sont égaux.

Par suite : $\boxed{CE = CF}$

b) Le théorème de Pythagore appliqué au triangle rectangle OCF donne :

$$\overline{CF}^2 = \overline{OF}^2 - \overline{OC}^2$$

Comme OF est le côté du triangle demi équilatéral OCF, nous pouvons écrire :

$$\overline{CF}^2 = 4R^2 - R^2 = 3R^2$$

D'où : $CF = R\sqrt{3}$

et $EF = 2\,CF = \boxed{2R\sqrt{3}}$

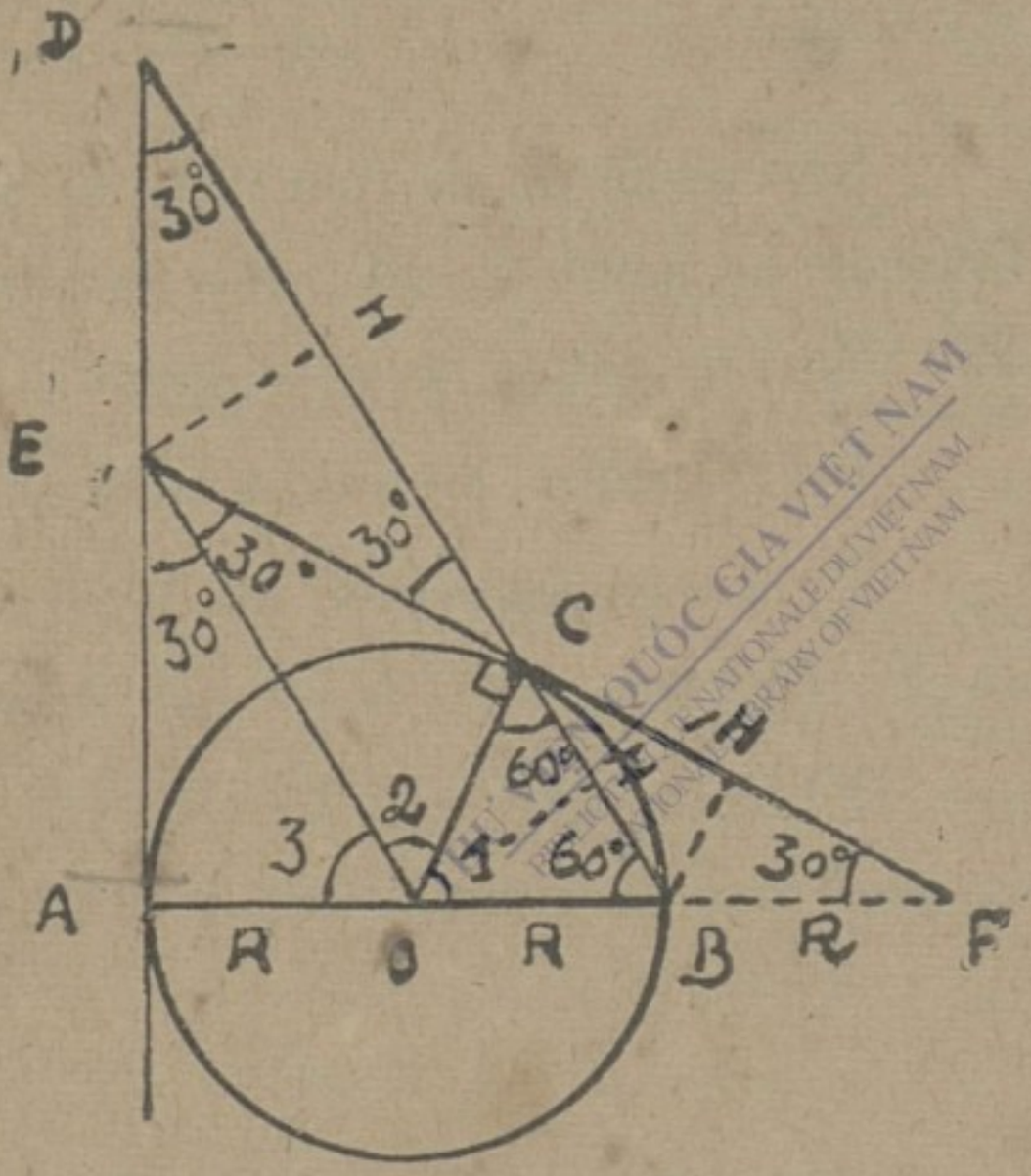

3°) a) Les 2 triangles ECD et BCF sont semblables comme ayant 2 angles respectivement égaux, à Savoir : $\widehat{D} = \widehat{FCB} = \widehat{F} = \widehat{DCE} = 30°$

b) Considérons les 2 triangles ECD et BCF. Des sommets E et B, menons les hauteurs EH et BH'.

EH a la même valeur que la hauteur OH du triangle équilatéral OCB ; et nous avons :

$$EH = \frac{R\sqrt{3}}{2}$$

BH' a pour valeur la moitié de la base OC du triangle OCF, car BH' est parallèle à OC et passe par les milieux des 2 côtés CF et OF du triangle OCF.

donc : $BH' = \frac{OC}{2} = \frac{R}{2}$

L'aire du triangle ECD :

$$S : \frac{CD \times EH}{2} = \frac{3R \times \frac{R\sqrt{3}}{2}}{2} = \boxed{\frac{3R^2\sqrt{3}}{4}}$$

L'aire du triangle BCF :

$$S' = \frac{CF \times BH'}{2} = \frac{R\sqrt{3} \times \frac{R}{2}}{2} = \boxed{\frac{R^2\sqrt{3}}{4}}$$

Ainsi, l'aire du triangle ECD est Ie triple de celle du triangle BCF.

ALGEBRE

Les longueurs des pièces A,B,C de même tissu sont respectivement proportionnelles aux nombres 15, 10, 4. La longueur de la pièce A surpasse de 25m celle de B. Les largeu rs de B et C sont respectivement les $\frac{3}{5}$ et les $\frac{3}{4}$ de la largeur de A. On demande.

1°) La longueur de chaque pièce.

2.) Le prix de chaque pièce sachant que les *3* ont coûté ensemble 19.200$00 et que les prix sont proportionnels aux surfaces des pièces.

(Session Juin 50 Saigon.)

SOLUTION

1°) Soient x, y, z les longueurs respectives des 3 pièces A,B,C.

Nous avons :

$x = y + 25$. (1)

et $\frac{x}{y} = \frac{15}{10}$ (2)

Remplaçons x par sa valeur dans (2) :

$$\frac{y+25}{y} = \frac{15}{10}$$

d'où : $10\,y + 250 = 15\,y$

$250 = 15\,y - 10\,y = 5\,y$

$y = \frac{250}{5} = \boxed{50m}$

Remplaçons y par sa valeur dans (1) :

$x = y + 25$

$x = 50 + 25 = \boxed{75\ m}$

De plus nous avons :

$$\frac{y}{z} = \frac{10}{4}$$

ou : $\frac{50}{z} = \frac{10}{4}$

d'où $z = \frac{50 \times 4}{10} = \boxed{20\ m}$

2.) Soient l_1 la largeur dé la pièce A ; l_2 celle du B ; l_3 celle de C.

Nous avons : $l_2 = \frac{3\ l_1}{5}$; $l_3 = \frac{4\ l_1}{3}$

Surface de A : $S_1 = 75\ l_1$

Surface de B : $S_2 = 50 \times l_2 = \frac{50 \times 3\ l_1}{5} = 30\ l_1$

Surface de C : $S_3 = 20 \times l_3 = \frac{20 \times 3\ l_1}{4} = 15\ l_1$

Surface totale des 3 coupons :

$S = S_1 + S_2 + S_3\ 75\ l_1 + 30\ l_1 + 15\ l_1 = 120\ l_1$

Soient P_1 le prix de A ; P_2 celui de B ; P_3 celui de C.

Puisque les prix sont proportionnels aux surfaces, nous avons :

$$\frac{P_1}{S_1} = \frac{P_2}{S_2} = \frac{P_3}{S_3} = \frac{P_1 + P_2 + P_3}{S_1 + S_2 + S_3} = \frac{19.200}{120\ l_1}$$

Donc : $\frac{P_1}{S_1} = \frac{19.200}{120\ l_1}$

ou : $\frac{P_1}{75 l_1} = \frac{19.200}{120\ l_1}$

$$\text{d'ou : } P_1 = \frac{75\ l_1 \times 19.200}{120\ l_1} = \boxed{12.00\$\ 00}$$

$$\text{et } P_2 = \frac{19.200 \times 30\ l_1}{120\ l_1} = \boxed{4.800\$00}$$

$$P_3 = \frac{19.200 \times 15\ l_1}{120\ l_1} = \boxed{2.400\$00}$$

TRí-ĐỨC *Professeur*

THÈME

Việt-Ngữ

Nghỉ hè

Trong kỳ nghỉ hè, học-sinh có nhiều thì giờ nên lợi dụng thời gian quí báu ấy để vận-động ngoài trời.

Sau khi đã cùng nhau định trước lấy một hành-trình, ta đi tìm cảnh mới lạ, đối với sự hiểu biết của ta. Vai đeo bị đựng một vài thứ quần áo để thay đổi và ít đồ dùng cùng một hai cuốn sách để xem cho giải trí, ta lâng lâng cất bước lên đường, ta tập dày dạn với gió sương, mưa nắng, tập chịu đựng sự đói khát kham khổ, đem trí óc tháo vát mà đón những cái bất ngờ đầy dẫy ở dọc đường.

Pháp - Văn

Vacances d'été.

Pendant les grandes vacances d'été, les élèves ont beaucoup de temps libre, c'est pourquoi ils en profitent pour aller vivre au grand air.

Après avoir fixé d'avance un itinéraire à suivre, nous allons à la recherche des sites qui nous sont encore inconnus. Le sac au dos dans lequel il y a du linge de rechange, quelques objets d'usage courant, et quelques livres pour lire afin de nous détendre l'esprit, nous nous mettons allegrement en route. Nous nous exerçons ainsi à l'endurance, bravant les intempéries de la nature, supportant la faim, la soif et les privations, et nous sommes toujours prêts à faire face avec notre esprit débrouillard, aux multiples surprises échelonnées sur nos chemins.

Câu - hỏi

I.— Giải-nghĩa những chữ : hành-trình, lâng-lâng, kham-khổ óc tháo vát.

II.— Cho những chữ ngược nghĩa với những chữ : lợi dụng, dày-dạn.

(Session 26 Juin)

Trả - lời

I.— *Hành* : đi ; *trình* ; đường. *Hành-trình* : cuộc đi đường. *lâng-lâng* : nhẹ nhàng. *Kham-khổ* : chịu sự cực nhọc.

Óc tháo vát : người có trí biến-chuyển và làm được nhiều việc.

II.— Chữ ngược nghĩa : *Lợi-dụng* ; bỏ phí.

Dày-dạn : thanh nhàn (chữ nôm) — phong gấm :

« Trước sao phong gấm rũ là,

Giờ sao dày dạn như hoa giữa đường ». (*Kiều*).

« Kiến tha lâu đầy lỗ »

(Session 26 Juin 1950 Saigon)

Câu ngạn ngữ thật bình dân mà cũng thật cao thâm. Các bạn từ nhỏ, hồi mới bắt đầu lê gót tới trường, bạn và thầy các bạn bao lần hoặc giảng, hoặc khuyên các bạn bằng những câu ngạn ngữ văn vắn như thế. Trên những cuốn vở cũ kỹ nhem nhuốc đầu tiên của các bạn, chắc chắn có câu làm mẫu đó « Kiến tha lâu đầy lỗ ».

Con kiến theo như các bạn biết, hình vóc nhỏ thó ; nhưng trừ với sự nhỏ ấy, Tạo hóa ban cho một đặc tánh bù lại, là sự sống tập đoàn. Đặc tánh nầy các loài như ong, kiến cần phải có để tự chúng bảo vệ lẽ sống còn cũa chúng. Nhưng thêm vào đặc tánh nầy, Tạo hóa còn ban cho một đặc tánh làm gương mẫu mà kẻ thức thời phải chú trọng và đặc ra câu ngạn ngữ để dạy đời như bạn

thấy ở trên. Ấy là tánh cần cù, nhẫn nại, chịu khó để làm việc.

« Con kiến nhỏ, hột thóc to... » mà con kiến, nhiều khi một mình đem hột thóc về tổ đặng. Một cái tổ kiến chứa muôn triệu con, chắc không phải nhỏ, ví dầu các bạn trừ qua cấn lại theo luật câu đối. Nhưng ở tổ kiến chắc chắn không bao giờ vơi lương thực, đến nỗi La Fontaine tiên sinh, ngụ ý đặt bài : con ve đi mượn thức ăn của con kiến,

Ấy nhờ đâu mà một loài bé tí hon như thế, lại được nêu gương mẫu cho ta phải chăng chẳng qna nhờ đức tánh đặc biệt cần lao mà chúng gầy nên sự nghiệp !

Tánh chịu khó tàm việc là con đường chắc chắn đưa tới thành công. Những gương để các bạn soi không phải khó kiếm trong những bực vỉ nhân làm nên sự nghiệp mà nhờ nơi đức tánh nhẫn nại cần lao.

Một ông vna xe hơi khét tiếng ở hoàn cầu : Ông Henri Ford, có lẻ các ụạn cũng dư biết, nhờ đâu mà gầy đặng nên một sự nghiệp vĩ đại như thế ngày nay. Ngài xuất thân với hai bàn tay trắng và với nghề thợ máy ! Ấy mà hiện giờ trên thế giới chỗ nào không có xe mang danh hiệu ngài.

Nhưng đây, thêm vào sự chịu khó, các bạn phải có đủ nhẫn nại như con kiến nữa. Rồi thì chịu khó, nhẫn nại, trì chí mỗi ngày không xao lảng, các bạn tập nên một đức tánh, một thói quen giúp các bạn không bao giờ nản chí.

Đây các bạn nên nhớ, sự thành công nhiều khi cũng nhờ thời vận, nhưng thời vận hiếm hoi lắm, và tin nơi thời vận các bạn thường phải thất vọng hơn là thành công.

Các loài vô tri vô giác như đá, gỗ, như gió, như nước cũng phải chịu một định luật tự nhiên nào đó giống như đặc tánh cần cù mà Tạo-hóa phú cho loài kiến.

Các bạn cũng không quên những câu ngạn ngữ : « Nước chảy đá mòn » — « Gắng công mài sắt, chầy ngày nên kim »

Đá, sắt không cưỡng lại sức nước chảy nhẹ nhưng chảy hoài ; sức các bạn yếu, dụng cụ không có, các bạn mài mãi, cọng sắt cũng phải bén nhọn để bạn dùng.

Đọc những sách du ký ở xứ Ai-Cập, các bạn chắc chắn được nghe nói tới tượng quái vật Sphins, một trong bảy kỳ quan ở thế giới. Quái tượng nằm giữa bãi Sa-mạc bao la, gió thổi vào tượng đã mấy mươi thế kỷ ! Đá rắn mà gió cứ thổi ; một lỗm sâu ở tượag bị khuyết vì nằm đương mặt với ngọn gió !

Tới đây các bạn cùng chúng tôi xem qua đủ mặt về người và vật để luận về câu ngạn ngữ : « Kiến tha lâu đầy lỗ » — Các bạn ít ra cũng để ý, dầu chưa hẳn phục lý. Nhưng đường đời có đi mới có tới. Tiền bối đã dạy, và định luật của Tạo-hóa đã đặt ra, ắt một ngày gần đây các bạn cũng ngã lẽ.

Song bình tâm lại đi, các bạn sẽ thấy, do sự cố gắn, nhẫn nại và chịu khó của các bạn hằng ngày các bạn mới đạt được những kết quả nhỏ mà hiện các bạn vui thích. Cứ dà ấy mà tiến, các bạn sẽ thấy câu châm ngôn ở trên là đúng,

B. Truyền

Enseignement Secondaire

DISSERTATION LITTÉRAIRE

Qu'entendez-vous par vers cornélien, dialogue cornélien, style cornélien et tragédie cornélienne ?

PLAN

A. Introduction.

Ces expressions sont appliquées parfois par la critique à des

vers... d'auteurs contemporains où brillent certaines qualités que Corneille a montrées jusqu'à la perfection dans ses œuvres, Corneille a ceci de particulier qu'il est non seulement créateur de son genre mais qu'il demeure le poète le plus difficilement imitable dans ses qualités.

B. Corps du sujet

I. Vers cornéliens

Fermeté, concision et simplicité de l'expression qui traduit une grande pensée.

Corneille a nombre de vers « frappés pour durer comme l'airain »... Il sait renfermer une grande maxime dans un vers devenu proverbe.

Qui veut vivre infâme est indigne du jour.
A qui venge son père il n'est rien d'impossible.
A vaincre sans péril, on triomphe sans gloire
Mourant sans déshonneur, je mourrai sans regret (Le Cid).
Il est de tout son sang, comptable à la patrie.
Un premier mouvement ne fut jamais un crime (Horace)

II. Dialogue cornélien

Chez Corneille, le dialogne présente les caractères suivant :

a) *Suite de pensées* élevées, subites rispostes se croisant comme les épées dans un assaut d'escrime. Dialogues de don Diègue et de don Gormas-de don Gormas et de don Rodrigue - de Pauline et de Polyeucte.

POLYEUCTE

. . . Je vous aime,
Beaucoup moins que mon Dieu, mais bien plus que moi-même.

PAULINE

Au nom de cet amour ne m'abandonnez pas.

POLYEUCTE

Au nom de cet amour, daignez suivre mes pas.

PAULINE

C'est peu de me quitter, tu veux donc me séduire ?

POLYEUCTE

C'est peu d'aller au ciel, je veux vous y conduire.

PAULINE

Imaginations !

POLYEUCTE

Célestes vérités !

PAULINE

Etrange aveuglement !

POLYEUCTE

Eternelles clartés !

PAULINE

Tu préfères la mort à l'amour de Pauline !

POLYEUCTÉ

Vous préférez le monde à la bonté divine !

PAULINE

Va, cruel, va mourir : tu me n'aimas jamais !

POLYEUCTE

Vivez heureux au monde et me laissez en paix

PAULINE

Oui, je vais t'y laisser ; ne t'en mets plus en peine,
Je vais ... (Polyeucte IV, vers 108 à 120)

b) **Eloquence des développements** oratoires où semble se complaire l'ancien avocat du roi à la Table de marbre - Dialogues entre Auguste, Cinna, Maxime (scène de la délibération) Discours du Ve acte d'Horace.

c) **Vivacité des débuts**. Les grandes scènes se débutent avec fougue :

Enfin, vous l'emportez ... (I. 4)
Rodrigue as-tu du cœur ?...(I' 6)
A moi, comte, deux mots ... (II. 2)
Sire, sire, justice ! (II. 8)
Quoi, Rodrigue, en plein jour !)V.1)

d) **Réponses antithétiques**, symétriques, pressées comme haletantes pour peindre deux états d'âme opposés.

Le Cid I. 3 ; I. 6 ; III. 4

Horace II. 3

Cinna II. 2 (après scène délibération)

Polyeucte III. 3 ; II. 6 ; IV. 2 (scène prison)

III. *Tragédie cornélienne.*— Présente caractères suivants :

1. Passion sacrifiée par des héros d'une vertu surhumaine en qui s'incarne la notion du devoir. Les héros cornéliens souffrent de la lutte mais sont comme certains d'avance de la victoire.

2. Choc des caractères opposés— Art des situations d'où le personnage ne peut sortir avec honneur que par l'héroïsme (Grandeur des intérêts en jeu, tendanee à remplacer la tragédie psychologique par tragédie politique)

C'est un fiancé qui provoque et tue son futur beau-père (Le Cid) Trois guerriers d'une méme famille affrontent dans un combat à mort trois autres frères auxquels ils sont unis par des liens d'amitié et du sang (Horace). Polyeucte renonce au bonheur d'une existence passée auprès d'une femme qu'il « aime bien plus que lui même » pour briguer la palme du martyr ... (Polyeucte). Auguste est menacé de mort par ceux mêmes qu'il a comblés de ses bienfaits (Cinna).

A mesure que se déroule l'action, les obstacles s'accumulent et renforcent l'horreur tragique.

3. La tragédie cornélienne est « **une école de grandeur d'âme** ». Elle est morale et moralisatrice.

« S'il fallait que la France sacrifiât tous ses poètes à l'exception d'un seul, celui qu'elle devrait conserver, c'est Corneille »

(*V. de Laprade*)

IV. *Style cornélien*

Simplicité éloquente et nerveuse de l'expression — grandeur continue jointe au sublime — versification quasi impeccable.

« C'est à peine si l'on trouverait une ou deux fautes précises dans tout le théâtre de Corneille » (Voltaire).

C. Conclusion

C'était justice que l'on décernât à Corneille le mon de Grand La formé des œuvres dramatiques peut avoir opéré une évolution vers le drame plus libre d'allure. Corneille demeurera unique par le don d'exiter l'enthousiasme des esqrits élevés pour les hautes et difficiles vertus qui sont l'honneur de l'humanité.

Les considérations qui précèdent nous permettent de conclure que l'épithète de cornélien implique une idée de grand et d'exceptionnel. Elle caractérise le langage et l'action des personnages, qui, doués, selon l'expression d'Horace « d'âmes peu communes » connaissent « des fortunes hors de l'ordre commun ».

Devoir proposé

On cite souvent des traits comme le fameux « Qu'il mourût » de la tragédie d'Horace en disant : « Voilà un mot cornélien ». Rechercher dans le théâtre de Corneille quelques uns de ces traits et les expliquer de manière à dégager une définition du mot « cornélien ».

Trần-văn-Lâm

Pensée

Tcute la vie n'est peut être qu'un songe continuel, peut être le moment de la mort sera un réveil soudain.

Tư-tưởng

Cỏi đời chỉ là một giấc mộng trường miên mà lúc sực tỉnh giấc mơ là lúc chết đã đến kề.

L'ANGLAIS PRATIQUE

Les expressions les plus usitées de la langue anglaise (suite et fin)

Par M. Châu-Sáng-Thế
PROFESSEUR

1	Before long Bifore longue	1 Sous peu
2	Shortly Shorttlé	2 D'ici peu
3	Soon Soun	3 Bientôt
4	At once At Ouence	4 Tout de suite
5	Immediately Immédiatelé	5 Immédiatement
6	All at once Aull at ouence	6 Tout à coup
7	At times At taïze	7 Parfois
8	At all times At aull taïze	8 En toui temps
9	In the meantime Inn theu minn taïme	9 Dans l'intervalle
10	At length At lènn ze	10 A la longue
11	For ever For éveur	11 A jamais (pour toujours)
12	In the end Inn thi ennd	12 A la fin
13	At last At last	13 Enfin
14	Last-ly Last lé	14 Finalement
15	Often Offeunn	15 Souvent
16	Rarely Rarelé	16 Rarement

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIỆT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIET NAM

17 Seldom
Seldom

18 Sometimes
Sometaïze

19 All day long
Aull dé longue

20 The whole week
Theu houle Ouïk

21 The whole month
Theu houle month

22 For hours and hours
For haoueurze ènnd haouueurze

23 All the year round
Aull thi ieur raoud

24 The whole year
Theu houle ieur

17 id

18 Quelquefois

19 Toute la journée

20 Toute la semaine

21 Tout le mois

22 Pendant des heures

23 Toute l'année

24 id

Quelques proverbes Anglais

Some english proverbs

Seum innglish pro-veurb-ze

1 Time is money
Taïme iz mané

2 Time and tide wait for no man
Taïme ènnd taïde ouétt for nô mènn

1 Le Temps, c'est de l'argent

2 Le temps et la marée n'attendent personne

CHÂU-SÁNG-THẾ

CONVERSATIONS

(NÓI CHUYỆN) (tiếp theo)

— Pourrais-je mettre dans une enveloppe quelques pièces d'argent ou une montre pour les envoyer à mon frère ?

— Pas du tout. On ne peut mettre dans une lettre, sous peine d'amende, aucune pièce d'argent.

— Tôi có thể bỏ tiền hay cái đồng hồ trái-quít trong bao thơ rồi gởi cho anh tôi được không ?

— Không thể được. Không ai được bỏ tiền trong bao thơ mà gởi đi vì làm vậy thì bị phạt ngay

— Quand aux autres objets qu'on veut envoyer, comme des échantillons de commerce, des bagues, des montres, etc . . . On les met dans de petits paquets dont la poste se charge. En Europe et en Amérique, on peut mettre tout ce qu'on veut dans les paquets, même des animaux. On a vu ainsi arriver par la poste des vers à soie, des souris, des lézards et des tortues. Le cas le plus étrange a été celui d'un Zoologiste qui présenta au guichet de la poste un serpent vivant.

— J'aurais eu grand' peur.

— Les employés eurent peur eux-mêmes, et refusèrent d'accepter l'étrange paquet. Le savant insista et la poste anglaise finit par consentir à envoyer le paquet mais au moyen d'un messager spécial.

Còn như các vật khác muốn gởi đi, như mẫu hàng, nhẫn. đồng-hồ nhỏ v.v... thì người ta gói lại thành gói nhỏ rồi gởi (gọi là *bưu-kiện*). Bên Âu-châu và bên Mỹ, người ta có thể gởi vật gì cũng được, gói lại từng gói, thú-vật cũng được. Bởi đó người ta thấy sở Bưu-điện giao đến nào là tằm, nào là chuột, nào là thằng-lằng nào là rùa. Sự lạ nhất là có một nhà thông-thái khảo về động-vật-học đem đến gởi một con rắn còn sống.

Chà, ở đó tôi sợ chết.

Chính nhân viên sở giây-thép cũng sợ và không nhận gởi cái bưu-kiện lạ kỳ ấy, song nhà bác-học kia nài mãi, nên sở Bưu-chính Hồng mao, chịu nhận gởi nhưng phải cho dùng xe riêng mà chở đi.

EXPRESSIONS USUELLES (suite)

— *Avoir de la présence d'esprit :* tỉnh-trí, lẹ trí, biết nói, hay biết việc nào cần làm trước hết.

— *Avoir du ressort :* có can-đảm, có nghị-lực.

— *Avoir affaire à forte portée :* gặp kẻ đương-đầu với mình quật-cường đáo để ; gặp đối-phương lợi hại mình phải cứng cát mới thắng được.

— *Avoir du coeur au ventre :* (nghĩabóng) người can-đảm bạo-dạn

— *N'avoir pas froid aux yeux :* (nghĩa bóng : như câu trên).

— *Avoir du nerf :* có nghị-lực.

— *Avoir de la poigne :* có sức mạnh (nghĩa bóng : sai bảo ai, truyền lịnh cho ai một cách rất có nghị lực.

— *Avoir de l'empire sur soi-même :* có gan, có chí, biết cầm chế những tình-cảm, sự ham muốn của mình.

— *Attendre de pied ferme :* già-giặn đứng đợi ; nghĩa bóng : không thối chí.

— *Ne pas broncher :* không xây động ; điềm nhiên

— *Ne pas se départir de son calme, de son flegme :* vẫn bình-tĩnh thản nhiên, không lộ ra vẻ gì khác.

— *Faire bonne contenance :* Vẫn yên tâm, giữ nét mặt, thái độ tĩnh tuồng, chẳng chút bối rối. *(Còn nữa)*

DỊCH VĂN XUÔI PHÁP RA THƠ

LA PATRIE (II)

La patrie, mes chers enfants, ce n'est pas seulement votre plaine ou votre coteau, la flèche élancée de notre clocher ou la cime verdoyante de vos arbres ou les chansons monotones de vos pâtres.

La patrie, c'est ce qui fait battre nos coeurs, c'est notre indépendance absolue, c'est la gloire ineffaçable de nos pères, c'est la grandeur de la liberté.

La patrie, c'est encore les beaux fleuves qui arrosent nos champs les vertes forêts qui nous ombragent et les terres fertiles qui s'étendent sous nos pas.

La patrie, c est l'ensemble indivisible de tous nos concitoyens, grands ou petits, riches ou pauvres.

La patrie, c'est la nation que vous devez h norer, servir, défendre de toutes les facultés de votre intelligence, de toutes les forces de vos bras, de toute l'énergie et de tout l'amour d'un coeur désintéressé.

TỔ-QUỐC (bài thứ II)

Các em yêu quí của ta ơi !
Tổ-quốc phải đâu chỉ ngọn đồi,
Hay cánh đồng-bằng rộng bát-ngát,
Hay đỉnh gác chuông cao chót-vót,
Hay ngọn cây to lá biếc xanh,
Hay tiếng mục-đồng ca buồn tanh.

✦ ✦ ✦

Tổ-quốc là tất cả chi chi
Cảm động lòng ta, tim hồi-hộp
Dân-tộc ta hoàn-toàn độc lập,
Thanh danh bất diệt của ông cha,
Tự-do vĩ-đại của sơn-hà.

✦ ✦ ✦

Tổ-quốc, ấy cũng còn là,
Những dòng sông đẹp chảy qua cánh-đồng
Rừng xanh bóng mát vô cùng
Đất phì-nhiêu cả mênh mông rộng dài

✦ ✦ ✦

Tổ-quốc ấy không ai chia được
Một khối người cùng nước, cùng quê,
Sang, hèn, giàu, khó, kể chi.
(Hợp-quần : sức mạnh, chia ly : yếu hèn)

✦ ✦ ✦

Tổ-quốc ấy thiêng-liêng trọng-đại
Là Quốc-gia ta phải tôn-thờ,
Với lòng ái-quốc vô-tư
Với đầy nghị-lực, với dư sức hùng
Với tất cả trí-thông đức-độ,

Phải hy-sinh chống giữ quốc-gia
(Thắng cơn nguy-biến sơn hà,
Chí trai vì nước, mới là chí trai)

VŨ-HỮU-TIỀM
Hồng-Bàng Học-Hiệu

Lớp dạy vẽ

PHỐI-CẢNH HÌNH NÓN

Loại Phối-Cảnh hình nón nghiên-cứu những thể-thức qui-chế sự biến-dạng của các vật. Mục-đích là để dạy ta ghi lại hình ảnh của những vật, đúng theo mắt thấy, trên một mặt phẳng tức là trên một tờ giấy để đứng thay thế tấm kiến của Léonard de Vinci.

Theo Nguyên-tắc ta tượng-trưng thị-giác trường (champ de vision) bằng một hình nón lá mà chót nón khởi ở mắt và hình ấy tỏa ra lớn lần lần cho đến giới hạn của tầm mắt. (*Hình : V...*) Ta thử nhìn một vật và ta chắng ngang khoảng giữa vật ấy và mắt, với tâm kiến của Léonard de Vinci. Hễ vật ấy càng lui xa mắt ta thì hình-ảnh in trên kiến càng thâu nhỏ lại. Muốn chứng-minh sự thí-nghiệm ấy ta dùng hình nón nói trên thì tức nhiên ta hiểu ngay. (*Hình : VI...*) Và cũng do lẽ đó, cùng ở một vật, gồm nhiều phần nào ở xa mắt ta trong nhỏ hơn phần ở gần mắt.

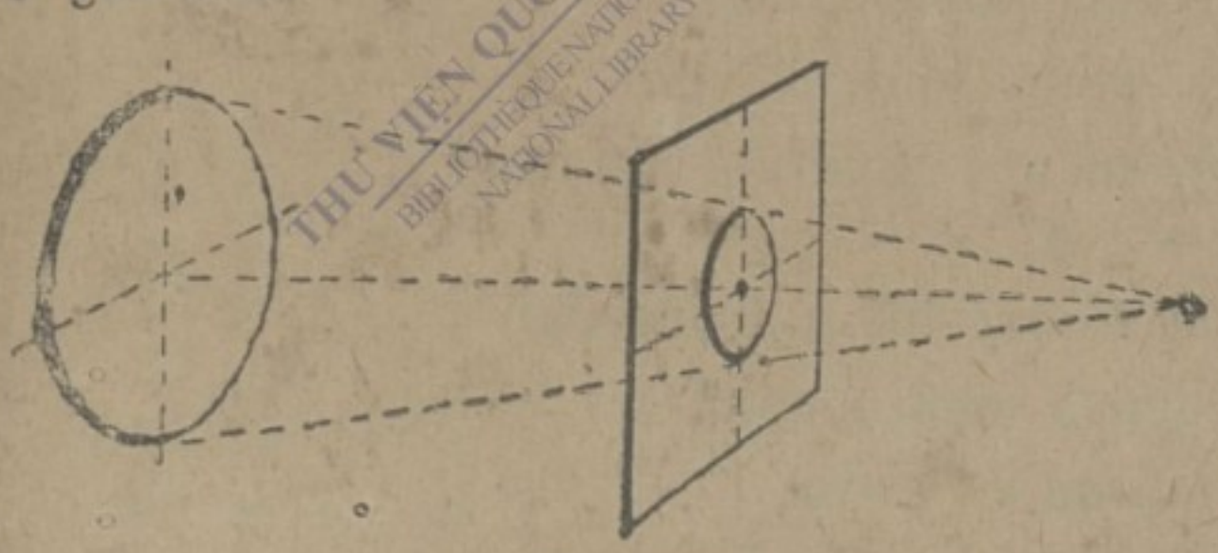

5

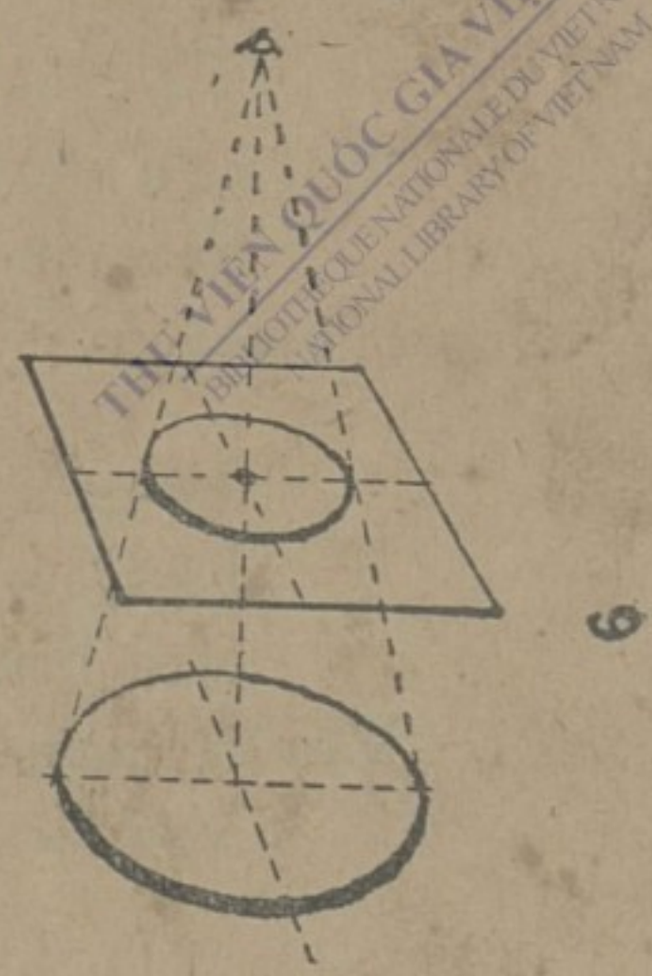

6

(CÒN TIẾP)

Việt văn Bình, Giảng

TRUYỆN THÚY-KIỀU

(tiếp theo)

III. Nhân vật truyện Kiều.— Cụ Nguyễn-Du có một nghệ thuật tả người rất thần tình tỏ ra cụ là một nhà quan sát rất kỷ và sành sỏi tâm lý.

Nhân vật truyện Kiều gồm có :

THÚY-KIỀU, vai chánh trong truyện
THÚY-VÂN, em Thúy-Kiều
VƯƠNG-ÔNG, cha Kiều
VƯƠNG-QUANG, em Kiều và Vân
KIM-TRỌNG, sinh-viên, nhân-tình của Kiều
MẢ-GIÁM-SINH, kẻ đi mua người
TÚ-BÀ, chủ nhà thổ
SỞ-KHANH, một « ma cô » giúp việc cho Tú-bà
THÚC-SINH, sinh viên
HOẠN-THƠ, vợ Thúc Sinh
THÚC-ÔNG, cha Thúc- Sinh
THÚC-BÀ, vợ Thúc-ông
XUÂN-HOA, THU-NGUYỆT, hai người hầu nhà Hoạn-Thơ
GIÁC-DUYÊN, nữ tu-sĩ,
BẠC-BÀ chủ nhà thổ
BẠC-HẠNH, cháu Bạc-bà
TỪ-HẢI, tướng giặc ở Việt-đông
HỒ-TÔN-HIẾN, tổng đốc Chiết-Giang
TAM-HỢP, nữ tu-sĩ,
CHUNC-CỘNG, kẻ đá giúp đỡ gia đình Vương Quan
ƯNG, KHUYẾN, hai người giúp việc cho Hoạn thơ
ĐẠM TIÊN, một bóng ma, sinh tiền là ca nhi
HUYỆN-QUANG, THỔ-QUAN, hai người đánh cá cụ Đô-lại già, Sai-nha, Tướng, quân, của Từ-Hải

1.— Thúy-Kiều, nhân vật chánh trong truyện, theo Dư-Hoài, tác giả bộ « **Ngu-sơ tân-chí** » thì chỉ là một ca nữ đẹp và có tài thôi. Đến nhà thơ Thanh-tâm tài-nhân, thì Kiều là một ca nữ đúng-đắng và trung-hậu. Cụ Nguyễn-Du biến Kiều thành một kẻ tài sắc vẹn toàn. Kiều đẹp lắm :

Làn thu Thủy, nét xuân sơn,
Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh.

Mới độ 15 tuổi, « xuân xanh xấp xỉ tới tuần cập kê » mà :

Thông minh vốn sẵn tính trời,
Pha nghề thi họa, đủ mùi ca ngâm...

Một thiếu-nữ thích làm thơ, và hình như thơ nàng cũng khá hay.

Nhưng hình như tính nàng không được bình thường ! Một cô bé 15 mà vừa nghe chuyện Đạm-Tiên, đã cảm thấy mình sẽ lưu lạc giang hồ, có tên trong sổ đoạn trường, rồi thương rồi khóc, rồi làm thơ, rồi mộng mị ...

Nàng không có một chút gì ngây thơ, có lẽ vì xã hội lúc bấy giờ đào tạo người ta sớm biết tình ái, cho nên gặp Kim-Trọng một lần đầu, nàng đã chú ý ; rồi khi mất thoa, Kim-Trọng bắt được trao trả, thả lời gắn bó là nàng nhận ngay, đổi liền khăn gấm, quạt quì, thoa vàng để lấy kim hoàn, khăn hồng của chàng Kim.

Nàng, gan đến nỗi nhân lúc cha mẹ, các em đi vắng, bau đêm hai lần lén sang nhà Kim-Trọng để đờn cho người ta nghe và thề bồi với cậu sinh viên tuấn tú.

Tuy vậy, nàng là một người con chí hiếu, gặp lúc cha hoạn nạn, dám bán mình chuộc cha.

Trong khi luân lạc, nàng nhiều phen cố thoát ra khỏi lầu xanh, như lúc theo Sở Khanh trốn, lúc lấy Thúc-Sinh, lúc chịu cho Từ-Hải chuộc ra.

Khi có được quyền hành trong tay, nàng cũng biết xử dụng nó để trả ân, báo oán. Nhưng người ta trách cụ Nguyễn-Du không khéo, để cho Kiều xử tử hai gã Khuyển-Ưng, chỉ là tai sai Hoạn-Thư, trong khi vợ chàng Thúc được nàng tha chết vì lời biện hộ của Hoạn-Thư rất đúng tâm lý và lẽ phải.

Mười năm luân lạc không làm nàng khôn thêm tí nào, vì khi Hồ tôn Hiến lo lót cho nàng dụ Từ Hải hàng, nàng đã nghĩ, ngay đến ngôi « mệnh phụ » triều đình, để đến nỗi hại chồng và hại thân. Chót hết, ta chỉ có thể khen Kiều là người con hiếu mà thôi !

2 Thúy Vân.— Cái cô bé nầy, theo cụ Nguyễn Du, đẹp thì có đẹp, nhưng hình như khờ lắm.

Khi chị sắp phải vì cha từ biệt gia đình theo kẻ xa lạ, thì cô ấy ngủ khì. Đến khi nghe Kiều khóc lóc tỉ tê, mới « chợt tỉnh giấc xuân, ân cần hỏi han ». Cuộc đời Vân rất bình thản, lấy chồng giùm cho chị, đẻ một bầy con, là hết.

3 Vương-Quan.— Cậu bé nầy, nếu so với tuổi Kiều và Vân (15,14) thì chàng ta nhiều lắm là độ 13 tuổi.

Thế mà khi Kiều hỏi thăm về mả Đạm-Tiên, là « Vương-Quan mới dẫn gần xa », kể vanh vách đời cô ca nữ bạc mạng ấy ! Tuy vậy, chàng cũng là kẻ có chí. Lúc gia đình sa sút, vừa viết thuê giúp đỡ mẹ cha, vừa cố gắng học tập đến đỗ được Tấn-Sĩ, rồi cùng anh rể đi tìm chị.

4 Kim-Trọng.— Chàng thư sinh nầy suốt chuyện chỉ đóng vai một kẻ chung tình. Ta có thể tưởng tượng rằng chàng là người đúng đắng, vì tuy giàu có, nhưng chàng không rở quên người xưa, cố gắng giúp đở gia đình Kiều, vừa học tập đỗ đạt, vừa luôn luôn tìm kiếm người yêu lưu lạc: Thật là một kẻ chung tình kiểu mẫu.

5 Hoạn-Thư.— Một người đàn bà học thức, con tể tướng lạnh lùng như « Ăng-lê ». Nàng ghen rất có nghệ thuật, không làm mất mặt chồng bằng những « xen » đánh ghen tưng bừng. Bắt được chàng Thúc đang tâm sự với Kiều tại Quan-Âm-các, nàng chỉ :

Cười cười nói nói ngọt ngào
Hỏi rằng chàng ở chốn nào lại chơi ? !

Chàng Thúc chối quanh :

« Tìm hoa quá bước xem người viết kinh ! »

Tuy đã rình nghe thấy rõ đầu đuôi, nàng vẫn cười giả bộ khen bút pháp Kiều, như chẳng ai hay biết gì cả. Người như thế mà nàng Kiều oán giận, kể ra Kiều nhỏ mọn lắm thay !

Khi rơi vào tay Kiều, chỉ biện hộ vài câu là kẻ hiền ít nhiều lẽ phải như Kiều bắt buộc phục thiện ngay :

Rằng tôi chút phận đàn bà
Ghen tương thì cũng người ta thường tình !
Nghĩ cho khi các viết kinh,
Với khi khỏi cửa, giứt tình chẳng theo.
Lòng riêng, riêng cũng kính yêu,
Chồng chung, ai dễ ai chiều cho ai !

Lời khéo, lý lẽ lại vô cùng cứng rắn, tỏ được cái sang trọng của lòng mình. « Tôi đã không muốn ở nữa, bà đi là tự ý bà, tôi không đuổi ; bà đi, bà lấy chuông vàng khánh ngọc của tôi mang theo, tôi cũng chẳng cho người theo bắt ; bấy nhiêu đó cũng tỏ rằng tôi đặc biệt đối đãi với bà ; nhưng cái việc chồng chung thì ai chịu nhường ai ? Bà nghĩ có phải thế không ?»

Kiều không còn lời gì để buộc tội được nữa, tha là phải !

6 Từ-Hải.— Tiếc thay một đấng anh hùng, nghinh ngang hùng cứ một phương, chỉ vì thiếu sự tự chủ, bị ảnh hưởng với lời khuyên nhủ của cô vợ nông nổi mà phải mắc kế Hồ-tôn-Hiến.

Phải đâu Từ là kẻ không biết suy nghĩ ! Khi bị Kiều nhỏ to dụ hàng, Từ đã trầm ngâm :

Bó thân về với Triều-Đình,
Hàng thần lơ láo phận mình ra đâu !
Áo Xiêm buộc trói lấy nhau,
Vào luồn ra cúi công hầu mà chi ?
Sao bằng riêng một biên thùy,
Sức này, đã dễ làm gì được nhau !

Từ có một tâm hồn tự do, ngang tàng, nhưng vì quá yêu Kiều muốn làm vừa lòng nàng mà phải mất mạng.

7 Sở Khanh.— « Bạc tình nổi tiếng lầu xanh », viết câu thơ ấy, cụ Nguyễn Du đã lạm dụng chữ « Bạc tình ». Làm gì có tình mà bạc ? ! Sở-Khanh chỉ là kẻ tầm thường, vẫn có ở bất kỳ thời nào. Họ Sở chỉ là một anh « ma-cô » làm mướn cho nhà thổ. Nghề nghiệp của anh bắc buộc anh phải có một cái « mặt-mo ». Cụ Nguyễn-Du tả anh ta rất đúng, nhưng chữ « Bạc tình » cụ dùng với anh e có hơi quá chăng ?

Quốc-Ấn

Kỳ sau : VĂN CHƯƠNG TRUYỆN KIỀU

Tinh-Hoa Văn-Học

(*ĐÔI LỜI NGỎ TRƯỚC*)

Rừng văn, biển học, đạo cao, nghĩa cả mênh mông, kinh thánh truyện hiền, lẻ phải lời hay dầy dẫy. Song, thời giờ thấm thoát tựa thoi đưa, thế cuộc đổi dời như máy chuyển ; tuổi người đời có hạn, sự học hỏi không cùng. Vả sanh vào thời kỳ bốn biển liền đường, năm Châu chung sống nầy, nếu kẻ có chí trên đường học vấn mà chỉ vùi đầu vào một nếp sách, thì điều nghe thấy phải hẹp hòi ; mà buông tầm mắt rảo khắp mọi khoa, thì đường học hỏi trở nên dang dở.

Điều mà ai cũng phải công nhận, Việt văn do nguồn gốc *Hán Học*, dầu ta không thể học thông suốt kinh sử đời xưa đi nữa, ít ra cũng phải hiểu biết đại lược về Hán học, thì dùng Việt văn mới được đúng đắn. Kể từ số nầy, «Cần Học» xin hiến các bạn đọc một mục « Tinh hoa văn học » mà chúng tôi đã sưu tập, lựa chọn những cái tinh túy trong kinh sách các thánh hiền thuở xưa, gọi là giúp ích các bạn « hữu chí » trong muôn một trên con đường học vấn.

Lời tác giả

DANH NGỮ TRONG SÁCH XƯA (Cách ngôn)

Thế bất khả ỷ tận : Thế lực không nên dựa vào hết.

Ngôn bất khả đạo tận : Lời không nên nói ra hết.

Phước bất khả hưởng tận : Phước không nên hưởng hết.

Sự bất khả xử tận : Việc gì cũng không nên xử cho hết lý.

Tịnh tọa nhiên hậu tri bình nhựt chi khí phù : Có ngồi yên lặng mới biết tánh khí xốp nổi thường ngày của mình.

Thủ mặc nhiên hậu tri bình nhựt chi ngôn táo : Có

giữ kín miệng mới biết lời nói sơ sẩy thường ngày

Tỉnh sự nhiên hậu tri bình nhựt chi quí nhàn : Có xét lại việc mình mới biết chuyện sang thường ngày là nhàn rỗi.

Bế hộ nhiên hậu tri bình nhựt chi giao lạm : Đóng cửa lại mới biết việc giao du thường ngày là lạm.

Quã dục nhiên hậu tri bình nhựt chi bịnh đa: Ít tình dục mới biết vì sao thường ngày bị nhiều bịnh.

Cận tình nhiên hậu tri bình nhựt chi niệm khắc : Có gần hết nhơn tình rồi mới biết thường ngày ý niệm mình quá khắc bạc.

ÁN-TỬ — XUÂN-THU (*Chuyện Án-Tử đi sứ*)

Nước Tàu vào đời Xuân-Thu, ông Án Anh là người hiền triết nước Tề, đi sứ nước Sở. Vì thấy Án tử, người thấp nhỏ, người nước Sở muốn tỏ ý khi thị và để thử tài sứ nước Tề, mới mở ra một cửa nhỏ bên cạnh cái cửa chánh, mời Án tử vào. Án tử không chịu bước vào, và nói « Hễ người đi sứ nước chó thì vào cửa chó, còn tôi đây là sứ thần đi tới nước sở, lẻ nào lại chụng vào ngỏ ấy ?»

Người nước Sở phải mở cửa lớn rước ông vào, Vua Sở hỏi : « Bộ nước Tề không có người hay sao ?»

Án tử thưa rằng : « Đất Lâm tri (kinh đô nước Tề) có ba trăm làng, dở tay áo hóa tối, vẫy mồ hôi thành mưa, liền vai nối gót nhau mà ở chỗ đó, sao lại bảo là không người ?» Vua Sở lại hỏi : « Vậy, sao lại phải sai nhà ngươi đi sứ »

Án tử đáp « nước Tề dùng người đi sứ, có một chủ định riêng; hễ người hiền tài thì cho đi sứ vua hiền, còn kẻ bất tiếu (không ra gì) thì sai đi sứ vua bất tiếu. Anh nầy (tên Án tử) là kẻ bất tiếu nên mới được sai đi sứ nước Sở nầy ». Vua tôi nước Sở nghe nói thì tự hổ thẹn, không dám tỏ thái độ ngạo mạn đối với Án tử nữa.

N. H. thuật

RƯƠNG VÀNG CỦA CON TÔI

Tác giả: ông N. Trương-vỉnh-Tống

Quyển « Rương vàng của con tôi » phân làm 2 tập : Tập trên (I) và tập dưới (II).

Tập trên gồm 10 chương, bàn về chủ-nghĩa **đãi người.** *Tập dưới có 1 chương, phân làm 10 tiết bàn về chủ-nghĩa* **xử mình.**

Sách nầy bàn đủ ba cách giáo-dục học là : **đức-dục, trí-dục** và **thể-dục,** mà chú trọng về **đức-dục.**

Sách nầy dung-hòa đạo-học của các tôn-giáo, cầu lấy đúng mực trung-dung.

Sách nầy thâu-lượm tôn-chỉ của các tôn-giáo, mà không thiên trạng, không bài xích.

Sách nầy cầu lấy bác cổ thông kim, thời nào cũng hạp.

Sách nầy tuy muốn bài-trừ thời-tệ, nhưng không cơ-thiết thời-chánh, không công-kích cá-nhơn.

Sách này vẫn cân phân hai chủ-nghĩa **xử mình** và **đãi người**, nhưng qui trọng về chủ-nghĩa **xử mình**, vì mình là chủ, mà người là khách, lấy xử mình làm gốc đãi người.

Nội-dung bộ sách nầy lấy thánh-hiền làm mô-phạm, hoặc nhơn cách-ngôn trong kinh truyện mà lấy ý mình suy-diễn ra nghĩa đời ; hoặc nhơn ý mình bàn nghĩa đời mà dẫn cách-ngôn trong kinh truyện làm chứng-cứ.

Bộ sách nầy toàn là thể văn luận-thuyết, mỗi chương hoặc mỗi tiết tức là một bài luận, thể văn đều có khai, thừa, chuyển, hạp; mạch văn đều có tiếp-tục ứng-thừa.

Trên hết có mấy lời phân trần bày giải ý làm sách của tác giả,

Dưới cùng có bài kết luận nói tóm lại đại ý của bộ sách.

Mục - Lục

TẬP TRÊN

CHƯƠNG THỨ I : ĐẠO THỜ CHA MẸ
CHƯƠNG THỨ II : ĐẠO-NGHĨA ANH EM
CHƯƠNG THỨ III : ĐẠO-NGHĨA VỢ CHỒNG
CHƯƠNG THỨ IV : ĐẠO LÀM CHA MẸ
CHƯƠNG THỨ V : ĐẠO-NGHĨA THẦY TRÒ
CHƯƠNG THỨ VI : ĐẠO NGHĨA BẠN-BẠN
CHƯƠNG THỨ VII : ĐỐI VỚI GIA-ĐÌNH
CHƯƠNG THỨ VIII : ĐỐI VỚI TÔN-TỘC
CHƯƠNG THỨ IX : ĐỐI VỚI XÃ-HỘI
CHƯƠNG THỨ X : ĐỐI VỚI QUỐC-GIA

TẬP DƯỚI

CHƯƠNG THỨ XI

Chủ-nghĩa tu thân (Tổng-luận)

Phân làm mười tiết :

1— GIỮ TRỌN THÂN MÌNH
2— NÊU CAO PHẨM-HẠNH
3— NUÔI LỚN TÁNH LÀNH
4— XÉT ĐỜI ĐIỀU LỐI
5— CHĂM NGHIỆP HỌC-HÀNH
6— DỤNG CÔNG ĐỌC SÁCH
7— ĐỞM NHIỆM VIỆC LÀM
8— CẨN-THẬN LỜI NÓI
9— TỰ LẬP LẤY THÂN
10— VỆ-SINH THEO PHÉP
KẾT LUẬN

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIỆT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIET NAM

Cách làm cho trong túi lúc nào cũng có tiền.

(dịch bài của ông Franklin)

Đang lúc nầy, ai nấy than rằng khó kiếm tiền, nên thiết tưởng cũng là một việc tử tế là chỉ cho những người thường túng tiền biết có một cách làm cho túi lúc nào cũng có tiền. Tôi muốn bảo cho mọi người biết một cái bí mật thật để kiếm tiền, một phương pháp chắc-chắn để làm cho túi rỗng sẽ được đầy và có thể giữ cho được đầy mãi chỉ cần giữ kỹ hai điều rất giản-dị là được.

Điều thứ nhứt : sự thật-thà ngay thẳng và sự làm việc phải là 2 người bạn rất thân.

Điều thứ hai : Mỗi ngày chi tiêu bớt lại một xu trong số tiền lời kiếm được.

Giữ vậy, thí túi các anh đang xẹp sẽ được phồng lên và nó không còn kêu la rằng bụng các anh trống không, lại các anh khỏi bị chủ nợ đòi hỏi la rầy, khỏi bị đầu tắc mặt tối vì cảnh nghèo khổ, hết gầy ròm vì thiếu ăn, khỏi bị lạnh lẽo vì thiếu áo quần. Đời các anh sẽ được sáng sủa, lòng các anh sẽ được hỉ-hoan, vậy các anh hãy mau mau thực hành những điều ấy thì sẽ được sung sướng. Các anh hãy xua đuổi khỏi tâm-trí sự bnồn rầu và phải sống cuộc đời tự-lập Như vậy các anh sẽ nên người và không còn phải nép mặt giấu mày khi đến gần kẻ giàu sang ; các anh không bực mình vì thấy mình hèn hạ nhỏ-nhen khi có người sang trọng đi bên cạnh. Vì, dầu ít tiền hay nhiều tiền, mà sống một cách tự-lập, thì đủ sung sướng rồi. Sự tự-lập nó có thể đặt mình ngang hàng với những người đã được tước lộc huy chương.

Vậy các anh nên suy nghĩ mà làm việc luôn từ sáng đến tối đi ngủ mới thôi.

Đông Tây Tư-Tưởng

HỌC-VẤN

— Hãy đọc sách thật chậm để hiểu sâu và nhớ nhiều.
— Hay học hỏi thì biết rộng, tự cậy tài mà làm việc thì hẹp-hòi.
— Kẻ ngu hay nói nhiều làm như chuyện gì nó củng hiểu nhiều.
— Có học những câu cổ-nhân dạy thì mới hay.
— Sách-vở, văn-chương, khoa-học an-ủi chúng ta trong lúc buồn rầu.
— Ngọc không giũa, không thành đồ đẹp, Người không học, không biết lẽ phải.
— Kẻ lười biếng không làm việc gì được tươm.
— Để lớn tuổi mới học thì khó nhọc mà khó thành.
— Nên đọc thật nhiều sách, đừng tin-tưởng ở một quyển mà thôi.
— Thấy người hay, nghỉ sao cho bằng ; thấy người dỡ, tự xét mình có dỡ như thế không ?

L. H. (*sao lục*)

Tủ sách gia-đình

PHÁP-VĂN THỰC-HÀNH VÀ BỔ-TÚC

Leçons Pratiques de Français

Trọn bộ là 4 quyển số 1, 2, 3, và số 4. Mỗi số 7$.

Là một bộ sách quí giá cho gia đình và con em.

Trọn bộ sách Khoa-Học

ÁI-TÌNH BỬU-GIÁM I

ÁI-TÌNH và SẢN-DỤC II

cũa Bác-sĩ Byrnes

Dịch và Bổ chính Phạm-Hoàng

Giá mỗi bộ là 27$. Giá ở Ngoài : 30$.

Các sách kể trên quí bạn muốn mua, xin viết thơ và ngân-phiếu về : Phạm-văn-Sơn. Hộp thơ số 286 Saigon.

Lời giải (số trước)

Hàng đứng	Hàng ngang
1 Hành vân	1 Hồng Bàng
2 Hùa	2 Gởi — Gò
3 Nguy nan	3 Nhu — Am
4 Gỏ — Ngựa	4 Huỳnh Hoa
5 Bỉnh	5 Vàng
6 Hạnh	6 Âu — Nôm
7 Ngảo — Oa	7 Nam Hải
8 Gò má — Mì	

PHÁP-VĂN

(THEO LỐI HÀM-THỤ)

CHO HỌC-SINH VÀ CÁC BẠN MUỐN

TỰ BỔ-TÚC

do Ông NGÔ-TẤN-HUỲNH, giáo sư chỉ dẫn

252, Quai de Belgique — SAIGON

LEÇON PARTICULIÈRES

ANGLAIS—FRANÇAIS — SCIENCES MATHÉMATLQUES

Classes secondaires & P. S Préparation intensive aux divers examens. Méthode classique — Auditions de disques — Linguaqhone — Assimil.

S'adresser : TRI-DUC

226, Lagrandière - Saigon

LEÇONS PARTICULIÈRES DE FRANÇAIS POUR TOUTES CLASSES

PAR

NGÔ-TÂN-HUỲNH

PROFESSEUR

252, Quai de Belgique — Saigon

DANH SÁCH QUÝ ĐỘC-GIẢ MUA BÁO DÀI HẠN

Ông Cao văn Cữ, Linh-đông-Xã Thủđức	3 tháng	65$
— Lê-huy-Chân, 49 Général Lizé Sài-gòn	»	55
— Hồ văn Giá, sở Thú-Y Chợlớn	»	55
Cô Thái thị Thế Mai, 5 Phú-Giáo	»	55
Ông Lý minh Nguyệt, 137 quai Belgique Sài-gòn	»	55
— Lê văn Giãng, 286 Galliéni	»	55
— Nguyễn-Cấn, village Lâm-Tuyên Dran	»	65

Saigon-Chợlớn L. T. TBML

3 t. : 12 : 50$	52$	65$
6 » : 25 » 100$	104$	125$
12» : 50 » 200$	208$	250$

Thơ và ngân phiếu xin đề :

Mr NGO-VAN-THANH

41 Chemin des Dames - SAIGON

Bổn Báo xin tạm ngưng việc biếu cho giấy thấm và sách.

C. H.

HỘP THƠ

HỌC-BAO

ĐÓNG THÀNH BỘ :

từ số 1 đến số 20

Các bạn muốn mua lẻ từ số 1 đến số 21 hãy đến Tòa-soạn Cần-Học hoặc gởi thơ ngay cho

Phạm-văn-Sơn

hộp thơ số 286 Sàigòn.

Mỗi bộ : 75$ Báo lẻ : 4$

Trung-Bắc : 85$ Lục tỉnh : 80$

Giấy phép số 189/T.X.B.
Ngày 25 tháng 5 - 1950

: : : IN TẠI NHÀ IN : : :

:: THANG - LONG ::

41 CHEMINS DES DAMES SAIGON

ỌC ĐỂ PHỤNG SỰ CHÂN LÝ

ÉDITIONS PÉDAGOGIQUES

CANHCỜI

TẬP X

SỐ ĐẶC-BIỆT

Về các kỳ thi B. E., D. E. P. S. I., Bacc. (1re Partie) và Tú-Tài V.N. Phần Nhứt ở Nam-Bộ.

EXAMENS DU B.E. (Session 26.6.50)

ORTHOGRAPHE : Hollande

COMPOSITION : L'Avare par M. T.v.Lâm.

MATHÉMATIQUE : par M. Trí-Đức.

EXAMENS DU D E.P.S.I. (Session 3.7.50.

DICTÉE FRANÇAISE : Une chasse à l'éléphant.

COMPOSITION : Henriette des Femmes Savantes par M. T.v.Lâm.

CHIMIE : par M. Trí-Đức.

AM-TẢ : Thiên chức của nhà thi sĩ

LUẬN-VĂN : do cô Tuyết-Hoa.

BAI THI TÚ TÀI V.N. PHẦN NHÚT ngày 3.7.50

TRUYỆN THÚY KIỀU : dịch ra Pháp-văn.

Tòa soạn : **41 Chemin des Dames**

SAIGON

Giá { Nam-bộ . . . . . **5$00**
Trung, Bắc, Miên, Lèo . **6$00**

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIỆT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIET NAM

CHÚNG TA PHẢI « HỌC » VÀ

« Cần-Học »

— Có nhiều kẻ học mà không biết « học » để làm gì !... Thường họ học cốt để « lấy bằng cấp » và chiếm địa-vị cao !...

—Có nhiều em cắp sách đến trường vì sự ép buộc của cha mẹ...

— Biết bao người đang học mà không hiểu « Học » để làm gì »...

— Vì thế, chúng tôi lập ra cuộc thi Cần-Học để các bạn độc-giả tự-do **giảng nghĩa** và **bình luận** *2* chữ « **Cần học** »...

— Xin mời quí Bạn gởi bài thi đến toà soạn sớm để chúng tôi tiện bề chọn lựa và lần lượt đăng các bài có giá trị vào trang II báo « **Cần-học** ».

— Những bài nào được đăng trên báo thi tác-giả sẽ được thưởng 3 tháng báo (12 cuốn).

Xin chú ý :

1) Bài viết không quá 2 trang giấy tập học trò.

2) Xin các bạn gởi bài đến tòa soạn « Cần Học » tại ấn quán Thăng-Long, 41 Chemin des Dames - Saigon

3) Các bạn nhớ viết Tên và địa chỉ rỏ ràng để tiện cho chúng tôi gởi báo đến tặng.

4) Nếu tác-giả là Học-sinh, xin cho biết Bổn Hiệu Trường và học cấp.

HỘP THƠ

« Cần-Học » rất hân hạnh nhận đăng các bài Việt-Ngữ, Pháp-Văn, Toán-Pháp của quí ông Giáo-Sư và các Bạn Học-Sinh Nam, Nữ khắp nơi gởi đến.

Epreuves du B.E. & du B.E.P.S.

(SAIGON 1950 1re SESSION)

Orthographe

HOLLANDE

Ces bancs de sable que les grands fleuves déplaçaient sans cesse et poussaient à la mer et que la mer prenait, roulait, retournait et rejetait enfin dans ses caprices furieux, les Hollandais en ont fait un rempart, leur citadelle. Gageure de ce qui est par essence inconstant, mobile, fugitif, ils ont fait du fidèle, du fixe, du permanent,

Il est amarré le merveilleux petit pays comme un ponton au rivage de l'Europe fiévreuse, comme une bouée à l'embouchure des grands fleuves. Ne va-t-il pas, si le vent s'élève plus rude, se détacher et s'en aller à la dérive, au gré des courants maritimes ? Holà ! fermier rusé, ne pousse pas trop de vaches sur ta belle prairie rectangle ! Ne crains-tu pas qu'elle s'enfonce ou qu'elle chavire tout d'un coup, qu'elle bascule comme un bouchon vert ?

Ils ont bâti sur le sable et semé sur le sable pour faire mentir les proverbes et pour montrer que l'homme aime à s'attaqner à l'impossible. O pays de la persévérance, pays heureux qui as quelque chose à vaincre, les hommes qui ne t'ont pas vu, je voudrais leur dire qu'ils ignorent une de leurs plus loyales excuses, qu'ils ont encore à découvrir un des meilleurs visages de leur humanité.

QUESTIONS

1. Quelle est l'idée de la dernière phrase ?
2. Quelles remarques faites-vous sur la dernière phrase ?
3. Analyse grammaticale : *leur* (humanité) *leur* (dire) *en* (ont fait) *holà* !

4. Analyse logique de la 1ère phrase.

RÉPONSES

1. Idée de la dernière phrase

L'auteur veut montrer aux hommes qui n'ont pas vu la Hollande qu'ils ignorent une de leurs plus loyales excuses qui est de ne pas connaître un des meilleurs visages de leur humanité : vaincre la nature, s'attaquer à l'impossible en semant et bâtissant sur le sable, faire de ce qui est, par essence, inconstant, mobile, fugitif, du fidèle, du fixe, du permanent, par le travail et la persévérance,

2. Remarques sur la dernière phase.

La dernière phrase contient une proposition indépendante et intercalée, mise en apposition à *leur* : les hommes qui ne t'ont pas vu.

Elle peut s'écrire de la manière suivante en supprimant le pronom *leur*. O pays de la persévérance, pays heureux qui as quelque chose à vaincre, je voudrais dire *aux hommes qui ne t'ont pas vu* qu'ils ignorent une de leurs plus loyales excuses, qu'ils ont encore à découvrir un des meilleurs visages de leur humanité.

3. Analyse grammaticale

Leur. Adjectif poss. se rapporte à humanité, fém. sing.

Leur Pron. pers. mis pour hommes, 3e pers. du mas. plur. compl. d'objet ind. de dire.

En Pron. pers. mis pour *des bancs* de sables, 3e pers. du masc. plur. compl. d'objet ind. de ont fait.

Holà ! Interjection pour appeler, mot invariable.

3. ANALYSE LOGIQUE

La phrase « Ces bancs de sable que les grands fleuves déplaçaient sans cesse et poussaient à la mer et que la mer prenait, roulait, retournait et rejetait enfin dans ses caprices furieux, les Hollandais en ont fait un rempart, leur citadelle » renferme sept propositions :

No	PROPOSITIONS	NATURE	FONC-TIONS
1	Ces bancs de sables, les Hollandais en ont fait un rempart, leur citadelle.	Principale	
2	Que les grands fleuves déplaçaient sans cesse.	subordonnée relative par *que*	
3	Et poussaient à la mer	Subordonnée relative par *que* sous-entendu. Et reliée à la 2e par la conjonction *et*.	compléments de *bancs* de sable
4	Et que la mer prenait	Subordonnée relative par *que* reliée à la 3e par la conjonction *et*	
5	Roulait	Subordonnée relative par *que* sous-entendu	
6	Retournait	Subordonnée relative par *que* sous-entendu	
7	Et rejetait enfin dans ses caprices furieux	Subordonnée relative par *que* sous-entendu reliée à la 6e par la conjonction *et*	

Trần-văn-Lâm

COMPOSITION FRANÇAISE

Avant la représentation de L'AVARE devant un public composé d'élèves qui ne connaissent pas encore cette pièce de MOLIÈRE, vous êtes chargé de présenter les différentes personnes qui composent la famille d'Harpagon.

Rédigez le texte que vous liriez.

DEVOIR

A. Introduction

Dans quelques instants, nous verrons, sur cette scène, représenter un des chefs-d'œuvre de MOLIÈRE, l'AVARE. Ecrit en 1668 une quarantaine de fois. Depuis lors, la grande pièce fut reprise des milliers de fois et dans la plupart des grands théâtres du monde.

Comédie de caractère dont l'action est si simple et dont les personnages vont de l'originalité individuelle d'Harpagon à des types extrémement variés ou traditionnels.

B. Corps du sujet.

1. *L'action de L'AVARE*. C'est une famille riche, dont le père est un avare doublé d'un amoureux. Il refuse de l'argent à son fils qui en emprunte à gros intérêts. Il veut marier sans dot sa fille à un vieux gentilhomme. Lui-même tombe amoureux de la jeune Mariane, également aimée de son fils Cléante. D'où conflit entre le père et le fils et aussi entre le père et la fille, amante de Valère, son intendant. La Flèche, un valet, parvient à lui voler sa cassette contenant 10.000 écus et ne consent à la rendre que si Harpagon renonce à son propre mariage pour unir Elise à Valère, Mariane à Cléante. Quand à lui, il aura sa nouvelle robe et ira « revoir sa chère cassette ! »

2. *Harpagon et sa famille* Comme l'action va se dérouler. il nous importe pour la comprendre de connaître Harpagon et les menbres de sa famille.

a) *Harpagon*. En gros plans — si nous pouvons nous exprimer ainsi apparaît le personnage de l'*Avare*. Son valet, en quelques mots expressifs nous l'a peint :

« Le seigneur Harpagon est de tous les humains, l'humain le moins humain, le mortel de tous les mortels, le plus dur et le plus

serré ... Il ne dit jamais : Je vous donne, mais : Je vous prête le bonjour. En un mot il aime l'argent plus que réputation, qu'honneur et que vertu ».

Non content d'être avare, Harpagon prête encore son argent à gros intérêts et avec tous les raffinements de la plus crasse *usure*. Il oblige l'emprunteur à accepter pour argent comptant des « peaux de lézards remplies de foin » et des « gros mousquets avec les fourchettes assortissantes ».

La passion de l'argent, son idéal et sa raison de vivre, a défiguré complètement ce *mauvais père*. Il cherche à se débarrasser de ses enfants considérés comme obstacles à sa vocation.

Il pousse son avarice jusque dans l'amour, passion qui est, par essence, la plus magnifique et la plus généreuse qui soit. L'amour ne l'élève ni ne le détourne de son argent mais le fait paraître plus sordide et plus méprisable encore.

C'est donc le type parfait de l'avare et aussi la « vis comica », des mieux réussies du théâtre de Molière.

b) *Son fils Cléante*. S'il est une personne qui justifie, par ses actes, ce proverbe connu « A père avare, fils prodigue », nul ne l'applique mieux que Cléante, fils d'Harpagon. Un jeune homme, comme dit Boileau, toujours bouillant en ses caprices ». Son père s'emporte à la vue de ses folles dépenses. « Vous donnez furieusement dans le marquis et à vous prendre depuis les pieds jusqu'à la tête il y aurait de quoi faire une bonne constitution ». Il prodigue si bien son argent qu'il est obligé à en emprunter à gros intérêts. Cléante prend même au doigt de son père qui enrage un beau diamant pour l'offrir à Mariane.

De plus, il se révolte contre les sottises de son père, avare et amoureux. Il s'oppose à lui avec la violence et l'audace dont sa jeunesse

est la grande excuse. Des Granges l'appelle « le mauvais fils d'un mauvais père »

c) *Sa fille Elise.* Comme son frère Cléante, Elise est pour Harpagon, un obstacle à sa fonction qui est l'argent. Il s'en débarras sera en la mariant sans dot à un vieux gen ilhomme riche. Mais le cœur de la jeune fille bat pour un autre, Valère et « son amour est capable de fermeté » même devant les brutalités du père.

Elle oppose le charme de la femme et la douce résistance quoique inébranlable à la violence d'Harpagon qui « veut prendre par les cheveux » l'occasion unique d'un mariage riche et sans dot. Résolûment du côté de son frère, si elle manque parfois de respect dû à l'avare, son atittude est cependant tempérée par la faiblesse, la grâce de la femme.

d) *Mariane.* Molière a créé une autre jeune fille. Mariane, une des plus sympathiques de son théâtre. Une certaine timidité délicate la distingue et la rend profondément séduisante. Quelle finesse de sentiments qui contraste avec la brutalité du vieillard! Fille dévouée et généreuse, elle ne consent à écouter la proposition de mariage de l'avare que pour sauver sa mère du dénûment. Elle oublie son propre bonheur et son amour pour Cléante afin de faire le bonheur de sa mère. Douce jeune fille, ces quelques traits suffisent pour la rendre touchante et sympathique.

e) *Valère.* Quand à Valère, il est le type d'amoureux, galant et passionné. Il réussit à suivre Elise en s'engageant comme intendant de la maison d'Harpagon. Pour défendre son amour et gagner sa cause, il ne craint pas de tenir un rôle équivoque. L'avare, ridicule maniaque trouve en lui « le brave garçon » toujours prét à l'approuver en tout et qui « parle comme un oracle ». Son principe est « Faire semblant de consentir à ce qu'il veut et on en viendra mieux à ses fins » Elise, son amour, sera sa femme, seule récompense dont il aspire après des efforts si longs et si patients.

f) *Maitre Jacques, La Flèche et Frosine.* Voici encore les pèsonnages traditionnels du théâtre de Molière : des valets et des femmes d'intrigue.

Maitre Jacques est à la fois le cuisinier et le cocher du sieur Harpagon et qui s'attire les coups par ses propos peu flatteurs et sa honteuse vengeance.

La Flèche personnifie le valet fripon, cauchemar et désespoir de son maître et dont la précieuse cassette volée sauve les amoureux de leur situation difficile.

Frosine est le type de femme d'intrigue, entremetteuse habile qui désarme le sauvage avare par ses éloges contradictoires et ridicules.

C. Conclusion.

Molière a donc réussi à créer autour d'Harpagon des personnages dont les caractères extrêmement variés grossissent les traits qui font que l'Avare, sont en demeurant profondément individuel, est devenu beaucoup plus qu'Euclion ou Séverin, un type.

TRẦN-VĂN-LÂM

CÁO LỖI

Xin quí Bạn độc-giả xem lại bài Composition française trong tập IX, trang 9.

I. Port de marchandises.

a) *Scènes sur le quai.*

. . . . . .

. . . . . l'air frais venu du Cap . .

(Tiếp theo) *Les Choses.*

Les choses.— Mais voilà que survient une vieille locomotive, geignant et soufflant avec une vingtaine de wagons surchargés de bois.

Une grue des Transitaires Réunis s'avance lentement dressant sa longue tête ornée d'un immense crochet. Des camions de transport stationnent près des tas de graviers qui sont pareils à des collines en miniature. Tout près s'amoncellent des tronçons de bois venus de Rung Sat. Une odeur méphitique s'exhale des jarres de « nước mắm » et des « mắm nêm » rangés en troncs de pyramide.

b) *Scène sur l'eau.*— Plus pittoresque et non moins animée est la vie des choses et des êtres sur l'eau. Des sampans sont amarrés côte à côte, misérables sous leur roof de palme rapiécée sur laquelle sèchent des niques de couleur douteuse. Sur le toit des grandes jonques, véritables maisons flottantes, chamaillent des mamots de toute la force de leur petite poitrine. Une bà già, assise sur la proue d'une barque, active le fue d'un foyer en soufflant dans un tube de bambou. Quelques embarcations sortent des rangs poussés par des rameurs qui, à chaque balancement rythmique de leur corps, impriment à l'eau de forts coups de godille. Une vedette glisse, rapide, le drapeau claquant à l'arrière. Au large, la masse sombre d'un bac s'avance tranquille et sûre comme un autobus.

2.— Port militaire . . .

MATHEMATIQUES AU B.E.

1. Geométrie : On donne une demi-circonférence de centre O, de diamètre $AB = 2R$ et un point P sur la tangente en A à cette demi-circonférence. De P, on mène l'autre tangente PT qui coupe AB en un point C.

1.) On demande d'évaluer la longueur des segments PA, PT, PO, OC dans le cas où l'angle APT est égale à 60^o, en fonction du rayon R ?

2.) L'angle APT étant quelconque. On trace la droite OT qui

coupe AP en un point D. Démontrer que les droites PO et CD sont perpendiculaires et que le triangle PCD est isocèle ?

3.) Les triangles PAT et PCD sont semblables. Montrer que le rapport de leur surface est égale à : $\frac{AO^2}{OC^2}$

4.) Evaluer la surface de ces triangles dans le cas où ils sont équilatéraux.

Solution

1.) Considérons les 2 triangles rectangles PAO et POT. Ils sont égaux comme ayant l'hypoténuse commune PO et un côté de l'angle droit égal (OA = OT = R). Par suite : $P_1 = P_2 = 30^o$, et le triangle PAO est demi-équilatéral. Comme OA= R, PO sera : $\boxed{2R.}$ (voir fig. 1).

Donc : la hauteur PA du triangle demi-équilatéral PAO a valeur :

$$PA = PT = \frac{a\sqrt{3}}{2} = \frac{PO \times \sqrt{3}}{2} = \frac{2R\sqrt{3}}{2} = \boxed{R\sqrt{3}}$$

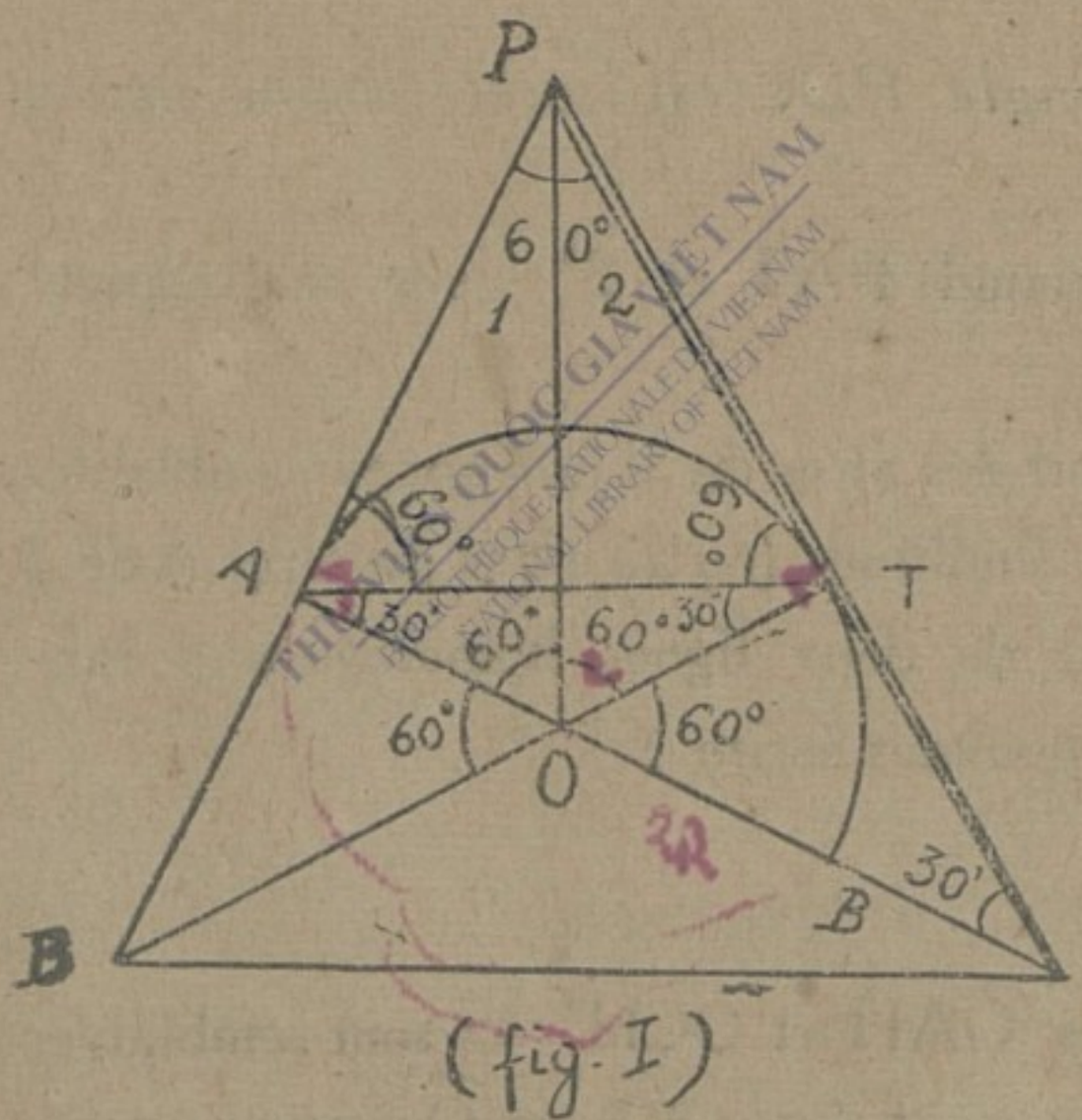

(fig. I)

Considérons le triangle POC, dans lequel $P_2 = 30^o$ et l'angle au sommet $O = 120^o$ Donc : $\hat{C} = 180^o - (120^o + 30^o) = 30^o$.

Par suite, le triangle POC est isocèle, et nous avons :

$$PO = OC = \boxed{2R}$$

2. a) L'angle APT étant quelconque, joig-

nons D et C. (Voir fig. II) D'après la démontration précédente, nous avons :

$OA = OT$ et $PA = PT$.

Donc : les points A et P équidistants des extrémités A et T du segment AT, se trouvent sur la médiatrice PO de ce segment. Considérons les 2 triangles OAD et OCT : ils sont égaux comme ayant un côté égal ($OA = OT = R$) adjacent à 2 angles respectivement égaux ($\widehat{O_1} = \widehat{O_2}$ comme opposés par le sommet et $\widehat{T_1} = \widehat{A_1} = 90^o$) Par suite : $OD = OC$, et le triangle OCD est isocèle. Dans ce triangle, la hauteur OH' est à la fois médiane, bissectrice et médiatrice.

Puisque O se trouve à la fois sur la médiatrice OH' du côté DC et la médiatrice PO du segment AT, ces 2 médiatrices sont confondues. Par suite, *PO est aussi perpendiculaire à DC.*

b) Dans le triangle PDC, nous avons :

– Côté $PD = PA + AD$,
– Côté $PC = PT + TC$.

Or : $PA = PT$ et $AD = TC$

Donc : $PD = PC$, et *triangle PDC est isocèle* comme *ayant ses 2 côtés PD et PC égaux.*

3.) Soient S la surface du triangle PAT et S' celle du triangle PCD.

Nous savons que le rapport des aires de 2 polygones semblables est égal au carré du rapport de similitude (ou au carré du rapport de 2 lignes homologues, car rapport de deux lignes homologues = rapport de similitude); et nous pouvons écrire :

$$\frac{S}{S'} = \frac{AT^2}{DC^2} = \frac{AH^2}{DH'^2} \quad (1)$$

Considérons les 2 triangles OAH et OCH'. Ils sont semblables comme ayant 2 angles respectivement égaux ($\widehat{O_1} = \widehat{O_4}$ comme oppo-

sés par le sommet ; $\hat{B}_1 = \hat{A}_1 = P_1$ comme ayant des côtés recpectivement perpendiculaires), et nous pouvons écrire la proportion suivante : $\frac{AH}{H'C} = \frac{OA}{OC}$

ou : $\frac{AH}{DH'} = \frac{OA}{OC}$ (car H'C = DH')

Elevons ces 2 rapports au carré, et nous avons :

$$\frac{AH^2}{DH'^2} = \frac{OA^2}{OC^2} \quad (2)$$

En comparant (1) et (2), nous pouvons écrire :

$$\boxed{\frac{S}{S'} = \frac{OA^2}{OC^2}}$$

4.) Quand les triangles PAT et PDC sont équilatéraux, $PA = R\sqrt{3}$ et $PD = 2R\sqrt{3}$, et nous avons :

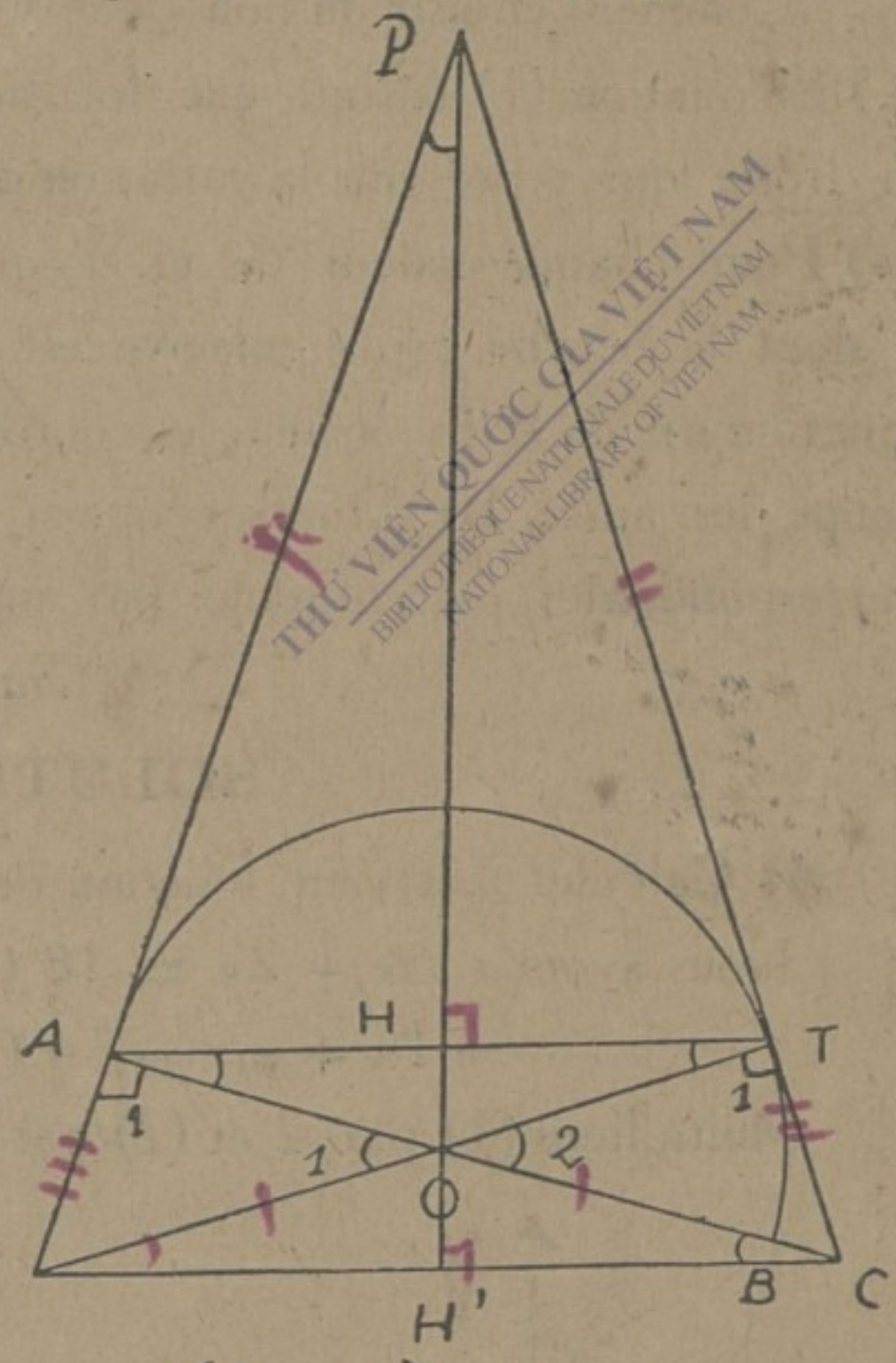

(fig. II)

$$S = \frac{PH \times AT}{2} = \frac{\frac{R\sqrt{3} \times \sqrt{3}}{2} \times R\sqrt{3}}{2} = \boxed{\frac{3R^2\sqrt{3}}{4}}$$

$$S' = \frac{PH' \times DC}{2} = \frac{\frac{2R\sqrt{3} \times \sqrt{3}}{2} \times 2R\sqrt{3}}{2} = \boxed{3R^2\sqrt{3}}$$

PROBLÈME D'ALGÈBRE AU B.E.

On considère le système : $5x + 2y = 18 \quad (1)$

$-2x + my = 4 \quad (2)$

m est un nombre connus variable.

1.) Exprimer x et y et en fonction de m.—

Comment choisir m pour que $y = 2x$?

2.) L'équation (1) définit une fonction y de la variable x. Tracer la droite qui représente la variation de cette fonction.

3.) Pour chaque valeur de m, l'équation (2) définit une fonction y dont la courbe représentative est une droite. a) Déterminer en fonction de m. S'il y a lieu, les coordonnées des points où cette droite coupe les axes. b) Montrer que si l'on fait varier m, les droites correspondantes passent toutes par un même point fixe.

(Saigon Session Juin 50)

SOLUTION

1.) a) Calculer x et y en fonction de m :

Nous avons : $5x + 2y = 18$ (1)

$-2x + my = 4$ (2)

Multiplions (1) par 2 et (2) par 5, nous avons :

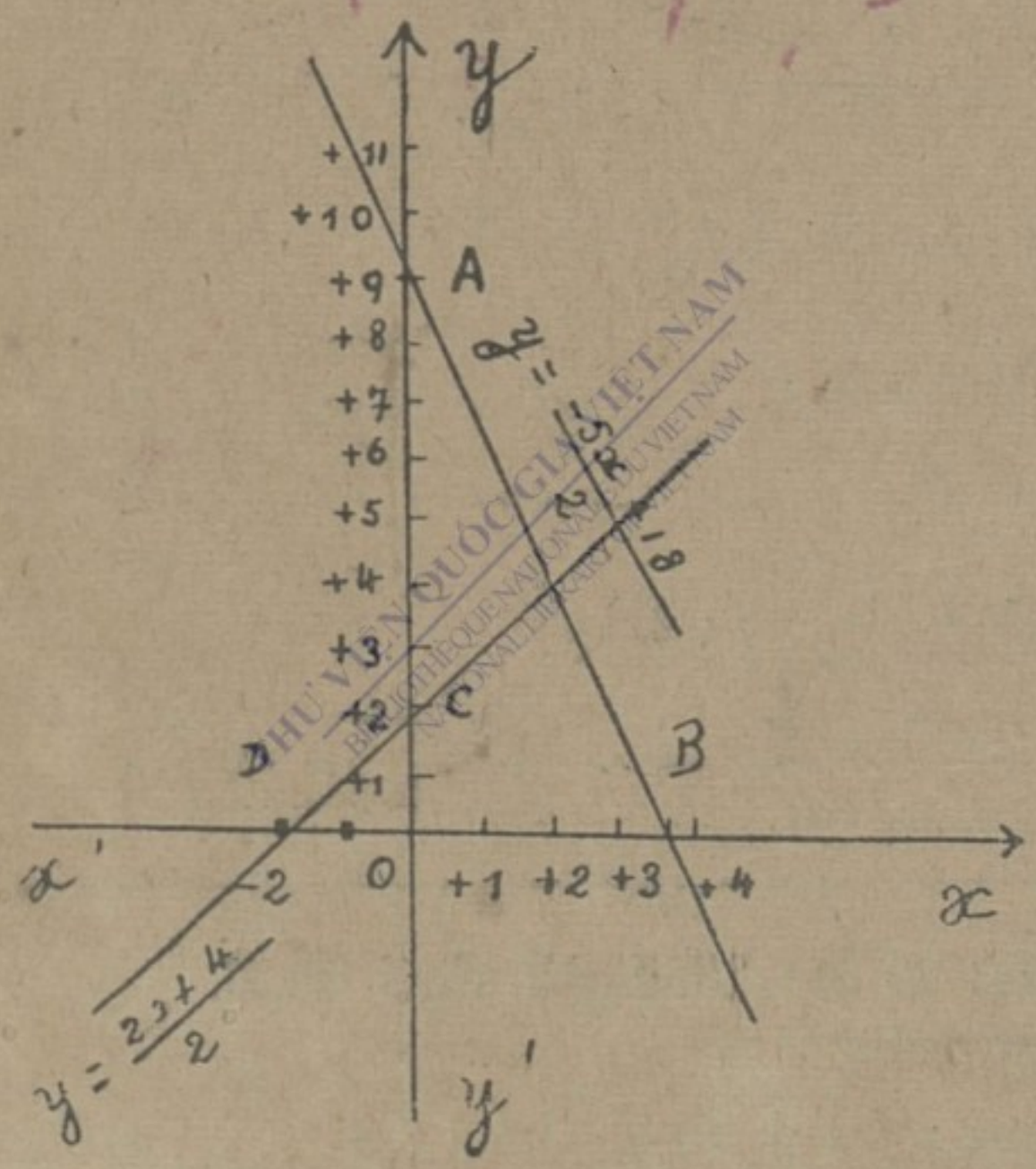

$10x + 4y = 36$ (1')

$-10x + 5my = 20$ (1')

Additionnons (1') et (2'):

$4y + 5my = 56$

ou : $y(4 + 5m) = 56$

d'où $y = \dfrac{56}{4 + 5m}$

et $x = \dfrac{18 - 2\left(\dfrac{56}{4 + 5m}\right)}{5}$

$$\frac{90m - 40}{25m + 20}$$

b) Puisque $y = 2x$, nous pouvons écrire :

$$\frac{56}{4+5m} = 2 \times \frac{90m - 40}{25m + 20}$$

ou $1120 + 1400m = 720m - 320 + 900m^2 - 400m.$

$900m^2 - 1080m - 1440 = 0$

$5m^2 - 6m - 8 = 0$

Cette équation du 2è degré admet 2 racines :

$m' = -\frac{4}{5}$

et $m'' = 2$. Seule la seconde racine $m'' = 2$ est a ceptable.

2.) L'équation (1) peut s'écrire :

$2y = -5x + 18$

ou : $y = \frac{-5x + 18}{2}$

Faisons $x = o$, y sera $= 9$

Faisons $y = o$, x sera $= 3,6$.

Ces coordonnées donnent deux points A et B que nous relions par une droite qui est le graphique de la variation de la fonction :

$$y = \frac{-5x + 18}{2}$$

3.) α Déterminons les coordonnées des points où la droite correspondante de la fonction $y = \frac{2x + 4}{m}$ coupe les axes ($m = +2$:)

absc : $x = o$, ordon. $y = 2$

et, absc : -2 , ordon. $y = o$

Ces coordonnées donnent les points C et D que nous relions par une droite qui est le graphique de la variation de la fonction y :

$= \frac{2 + 4}{2}$

b) Nous avons :

$y = \frac{2x+4}{m}$

A chaque valeur de m, correspond une droite représentative de y'.

Quand nous faison $x = o$, $y = \frac{4}{m}$ (variable)

Donc : à chaque valeur donnée à m, correspond une valeur de l'ordonnée y, c'est-à-dire une position du point C sur l'axe y' y.

Quand nous faisons $y = o$, x prendra toujours la valeur —2, pour n'importe quelle valeur donnée à m, (car le produit y x m = oxm = o, quelle que soit la valeur de m ; par suite x est toujours égal à — 2).

En résumé : pour des valeurs quelconques données à m, l'ordonnée y varie, c'est-à-dire le point C prendra diverses positions C' C'' C'''... sur l'axe y'y, tandis que *l'abscisse x reste toujours constante* et égale à — 2, et le point D est fixe.

Donc : aux diverses valeurs données à m, correspondent un certain nombre de droites passant par les points C, C', C'', C''' etc ... sur l'axe y'y, et passant toutes par le point fixe D d'abscise $x = -2$.

TRí-ĐỨC *Professeur*

Problème de Chimie au B.E.

Pour doser l'acide acétique d'un vinaigre, on prend 10^{cm3} de ce vinaigre que l'on neutralise avec de la soude, on obtient un sol qui, séché, pese o, 67 gramme.

1°) Trouver le poids d'acide acétique par litre de vinaigre.

2°) Trouver le poids d'alcool éthylique qui, par oxydation, aurait donné cet acide.

(on donne : Na = 23 ; C = 12 ; O = 16 ; H = 1).

SOLUTION.

1°) La réaction de neutralisation d'un vinaigre par la soude s'écrit :

$$\underbrace{CH^3-Co^2H}_{60g} + NaOH = \underbrace{CH^3-Co^2Na}_{83g} + H^2o.$$

Pour obtenir 83g. d'acétate de sodium, il faut 60g. d'acide acétique par .

Pour obtenir 0g67 de CH^3-Co^2Na, il faudrait :

$\frac{60 \times 0,67}{83} = 4g,84$ d'acide acétique pur.

10^{cm3} de vinaigre donné contiennent 4g84 d'acide acétique pur.

Donc, 1 litre de ce vinaigre (ou 1000^{cm3}) contient :

$\frac{4,84 \times 1000}{10} = \boxed{484g}$ d'acide acétique pur.

2.) La réaction d'oxydation de l'acool s'écrit :

$$\underbrace{CH^3-CH^2OH}_{46g} + 2O = \underbrace{CH^3-CO^2H}_{60g} + H^2O.$$

Pour obtenir 60g d'acide acétique pur, il faut emplover 46g d'alcool.

Pour obtenir 484g d'acide acétique pur, il faudait employer :

$\frac{46 \times 484}{60} = \boxed{371g}$ d'alcool éthylique.

TRÍ-ĐỨC *Professeur*

Pensée

La vie est trop courte pour hésiter, sitôt que j'ai pensé une chose j'exécute.

Napoléon Ier

Tư-tưởng

Đời quá ngắn ngủi để cho ta do dự cho nên vừa nghĩ được một việc gì, tôi đã thi hành ngay.

EPREUVE DU D. E. P. S. I.

(Session 3 Juillet 1950 Saigon)

DICTÉE FRANÇAISE

Une chasse à l'éléphant,

L'air est lumineux et doux, la forêt claire et d'aspect tranquille. Plusieurs fois, nous avons tendu l'oreille, croyant entendre ... Non, rien ... Deux singes passent, en se donnant la main. Un gros perroquet prend son vol, en nous criant des choses. Puis, brusquement, nous sursautons. Cette fois, c'est bien eux.

Un bruit vient de naître au loin. Cela se rapproche. Pas une voix, pas un cri, mais une course pesante qui ébranle le sol, un trot sourd, et bientôt, un craqement de branches broyées ... Pourvu qu'ils ne nous éventent pas, malgré le quartier de charogne qu'un rabatteur a jeté tout près.

Non, le bruit vient droit sur nous. Un barrissement retentit, pas bien loin .. Où les fourrés vont-ils s'ouvrir ?

Toutes ces réflexions sont encore mêlées les unes aux autres que les branches s'agitent à deux cents mètres, et que l'éléphant poursuivi parait. Il fille, trompe levée ... Il va couper la clairière en diagonale, et, une fois encore, il pousse son cri d'alarme. Tout de suite un autre sort du bois. Bien plus grand, celui-ci, avec une seule défense. Les deux bêtes se suivent, la course lourde. Les arbustes et les bambous plient et s'écartent comme de l'herbe. On devine que le plus fort, un mâle, couvre la fuite du petit. Celui-ci barrit encore ... Deux blocs gris qui foncent dans tes taillis ... C'est fini, ils sont passés.

Mais les chauseurs sont sur leur piste. L trot des deux fuyards est à peine assourdi que le même bruit renait, et, juste au même en-

droit, par la trouée aux feuilles encore tremblantes, l'éléphant de cou se surgit. Vision rapide, le temps d'une haleine.

Roland Dorgelès

QUESTONS

1.— Par quels moyens Roland Dorgelès traduit il la rapidité des faits et la violence des impressions qu'il reçoit ? (5 points)

2.— Expliquer « éventent, charogne, rabatteur, barrissement, fourrés » (10 points)

3.— Analyse logique des deux phrases « Pas une voix ... broyées. Pourvu ... tout près ». (5 points)

RÉPONSES.

1. Roland Dorgelès traduit la rapidité des faits et la violence des impressions qu'il reçoit par des phrases très courtes, des propositions indépendantes très concises, par le choix des mots qui établissent la progression des faits et des impressions, par la succession des noms et aussi par la suppression des verbe inutiles.

2. Explications

Eventent : Découvrent notre présence en sentant l'odeur de nos personnes qui leur parvient avec le vent.

Charogne : Du latin caro : chair, cadavre d'un animal en décomposition,

Rabatteur : celui qui à la chasse, rabat, rassemble le gibier pour les chasseurs.

Barrissement : dit aussi *barrit* : cri de l'éléphant.

Fourrés : endroits très épaix, très touffus du bois.

3. ANALYSE LOGIQUE.

Nº	PROPOSITIONS	NATURE	FONCTION
1	(Il n'y a pas) pas une voix, pas un cri mais une course pesante, un trot sourd et, bientôt, un craquement de branches broyées.	Principale dont le sujet et le verbes sont sous entendus (il n'y a pas)	
2	qui ébranle le sol	Subordonnée relative par qui	complément de course
1	Ils vont paraitre ...	Principale sous entendue.	complément circontanciel
2	Pouvu qu'ils ne nous éventent pas malgré le quartier de charogne	Subordonnée conjonctive par pourvu que	de condition de paraître.
3	Qu'un rabatteur a jeté tout près	Subordonnée relative par qu'mis pour que	complément de quartier de charogne.

Nhơn dịp nghỉ hé, các bạn học-sinh có nhiều thì giờ rảnh, nên Cần Học mở cuộc thi giải-trí về TOÁN-ĐỐ.

Quí Bạn nào giải được bài sau nầy và mau mau gởi bài đến tòa-soạn trước ngày 3-8-50 thì sẽ được tặng 10 cuốn Cần Học từ tập I đến tập X, hay là 2 tháng báo từ tập XIII đến XX :

100 bó Cỏ
100 con Trâu

Trâu đứng ăn 5
Trâu nằm ăn 3
Trâu già 3 con 1 bó

} Hỏi mỗi hạng Trâu có mấy con ?

Xin chú ý : *Lời giải theo toán số học (arithmétique) và bằng Việt-Ngữ.*

COMPOSITION FRANÇAISE

Essayez de montrer pourquoi Henriette des FEMMES SAVANTES est sympathique.

DEVOIR

A. Introduction.

Dans une de ses meilleures comédies, Molière se moque des « Femmes savantes » ridicules avec leurs goûts et leurs ambitions de pédantisme.

Mais il est consolant d'y trouver une Henriette, jeune fille d'esprit clair et d'âme loyale résister victorieusement à cette coalition des sottises.

Elle actire notre sympathie tant par les qualités de son esprit et de son cœur que par la fermeté de son caractère,

Ière partie. L'Intelligence d'Henriette.

1.— **Ses qualités naturelles** a). *Le bon sens*

A la différence de sa sœur Armande, sotte et prétentieuse, Henriette juge tout avec un bon sens, peu poétique, il est vrai, mais solide. « Mon esprit, dit-elle, est fait pour aller terre à terre » Elle ne fait pas également d'illusion sur la vie, pas même sur le mariage.

« Les suites de ce mot quand je les envisage,
Me font voir un mari, des enfants, un ménage ». Comme Armande l'exhorte à l'étude des sciences :

« Mariez-vous, ma sœur, à la philosophie ». Henriette réplique par ces mots pleins de sens.

« Et qu'est ce qu'à mon âge on a de mieux à faire
Que d'attacher à soi par le titre d'époux
Un homme qui vous aime et soit aimé de vous »

b). *La finesse.* De plus, elle possède à un haut degré, une finesse qui voit clair dans le jeu des pédantes : leur projet de son mariage

avec Trissotin. Elle-même se reconnaît lucide sans se vanter cependant

« C'est avoir de bons yeux que de voir tout cela »

La faiblesse de Chrysale, son père et le pouvoir absolu de sa mère Philaminte, n'échappent pas à son sens d'observation. A Clitandre qui ignore sa famille, elle conseille :

« Le plus sûr est de gagner sa mère,
Mon père est d'honneur à consentir à tout »

Henriette devine aussi en Trissotin un imbécile cupide et ne craint pas de lui dire :

« Je sais qu'avec mes vœux, vous me jugez capable
De vous porter, en dot, un bien considérable »

2.— Sa culture acquise :

Ce bons sens peu poétique vient du fait qu'Henriette n'a pas de connaissances très étendues. Elle n'a fait que des études assez courtes, soit dans sa famille, soit plus probablement au couvent comme toutes les jeunes filles riches du XVIIè siècle. Chez elle, Philaminte, sa mère, étudie la philosophie et sœur Armande s'occupe de littérature tandis que Bélise, sa tante, se passionne pour l'astronomie Franche, Henriette ne cache pas sa science sommaire.

« Je sais peu les beautés de tout ce qu'on écrit
Et ce n'est pas mon fait que les choses d'esprit »

A Vadius qui parle d'*ithos* et de *pathos* et qui veut l'embrasser « pour l'amour du grec » la douce Henriette s'esquive :

Sửa chữ sái

Trang 14. Hàng 1 ! connus, xin sửa : **connu**.
— 2 ! et en fonction, bỏ ! **et**
— 18 ! 20 (1'), xin sửa 20 (2')
Trang 15 Hàng 7 ! a ceptable, xin sửa : **acceptable**
— 22 ! $\frac{2+4}{2}$, xin sửa : $\frac{2x+4}{2}$
Trang 26. Hàng 20 ! un sol, xin sửa : **un sel**
Trang 27. Hàng 7 ! préférer, xin sửa : **préparer**

« Excusez-moi Monsieur, je n'entends pas le grec

Clitandre, cependant, trouve en elle, la femme idéale qui a « des clartés en tout » et qui donne à tout la juste mesure.

2e partie.— Le Cœur d'Henriette

Sympathique par son intelligence dénuée de pédantisme, Henriette l'est plus par les qualités de son cœur.

1.) Elle est une amante paisible.— Comme Elise et Mariane de l'Avare, elle est une amante paisible mais sincère. Parfois son cœur s'épanche, passionné mais avec la réserve due à son éducation au couvent « Pour mon cœur, dit-elle à Clitandre, vous pouvez vous assurer de lui ». Elle sait que l'aimé est pauvre mais s'attache à lui, généreuse et désintéressée.

« Je sais le peu de bien que vous avez, Clitandre
Et vous ai toujours souhaité pour époux »

« Aimer, dont-on, c'est souffrir » Henriette aime et souffre de l'opposition de sa mère qui la veut marier avec Trissotin. Frémissante à la pensée de la lutte, elle fait connaître à l'élu sa résolution ultime.

« Je vais tout essayer pour nos vœux les plus doux,
Et si tous nos efforts ne me donnent à vous.
Il est une retraite où notre âme se donne
Qui m'empêchera d'être à toute autre personne ».

Pensée

Perdre la liberté est le plus grand malheur. Après elle, que reste-t-il à perdre. La liberté, c'est la vie, la servitude, c'est la mort.

Michel de l'Hôpital

Tư-tưởng

Không có tai nạn nào lớn lao hơn là mất sự tự-do. Tự-do mà mất, thì còn gì mà không mất. Tự-do là sống, nô-lệ là chết.

2.) *Elle a des élans charmants.*— Amante paisible mais passionnée, Henriette a parfois des élans charmants et vifs de sensibilité Ces élans mettent son âme à nu et nous la découvrent avec toutes ses beautés. En quelles circonstances les manifeste-elle ? En maintes occasions dont voici une des plus touchantes. Lorsque Ariste annonce à la famille la faillite et la misère. Henriette, de son propre mouvement, renonce à l'aimé conquis après de si longs efforts. Elle fait le sacrifice de son bonheur pour ne pas entraîner Clitandre dans sa géne :

« Je vous chéris assez dans cette extrémité
Pour ne vous charger point de notre adversité. . . .

« Sans cela vous verriez tout mon cœur y courir
Et je ne fuis sa main que pour le trop chérir

Quelle délicatesse et quelle générosité !

Comme Clitandre est heureux d'être aimé d'une si aimable personne !

3e partie.— Le Caractère d'Henriette.

Henriette s'est montrée de plus d'une fermeté robuste tant pour ne pas contracter le mal contagieux du pédantisme que pour défendre son cœur.

1.) *Fermeté contre le pédantisme.* A part, Martine. la servante au langage crû mais pittoresque, Henriette est la seule femme non précieuse de la famille de Chrysale. Sa mère, sa sœur, sa tante se passionnent d'une façon ridicule pour la littérature et la grammaire, la philosophie et la morale, les sciences physiques et chimiques tandis qu'Henriette a

« du savoir sans vouloir qu'on le sache.
Sans citer les auteurs, sans dire de grands mots. »

De plus, elle affecte de tenir son esprit « dans les petits soins » du ménage laissant aux pédantes les « hautes régions ».

« Nous saurons toutes deux imiter notre mère
Vous, aux productions d'esprit et de lumière
Moi, dans celles, ma sœur, qui sont de la matière.

Un jour, le salon de Philaminte se réunit pour admirer le fameux sonnet de Trissotin sur la fièvre qui tient la princesse Uranie.

Les savantes se pâment, se meurent de plaisir pour le « quoi qu'on die » et s'enthousiasment d'une manière ridicule pour ce Vadins « pour l'amour du grec » Henriette cependant reste « sans émotion » et pour marquer son dégoût de la préciosité, elle explique son attitude :

« Je n'écoute pas . . .
Chacun fait ici-bas la figure qu'il peut
Ma tante ; et bel esprit, il ne l'est pas qui veut »

2. *Fermeté pour défendre son amour.* Ferme pour ne pas se tourmenter l'esprit « pour dire de beaux mots » et tomber dans le ridicule, Hénriette l'est encore plus pour défendre les intérêts de son cœur.

Elle aime Clitandre et veut être à lui mais sa mère prétend la marier à un imbécile cupide, sous prétexte qu'elle-même étudie la philosophie et que l'imbécile est philosophe. Comme celui-ci la presse de s'attendrir à ses feux, Henriette lui dit d'un ton décidé :

« Non ; à ses premiers vœux (Clitandre) mon âme est attachée.

LEÇON PARTICULIÈRES
ANGLAIS—FRANÇAIS — SCIENCES MATHÉMATLQUES
Classes secondaires & P S Préparation intensive aux divers examens. Méthode classique — Auditions de disques — Linguaqhone — Assimil
S'adresser : TRI-DUC
226, Lagrandière - Saigon

LEÇONS PARTICULIÈRES DE FRANÇAIS POUR TOUTES CLASSES
PAR
NGÔ-TÂN-HUỲNH
PROFESSEUR
252, Quai de Belgique — Saigon

Et ne peut de vos soins. Monsieur, être touchée.

Trissotin ne se décourage pas, car on ne peut pas se décourager pour un dot considérable, et revient à la charge vantant son bel esprit. Henriette le quitte excédée :

« Et vous jure entre nous.

Que je renonce au bien de vous voir mon époux.

Le seul appui qui puisse l'aider efficacement à gagner sa cause, est en la personne de Chrysale, son père-appui combien faible hélas! puisque sa mère lui commande en maîtresse. A certains moments, soutenu par Ariste, Chrysale veut faire acte de puissance. Henriette l'encourage de son mieux mais sans grand espoir :

« Soyez ferme à vouloir ce que vous souhaitez ! » et à son oncle: Hélas ! dans cette humeur, conservez-le toujours.

C. Conclution

Cette variété de nuances des qualités et des charmes de la nature que Molière a su mettre dans l'âme d'Henriette a fait d'elle la personnalité la plus sympathique des Femmes savantes. Le réalisme vivant de Molière se marque ici par la finesse d'une psychologie qui fait de lui un incomparable peintre d'âmes.

Trần-văn-Lâm

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIỆT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIET NAM

PHÁP-VĂN

(THEO LỐI HÀM-THỤ)

CHO HỌC-SINH VÀ CÁC BẠN MUỐN

TỰ BỔ-TÚC

do Ông NGÔ-TẤN-HUỲNH, giáo sư chỉ dẫn

252, Quai de Belgique — SAIGON

Problèmede Chimie au Diplôme

1.) On chauffe jusqu'à décomposition complète 50kg de Co^3 Ca. Calculer le poids du gaz dégagé et le volume qu'occuperait ce gaz dans les conditions normales.

2.) Le risidu solide est chauffé au four électrique avec un excès de charbon. Quel nouveau corps obtient-on et quel est son poids ?

3.) Le produit solide que l'on vient de préférer est traité par l'eau. Calculer le volume mesuré dans les conditions normales, du gaz dégagé. Quel est le poids de ce gaz ?

On supposera qu'il s'agit des produits purs et que les réactions sont totales.

(on donne : C = 12 ; Ca = 40 ; 0 = 16 ; H = 1)

(Saigon Session Juin 50)

SOLUTION

1.) D'après l'équation :

$$\underbrace{Co^3Ca}_{100g.} = \underbrace{CaO}_{56g.} + \underbrace{Co^2}_{44g.} \quad (1)$$

il se dégage :

$$\frac{44 \times 50.000}{100} = \boxed{22kg}$$ de gaz carbonique.

Volume qu'occuperait ce gaz dans les conditions normales :

$$\frac{22,4 \times 22.000}{44} = \boxed{11.200 \text{ litres}}$$ ou: $\boxed{11m^3,2}$

2.) Le résidu solide provenant de la décomposition de 50kg de Carbonate de calcium est la chaux vive qui, chauffée au four électrique avec un excès de charbon, donne du *carbure de calcium*. Calculons le poids de la chaux vive provenant de la décomposition de 50kg de Co^3 ca, d'après l'équation (1) :

$$\frac{56 \times 50.000}{100} = 28\text{kg de CaO.}$$

D'après l'équation :

$$\underbrace{CaO}_{56g} + 3C = \underbrace{C^2Ca}_{64g} + Co$$

on obtient : $\frac{64 \times 28.000}{56} = \boxed{32\text{kg}}$ de carbure de calcium.

3.) Le carbure de calcium obtenu, traité par l'eau, donne de l'acétylène d'après la réaction suivante :

$$\underbrace{C^2Ca}_{64g} + 2H^2O = \underbrace{C^2H^2}_{28\,l,4} + Ca(OH)^2 + \text{chaleur.}$$

Volume de l'acétylène dégagé :

$$\frac{22\,l,4 \times 32.000}{64} = \boxed{11.200 \text{ litres}} \text{ ou : } \boxed{11\text{m}^3,2}$$

Poids de cet acétylène :

$$\frac{26 \times 32.000}{64} = \boxed{13\text{kg}}$$

TRÍ-ĐỨC *Professeur*

Vì phạm-vi tờ báo chật hẹp, mà bài thi thì nhiều, nên số XI sẽ đăng tiếp bài thi. D. E. P. S. I. và Tú Tài Pháp Phần Nhứt.

DẠY TOÁN-PHÁP, PHÁP-VĂN VIỆT-NGỮ
Từ Đệ-Nhứt đến Đệ-Tứ niên
Mỗi tối : 7 đến 9 giờ
Tại trường HỒNG-BÀNG (av. Garros)
do các Thầy : ĐÀO-VĂN-BỘT
VŨ-HỮU-TIỀM

DIPLOME D'ETUDES PRIMAIRES SUPERIEURES INDOCHINOISES

Session du 3 Juillet 1950

Dictée Viêtnamienne et questions

THIÊN CHỨC CỦA NHÀ THI-SĨ

Sống ở trong vòng tiền bạc, trong cái đời chỉ ham danh mộ tước, trong cái đời lạnh-lẽo khô héo, tàn ác độc dữ, nếu loài người không được trời sinh ra một hạng người, đem cái tinh thần, như hoa đẹp, như lá xanh, như gió xuân, như hương ngát pha vào cái phong vị nồng nặc những hơi « đồng », lạnh lùng những sát-khí" thì đời còn ra sao nữa ? nhà bác học chế ra máy móc, phát minh và tìm tòi những lẽ bí hiểm của trời đất, nhà học giả nghiên cứu những Lý thuyết có quan hệ với sư sinh - hoạt của nhân - loại, ai cũng có công cả, còn nhà thi - sĩ thì có sinh sản được gì không ? Xin trả lời rằng có. Nhà thi - sĩ, không phát minh ra « hơi ngạt », không nghiên cứu lý thuyết « đối đích », song đã sinh sản ra sự sống, một cái sáng chế tối cao thượng mà cũng rất có nhơn đạo nữa. Nhà thi-sĩ lấy lời văn đẹp cho ta thêm sự can đảm để sống ở đời, lấy giọng êm đềm an ủi ta, nâng cao ta lên khỏi cái cuộc đời hư ảo tầm thường, lấy sợi dây văn chương buộc tâm sự ta với vạn vật, với vũ-trụ bao la, với hằng hà thế giới, với hết thảy những sự thiêng-liêng của thời gian và không gian, rồi đem ta tới một nơi bấy nay mơ tưởng.

Băng Dương.

Câu hỏi

1.— Phân tách và giải nghĩa những chữ : phong vị, sát khí,

hư ảo, thiêng liêng, lý thuyết, sáng chế. (12 điểm)

2. — Trong câu « Nhà bác học... gì không ? » có mấy mệnh-đề ? Chỉ rõ loài và công dụng của các mệnh-đề ấy (3 điểm)

3.— Loại chữ và công-dụng của những chữ sau đây :

« Tới một nơi bấy nay mơ tưởng » (4 điểm)

(Trả lời số sau)

Luận - Văn

Một nhà triết-học Pháp có nói : « Thành công không phải là điều quan-trọng, điều quan-trọng là sự cố-gắng »

Hãy giảng-nghĩa và bình-luận câu ấy.

BÀI LÀM

Một nhà triết-học Pháp có nói : « Thành-công không phải là điều quan-trọng, có nghĩa là : Đạt được kết-quả hay không, không phải là một điều hệ-trọng, một điều cần thiết, Và «... Điều quan-trọng là sự cố-gắng », nghĩa là : điều cần-thiết là sự làm việc với tất cả năng lực.

Vậy câu nầy có nghĩa : Được một kết-quả thoả. mãn, không phải là một điều đáng để ý, mà điều đáng để ý chỉ là sự làm việc chuyên-cần, kiên-nhẫn, bền chí.

Ta thử đánh một câu bỏi để bình-luận về câu ấy.

Ngoài đời, theo luật thiên-nhiên đào-thải, trí óc loài người có đi sát cánh câu nói của nhà triết - học Pháp nầy chăng ?

— Đây, phút nầy ta thử thả hồn về nơi dĩ-vảng để đánh thức các vị anh-hùng, để xem gương đấng liệt nữ anh - hùng cứu quốc ở bờ cõi Việt - Nam nầy. Trưng-nữ-Vương có biết trước chăng sự thành - công sau khi thắng trận ? Có biết trước chăng, bà sẽ là một ngôi sao sáng - lạng ở đô thành Mê - Linh, để soi rọi, để làm

gương cho các bậc anh - hùng về sau ? Hay bà chỉ biết phận liễu - bồ, sao chống nổi cuồng - phong ? Nhưng sau cùng, đạt được mục-đích có phải chăng, bà xét-đoán điều quan-trọng là sự cố-gắng ?

— Ai làm nghề canh-nông mà lại có chí lớn muốn dẹp loạn yên dân ? Trong mười năm đằng đẵng, một đấng anh-hùng tức là Lê-Lợi đã có chí lớn chỉ lấy sự cố-gắng làm điều quan-trọng, hầu lật - đổ chánh - sách hà-khắc của quân nhà Minh.

— Xưa kia, bằng cấp để chứng nhận cho ai khoa-cử đã thành danh. Hiện tại, hầu hết học-sinh học chỉ để tìm - tòi, hiểu biết cái hay trong văn-hóa của ngoai-quốc ; chứ không còn lấy bằng-cấp để áp-dụng vào những cái gì đã cũ kỷ, đã không hợp-thời nữa. Họ chỉ biết học với sự cố-gắng để tìm-tòi, khảo-cứu chứ không mong ở nơi thành-công.

Câu nầy cũng có thể thuộc về một câu luân-lý : để chỉ-trích ai thừa cơ-hội lo chạy rong, chạy lòn kiếm sự thành-công nhơ-nhuốc. Xin nhớ, họ cũng cố-gắng, đem hết sức lực để kiếm cho được cái ghế thành-công ? họ đúng trường hộp : thời lai đồ điếu thành công dị

Tóm lại và hết.-Câu nầy rất đúng từ xưa nay, cho nên việc đời, có lẻ không có việc gì là khó lắm, mà khó là ở chỗ người làm việc có sáng-suốt không, sáng suốt rồi thì có chuyên tâm không, có đeo-đuổi mãi công-việc, có cố-sức, cố nữa, cố mãi cho tới cùng chăng, có hiểu rằng :

Bất câu thành bại luận anh-hùng, có biết rằng :

« Tận nhân lực, tri thiên-mạng » và, như vậy, trong khi làm việc, gặp khó-khăn, trở-lực, nguy-hiểm, gian-lao, để tự khuyến-khích cho mình phấn khởi, ta có nên ngâm câu này để trợ lực tinh thần :

Thế thượng vô nan sự...
Giai do tâm bất kiên...

Tuyết-Hoa (nữ-sinh)

Brevet de Capacité Colonial

Epreuve de langue Vtêtnamienne (1re langue)

VERSION

KIỀU MỘNG THẤY ĐẠM-TIÊN

Kiều từ trở gót trướng hoa,
Mặt trời gác núi, chiêng đà thu không.
Cương Nga chênh chếch dòm song.
Vàng gieo ngấn nước, cây lồng bóng sân.
Hải đường lả ngọn đông-lân.
Giọt sương gieo nặng, cành xuân la-đà.
Một mình lặng ngắm bóng nga,
Rộn đường gần với nỗi xa bời-bời.
Người mà đến thế thì thôi.
Đời phồn-hoa cũng là đời bỏ đi.
Người đâu gặp gỡ làm chi ?
Trăm năm biết có duyên gì hay không ?
Ngổn-ngang trăm mối bên lòng.
Nên câu tuyệt-diệu ngụ trong tánh tình.
Chênh-chênh bóng nguyệt xế mành.
Tựa ngồi bên tiện một mình thiu-thiu.
Thoắt đâu thấy một tiểu kiều,
Có chiều phong-vận, có chiều thanh tân.
Sương in mặt, tuyết pha thân,
Sen vàng lững thững như gần như xa.
Chào mừng đón hỏi, dò la,
Đào nguyên lạc lối đâu mà đến đây ;
Thưa rằng : Thanh khí xưa nay,
Mới cùng nhau lúc ban ngày đã quên :
Hàn gia ở mái tây thiên

Dưới giòng nước chảy bên trên có cầu.

Nguyễn-Du

Câu hỏi :

1· Giải nghĩa những chữ : thu không, đông-lân, đời phồn-hoa, tiểu kiều.

2· Cho những chữ ngược nghĩa với những chữ : phồn-hoa, tuyệt diệu.

3· Tìm những chi tiết chứng minh rằng Kiều thấy Đạm-Tiên trong mộng.

(*Saigon ngày 3-7-50*)

Trả lời

1· *Thu không* — Tại kinh-đô hay tại các thành-phố ngày xưa, cứ mỗi chiều, lúc gần tối thì có lính hộ-thành đi khắp các nẻo trong vòng thành để tìm xem có quân gian-tế lẫn lộn vào hay không. Khi họ nhận thấy chẳng có gì lạ thì mới đánh trống hay chiêng ra hiệu đóng cửa thành. *Thu không*, ý nói trong thành chẳng có gì lạ. Cũng gọi là sưu không và chỉ việc đã hết ngày tối đến.

Đông-lân : Năm nhà ở gần nhau gọi là một lân. Đông-lân: xóm nhà phía đông, « mặt trời gác núi, bóng ngọn hải đường ngả về Đông

Phồn-hoa : hay *Phiền hoa. Phiền* : tạp nhạp lôi thôi, rộn rịp náo nhiệt *hoa*, ồn ào. *Phồn-hoa :* chốn náo nhiệt ồn ào, chỉ tỉnh-thanh. Đời phồn-hoa : chỉ cái đời náo nhiệt, ồn ào của một ca-kỹ (nghĩa trong bài).

Tiểu kiều : kiều chỉ người con gái dịu dàng dễ thương, người đẹp. *tiểu kiều* : người con gái đẹp còn nhỏ tuổi.

2· Những chữ ngược nghĩa với những chữ *Phồn-Hoa*, : yên tĩnh, tĩnh mịch, chốn sằn dã ; câu *tuyệt diệu* nghịch với « câu bất thông » « bất thành cú »

(1) : diễn thuật chữ lân.

3· *Từ Câu : thoát đâu thấy một tiểu kiều* đến câu chót là đoạn tả Kiều mộng thấy người con gái (tiểu kiều) Người con gái ấy « có chiều phong vận, có chiều thanh-tân », dáng dấp như ẩn, như hiện, như gần, như xa, chỉ sự gặp gỡ trong cơn mơ màng. Người con gái ấy tự giới thiệu mình : « Mới cùng nhau lúc ban ngày đã quên » ; ý nhắc việc Kiều viếng mộ mình hồi chiều, rồi nàng chỉ chỗ ở : « hàn gia ở mái tây-hiên, dưới dòng nước chảy bên trên có cầu », thì chính là chỗ :

Nao nao giòng nước uốn quanh
Nhiệp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắt ngang,
Sè sè nắm đất bên đàng...
Chính người con gái ấy là Đạm-Tiên.

KIỀU EN PROSE

Kiều, rentrée parmi ses rideaux fleuris,

Le soleil était couché derrière les montagnes et les gongs de postes de garde avaient sonné la fin du jour. La lune (le miroir de la fée de Hằng-Nga) dirigeait son regard oblique dans les fenêtres.

Semant ses paillettes d'or sur les ondes. Les arbres couvraient la cour de leurs ombres.

Un Camélia rouge laissait prendre ses branches endormies du côté Est. } (1)

Les gouttes de rosée tombaient lourdement, les branches d'arbres au printemps descendaient jusqu'au ras du sol. Seule (dans le silence solennel de la nuit,) elle contemplait la lune ; 2 : tranquillement

Elle se remémora alors les événements récents et les souvenirs lointains et se sentit profondément troublée. La créature humaine, (3) descendue jusqu'à ce point, ne saurait aller plus bas.

La vie mondaine, avec ses frivolités et ses complications, en somme, ne signifie rien.

(3) : Dampleiten

Quel est donc cet homme ? Pourquoi l'ai-je rencontré ?

Puis-je savoir seulement si un lien quelconque nous attachera, l'un à l'autre ?

Des pensées tumultueuses, innombrables assaillirent son cœur,

Et lui inspirèrent un poème sublime traduisant bien l'état de son âme. Les rayons de la lune, obliquement, traversaient les stores.

Toute seule, accoudée à sa balustrade, elle s'endormit, tout à coup lui apparut une jeune et belle personne, aux manières distinguées et aux traits d'une candeur virginale.

Figure qui reflète la pureté de la rosée ; corps d'une blancheur de neige. Les pieds menus se montraient indistincts comme s'ils étaient à la fois proches et éloignés.

Kiều alla au devant de l'apparition, l'air affable et s'informa avec curiosité :

« Vous venez sans doute de quelque source aux pêchers fleuris et pour arriver jusqu'ci, il vous a fallu vous tromper de chemin ».

L'apparition répondit « Nous sommes des âmes liées par une réciproque sympathie depuis toujours.

Nous avons été ensemble aujourd'hui et déjà vous m'avez oubliée?

Ma froide demeure se trouve-à-l'Ouest d'ici.

Dessous, il y a un cours d'eau et dessus un pont.

Sao lục trong bản dịch của : **Nguyễn-văn-Vĩnh**

Thuyền biệt bến

« TẶNG CÁC BẠN ĐI NGHỈ HÈ Ở BÃI BỂ »

« Thuyền dời nào bến có dời
Khắn khắn một lời quân tử nhứt ngôn ».

Những câu ca dao Việt-ngữ, các bạn thường nghe ở chót lưỡi đầu môi của bà ru cháu, hoặc của nhân tình nhắn gởi nhau một cách

thanh bai hay tục tằn thường không có nghĩa tuyệt đối. Các bạn ngày nay không còn ở vào thời kỳ của những tác phẩm như « Hồn bướm mơ tiên » vì phong trào tranh đấu đang bồng bột sôi nổi và hầu như chiếm cả tâm hồn các bạn. Thơ dũng, các bạn thích. Nhưng thưa các bạn không có một phút nào vì một cảm xúc quá mạnh ở lòng, buộc các bạn thốt ra một câu ca dao thuần túy Việt-Nam sao ? Đây các bạn còn trong huyết quản tâm hồn cổ truyền của đất nước. Ta không nên chối. Song ý nghĩa những ca-dao ấy sẽ an ủi các bạn thế nào ? Nó có giá trị gì ?

Mùa nghỉ hè đã đến, tác giả xin tặng các bạn một ít vần thơ mộc mạc để bạn nào được may mắn đi nghỉ nơi bờ biển bao la, thấy thuyền thấy nước thấy bến thấy bờ, và biết đâu vì một kỷ niệm chi vui vui mà các bạn ngâm câu :

« Thuyền dời nào bến có dời . , . »

Đây một bến bao lần thuyền dợm đỗ,
Ánh tà dương kíp khuất bỏ không gian,
Thủy triều lên, mặt bể tiếng sóng van,
Thuyền lắt-lẻo, nhưng hiên ngang lướt gió.

✦ ✦ ✦

Đây một bến bao lần thuyền tạm đỗ,
Dưới ánh trăng, thuyền, bến thỏa giấc mơ
Lặng lẽ .. mặc sóng rền lẫn gió thơ ..
Thuyền, bến, như say mê trong cảnh vắn.

✦ ✦ ✦

Đây một bến, một thuyền mong mãi đỗ..
Nhưng mộng tan, bến cạn, mõn đá lồi !..
. . . . . .
Thuyền có quyết không dời bến, cũng cạn
Thôi ! biệt bến kẻo thuyền phải vỡ tan.

B. Truyền

Rương vàng của con tôi

Tác giả : **ông N. Trương-vỉnh-Tống**

HƯƠNG THỨ I

ĐẠO THỜ CHA MẸ

Con người ta xuất hiện tại trên cõi trần, có hình-thể, có tâm tư, đã đứng làm một giống động-vật rất thiêng-liêng, chắc ai cũng biết suy nguyên cái thân mình bởi đâu mà nẩy ra, bởi đâu mà lớn lên, bởi đâu mà lành-mạnh, bởi đâu mà khôn-biết, lại bởi đâu mà thành lập nên người. Cái nguyên-nhơn đó đều do cha mẹ sanh ta nuôi ta, tật-bịnh thì thuốc-thang chạy-chữa cho ta ; lại lo lắng cho ta đi học mà biết được sự khéo sự khôn, lẽ hơn lẽ thiệt ; lại gầy-dựng cho ta có chồng có vợ, nên cửa nên nhà ; còn hy-vọng cho ta có sự-nghiệp, có công-danh, đối với quốc-gia xã-hội trở nên con người có giá-trị.

Tuy ở đời có người hay kẻ dở, có người nên kẻ hư, là tùy theo số-mạng và tài lực của mình, chớ tự lòng cha mẹ muốn cho con, thì không chi là chẳng dùng hết tâm lực, muốn cho con hay, con nên hết thảy.

Sự-tình ấy đối với hoàn-cảnh của kẻ làm cha mẹ, phải chi cha mẹ là nhà sang-giàu thì còn khá ; chớ nếu cha mẹ là nhà nghèo-khó, thì cái đỗi nhường cơm xẻ áo, nhịn đói chịu rách, biết bao nhiêu là mồ hôi nước mắt vì con ! Nhưng ở kẻ làm con thì đối với cha mẹ hạng nào cũng điều nên coi là một mực cân-phân, vì con nhà sang-giàu thì được cha mẹ nuôi dạy bằng một cách rộng-rãi phong lưu gấp ngàn gấp muôn con nhà nghèo-khó ; còn con nhà nghèo-khó thì đối với cái tài-liệu của cha mẹ dùng để nuôi dạy mình đó, một

đồng xu nhỏ nó lớn bằng bạc ngàn bạc muôn của cha mẹ nhà sang-giàu. Vậy con nhà sang-giàu chẳng nên nghĩ cha mẹ nuôi dạy mình một cách dễ-dàng ; con nhà nghèo-khó chẳng nên oán cha mẹ nuôi dạy mình bằng một cách chật hẹp.

Bao nhiêu đó chẳng cần ra các cái tình-trạng lặt-vặt từng chút, cũng đã đủ thấy công ơn của cha mẹ bằng trời bằng biển, kẻ làm con dầu nát thân cũng chưa đền đáp được trong muôn một phần muôn, Nhưng dầu sao thì cũng phải nghĩ lấy cách đền ơn, được phần nào thì hay phần nấy, thì câu « Vi nhơn-tử chỉ ư hiếu » đó là nơi chí thiện (1), thánh hiền đã dạy cho người ta cái đạo làm con.

Song chữ *Hiếu* đó là cái đạo đại-cang, nó bao hàm rất nhiều nghĩa lý sâu xa, dầu mực cạn hồ, giấy nặng tạ cũng chưa giải thích cho hết được. Coi như trong sách Luận - Ngữ có bao nhiêu người hỏi đạo hiếu, mà Khổng phu tử đối với mỗi người trả lời mỗi khác vì đạo *Hiếu* chẳng phải một nghĩa, mà cái phép dạy người của thánh-nhơn thì tùy tài mà dẫn-tấn lên, tùy bịnh mà sửa chữa đi, cho nên chẳng đồng nhau, thử dẫn một vài chương ra đây thì thấy ;

Đối với Mạnh-Ý-Tử hỏi đạo *Hiếu*, thì ngài đáp rằng « không trái lễ ». Ngài lại giải nghĩa rằng « Lúc sống thờ người cho phải lễ ; lúc thác chôn người cho phải lễ, tế người cho phải lễ ». Vì Ý-tử là người quyền-thần nước Lỗ, thường phụng-thờ cha mẹ bằng những lễ lăng-tiếm nhà vua, trái với lễ làm tôi, để hãm cha mẹ phạm vào tội bất trung bất nghĩa.

Đối với Mạnh-Võ-Bá hỏi đạo *Hiếu*, thì ngài đáp rằng « Cha mẹ chỉ lo về con có tật bịnh » Vì Võ-Bá, là người không giữ-gìn thân-thể, ăn ở sái cách vệ sinh, để đến đỗi thường sanh tật bịnh cho cha mẹ phải mang lòng lo. *(Còn nữa)*

---

(1) — Chữ tại chương « Chỉ ư chí thiện » trong sách Đại-Học, nghĩa là Làm con người ta đậu vào nơi Hiếu .— Chí thiện nghĩa là nơi rất phải.

HIỆU NOVA

MAY Y-PHỤC
và
CHEMISE
Sang Pháp và trong xứ rất danh tiếng khắp nơi.
Có nhiều hàng vải đẹp vừa ý quí ngài.
33, đường SABOURAIN
Gần chợ SAIGON
Giây nói : Cardi, 435

Tủ sách gia-đình

PHÁP-VĂN THỰC-HÀNH VÀ BỔ-TÚC

Leçons Pratiques de Français

Trọn bộ là 4 quyển số 1, 2, 3, và số 4. Mỗi số 7$

Là một bộ sách quí giá cho gia đình và con em.

Trọn bộ sách Khoa-Học

ÁI-TÌNH BỬU-GIÁM I
ÁI-TÌNH và SẢN-DỤC II
của Bác-sĩ Byrnes
Dịch và Bổ chính Phạm-Hoàng
Giá mỗi bộ là 27$. Giá ở Ngoài : 30$

Các sách kể trên quí bạn muốn mua, xin viết thơ và ngân-phiếu về : Phạm-văr-Sơn. Hộp thơ số 286 Saigon.

CẦN HỌC

Trân trọng cám ơn các bạn đọc đã sốt sắng ủng hộ

Song tiếc vì công cuộc tổ-chức chưa hoàn-bị nên còn nhiều sơ sót về biên-tập và ấn-loát, mong quí bạn đọc sáng suốt hiểu biết cho và lượng thứ.

Từ đây « CẦN-HỌC » sẽ cố gắng trình bày các bài vỡ theo ý quí Bạn đọc vì phạm vi tờ báo chật hẹp mà số đọc-giả yêu cầu đăng thêm bài học cho 2 lớp Ba và Nhì ban Tiểu học rất đông nên từ đây tập XI, Cần-Học sẽ thêm 4 trang nữa để làm thỏa mãn lời yêu cầu của quí Bạn đọc gần xa.

Cùng quí Bạn Đại-lý Cần-Học ở Sài gòn Chợ-lớn : từ đây anh Lê-văn-Vàng, được thay mặt Ban Giám-đốc Cần-Học trong việc gởi báo bán và thâu nhận tiền bạc

C. H.

Giá mua dài hạn

Saigon-Chợlớn L. T. TBML

3 t. : 12 số	50$	52$	65$
6 » : 25 »	100$	104$	125$
12» : 50 »	200$	208$	250$

Thơ và ngân phiếu xin đề :

Mr NGO-VAN-THANH

41 Chemin des Dames - SAIGON

Giấy phép số 189/T.X.B.
Ngày 25 tháng 5 - 1950

: : : IN TẠI NHÀ IN : : :

:: THANG-LONG ::

41 CHEMIN DES DAMES SAIGON